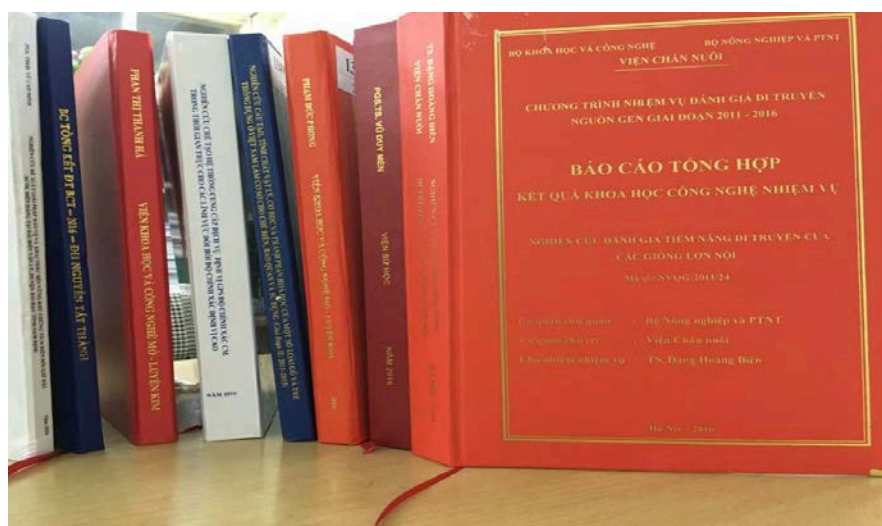


THÔNG BÁO

KẾT QUẢ THỰC HIỆN

NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ



SỐ 09
2022



THÔNG BÁO
KẾT QUẢ THỰC HIỆN
NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
(Định kỳ 1 số/tháng)

BAN BIÊN TẬP

Trưởng ban: THS. VŨ ANH TUẤN

Phó Trưởng ban: ThS. Võ Thị Thu Hà
ThS. Trần Thị Hoàng Hạnh

Ủy viên thư ký: ThS. Nguyễn Thị Thưa
CN. Nguyễn Thị Thúy Diệu
CN. Nguyễn Thu Hà

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Lời giới thiệu	2
Giải thích các yếu tố mô tả kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN đã đăng ký/giao nộp	3
Bảng tra kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN đã đăng ký/giao nộp theo lĩnh vực nghiên cứu	4
Thông tin thư mục kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN đã đăng ký/giao nộp	10
Phụ lục: Thủ tục đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN	159

LỜI GIỚI THIỆU

Triển khai thực hiện việc thông tin về kết quả thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ được quy định trong Luật Khoa học và Công nghệ; Nghị định số 11/2014/NĐ-CP ngày 18/02/2014 của Thủ tướng Chính phủ về hoạt động thông tin khoa học và công nghệ; Thông tư số 14/2014/TT-BKHHCN ngày 11/6/2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về việc thu thập, đăng ký, lưu giữ và công bố thông tin về nhiệm vụ khoa học và công nghệ, Cục Thông tin khoa học và công nghệ Quốc gia là cơ quan nhà nước có thẩm quyền về đăng ký, lưu giữ, phổ biến thông tin KQNC, biên soạn và phát hành xuất bản phẩm: ***"Thông báo kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ"***.

Xuất bản phẩm ***"Thông báo kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ"*** được xuất bản nhằm giới thiệu với bạn đọc thông tin thư mục cơ bản về kết quả thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ các cấp từ cấp quốc gia (cấp nhà nước), cấp bộ/ngành, cấp tỉnh/thành và cấp cơ sở trên cả nước, thuộc tất cả các lĩnh vực khoa học và công nghệ được đăng ký và giao nộp tại Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia. Thông tin trong xuất bản phẩm này được rút ra từ Hệ thống Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia do Cục Thông tin khoa học và công nghệ Quốc gia xây dựng và có thể tra cứu trực tuyến theo địa chỉ: <http://sti.vista.gov.vn>. Định kỳ xuất bản xuất bản phẩm là 1 số/tháng nhằm thông báo kịp thời thông tin các kết quả nghiên cứu các cấp đã đăng ký và giao nộp tại Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia.

Trân trọng giới thiệu.

Mọi thông tin phản hồi về Xuất bản phẩm, xin liên hệ theo địa chỉ:

CỤC THÔNG TIN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ QUỐC GIA

Số 24-26 Lý Thường Kiệt, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

ĐT: (024) 39349116- Fax: (024) 39349127- E-mail: quanly@vista.gov.vn

Website: <http://www.vista.gov.vn/>

**GIẢI THÍCH CÁC YẾU TỐ MÔ TẢ
KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ**

①
②
③
④

82597. 08-2022 **Giải pháp hoàn thiện việc xây dựng và vận hành cơ sở dữ liệu điện tử về quản lý Bảo hiểm xã hội trong phạm vi cả nước/** ThS. Lê Nguyên Bông, Nguyễn Hoàng Phương; Nguyễn Thị Thanh Mai; Trần Thanh Tùng; Nguyễn Thị Trà My; Dương Vương Tuấn; Đoàn Tràng Tuấn; Hà Trọng Hiếu; Nguyễn Thị Thu Hoài; Nguyễn Thị Thu Hương - Hà Nội - Trung tâm Công nghệ thông tin, 2021; 05/2020 - 06/2021. (Đề tài cấp Bộ)

⑤
⑥
⑦
⑧
⑨

Nghiên cứu bối cảnh, chiến lược chuyển đổi số, chiến lược dữ liệu quốc gia và của Bảo hiểm Xã hội Việt Nam. Đánh giá thực trạng và tình hình ứng dụng công nghệ thông tin, quản lý, vận hành các cơ sở dữ liệu điện tử của của Bảo hiểm Việt Nam. Đề xuất các giải pháp hoàn thiện việc xây dựng và vận hành cơ sở dữ liệu điện tử. ——— ⑩

Số hồ sơ lưu: 19779

①	Mã biểu ghi trong CSDL
②	Số xuất bản phẩm - Năm xuất bản
③	Tên nhiệm vụ
④	Chủ nhiệm nhiệm vụ và cán bộ tham gia nghiên cứu
⑤	Thời gian thực hiện nhiệm vụ
⑥	Cấp nhiệm vụ
⑦	Nơi viết báo cáo
⑧	Cơ quan chủ trì nhiệm vụ
⑨	Năm viết báo cáo
⑩	Tóm tắt nội dung nghiên cứu

**BẢNG TRA KẾT QUẢ THỰC HIỆN
NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ ĐÃ ĐĂNG KÝ/ GIAO NỘP
THEO LĨNH VỰC NGHIÊN CỨU**

1. Khoa học tự nhiên	10
10101. Toán học cơ bản	10
10102. Toán học ứng dụng.....	10
10199. Toán học và thống kê khác.....	11
10201. Khoa học máy tính	12
10301. Vật lý nguyên tử; vật lý phân tử và vật lý hóa học	13
10302. Vật lý các chất cô đặc.....	13
10401. Hoá hữu cơ	14
10403. Hoá lý	15
10499. Khoa học hoá học khác	16
10501. Địa chất học.....	17
10502. Khoáng vật học.....	17
10508. Trắc địa học và bản đồ học	18
10509. Các khoa học môi trường.....	21
10510. Khí tượng học và các khoa học khí quyển.....	22
10511. Khí hậu học	23
10512. Hải dương học	24
10513. Thủy văn; Tài nguyên nước	24
10607. Nấm học	27
10611. Thực vật học.....	28
10612. Động vật học	28
10613. Sinh học biển và nước ngọt.....	29
10614. Sinh thái học.....	29

10615. Đa dạng sinh học.....	30
2. Khoa học kỹ thuật và công nghệ.....	30
20101. Kỹ thuật kiến trúc.....	34
20102. Kỹ thuật xây dựng.....	34
20104. Kỹ thuật giao thông vận tải.....	36
20105. Kỹ thuật thủy lợi.....	37
20106. Kỹ thuật địa chất công trình.....	40
20201. Kỹ thuật điện và điện tử.....	40
20203. Tự động hoá (CAD/CAM, v.v..) và các hệ thống điều khiển, giám sát; công nghệ điều khiển số bằng máy tính (CNC),.....	40
20204. Các hệ thống và kỹ thuật truyền thông.....	44
20206. Phần cứng và kiến trúc máy tính.....	45
20302. Chế tạo máy nói chung.....	46
20303. Chế tạo máy công cụ.....	46
20304. Chế tạo máy động lực.....	46
20305. Kỹ thuật cơ khí và chế tạo máy nông nghiệp.....	47
20308. Kỹ thuật và công nghệ hàng không, vũ trụ.....	47
20311. Kỹ thuật cơ khí tàu thủy.....	48
20312. Kỹ thuật cơ khí và chế tạo thiết bị khai khoáng.....	48
20313. Kỹ thuật cơ khí và chế tạo thiết bị năng lượng.....	50
20314. Kỹ thuật và công nghệ liên quan đến hạt nhân.....	50
20401. Sản xuất hóa học công nghiệp nói chung (nhà máy, sản phẩm).....	52
20403. Kỹ thuật hoá dược.....	55
20405. Kỹ thuật hoá hữu cơ.....	56
20406. Kỹ thuật hoá dầu.....	56

20507. Vật liệu xây dựng	57
20511. Màng mỏng, vật liệu sơn, vật liệu phủ.....	60
20515. Vật liệu tiên tiến	60
20601. Kỹ thuật và thiết bị y học	61
20603. Kỹ thuật phân tích mẫu thuốc	62
20604. Kỹ thuật chẩn đoán bệnh.....	62
20701. Kỹ thuật môi trường và địa chất, địa kỹ thuật.....	63
20703. Kỹ thuật năng lượng và nhiên liệu không phải dầu khí	68
20704. Viễn thám	68
20705. Khai thác mỏ và xử lý khoáng chất.....	69
21001. Các vật liệu nano (sản xuất và các tính chất).....	70
21101. Kỹ thuật thực phẩm.....	71
21102. Kỹ thuật đồ uống.....	72
3. Khoa học y, dược	73
30104. Thần kinh học (bao gồm cả Tâm sinh lý học)	75
30106. Mô học.....	76
30201. Nam học	76
30204. Hệ tim mạch	77
30207. Hệ hô hấp và các bệnh liên quan.....	77
30209. Gây mê	77
30211. Ngoại khoa (Phẫu thuật).....	78
30214. Nha khoa và phẫu thuật miệng.....	78
30218. Nội tiết và chuyển hoá (bao gồm cả đái tháo đường, rối loạn hormone)...	79
30219. Tiêu hoá và gan mật học	79
30221. Ung thư học và phát sinh ung thư	79

30231. Y học dân tộc; y học cổ truyền.....	80
30301. Khoa học về chăm sóc sức khỏe và dịch vụ y tế (bao gồm cả quản trị bệnh viện, tài chính y tế,..).....	80
30304. Dinh dưỡng; Khoa học về ăn kiêng	81
30308. Bệnh truyền nhiễm	81
30309. Dịch tễ học	82
30310. Sức khỏe nghề nghiệp; tâm lý ung thư học, Hiệu quả chính sách và xã hội của nghiên cứu y sinh học	83
30402. Dược học lâm sàng và điều trị	84
30403. Dược liệu học; cây thuốc; con thuốc; thuốc Nam, thuốc dân tộc	84
30404. Hoá dược học	87
30501. Công nghệ sinh học liên quan đến y học, y tế	89
30502. Công nghệ sinh học liên quan đến thao tác với các tế bào, mô, cơ quan hay toàn bộ sinh vật (hỗ trợ sinh sản); công nghệ tế bào gốc.....	90
4. Khoa học nông nghiệp	91
40101. Nông hoá	99
40102. Thổ nhưỡng học	99
40103. Cây lương thực và cây thực phẩm.....	100
40104. Cây rau, cây hoa và cây ăn quả.....	102
40105. Cây công nghiệp và cây thuốc	104
40106. Bảo vệ thực vật.....	105
40107. Bảo quản và chế biến nông sản	106
40199. Khoa học công nghệ trồng trọt khác	107
40203. Thức ăn và dinh dưỡng cho động vật nuôi.....	109
40204. Nuôi dưỡng động vật nuôi	109
40299. Khoa học công nghệ chăn nuôi khác	110

40312. Dược học thú ý	112
40401. Lâm sinh.....	112
40405. Giống cây rừng.....	113
40406. Nông lâm kết hợp	114
40502. Di truyền học và nhân giống thuỷ sản.....	114
40503. Bệnh học thuỷ sản	115
40504. Nuôi trồng thuỷ sản.....	116
40505. Hệ sinh thái và đánh giá nguồn lợi thuỷ sản	119
40599. Khoa học công nghệ thuỷ sản khác.....	119
40601. Công nghệ gen (cây trồng và động vật nuôi); nhân dòng vật nuôi;.....	120
499. Khoa học nông nghiệp khác	121
5. Khoa học xã hội	121
50101. Tâm lý học nói chung.....	126
50201. Kinh tế học; Trắc lượng kinh tế học; Quan hệ sản xuất kinh doanh	126
50202. Kinh doanh và quản lý	130
50299. Kinh tế học và kinh doanh khác	136
50301. Khoa học giáo dục học nói chung, bao gồm cả đào tạo, sư phạm học, lý luận giáo dục,.. ..	136
50399. Các vấn đề khoa học giáo dục khác	138
50401. Xã hội học nói chung	139
50404. Dân tộc học.....	140
50405. Xã hội học chuyên đề; Khoa học về giới và phụ nữ; Các vấn đề xã hội Nghiên cứu gia đình và xã hội; Công tác xã hội.....	141
50501. Luật học.....	143
50602. Hành chính công và quản lý hành chính.....	145
50701. Khoa học môi trường - các khía cạnh xã hội	148

50702. Địa lý kinh tế và văn hoá.....	149
50703. Nghiên cứu quy hoạch, phát triển đô thị.....	152
50704. Quy hoạch giao thông và các khía cạnh xã hội của giao thông vận tải	153
6. Khoa học nhân văn.....	153
60101. Lịch sử Việt Nam	153
60202. Nghiên cứu ngôn ngữ Việt Nam	154
60204. Lý luận văn học; Nghiên cứu văn học nói chung	154
60207. Lý luận văn hoá; Nghiên cứu văn hoá nói chung	155
60208. Nghiên cứu văn hóa Việt Nam, văn hoá các dân tộc ít người Việt Nam..	155
60209. Các nghiên cứu văn hóa từng dân tộc, từng nước, khu vực khác	156
60302. Lịch sử và triết học của khoa học và công nghệ	156
60305. Nghiên cứu tôn giáo	157

THÔNG TIN THƯ MỤC KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ ĐÃ ĐĂNG KÝ/ GIAO NỘP

1. Khoa học tự nhiên

10101. Toán học cơ bản

82671.09-2022 **Một số bài toán ngược cho phương trình elliptic và parabolic/** GS. TSKH. Đinh Nho Hào, PGS. TS. Nguyễn Văn Đức; TS. Phạm Quý Mười; TS. Bùi Việt Hương; TS. Nguyễn Thị Ngọc Oanh; ThS. Lê Thị Thu Giang; ThS. Ngô Phương Thanh - Hà Nội - Viện Toán học, 2021; 08/2018 - 07/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Nghiên cứu một số bài toán ngược và bài toán đặt không chỉnh cho phương trình parabol và elliptic. Tập trung nghiên cứu các bài toán Cauchy, bài toán xác định nguồn và các hệ số của phương trình qua các quan sát trên biên, quan sát tích phân, hoặc các quan sát trên một phần của miền không gian. Nghiên cứu tính duy nhất, đưa ra các đánh giá ổn định và các phương pháp chỉnh hữu hiệu để giải số bài toán trên máy tính.

Số hồ sơ lưu: 19834

83024.09-2022 **Bất đẳng thức biến phân véc tơ và một số vấn đề liên quan/** PGS.TS. Nguyễn Năng Tâm, TS. Nguyễn Thị Thu Hương; TS. Vũ Văn Đồng; TS. Trần Văn Nghị; TS. Nguyễn Văn Tuyên; ThS. Nguyễn Năng Thiều; ThS. Vũ Trung Hiếu - Vĩnh Phúc - Trường Đại học Sư phạm Hà Nội 2, 2021; 04/2019 - 04/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Nghiên cứu cấu trúc liên thông của tập nghiệm bất đẳng thức biến phân

vectơ aphin đơn điệu, bao gồm trường hợp phản xứng và đối xứng. Nghiên cứu cấu trúc liên thông của tập nghiệm của bài toán tối ưu vectơ toàn phương lồi và bài toán tối ưu vectơ phân thức tuyến tính. Xác định sự tồn tại nghiệm, tính ổn định nghiệm và thuật giải cho bài toán bất đẳng thức biến phân vectơ.

Số hồ sơ lưu: 19937

10102. Toán học ứng dụng

82679.09-2022 **Thuật toán và thực thi trên máy tính giải một số lớp bài toán tìm đường đi ngắn nhất có ràng buộc và ứng dụng/** TS. Hoàng Nam Dũng, PGS. TS. Phan Thành An; TS. Đinh Thanh Giang; GS. TSKH. Hoàng Xuân Phú; ThS. Phong Thị Thu Huyền; ThS. Đồng Văn Việt - Hà Nội - Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, 2021; 08/2018 - 08/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Nghiên cứu, phát triển các thuật toán và lập trình kiểm nghiệm số trên máy tính giải một số lớp bài toán tìm đường đi ngắn nhất có ràng buộc. Chúng tôi quan tâm đến hai lớp lớn. Thứ nhất là bài toán tìm đường đi ngắn nhất có điều kiện ràng buộc với đường đi, cụ thể hơn là các vật cản. Thứ hai là các bài toán tìm đường đi hình học ngắn nhất trên bề mặt khối đa diện. Chúng tôi cũng quan tâm đến các tính chất hình học của nghiệm của bài toán và chỉ ra tầm quan trọng của tính lồi trong bài toán trên và trong một số lĩnh vực khác như các hàm lồi suy rộng ổn định

Số hồ sơ lưu: 19831

82819.09-2022 **Một số vấn đề định tính đối với phương trình đạo hàm riêng trong cơ học chất lỏng/** GS.TS. Cung Thế Anh, TS. Đặng Thị Phương Thanh; TS. Nguyễn Dương Toàn; TS. Vũ Mạnh Tới; TS. Đặng Thanh Sơn; TS. Lê Thị Thuý; ThS. Lê Trần Tình - Hà Nội - Trường Đại học sư phạm Hà Nội, 2021; 04/2019 - 04/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Nghiên cứu đáng điều tiệm cận của một số lớp phương trình đạo hàm riêng trong cơ học chất lỏng. Nghiên cứu bài toán điều khiển tối ưu đối với một số lớp phương trình trong cơ học chất lỏng. Nghiên cứu bài toán đồng hóa dữ liệu đối với một số lớp phương trình trong cơ học chất lỏng. Số hồ sơ lưu: 19879

83065.09-2022 **Nghiên cứu dao động tự do và ổn định tấm có vết nứt bằng phương pháp phần tử hữu hạn với lý thuyết Phase-field/** TS. Đỗ Văn Thơm, TS. Đoàn Hồng Đức; TS. Nguyễn Xuân Nguyên; ThS. Nguyễn Sơn Tùng; ThS. Phùng Văn Minh - Hà Nội - Học viện Kỹ thuật Quân sự, 2021; 12/2018 - 12/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Phát triển và kiểm nghiệm lý thuyết Phase-field trong cơ học phá hủy vào tính toán tấm, vỏ có vết nứt. Ứng dụng lý thuyết Phase-field nghiên cứu ổn định, dao động tự do của tấm làm bằng vật liệu đồng nhất, composite lớp hoặc FGM bị nứt. Nghiên cứu, tìm hiểu tài liệu các phương pháp tính toán đối với các kết cấu tấm, vỏ có vết nứt, cũng như các kết quả nghiên cứu đã đạt được

của các nhà khoa học trong nước và trên thế giới về giao động tự do và ổn định tấm, vỏ có vết nứt. Xây dựng mô hình, phương trình cơ bản và lập trình tính toán. Dựa vào phương pháp phần tử hữu hạn và lý thuyết Phase-field.

Số hồ sơ lưu: 19925

10199. Toán học và thống kê khác

83047.09-2022 **Một vài bài toán biên tự do trong Toán sinh và bài toán ngược/** PGS.TS .Võ Hoàng Hưng, TS. Vũ Đỗ Huy Cường; ThS. Trà Quốc Khanh; ThS. Trần Thị Khiếu - Hồ Chí Minh - Trường Đại học Sài Gòn, 2021; 04/2019 - 04/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Khảo sát ba loại bài toán sau: Loại thứ nhất là các bài toán biên tự do có ý nghĩa sinh học. Loại thứ hai là các lớp bài toán ngược cho phương trình khuếch tán trong miền không đồng chất và với đạo hàm cấp phân số. Loại thứ ba là các phương pháp xấp xỉ cho phương trình đạo hàm riêng dạng không địa phương. Đề tài tập trung nghiên cứu các tính chất nghiệm của các mô hình biên tự do mô tả ảnh hưởng của sự truyền tải hoặc sự cạnh tranh trong sự lan rộng của một loài sinh vật, và phương pháp chính hóa mới cho các bài toán không chỉnh trong các vật liệu không đồng chất, cũng như là các phương pháp xấp xỉ nghiệm cho các phương trình đạo hàm riêng dạng không địa phương.

Số hồ sơ lưu: 19944

82238.09-2022 **Dự báo giá khoai lang huyện Bình Tân tỉnh Vĩnh Long bằng trí tuệ nhân tạo/** ThS.

Lê Duy Đồng, ThS. Lê Duy Đồng; ThS. Nguyễn Thị Thúy Liễu; KS. Nguyễn Thanh Nghiêm; KS. Nguyễn Tuấn Huy; Lê Tuấn Kiệt - Vĩnh Long - Phân hiệu Trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh tại tỉnh Vĩnh Long, 2021; 04/2020 - 04/2021. (Đề tài cấp Cơ sở)

Tổng quan về cây khoai lang. Các công cụ dự báo kinh tế bằng trí tuệ nhân tạo. Xây dựng bộ số liệu học máy về giá khoai lang huyện Bình Tân tỉnh Vĩnh Long. Xây dựng ứng dụng trí tuệ nhân tạo dự báo giá khoai lang huyện Bình Tân tỉnh Vĩnh Long. Kết luận: Hoàn thiện ứng dụng; Viết báo cáo, kết luận, kiến nghị.

Số hồ sơ lưu: VLG.CS013.2021-0000302

10201. Khoa học máy tính

82633.09-2022 **Xây dựng mô hình dự báo lượng hàng hóa thông qua hệ thống cảng bên thủy nội địa khu vực phía Bắc/** TS. Trần Long Giang, TS. Nguyễn Thị Diễm Chi; Nguyễn Thị Hưng; Trần Thị Kim Phượng; Đỗ Xuân Toàn; Nguyễn Thị Thủy; Nguyễn Thị Nga; Phạm Đức Tấn; Nguyễn Thị Thu Hiền - Hải Phòng - Trường Đại học Hàng hải Việt Nam, 2020; 01/2020 - 12/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu tổng quan các nghiên cứu về dự báo nói chung và dự báo lượng hàng thông qua Cảng đã được thực hiện trong nước và thế giới. Nghiên cứu và lựa chọn phương pháp dự báo lượng hàng thông qua Cảng thủy nội địa khu vực Hải Phòng theo các đơn vị thời gian. Xây dựng mô hình dự báo lượng hàng

thông qua Cảng thủy nội địa khu vực Hải Phòng theo các đơn vị thời gian. Xây dựng phần mềm dự báo lượng hàng thông qua Cảng thủy nội địa khu vực Hải Phòng theo các đơn vị thời gian.

Số hồ sơ lưu: 19808

82648.09-2022 **Thuật toán và kiến trúc chống lỗi đáp ứng với điểm nhiệt độ cho mạng trên chip 3D sử dụng TSV/** TS. Đặng Nam Khánh, PGS. TS. Trần Xuân Tú; TS. Nguyễn Kiên Hùng; TS. Bùi Duy Hiếu; GS. TS. Abderazek Ben Abdallah; ThS. Đinh Văn Nam; ThS. Nguyễn Duy Anh; ThS. Mai Đức Thọ - Hà Nội - Trường Đại học Công Nghệ, Đại học Quốc Gia Hà Nội, 2021; 04/2019 - 04/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Phát triển một nền tảng 3D-NoC sử dụng TSV ở ngôn ngữ bậc cao (C/C++/SystemC) và/hoặc ngôn ngữ mô tả phần cứng (Verilog/VHDL). Tô-pô lưới 3D có thể được sử dụng, với TSV đóng vai trò là dây kết nối giữa các lớp. Các đánh giá về hiệu năng (băng thông, độ trễ), chi phí không gian thực thi, năng lượng tiêu thụ và độ tin cậy cũng phải được sử dụng. Phát triển thuật toán và kiến trúc sửa lỗi cho 3D-NoC tập trung vào lỗi tại TSV. Phương pháp được áp dụng cho sửa lỗi ngẫu nhiên là dựa trên một tập các mã sửa lỗi dựa trên kiểm tra chẵn-lẻ. Thêm vào đó, chúng tôi cũng sẽ sử dụng cả TSV dư thừa để sửa lỗi. Sau đó, kết hợp với phương pháp sửa lỗi theo cụm tại cùng với việc phát triển thuật toán đáp ứng, chúng tôi sẽ hoàn thiện phương thức sửa lỗi cho cả lỗi

ngẫu nhiên và lỗi theo cụm. Phát triển thuật toán giảm thiểu ảnh hưởng của hiện tượng điểm nhiệt độ cao cho 3D-NoC. Nhiệt độ cao được dự đoán dựa trên lưu lượng và khối lượng tính toán của nút tính toán gần kề. Sau khi đề xuất các thuật toán và kiến trúc, chúng tôi thực thi trên ngôn ngữ bậc cao, mô tả với ngôn ngữ mô tả phần cứng và tổng hợp với công nghệ CMOS 45 nm. Trong khi mô hình ngôn ngữ bậc cao có thể chỉ ra được hiệu năng, kết quả tổng hợp phần cứng chỉ ra chi tiết về chi phí không gian thực thi, công suất tiêu thụ cũng như tốc độ hoạt động.

Số hồ sơ lưu: 19822

10301. Vật lý nguyên tử; vật lý phân tử và vật lý hóa học

82815.09-2022 **Xác định độ bền cơ học của bề mặt ghép giữa hai lớp vật liệu của các cặp vật liệu áp điện/bán dẫn, kim loại/bán dẫn, kim loại/kim loại bằng mô phỏng động lực học phân tử và tính toán nguyên lý đầu ab initio/** PGS.TS. Đỗ Văn Trường, TS. Vương Văn Thanh; PGS.TS. Vũ Lê Huy; TS. Nguyễn Chí Hưng; ThS. Trần Thế Quang - Hà Nội - Trường Đại học Bách Khoa Hà Nội, 2021; 06/2017 - 12/2019. (Đề tài cấp Quốc gia)

Xây dựng các mô hình tính toán nguyên lý đầu ab initio nhằm thiết lập các hàm thế năng tương tác giữa các nguyên tử cho các cặp vật liệu. Kiểm chứng các hàm thế năng tương tác thu được từ tính toán nguyên lý đầu ab initio với các hàm thế năng tương tác xây dựng từ thực nghiệm nhằm khẳng định sự đúng đắn của phương pháp. Xây dựng các mô hình

động lực học phân tử cho các cặp vật liệu với các hướng liên kết tinh thể khác nhau trên bề mặt ghép. Tính toán độ bền bám dính của các cặp vật liệu dựa trên năng lượng của hệ nguyên tử. Xây dựng các mô hình động lực học phân tử cho các cặp vật liệu với các góc ghép đôi khác nhau và các khuyết tật trên bề mặt. Khảo sát ảnh hưởng của các yếu tố đó lên độ bền bám dính.

Số hồ sơ lưu: 19878

82922.09-2022 **Động lực học thiết bị tự di chuyển nhờ rung động/** PGS.TS. Nguyễn Văn Dự, TS. Dương Thế Hùng; PGS.TS. Vũ Ngọc Pi; PGS.TS. Nguyễn Hữu Công; ThS. La Ngọc Tuấn; ThS. Ngô Quốc Huy - Thái Nguyên - Trường Đại học Kỹ thuật Công nghiệp, 2021; 08/2018 - 08/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Phát triển hoàn thiện thiết kế, phân tích động lực học các mô hình tự di chuyển nhờ rung động. Nghiên cứu ứng xử của cơ hệ trong các điều kiện ma sát khác nhau. Tìm kiếm thêm giải pháp nâng cao hiệu quả với ứng dụng công nghiệp, nâng cao độ chính xác của chuyển động cho các ứng dụng cơ y sinh. Tìm kiếm giải pháp điều khiển cơ hệ nhằm nhận được chuyển động theo ý và xác định bộ thông số thiết kế cơ hệ hợp lý hơn nhằm đơn giản hóa, giảm khối lượng thiết bị.

Số hồ sơ lưu: 19900

10302. Vật lý các chất cô đặc

82693.09-2022 **Hiệu ứng hấp thụ quang tuyến tính và phi tuyến trong hố lượng tử với các dạng thế**

giam giữ khác nhau/ PGS. TS. Huỳnh Vĩnh Phúc, PGS. TS. Lương Văn Tùng; PGS. TS. Võ Thành Lâm; ThS. Phạm Thị Khánh Huyền; ThS. Phạm Tuấn Vinh - Đồng Tháp - Trường Đại học Đồng Tháp, 2021; 01/2018 - 12/2019. (Đề tài cấp Bộ)
 Tính toán được biểu thức giải tích của hệ số hấp thụ quang trong hồ lưỡng tử với thể giam giữ Pöschl-Teller và một số dạng thể giam giữ khác. Khảo sát được điều kiện cộng hưởng quang tuyến tính và phi tuyến trong vật liệu nghiên cứu. Nghiên cứu các hiệu ứng quang trong các bán dẫn nói chung, bán dẫn thấp chiều nói riêng đang được các nhà nghiên cứu vật liệu trong nước và thế giới quan tâm một cách đặc biệt vì khả năng ứng dụng của nó trong tương lai là hết sức to lớn. Chính vì những lý do trên mà trong những năm gần đây, quá trình hấp thụ đa photon, trong đó có quá trình hấp thụ hai photon đã được quan tâm nghiên cứu.

Số hồ sơ lưu: 19840

82711.09-2022 **Tổng hợp hệ xúc tác có kích thước nano platinum và nickel hydroxide sử dụng điện cực kim cương Pt-Ni(OH)₂/BDD nghiên cứu phản ứng oxi hóa methanol/** TS. Trần Quang Thuận, PGS. TS. Lê Trường Giang; PGS. TS. Nguyễn Quang Trung; TS. Vũ Đức Nam; ThS. Lê Văn Nhân; CN. Phạm Thị Phương Thảo - Hà Nội - Trung tâm Nghiên cứu và Chuyển giao Công nghệ, 2021; 04/2017 - 04/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)
 Nghiên cứu tổng hợp hệ xúc tác gồm Pt-Ni (OH)₂ có kích thước nano trên

điện cực cho phản ứng oxi hóa methanol. Nghiên cứu tổng hợp một số vật liệu xúc tác nano biến tính điện cực, ứng dụng làm xúc tác điện hóa, cảm biến điện hóa. Nghiên cứu một số phương pháp tổng hợp vật liệu xúc tác nano trên cơ sở các kim loại nickel (Ni), platine (Pt) bằng phương pháp phủ điện hóa trên các loại điện cực. Xúc tác tổng hợp được ứng dụng trong lĩnh vực xúc tác điện hóa, phân tích điện hóa

Số hồ sơ lưu: 19850

10401. Hoá hữu cơ

82520.09-2022 **Nghiên cứu chế tạo vật liệu composit xốp dẫn điện trên nền carbon xốp làm điện cực cho thiết bị khử mặn theo công nghệ CDI (Capacitive DeIonization)/** TS. Nguyễn Thị Thơm, TS. Phạm Thị Năm; GS. TS. Trần Đại Lâm; TS. Phạm Gia Vũ; TS. Nguyễn Thị Thu Trang; TS. Vũ Xuân Minh; ThS. Hoàng Trần Dũng; TS. Lê Việt Hải; TS. Huỳnh Lê Thanh Nguyên; PGS. TS. Nguyễn Thái Hoàng - Hà Nội - Viện kỹ thuật nhiệt đới, 2021; 06/2019 - 02/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Chế tạo và phân tích tính chất đặc trưng của vật liệu composit xốp dẫn điện từ vật liệu carbon hoạt tính có nguồn gốc từ gạo dứa; Phân tích tính chất đặc trưng của điện cực xốp dẫn điện từ vật liệu composit xốp dẫn điện từ than gạo dứa trên nền graphite. Đánh giá các tính chất điện hóa của điện cực composit xốp dẫn điện từ than gạo dứa. Chế tạo Stack MCDI; module khử mặn theo công nghệ MCDI. Lắp ráp và thử nghiệm thiết bị MCDI. Đánh giá ảnh hưởng

chất lượng nước lợ đầu vào, lựa chọn công nghệ và thiết bị tiền xử lý và phân tích chất lượng nước đầu ra. Phối hợp với doanh nghiệp sản xuất thử nghiệm thiết bị MCDI và thử nghiệm sản phẩm vào thực tế
Số hồ sơ lưu: 19737

82635.09-2022 **Tổng hợp, nghiên cứu cấu tạo và hoạt tính sinh học một số dẫn xuất dị vòng của 1,3-tropolon/** PGS. TS. Dương Nghĩa Bang, PGS. TS. Nguyễn Đăng Đức; TS. Dương Ngọc Toàn; TS. Hoàng Lâm; TS. Trương Thị Thảo; TS. Vương Trường Xuân; ThS. Tạ Hoàng Chính - Thái Nguyên - Trường Đại học Khoa học - Đại học Thái Nguyên, 2021; 05/2016 - 05/2019. (Đề tài cấp Quốc gia)

Nghiên cứu tổng hợp một số dẫn xuất quinolin và quinoxalin của 1,3-tropolon như: 5,7-đi(iso-propyl)-1,3-tropolon; 5,7-đi(tert-butyl)-1,3-tropolon; 5,6,7-triclo-1,3-tropolon; 4,5,6,7-tetraclor-1,3-tropolon. Xác định cấu trúc của chúng bằng các phương pháp phổ hiện đại như NMR, MS và có thể là X-ray. Nghiên cứu hoạt tính gây độc tế bào in vitro trên một số dòng tế bào ung thư ở người nhằm đưa ra định hướng ứng dụng sản phẩm.
Số hồ sơ lưu: 19803

10403. Hoá lý

82370.09-2022 **Nghiên cứu khả năng hoạt hóa liên kết C-H trong alkane trên các cluster của kim loại chuyển tiếp với boron và carbon bằng tính toán hóa lý thuyết./** PGS. TS. Trần Quốc Trị, TS. Trần Văn Tân; PGS. TS. Trần

Văn Mẫn; ThS. Nguyễn Minh Thảo; ThS. Nguyễn Thị Hồng Hạnh; Ngô Thị Phước An; Nguyễn Hoàng Lin - Đồng Tháp - Trường Đại học Đồng Tháp, 2021; 04/2019 - 04/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu xác định cấu trúc hình học và cấu trúc electron của các cluster của kim loại chuyển tiếp với boron và carbon có khả năng ứng dụng trong các quá trình xúc tác và tổng hợp vật liệu nano. Đồng thời nghiên cứu phản ứng và cơ chế tương tác giữa các cluster của kim loại chuyển tiếp với boron và carbon ở các trạng thái spin khác nhau với các phân tử alkane đơn giản như CH₄ và C₂H₆.

Số hồ sơ lưu: 19688

82497.09-2022 **Thủy phân tinh bột sắn và khoai lang ở nhiệt độ thấp và ở nồng độ chất khô cao: từ nghiên cứu động học và cơ chế thủy phân đến cải thiện hiệu suất thủy phân/** TS. Nguyễn Tiến Cường, PGS. TS. Vũ Thu Trang; PGS. TS. Chu Kỳ Sơn; PGS. TS. Lương Hồng Nga; ThS. Nguyễn Thị Hoài Đức; TS. Nguyễn Văn Hưng; TS. Luc Fillaudeau - Hà Nội - Viện Công nghệ Sinh học và Công nghệ Thực phẩm, 2021; 04/2017 - 04/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Phát triển hiểu biết cơ bản về tác động của ác đặc tính nguyên liệu đến hiệu suất thủy phân ở nồng độ cơ chất cao. Mô tả và định lượng đa quy mô các tác động của quá trình thủy phân ở nhiệt độ thấp đến các thông số vật lý - hóa sinh từ đó kiểm soát được quá trình theo chiều hướng mong muốn. Nghiên cứu về cơ chế

tấn công của cá enzyme amylase trên tinh bột trong điều kiện nồng độ chất khô cao và ở nhiệt độ dưới nhiệt độ hồ hóa; Đưa ra các mô hình động học và mô hình tích hợp cho các đại lượng hóa lý-hóa sinh. Giảm tác động đến môi trường khi sử dụng công nghệ bắt nguồn từ việc nâng cao hàm lượng chất và giảm tiêu thụ điện năng.

Số hồ sơ lưu: 19728

82590.09-2022 **Nghiên cứu tổng hợp hệ lai ghép liên hợp dạng Z Nb-NiMoO₄/g-C₃N₄ ứng dụng làm chất xúc tác quang cho phản ứng chuyển hóa CO₂ thành các loại nhiên liệu có giá trị trong vùng ánh sáng khả kiến/** TS. Nguyễn Minh Việt, TS. Phạm Thanh Đồng; PGS. TS. Đỗ Quang Trung; TS. Phương Thảo; TS. Hà Minh Ngọc; ThS. Hoàng Thu Trang - Hà Nội - Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, 2021; 03/2019 - 03/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Nghiên cứu, sử dụng Nb để làm tác nhân biến tính, pha tạp vào mạng lưới tinh thể NiMoO₄; là một vật liệu có năng lượng vùng cấm hẹp, để có thể gia tăng khả năng phân tách cũng như hạn chế sự tái kết hợp của các electron và lỗ trống quang sinh của vật liệu, qua đó tăng cường hoạt tính quang xúc tác của vật liệu. Sử dụng NiMoO₄ pha tạp Nb kết hợp với g-C₃N₄; là vật liệu có hoạt tính quang xúc tác, độ bền và ổn định cao, để chuyển hoá CO₂ sinh ra nhiên liệu tái tạo dưới tác dụng của ánh sáng khả kiến.

Số hồ sơ lưu: 19748

10499. Khoa học hoá học khác

83005.09-2022 **Xác định và đánh giá độc tính của các hợp chất hydrocacbon thơm (PAHs) và các hợp chất liên quan trong bụi khí (PM_{2.5} và PM₁₀) tại khu vực Hà Nội sử dụng kết hợp phương pháp phân tích hóa học và thử nghiệm sinh học /** TS. Lê Hữu Tuyền, TS. Phạm Châu Thùy; PGS. TS. Đỗ Phúc Quân; ThS. Nguyễn Thị Thúy Ngọc; TS. Phạm Thị Dâu; TS. Phạm Thị Thu Hương; PGS. TS. Trần Mạnh Trí; GS. TS. Shinsuke Tanabe; GS. TS. Shin Takahashi - Hà Nội - Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, 2021; 05/2016 - 05/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Thực hiện một nghiên cứu toàn diện về xác định độc tính và đánh giá rủi ro đối với hạt bụi có kích thước có thể xâm nhập vào phổi qua con đường hít thở (PM_{2.5} và PM₁₀) tại khu vực Hà Nội. Hiểu được mức độ tích tụ và phân bố thành phần của các hợp chất PAHs trong hạt bụi có kích thước có thể xâm nhập vào phổi qua con đường hít thở (PM_{2.5} và PM₁₀) tại Hà Nội. Hiểu về tác động của các hợp chất ô nhiễm có trong hạt bụi lên thụ thể AhR và khả năng gây ung thư tiềm tàng của chất gây ô nhiễm trong bụi đô thị. Xác định độc tính tổng số và đánh giá các chất gây ô nhiễm như các hợp chất PAHs hoặc các dẫn xuất PAH trong hạt bụi có kích thước nhỏ (PM_{2.5} và PM₁₀) có thể xâm nhập vào phổi thông qua con đường hít thở. Đánh giá nguy cơ ung thư đối với dân cư bị phơi nhiễm bởi các hợp chất PAHs có trong bụi khí với kích thước nhỏ (PM_{2.5} và PM₁₀) có thể xâm nhập

vào phổi thông qua con đường hít thở.

Số hồ sơ lưu: 19923

10501. Địa chất học

82601.09-2022 **Nghiên cứu các tiền đề và dấu hiệu tìm kiếm khoáng sản liên quan vỏ mangan và kết hạch sắt - mangan khu vực Tây Nam trung sâu Biển Đông./** PGS. TS. Nguyễn Như Trung, TS. Đỗ Huy Cường; PGS. TS. Nguyễn Trọng Tín; PGS. TS. Bùi Hồng Long; PGS. TS. Trần Thanh Hải; PGS. TS. Phạm Tích Xuân; TS. Nguyễn Tiến Hải; TS. Phan Đông Pha; TS. Dương Quốc Hưng; TS. Trịnh Hoài Thu - Hà Nội - Viện Địa chất và Địa vật lý biển, 2021; 07/2018 - 12/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Xác định những tiền đề, dấu hiệu tìm kiếm khoáng sản liên quan đến vỏ mangan và kết hạch sắt-mangan khu vực Tây Nam trung sâu Biển Đông; Xác định những tiêu chí và dấu hiệu về sự tồn tại của các khoáng sản liên quan vỏ mangan và kết hạch sắt - mangan trong khu vực nghiên cứu, định hướng công tác điều tra khoáng sản liên quan. Nghiên cứu thành lập Bản đồ địa chất Pliocen – Đệ Tứ, tỷ lệ 1/250.000 phục vụ xác định tiền đề và dấu hiệu tìm kiếm vỏ và kết hạch sắt mangan khu vực nghiên cứu.

Số hồ sơ lưu: 19754

10502. Khoáng vật học

82917.09-2022 **Nghiên cứu xác định tiền đề và dấu hiệu tìm kiếm khoáng sản rắn đáy biển sâu khu vực Tư Chính-Vũng Mây/** TS. Lê Chi Mai, TS. Lê Hoài Nga; ThS.

Trần Đức Vinh; PGS.TS. Phan Thị Thiên Hương; TS. Nguyễn Hoàng; TS. Nguyễn Đình Nguyên; PGS.TS. Nguyễn Văn Phở; CN. Nguyễn Thị Thắm; ThS. Nguyễn Trung Hiếu; ThS. Nguyễn Hoàng Sơn - Hà Nội - Viện dầu khí Việt Nam, 2021; 06/2019 - 03/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Nghiên cứu đặc điểm địa chất khu vực Tư Chính - Vũng Mây. Xác lập các tiền đề và dấu hiệu tìm kiếm khoáng sản rắn đáy biển. Đặc điểm sinh khoáng khoáng sản rắn và khoáng sản liên quan đến đáy biển khu vực nghiên cứu. Khoanh định các khu vực có triển vọng khoáng sản rắn đáy biển vùng Tư Chính-Vũng Mây. Đề xuất định hướng công tác điều tra khoáng sản rắn đáy biển kèm theo phương pháp và quy trình điều tra phù hợp. Thành lập báo cáo tổng kết kết quả khoa học công nghệ và cơ sở dữ liệu của đề tài.

Số hồ sơ lưu: 19891

82931.09-2022 **Nghiên cứu các đặc tính của khoáng vật halloysit nano dạng ống trong các thể pegmatit bị phong hóa thuộc Phức hệ Tân Phương vùng Thạch Khoán, Phú Thọ và ứng dụng chúng trong xử lý môi trường ô nhiễm/** PGS. TS. Bùi Hoàng Bắc, GS. TS. Bùi Xuân Nam; TS. Khương Thế Hùng; TS. Nguyễn Bách Thảo; PGS. TS. Ngô Xuân Thành; ThS. Đỗ Mạnh An - Hà Nội - Trường Đại học Mỏ - Địa chất, 2021; 08/2018 - 06/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Nghiên cứu đặc điểm phân bố của halloysit nano dạng ống trong các đới phong hóa của các thân pegmatit

thuộc Phức hệ Tân Phương vùng Thạch Khoán. Xác định các đặc tính lý hóa và kỹ thuật quan trọng của halosit nano dạng ống vùng Thạch Khoán. Nghiên cứu áp dụng thử nghiệm halosit nano dạng ống khu vực nghiên cứu trong xử lý nước thải chứa kim loại nặng của các mỏ đang khai thác quặng hoặc cơ sở tuyển quặng. Đồng thời, áp dụng thử nghiệm kết hợp halosit khu vực nghiên cứu với các chất thải công nghiệp tro bay để tạo ra vật liệu geopolymer có đặc tính nổi trội so với những vật liệu hiện nay.

Số hồ sơ lưu: 19904

10508. Trắc địa học và bản đồ học

82450.09-2022 **Nghiên cứu ứng dụng công nghệ viễn thám và mô hình GIS phục vụ dự báo biến động một số thành phần môi trường do ảnh hưởng của hoạt động khai thác than; thử nghiệm tại một số khu vực tỉnh Quảng Ninh/** ThS. Đỗ Thị Phương Thảo, ThS. Trần Thị Hạnh; ThS. Phạm Lan Hương; ThS. Bùi Quốc Việt; ThS. Nguyễn Đức Thu; ThS. Nguyễn Khắc Lĩnh; TS. Lê Thị Thu Hà; TS. Tống Sĩ Sơn; TS. Phạm Thị Làn; KS. Hòa Thị Lương - Hà Nội - Công ty TNHH MTV Nhà xuất bản Tài nguyên - Môi trường và Bản đồ Việt Nam, 2021; 02/2018 - 06/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu ứng dụng công nghệ viễn thám để quan trắc, xác định diễn biến một số thành phần môi trường khu vực khai thác than (lớp phủ bề mặt, nhiệt độ, độ ẩm đất, đường bờ, chất lượng nước mặt). Phân tích, đánh giá sự

biến động, ô nhiễm và suy thoái một số thành phần môi trường tại một số khu vực khai thác than tỉnh Quảng Ninh phục vụ dự báo biến động bằng mô hình GIS.

Số hồ sơ lưu: 19713

82237.09-2022 **Xây dựng bản đồ và công cụ quản lý hệ thống đê bao ngăn lũ bằng công nghệ GIS - Trường hợp nghiên cứu huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long/** ThS. Nguyễn Quốc Hậu, ThS.NCS. Nguyễn Quốc Hậu; TS. Roãn Ngọc Anh Thắng; ThS.NCS. Nguyễn Chí Nguyễn; ThS. La Thanh Toàn; ThS. Cao Thảo Quyên; ThS. Trần Nguyễn Anh Tú - Vĩnh Long - Trường Cao đẳng Vĩnh Long, 2021; 08/2019 - 03/2021. (Đề tài cấp Cơ sở)

Xây dựng bản đồ, cập nhật thông tin kỹ thuật các tuyến đê bao ngăn lũ trên địa bàn huyện Long Hồ.- Lập trình công cụ quản lý và truy vấn thông tin các tuyến đê bao bằng công nghệ GIS.Lập phương án phòng chống lũ theo các mức độ ngập khác nhau cho huyện Long Hồ tỉnh Vĩnh Long.

Số hồ sơ lưu: VLG.CS006.2021-0000313

82519.09-2022 **Quản lý và phát triển chỉ dẫn địa lý cho sản phẩm cam Cao Phong, tỉnh Hòa Bình/** TS. Trịnh Văn Tuấn, ThS. Bùi Kim Đồng; ThS. Hoàng Hữu Nội; KS. Nguyễn Thị Hiền; KS. Hoàng Thị Thu Huyền; KS. Nguyễn Thu Hương; KS. Nguyễn Linh Kiều; KS. Trần Văn Chính; CN. Nguyễn Thanh Nga; CN. Trịnh Thị Bảo Linh - Hà Nội - Trung tâm Nghiên cứu và Phát

triển Hệ thống Nông nghiệp, 2021; 01/2019 - 06/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Thiết lập và vận hành mô hình quản lý và phát triển chỉ dẫn địa lý Cao Phong dùng cho sản phẩm cam của tỉnh Hòa Bình: Tổ chức kiểm soát độc lập, Tổ chức kiểm soát nội bộ, Tự kiểm soát, Cơ chế vận hành; Xây dựng hệ thống công cụ quản lý nguồn gốc và chất lượng sản phẩm, quản lý và phát triển chỉ dẫn địa lý cam Cao Phong (Kế hoạch kiểm soát chỉ dẫn địa lý; Quy chế sử dụng chỉ dẫn địa lý; Quy trình cấp và thu hồi quyền sử dụng chỉ dẫn địa lý; Hệ thống sổ sách theo dõi và kiểm soát chỉ dẫn địa lý; Hệ thống truy xuất nguồn gốc sản phẩm, phần mềm quản lý...; Bộ công cụ quảng bá sản phẩm); Xây dựng và triển khai hệ thống thương mại hóa sản phẩm (Kế hoạch phát triển hệ thống thương mại hóa sản phẩm; Thiết lập các kênh phân phối đa dạng; Xây dựng mô hình liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị gắn với quản lý nguồn gốc và chất lượng sản phẩm); Tăng cường năng lực cho các tác nhân trong chuỗi giá trị cam Cao Phong về sở hữu trí tuệ, quản lý và khai thác chỉ dẫn địa lý, kiểm soát chỉ dẫn địa lý.

Số hồ sơ lưu: 19736

82541.09-2022 **Quản lý và phát triển chỉ dẫn địa lý cho sản phẩm chuỗi ngụy Đại Hoàng, tỉnh Hà Nam/** ThS. Vũ Hữu Cường, ThS. Vũ Văn Đoàn; KS. Phạm Ngọc Sang; KS. Dư Văn Châu; KS. Nguyễn Thị Hiền; KS. Nguyễn Thu Hương; KS. Nguyễn Linh Kiều; KS. Hoàng Thị Thu Huyền; ThS. Trần Mạnh Chiến;

CN. Vũ Thanh Bình - Hà Nội - Trung tâm Nghiên cứu và Phát triển Hệ thống Nông nghiệp, 2021; 01/2019 - 06/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Xem xét, xác nhận đủ điều kiện và yêu cầu cơ quan quản lý chỉ dẫn địa lý trao quyền sử dụng chỉ dẫn địa lý cho các thành viên; Quản lý, theo dõi tình hình hoạt động sản xuất, kinh doanh của các thành viên tổ chức (địa điểm, diện tích, sản lượng, quy mô, năng lực sản xuất.); Nghiên cứu xây dựng, trình phê duyệt, tổ chức áp dụng và kiểm soát việc áp dụng các quy định về kỹ thuật canh tác, thu hoạch, chế biến, bảo quản, sản phẩm mang chỉ dẫn địa lý nhằm đảm bảo chất lượng sản phẩm; Xây dựng và quản lý việc sử dụng hệ thống tem, nhãn, bao bì sản phẩm, hệ thống quây, kệ trưng bày sản phẩm (tổ chức cấp tem nhãn, bao bì sản phẩm cho các tổ chức cá nhân có nhu cầu; theo dõi, quản lý việc sử dụng tem, nhãn, bao bì...); Nghiên cứu và tổ chức áp dụng các thành tựu khoa học - kỹ thuật nhằm đảm bảo duy trì và nâng cao chất lượng nông sản mang chỉ dẫn địa lý; Điều tra, nghiên cứu và tổ chức triển khai các kênh thương mại cho sản phẩm nhằm quảng bá rộng rãi và nâng cao giá trị kinh tế cho nông sản mang chỉ dẫn địa lý.

Số hồ sơ lưu: 19746

82544.09-2022 **Nghiên cứu xây dựng bản đồ phân vùng và cảnh báo lũ quét độ phân giải cao cho một số tỉnh vùng Tây Bắc nhằm tăng cường khả năng ứng phó với thiên tai của cộng đồng phục vụ**

xây dựng nông thôn mới/ TS. Nguyễn Viết Nghĩa, PGS. TS. Bùi Tiến Diệu; TS. Đoàn Thị Tuyết Nga; TS. Lương Hữu Dũng; TS. Nguyễn Quang Khánh; TS. Trần Hồng Hạnh; TS. Phạm Thị Làn; TS. Nguyễn Quốc Long; KS. Đào Văn Phương; ThS. Ngô Thị Phương Thảo - Hà Nội - Trường Đại học Mỏ - Địa chất, 2021; 04/2018 - 11/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Nghiên cứu phát triển các thuật toán và mô hình trí thông minh nhân tạo mới, độ chính xác cao, để xây dựng bản đồ phân vùng và cảnh báo nguy cơ lũ quét độ phân giải cao. Phát triển một ứng dụng phần mềm bản đồ phân vùng và cảnh báo lũ quét (FlashFlood App) trên điện thoại thông minh nhằm cung cấp thông tin cho người dân về nguy cơ lũ quét. Xây dựng tài liệu hướng dẫn sử dụng hệ thống WebGIS và phần mềm bản đồ trên điện thoại thông minh: Bản đồ cảnh báo và phân vùng lũ quét; WebGIS bản đồ phân vùng và cảnh báo lũ quét trực tuyến; Phần mềm trên điện thoại thông minh (FlashFlood App).

Số hồ sơ lưu: 19742

82639.09-2022 **Nghiên cứu ứng dụng thiết bị trọng lực tuyệt đối trong đo vẽ thành lập bản đồ địa thường trọng lực phục vụ điều tra cơ bản về tài nguyên và môi trường/** TS. Lê Anh Dũng, TS. Nguyễn Thị Thanh Hương; ThS. Đinh Xuân Mạnh; ThS. Lê Viết Nam; ThS. Vũ Trung Thành; ThS. Nguyễn Trọng Hiếu; ThS. Nguyễn Công Sơn; ThS. Bùi Thị Lê Hoàn; ThS. Phan Doãn Thành Long; ThS.

Nguyễn Xuân Thắng - Hà Nội - Viện khoa học Đo đạc và bản đồ, 2021; 02/2018 - 08/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu giải pháp nâng cao độ chính xác của giá trị đo trọng lực chi tiết (điểm quan sát) khi sử dụng máy trọng lực tuyệt đối FG5x đo mạng lưới tựa và sử dụng máy tương đối ZLS để đo các điểm chi tiết. Nghiên cứu giải pháp nâng cao chất lượng và độ chính xác của các số hiệu chỉnh do ảnh hưởng: của địa triều, của thủy triều, của chuyển động cực trái đất, của nhiệt độ, áp suất, ảnh hưởng của nước ngầm đến giá trị đo trọng lực; hay ảnh hưởng của tọa độ, độ cao, địa hình, mật độ lớp giữa đến giá trị dị thường. Trong các số hiệu chỉnh trên, số hiệu chỉnh liên quan đến công tác trắc địa – địa hình có ảnh hưởng lớn đến chất lượng bản đồ dị thường.

Số hồ sơ lưu: 19815

82714.09-2022 **Ứng dụng công nghệ viễn thám, GIS kết hợp với dữ liệu sinh khí hậu trong nghiên cứu và quy hoạch bảo tồn đa dạng sinh học khu vực Tây Nguyên và Nam Trung Bộ/** TS. Diệp Đình Phong, ThS. Trần Hữu Đăng; TS. Hoàng Minh Đức; TS. Lê Khắc Quyết; TS. Lưu Hồng Trường; ThS. Phạm Bách Việt; TS. Trần Thái Bình; ThS. Hoàng Phi Phụng; ThS. Trần Văn Bằng - Hồ Chí Minh - Viện Sinh thái học miền Nam, 2021; 05/2018 - 04/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Sử dụng dữ liệu ảnh vệ tinh xây dựng bản đồ hiện trạng và phân tích đánh giá thay đổi phân bố không gian của thảm phủ - rừng bốn giai

đoạn: trước 1980 đến 1990, 1990 đến 2000, 2000 đến 2010 và 2010 đến nay. Xây dựng bộ dữ liệu sinh khí hậu sử dụng công nghệ GIS phân tích nội suy. Xây dựng bản đồ đa dạng sinh học ở khu vực Tây Nguyên và Nam Trung Bộ dựa trên phân tích mô phỏng phân bố loài trong mối tương quan với điều kiện sinh thái khí hậu và biến đổi thảm phủ - rừng. Quy hoạch bảo tồn các "điểm nings" ưu tiên bảo tồn đa dạng sinh học ở khu vực Tây Nguyên và Nam Trung Bộ.

Số hồ sơ lưu: 19845

83159.09-2022 **Nghiên cứu xây dựng bản đồ GIS trực tuyến phục vụ du lịch tỉnh An Giang/** TS. Đoàn Thanh Nghị, TS. Nguyễn Văn Hòa; TS. Lê Việt Phương; ThS. Lê Hoàng Anh; ThS. Huỳnh Thị Như Lam; ThS. Trương Đăng Quang; Ths. Bùi Thị Thùy Trang; ThS. Lê Minh Tuấn Lâm; ThS. Trương Minh Tuyên; CN. Nguyễn Hoàng Tùng - An Giang - Trường đại học An Giang, 2018; (Đề tài cấp Tỉnh/Thành phố)

Xây dựng thành công một hệ thống bản đồ GIS trực tuyến phục vụ du lịch tỉnh An Giang. Hệ thống này bao gồm một hệ thống thông tin du lịch An Giang và một bản đồ du lịch thông minh. Số liệu các đối tượng du lịch hiện nay đang vận hành trên hệ thống là trên 2500 đối tượng có vị trí địa lý tại địa bàn tỉnh An Giang, tương ứng với 16 lớp bản đồ trên nền Google Maps. Số lượng người dùng đã được tạo và vận hành trên hệ thống hiện nay là trên 100 người dùng. Số lượt người dùng hàng

tháng truy cập vào hệ thống bản đồ là trên 500 user.

Số hồ sơ lưu: AGG-030-2021

10509. Các khoa học môi trường

82471.09-2022 **Nghiên cứu cơ sở khoa học xác định cấp độ rủi ro thiên tai do hạn hán và xâm nhập mặn, áp dụng thử nghiệm cho khu vực Nam Bộ/** ThS. Trần Đình Trọng, ThS. Lã Thị Tuyết; TS. Mai Văn Khiêm; GS. TS. Nguyễn Trọng Hiệu; TS. Vũ Văn Thắng; ThS. Lê Duy Điệp; ThS. Hà Trường Minh; ThS. Trương Bá Kiên; ThS. Lê Thị Hiệu; CN. Đặng Văn Dũng - Hà Nội - Viện khoa học Khí tượng thủy văn và Biến đổi khí hậu, 2021; 06/2017 - 12/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Xác định được cơ sở khoa học, thực tiễn cho việc xác định cấp độ rủi ro thiên tai do hạn hán và xâm nhập mặn gây ra. Áp dụng thử nghiệm bộ tiêu chí xác định cấp độ rủi ro thiên tai do hạn hán và xâm nhập mặn cho khu vực Nam Bộ và bước đầu đề xuất quy trình. Xác định được cơ sở khoa học, phương pháp đánh giá rủi ro do hạn hán, xâm nhập mặn cho các vùng khí hậu Việt Nam. Chi tiết hóa cấp độ rủi ro hạn hán, xâm nhập mặn cho khu vực Nam Bộ. Bước đầu đề xuất được quy trình xác định cấp độ rủi ro thiên tai do hạn hán và xâm nhập mặn gây ra.

Số hồ sơ lưu: 19723

82493.09-2022 **Nghiên cứu cơ sở khoa học và xây dựng quy trình xác định cấp độ r ủi ro thiên tai do bão, áp thấp nhiệt đới và nước dâng do bão /** TS. Đỗ Đình Chiến, ThS. Nguyễn Thị Lan; ThS. Văn Sỹ

Mạnh; ThS. Nguyễn Mạnh Thắng; ThS. Phạm Thị Hiền Thương; ThS. Trần Thị Thanh Hải; ThS. Phạm Mỹ Linh; PGS. TS. Nguyễn Bá Thủy; PGS. TS. Nguyễn Đăng Quế; PGS. TS. Ngô Trọng Thuận - Hà Nội - Viện khoa học Khí tượng thủy văn và Biến đổi khí hậu, 2021; 06/2017 - 10/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Xác định được cơ sở khoa học, thực tiễn cho việc xác định cấp độ rủi ro thiên tai do bão, áp thấp nhiệt đới vị nước dâng do bão. Xây dựng được quy trình và bộ công cụ xác định cấp độ rủi ro thiên tai do bão, áp thấp nhiệt đới và nước dâng do bão và áp dụng thử nghiệm cho khu vực ven biển Quảng Ninh - Hải Phòng. Hỗ trợ đề xuất những bất cập để chỉnh sửa Quyết định 44/2014/QĐ-TTg (QĐ44) đối với cấp độ rủi ro thiên tai do bão, áp thấp nhiệt đới và nước dâng do bão. Số hồ sơ lưu: 19732

82670.09-2022 **Thiết lập mô hình đơn giản hóa để dự đoán đáp ứng tổng thể của công trình được cách chắn đáy với gôi tựa con lắc ma sát chịu kích động nền ba chiều/** PGS. TS. Đào Đình Nhân, PGS. TS. Nguyễn Văn Hiếu; TS. Nguyễn Hữu Anh Tuấn; ThS. Nguyễn Thu Thiên - Hồ Chí Minh - Trường Đại học Kiến trúc Thành phố Hồ Chí Minh, 2021; 12/2017 - 12/2019. (Đề tài cấp Quốc gia)

Xây dựng mô hình đơn giản có thể dự đoán đáp ứng tổng thể ba chiều của kết cấu cách chắn đáy sử dụng gôi con lắc ma sát khi chịu kích động nền ba chiều. Mô hình này có thể kể đến hiệu ứng tương tác đáp

ứng đứng - ngang. Đánh giá mối tương quan giữa chuyển vị đỉnh dự đoán theo mô hình tuyến tính tương đương với chuyển vị đỉnh dự đoán theo mô hình phi tuyến của hệ cách chắn con lắc ma sát. Ảnh hưởng của chuyển vị ban đầu đến đáp ứng của hệ cách chắn con lắc ma sát cũng sẽ được khảo sát.

Số hồ sơ lưu: 19835

10510. Khí tượng học và các khoa học khí quyển

83154.09-2022 **Nghiên cứu xây dựng hệ thống cảnh báo rủi ro về lũ, hạn, mặn trong sản xuất nông nghiệp tỉnh An Giang/** Ths. Bùi Chí Nam, KS. Hoàng Thị Vân Anh; ThS. Vũ Thị Hương ; TS. Phạm Thanh Long; TS. Nguyễn Văn Hồng; Ths. Phan Thị Anh Thơ; Ths. Lê Ánh Ngọc; Ths. Nguyễn Văn Tín; Ths. Trần Thành Công; KS. Phan Thùy Linh; Ths. Nguyễn Văn Trọng; Ths. Trần Quang Minh ; KS. Trương Văn Kịch - TP. Hồ Chí Minh - Phân Viện Khoa học Khí tượng thủy văn và Biến đổi khí hậu, 2018; (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố) Tổng quan về tình hình lũ lụt, hạn hán và xâm nhập mặn tại tỉnh An Giang. Thu thập số liệu, dữ liệu khí tượng thủy văn. Phân tích nguyên nhân, diễn biến thời tiết bất lợi (hạn, lũ, mặn) cho sản xuất nông nghiệp tỉnh An Giang.. Nghiên cứu dự báo thời tiết theo các thời hạn dự báo bằng mô hình động lực (Weather Regional Forecasting - WRF) . Nghiên cứu ứng dụng các chỉ số khô hạn khu vực tỉnh An Giang. Nghiên cứu tính toán thủy lực và lan truyền mặn, phân vùng

ngập lụt và xâm nhập mặn khu vực tỉnh An Giang. Đánh giá, phân tích ảnh hưởng của điều kiện thời tiết bất lợi đến sản xuất nông nghiệp tỉnh An Giang. Xây dựng phần mềm tích hợp kết quả mô hình hóa, quản lý dữ liệu, thông tin và cảnh báo sớm tình hình thời tiết bất lợi và rủi ro trong sản xuất nông nghiệp tỉnh An Giang. Xây dựng cơ chế cập nhật, duy trì và cung cấp thông tin về rủi ro nông nghiệp.

Số hồ sơ lưu: AGG-028-2021

10511. Khí hậu học

82657.09-2022 Nghiên cứu các kiểu biến đổi nhiệt dịch (biến chất trao đổi) và mối liên quan của chúng với quặng hóa khu vực Đăk Tô – Sa Thầy, tỉnh Kon Tum/ ThS. Nguyễn Thanh Hương, ThS. Nguyễn Tâm; TS. Đặng Văn Can; ThS. Nguyễn Thị Xuân; TS. Trần Ngọc Thái; TS. Nguyễn Văn Nam; TS. Nguyễn Thị Bích Thủy; ThS. Nguyễn Đức Chính; TS. Nguyễn Hoàng; ThS. Công Thị Diệp; KS. Trần Văn Trọng; ThS. Nguyễn Việt Tuấn; ThS. Nguyễn Thị Huyền; ThS. Lê Thị Thanh Hương - Hà Nội - Viện khoa học địa chất và khoáng sản, 2021; 07/2018 - 06/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Xác lập đặc điểm địa chất - cấu trúc (quy luật phân bố) các thành tạo biến chất trao đổi nhiệt dịch khu vực nghiên cứu; Xác lập các kiểu, đới biến chất trao đổi và tiến trình biến đổi nhiệt dịch - biến chất trao đổi khu vực nghiên cứu. Đề tài đã xác định được tiềm năng triển vọng quặng hóa khu vực nghiên cứu liên quan trực tiếp đến các quá trình

BCTĐND á kiềm và acid giúp các đơn vị đầu tư khai thác khoáng sản địa phương có cơ sở khoa học để xây dựng kế hoạch đầu tư, mở rộng điều tra đánh giá và khai thác khoáng sản hợp lý. Kết quả của đề tài góp phần cho công tác quản lý khoáng sản hiệu quả, tránh thất thoát tài nguyên thiên nhiên.

Số hồ sơ lưu: 19829

82994.09-2022 **Nghiên cứu giải pháp chuyển đổi sản xuất nông nghiệp thích ứng với hạn mặn vùng Tây Nam Bộ, nghiên cứu trường hợp điển hình tại tỉnh Bến Tre/ PGS. TS. Nguyễn Hồng Quân, TS. Đào Nguyên Khôi; PGS. TS. Châu Nguyễn Xuân Quang; TS. Ngô Thị Phương Lan; PGS. TS. Võ Tường Quân; TS. Ngô Thị Thu Trang; TS. Lâm Đạo Nguyên; TS. Mai Văn Khiêm; TS. Trần Văn Thịnh; TS. Phạm Thị Ánh Ngọc - Hồ Chí Minh - Trung tâm Quản lý nước và Biến đổi khí hậu, 2021; 10/2017 - 10/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)**

Phân tích, đánh giá đúng tình hình hạn mặn ở đồng bằng sông Cửu Long trong bối cảnh biến đổi khí hậu toàn cầu, cơ chế và xu thế diễn biến; Xác định được thực trạng sản xuất nông nghiệp ở đồng bằng sông Cửu Long, những khó khăn và thách thức trong hoàn cảnh mới, nguyên nhân và yêu cầu chuyển đổi phương thức sản xuất; Đề xuất được mô hình sinh kế tiên tiến phù hợp với hạn mặn ở đồng bằng sông Cửu Long với các giải pháp đảm bảo sinh kế bền vững, nhằm giảm nhẹ thiệt hại do hạn hán, thích ứng với hạn mặn trong bối

cảnh biển đổi khí hậu. Xây dựng được các mô hình sinh kế nông nghiệp bền vững, chủ động theo nguồn nước đảm bảo thích ứng với điều kiện hạn mặn gia tăng như hiện nay vừa đạt hiệu quả cao về kinh tế và môi trường cho vùng Tây Nam Bộ. Nghiên cứu khả năng nhân rộng và phát triển mô hình sản xuất thích ứng với hạn mặn trên quy mô toàn tỉnh Bến Tre

Số hồ sơ lưu: 19920

10512. Hải dương học

83021.09-2022 **Nghiên cứu cơ sở khoa học xây dựng quy định nội dung, phương pháp, quy trình, tiêu chí đánh giá mức độ tổn thương tài nguyên - môi trường biển (Áp dụng thử nghiệm cho một vùng trọng điểm)/** ThS. Nguyễn Thạch Đăng, Trịnh Thanh Trung; Bùi Thị Mai; Lê Thị Thanh; Đinh Thị Thu Hương; Nguyễn Thị Thanh Nga; Trần Đăng Quy; Trần Hà Thu; Bùi Đình Lộc; Mai Kiên Định - Hà Nội - Viện Nghiên cứu biển và hải đảo, 2021; 07/2017 - 10/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Thu thập, tổng hợp các tài liệu nghiên cứu, đánh giá tính dễ bị tổn thương tài nguyên - môi trường biển trong và ngoài nước. Xác định các nội dung nghiên cứu, phương pháp, quy trình và tiêu chí đánh giá tính dễ bị tổn thương tài nguyên - môi trường biển. Xác định các chỉ số và xây dựng thang điểm đánh giá tính dễ bị tổn thương tài nguyên - môi trường biển. Đánh giá thử nghiệm tính dễ bị tổn thương tài nguyên - môi trường biển ở vùng trọng điểm khu vực vịnh Tiên Yên và đối sánh

kết quả thử nghiệm với các nghiên cứu về tính dễ bị tổn thương tài nguyên - môi trường biển trước đây ở Việt Nam. Đánh giá mức độ ứng dụng các quy trình, chỉ tiêu/chỉ số và thang điểm so với các công trình của thế giới.

Số hồ sơ lưu: 19934

10513. Thủy văn; Tài nguyên nước

82337.09-2022 **Nghiên cứu giải pháp khai thác và sử dụng tài nguyên nước mưa của các tỉnh ven biển ĐBSCL trong điều kiện biến đổi khí hậu/** ThS. Đặng Hòa Vĩnh, TS. Trương Văn Hiếu; ThS. Dương Bá Mẫn; KS. Đặng Văn Nam; TS. Nguyễn Thị Kim Phượng; ThS. Giang Thị Phương Thảo; ThS. Nguyễn Thanh Hùng; ThS. Trần Hà Phương; TS. Trần Thái Bình; KS. Dương Thị Ngọc Tuyên; PGS.TS. Nguyễn Hồng Quân; ThS. Lê Văn Kiệt; ThS. Nguyễn Trường Thọ; ThS. Phạm Thị Bích Thục - Hồ Chí Minh - Viện Địa lý tài nguyên Thành phố Hồ Chí Minh, 2021; 10/2018 - 09/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Thu thập tổng hợp tài liệu các tỉnh ven biển Đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL). Điều tra, đánh giá thực trạng khai thác và sử dụng nước mưa tại các tỉnh ven biển ĐBSCL và khảo sát về chất lượng, số lượng nước mưa cùng các yếu tố liên quan để xây dựng bản đồ đánh giá tiềm năng khai thác nước mưa các tỉnh ven biển ĐBSCL. Tiến hành xây dựng, triển khai các mô hình thử nghiệm khai thác, sử dụng hiệu quả tài nguyên nước mưa, đồng thời xây dựng các cơ sở khoa học và thực tiễn cho vấn đề khai thác sử dụng nước

mưa các tỉnh ven biển ĐBSCL. Đề xuất giải pháp kỹ thuật, thể chế, chính sách được đúc kết từ các nội dung nghiên cứu trên. Từ đó rút ra các giải pháp hỗ trợ để nâng cao khả năng khai thác và sử dụng nước mưa vùng ven biển ĐBSCL

Số hồ sơ lưu: 19677

82381.09-2022 **Nghiên cứu diễn biến nguồn nước, chất lượng nước và đề xuất các giải pháp khai thác thích hợp nhằm nâng cao hiệu quả và hạn chế rủi ro thiên tai (hạn mặn) vùng nuôi thủy sản, trồng trọt ven biển đồng bằng sông Cửu Long/ GS. TS. Tăng Đức Thắng, PGS.TS. Nguyễn Thanh Hải; ThS. Nguyễn Văn Hoat; ThS. Phạm Văn Giáp; KS. Vũ Quang Trung; ThS. Phạm Ngọc Hải; ThS. Dương Thị Thùy Dung; TS. Nguyễn Trọng Uyên; ThS. Trần Hoài Giang; TS. Nguyễn Đình Vượng - TP. Hồ Chí Minh - Viện khoa học thủy lợi miền nam, 2021; 06/2018 - 03/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)**

Thu thập thông tin, khảo sát thực tế về nguồn nước và chất lượng nước vùng ven biển đồng bằng sông Cửu Long. Đánh giá diễn biến nguồn nước, chất lượng nước vùng mặn lợ ven biển đồng bằng sông Cửu Long, theo không gian và thời gian (theo các mùa vụ). Qua đó, đề xuất các vùng tiềm năng và vùng thích hợp cho nuôi thủy sản (tôm,...) và trồng trọt nhằm giảm thiểu rủi ro thiên tai cho vùng mặn lợ, đồng thời thiết kế mẫu cho hai tiểu vùng ngoài thực tế (cho vùng ven biển Đông và biển Tây) bao gồm hạ tầng thủy lợi, cơ

cấu nuôi trồng, mùa vụ thích hợp được địa phương chấp nhận.

Số hồ sơ lưu: 19695

82586.09-2022 **Nghiên cứu cơ sở khoa học và thực tiễn xác định các thành phần trong cân bằng nước và lượng nước có thể phân bổ cho các nhu cầu sử dụng nước trên lưu vực sông/ ThS. Tống Thanh Tùng, ThS. Bùi Quang Hương; ThS. Hoàng Văn Duy; ThS. Chu Minh Thu; ThS. Phạm Thị Thường; ThS. Đỗ Hùng Sơn; KS. Đoàn Thế Anh; ThS. Luyện Đức Thuận; ThS. Hoàng Đại Phúc; ThS. Đinh Thị Hải Yến - Hà Nội - Liên đoàn Quy hoạch và Điều tra tài nguyên nước miền Bắc, 2021; 07/2018 - 06/2021. (Đề tài cấp Bộ)**

Nghiên cứu tổng quan xác định các thành phần cân bằng nước lưu vực sông, xác lập được phương trình cân bằng nước tổng quát và chi tiết cho nước mặt và nước dưới đất trên lưu vực sông. Xác lập được cơ sở khoa học và thực tiễn xác định các thành phần cân bằng nước trên lưu vực sông; Đề xuất bộ tiêu chí phân bổ nguồn nước theo không gian và thời gian trên lưu vực sông; Thử nghiệm tính toán cân bằng nước và áp dụng bộ tiêu chí phân bổ nguồn nước trên thượng lưu sông Đáy từ đập Vân Cốc đến sau nhập lưu sông Bùi.

Số hồ sơ lưu: 19750

82780.09-2022 **Nghiên cứu cơ sở khoa học phục vụ giám sát tài nguyên nước mặt và cảnh báo hạn hán ở Đồng bằng sông Cửu Long trong điều kiện thiếu số liệu quan trắc ở lưu vực sông Mê Công**

ngoài lãnh thổ Việt Nam/ GS.TS. Nguyễn Quang Kim, TS. Nguyễn Lương Bằng; PGS.TS. Hoàng Thanh Tùng; PGS.TSKH. Nguyễn Hoàng Sơn; ThS. Nguyễn Việt Anh; TS. Trần Quốc Lập; PGS.TS. Ngô Lê An; PGS.TS. Nguyễn Thanh Tùng; TS. Võ Công Hoang; TS. Tô Quang Toàn; ThS. Kiều Tuấn Dũng; TS. Nguyễn Thị Thu Hà; TS. Nguyễn Tiên Thành; TS. Nguyễn Ngọc Thành; ThS. Nguyễn Hồ Phương Thảo; ThS. Đỗ Minh Phương - Hà Nội - Trường Đại học Thủy lợi, 2021; 06/2019 - 03/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Xây dựng quy trình công nghệ xác định đường đặc tính và dung tích của các hồ chứa quan trọng trong lưu vực sông Mê Công. Xây dựng mô hình dự báo lượng mưa tháng, mùa cho vùng Đồng bằng sông Cửu Long. Xây dựng mô hình dự báo hạn hán (sử dụng chỉ số hạn khí tượng SPI và SPEI) cho vùng Đồng bằng sông Cửu Long. Xây dựng mô hình dự báo dòng chảy hạn dài trên sông Mê Công (trạm Tân Châu và Châu Đốc của Việt Nam). Sử dụng chỉ số cấp nước mặt (SWSI) để giám sát tài nguyên nước mặt cho ĐBSCL. Xây dựng hệ thống giám sát tài nguyên nước mặt và cảnh báo hạn hán cho Đồng bằng sông Cửu Long.

Số hồ sơ lưu: 19866

82909.09-2022 Nghiên cứu biến động nguồn nước thượng lưu, điều kiện khí hậu cực đoan ở đồng bằng sông Cửu Long và đề xuất các giải pháp chuyển đổi cơ cấu sản xuất/ TS. Tô Quang Toàn, ThS. Trần Minh Tuấn; TS. Đặng Thanh

Lâm; TS. Nguyễn Trọng Uyên; PGS.TS. Nguyễn Hồng Quân; PGS.TS. Triệu Ánh Ngọc; GS.TS. Tăng Đức Thắng; ThS. Phạm Khắc Thuần; TS. Hoàng Thị Thu Huyền - Hà Nội - Viện Khoa học Thủy lợi Việt Nam, 2021; 10/2016 - 06/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Đánh giá thực trạng diễn biến nguồn nước thượng lưu đồng bằng sông Cửu Long. Đánh giá và phân tích các kịch bản phát triển, sử dụng nước thượng lưu trong điều kiện biến đổi khí hậu nhằm phục vụ đánh giá diễn biến hạn, xâm nhập mặn vùng đồng bằng sông Cửu Long. Đánh giá diễn biến nguồn nước tới đồng bằng sông Cửu Long theo không gian và thời gian do tác động của phát triển thượng lưu, có xét tới biến đổi khí hậu và nước biển dâng và mô phỏng các thay đổi diễn biến hạn, xâm nhập mặn ở đồng bằng sông Cửu Long. Nghiên cứu các giải pháp chuyển đổi sản xuất (cơ cấu mùa vụ, giống, cơ cấu ngành nghề) ở đồng bằng sông Cửu Long nhằm ứng phó với các tác động bất lợi do biến đổi khí hậu. Xây dựng các mô hình chuyển đổi sản xuất, sử dụng đất và thiết lập các ứng mô hình thực nghiệm ứng dụng cụ thể cho một số vùng điển hình.

Số hồ sơ lưu: 19888

82966.09-2022 Áp dụng sáng chế số 14431 để sản xuất vật liệu và thiết bị xử lý nước uống an toàn sinh học/ TS. Trần Thị Ngọc Dung, ThS. Trần Thị Nhàn; TS. Đặng Việt Quang; CN. Vũ Năng Nam; KS. Phùng Linh Phương; GS. TSKH. Nguyễn Đức Hùng; KS. Đỗ Lê

Thành Hưng; CN. Trần Anh Tuấn; ThS. Nguyễn Triều Dương; CN. Phạm Văn Thuận; KS. Vũ Thị Thu Thủy; KS. Nguyễn Thị Thoan; KS. Đào Thị Hằng; CN. Hoàng Tuấn Linh; ThS. Phạm Hoàng Long - Hà Nội - Viện Công nghệ môi trường, 2021; 11/2018 - 06/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Hoàn thiện quy trình và sản xuất thành công vật liệu, dụng cụ và thiết bị lọc nước uống an toàn sinh học theo quy định và tiêu chuẩn ngành. Sản xuất thành công vật liệu khử trùng nước NANOSILMIC; Dụng cụ khử trùng nước uống công suất 10 lít/ngày chi phí thấp cho dân vùng lũ (LL10); Thiết bị lọc và khử trùng nước công suất 100 lít/ngày chi phí thấp cho các hộ gia đình (GD100); Cột khử trùng nước công suất 2000 lít/ngày quy mô trường học, bệnh viện (CN2000). Đưa ra căn cứ khoa học về hiệu quả khử trùng nước theo quy định của vật liệu, dụng cụ và thiết bị chế tạo được.

Số hồ sơ lưu: 19914

83019.09-2022 Nghiên cứu định hướng giải pháp khai thác, sử dụng hợp lý và bảo vệ tài nguyên nước khoáng- nước nóng lạnh thổ Việt Nam/ TS. Hồ Minh Thọ, ThS. Nguyễn Chí Nghĩa; TS. Võ Công Nghiệp; TS. Nguyễn Thị Thanh Thủy; ThS. Nguyễn Thạc Cường; TS. Đỗ Tiến Hùng; KS. Vũ Ngọc Trân; TS. Trần Minh; ThS. Hồ Văn Thủy; ThS. Hoàng Huy Ích - Khánh Hòa - Liên đoàn Quy hoạch và Điều tra tài nguyên nước miền Trung,

2020; 11/2015 - 11/2019. (Đề tài cấp Quốc gia)

Đánh giá được hiện trạng công tác điều tra, khai thác sử dụng các nguồn nước khoáng, nước nóng trên lãnh thổ Việt Nam; Thiết lập được cơ sở khoa học và thực tiễn để định hướng giải pháp khai thác, sử dụng hợp lý và bảo vệ tài nguyên nước khoáng, nước nóng lãnh thổ Việt Nam; Xây dựng mô hình khai thác sử dụng tổng hợp nước khoáng, nước nóng (dạng pilot) tại một nguồn tự chọn.

Số hồ sơ lưu: 19931

10607. Năm học

82624.09-2022 Nghiên cứu đa dạng thành phần loài của nấm ký sinh côn trùng họ Cordycipitaceae và họ Ophiocordycipitaceae ở vườn Quốc gia Bidoup – Núi Bà tỉnh Lâm Đồng/ TS. Trương Bình Nguyên, PGS. TS. Lê Bá Dũng; TS. Phạm Nguyễn Đức Hoàng; TS. Đinh Minh Hiệp; TS. Lee Hyun-Suk; ThS. Phan Hoàng Đại; ThS. Nguyễn Hoàng Mai - Lâm Đồng - Trường Đại học Đà Lạt, 2021; 05/2016 - 05/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Đánh giá được mức độ đa dạng thành phần loài của hai họ nấm ký sinh côn trùng Cordycipitaceae và Ophiocordycipitaceae ở vườn quốc gia Bidoup - Núi Bà, tỉnh Lâm Đồng. Phân tích đặc điểm hình thái của trạng thái sinh sản vô tính của các mẫu thu được cả trên mẫu tự nhiên và mẫu nuôi cấy nhân tạo. Thu thập dữ liệu trình tự DNA đoạn ITS của nấm *Cordycipitaceae* và *Ophiocordycipitaceae* trong ngân hàng gen. Nuôi trồng thu sinh khối

hệ sợi các loài nấm thu được trong môi trường dịch thể, đánh giá sơ bộ hiệu suất nuôi cấy xác định các loài có tiềm năng ứng dụng cao.

Số hồ sơ lưu: 19804

10611. Thực vật học

82475.09-2022 **Kết hợp phương pháp hình thái và sinh học phân tử trong nghiên phân loại họ Ô rô (Acanthaceae) ở Việt Nam/** TS. Đỗ Văn Hải, ThS. Dương Thị Hoàn; TS. Nguyễn Thị Thanh Hương; PGS. TS. Trần Thế Bách; TS. Nguyễn Thế Cường; ThS. Doãn Hoàng Sơn - Hà Nội - Viện Sinh thái và Tài nguyên sinh vật, 2021; 08/2018 - 08/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Lựa chọn được hệ thống phân loại cho họ Ô rô ở Việt Nam để sắp xếp các chi và loài cho phù hợp. Đánh giá được sự đa dạng sinh học của họ Ô rô ở Việt Nam. Bổ sung dẫn liệu về sinh học phân tử và hình thái học, giá trị khoa học và sử dụng góp phần phát hiện các loài mới cho khoa học và cho Việt Nam, các loài có giá trị sử dụng quan trọng, các loài quý hiếm. Xác định được mối quan hệ gần gũi của ác taxon trong họ Ô rô Việt Nam.

Số hồ sơ lưu: 19718

10612. Động vật học

82532.09-2022 **Khám phá loài mới trong nhóm rắn và thằn lằn ở phía Nam Việt Nam dựa vào đặc điểm hình thái và trình tự DNA/** TS. Nguyễn Ngọc Sang, TS. Lê Đức Minh; ThS. Nguyễn Thành Luân; ThS. Nguyễn Đăng Hoàng Vũ - Hồ Chí Minh - Viện sinh học Nhiệt đới,

2021; 04/2019 - 04/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Khám phá và mô tả loài mới dựa vào đặc điểm hình thái và trình tự DNA. Ngoài ra, còn nhấn đến việc bổ sung hình thái, phân bố hoặc xác nhận lại vị trí phân loại các taxon còn nghi ngờ hoặc đã biết trong cùng một giống hoặc nhóm. Khảo sát thực địa, đây là nội dung rất quan trọng nhằm thu thập dữ liệu cho đề tài. Phân tích mẫu vật và chạy trình tự DNA. Mô tả loài mới; ghi nhận vùng phân bố mới, mô tả bổ sung hoặc danh sách thành phần loài.

Số hồ sơ lưu: 19741

82923.09-2022 **Nghiên cứu tính đa dạng, một số đặc điểm sinh thái và âm sinh học của các loài thú ở hệ sinh thái rừng ngập mặn của Việt Nam/** PGS.TS. Vũ Đình Thống, PGS.TS. Nguyễn Xuân Đăng; PGS.TS. Phạm Đình Sắc; TS. Nguyễn Vĩnh Thanh; TS. Phạm Văn Nhã; ThS. Phạm Đức Tiến; TS. Hoàng Trung Thành; TS. Hồ Thị Loan; ThS. Nguyễn Xuân Nghĩa; ThS. Đặng Thị Hoa - Hà Nội - Viện Sinh thái và Tài nguyên sinh vật, 2021; 12/2017 - 12/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Nghiên cứu đa dạng thành phần loài dơi, bao gồm điều tra thực địa, định loại các loài ghi nhận được căn cứ vào kết quả quan sát, chụp ảnh, phân tích đặc điểm nhận dạng của những cá thể bắt gặp hoặc những mẫu đại diện của mỗi loài. Mô tả những phát hiện hoặc ghi nhận mới cho khu hệ thú của Việt Nam, những dẫn liệu mới về vùng phân bố và tập tính của những loài bắt gặp trên thực địa. Ghi

tiếng kêu siêu âm của các loài dơi bay được trong môi trường thí nghiệm và trong môi trường sống tự nhiên của chúng. Xác định tần số tiếng kêu siêu âm của mỗi loài hoặc phân loài được ghi qua điều tra thực địa. Xác định một số đặc điểm sinh thái học bao gồm đánh giá thành phần thức ăn, nơi kiếm ăn, mẫu thức ăn trong phân của những cá thể bắt được và xác định tình trạng sinh sản của những cá thể mắc bẫy.

Số hồ sơ lưu: 19893

10613. Sinh học biển và nước ngọt

82746.09-2022 **Nghiên cứu lượng hóa sinh khối các thảm rong và cỏ vùng biển ven bờ miền Trung Việt Nam bằng dữ liệu ảnh viễn thám đa phổ/** TS. Hoàng Công Tín, TS. Phạm Đức Hùng; TS. Lương Quang Đốc; TS. Lê Văn Tuấn; TS. Đường Văn Hiếu; TS. Nguyễn Lâm Anh; TS. John Hedley - Thừa Thiên - Huế - Trường Đại học Khoa học Huế - Đại học Huế, 2021; 08/2018 - 08/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Thiết lập dữ liệu về thành phần loài và cấu trúc tổ thành/quần xã của các thảm rong và cỏ biển ở vùng biển ven bờ và hải đảo miền Trung Việt Nam. Xây dựng cơ sở dữ liệu về diện tích phân bố của các thảm rong và cỏ biển bằng nguồn dữ liệu ảnh viễn thám đa phổ. Đánh giá tiềm năng ứng dụng nguồn dữ liệu ảnh viễn thám Landsat 8 OLI và Sentinel-2 trong lượng hóa sinh khối của các thảm rong và cỏ biển. Đánh giá ảnh hưởng của một số nhân tố môi trường chính đến sự phân bố của các thảm rong và cỏ biển ở vùng ven bờ biển miền Trung Việt Nam phục

vụ quản lý phát triển bền vững. Xây dựng quy trình chuẩn nhằm đánh giá các thảm rong và cỏ biển bằng nguồn ảnh viễn thám đa phổ Landsat 8 OLI và Sentinel-2 nhằm nhân rộng cho đánh giá toàn dải ven bờ của Việt Nam.

Số hồ sơ lưu: 19860

10614. Sinh thái học

82750.09-2022 **Nghiên cứu so sánh vai trò của hệ sinh thái biển ven đảo đối với nguồn lợi cá (Nghiên cứu điểm ở khu vực đảo Phú Quý và Hòn Cau, tỉnh Bình Thuận)/** TS. Nguyễn Thành Nam, TS. Nguyễn Tài Tuệ; PGS.TS. Nguyễn Xuân Huân; TS. Nguyễn Văn Quân; TS. Nguyễn Thị Lan Anh; ThS. Nguyễn Huy Hoàng - Hà Nội - Trường Đại học Khoa học Tự nhiên - Đại học Quốc gia Hà Nội, 2021; 05/2016 - 05/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Xác định và so sánh dinh dưỡng (nguồn dinh dưỡng, bậc dinh dưỡng) giữa các nhóm cá quan trọng tại từng khu vực biển ven đảo Phú Quý và Hòn Cau. Thiết lập cấu trúc lưới thức ăn tại từng khu vực ven biển đảo Phú Quý và Hòn Cau. So sánh cấu trúc quần xã cá tại hệ sinh thái ven biển đảo Phú Quý và Hòn Cau. Đánh giá vai trò của hệ sinh thái biển ven đảo ở khu vực đảo Phú Quý và Hòn Cau đối với nguồn lợi cá. Bước đầu đánh giá những yếu tố tác động và ảnh hưởng đến hệ sinh thái ven biển đảo Phú Quý và Hòn Cau để đề xuất các giải pháp bảo vệ đa dạng sinh học biển và phát triển nguồn lợi cá.

Số hồ sơ lưu: 19856

10615. Đa dạng sinh học

82818.09-2022 **Nghiên cứu xây dựng cơ chế, mô hình hợp tác giữa phát triển du lịch và bảo tồn bền vững đa dạng sinh học tại Khu dự trữ sinh quyển Cần Giờ** / TS. Lê Bửu Thạch, TS. Diệp Đình Phong; TS. Vũ Ngọc Long; TS. Lưu Hồng Trường; ThS. Trần Văn Bằng; ThS. Trần Duy Minh; TS. Ngô Thanh Loan; ThS. Lê Thị Thu Hà; TS. Huỳnh Đức Hoàn; PGS.TS. Viên Ngọc Nam - Hồ Chí Minh - Viện Sinh thái học miền Nam, 2021; 10/2017 - 03/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Nghiên cứu cơ sở khoa học cho sự hợp tác giữa phát triển du lịch và bảo tồn đa dạng sinh học. Đánh giá hiện trạng đa dạng sinh học và giá trị của đa dạng sinh học cho phát triển du lịch. Thực trạng và xu hướng phát triển du lịch tại Khu dự trữ sinh quyển Cần Giờ. Xây dựng cơ sở dữ liệu đa dạng sinh học, kinh tế-xã hội và du lịch Khu dự trữ sinh quyển Cần Giờ. Xây dựng cơ chế hợp tác giữa phát triển du lịch và bảo tồn đa dạng sinh học, sổ tay hướng dẫn thực hiện. Thử nghiệm ba mô hình hợp tác, chia sẻ hài hòa lợi ích giữa phát triển du lịch và bảo tồn đa dạng sinh học của khu vực. Đánh giá hiệu quả vận hành các mô hình dự kiến, đúc kết các bài học kinh nghiệm để hoàn thiện các cơ chế.

Số hồ sơ lưu: 19871

83046.09-2022 **Nghiên cứu đa dạng sinh học của Sứa (Scyphozoa), Sứa lược (Ctenophora) và đánh giá vai trò của chúng ở vùng biển ven bờ Việt Nam**/ TS. Chu Văn Thuộc, TS.

Trần Mạnh Hà; TS. Phạm Thế Thư; TS. Đinh Văn Nhân; ThS. Phạm Thị Kha; ThS. Bùi Mạnh Tường; ThS. Nguyễn Thị Minh Huyền; TS. Trương Sĩ Hải Trình; ThS. Nguyễn Thị Thu; CN. Nguyễn Văn Minh; CN. Đào Hương Ly - Hải Phòng - Viện Tài nguyên và Môi trường biển, 2021; 07/2019 - 06/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Đánh giá các đặc điểm môi trường và sinh vật trong các khu vực nghiên cứu của nhiệm vụ. Nghiên cứu sự đa dạng loài của sứa dù (Scyphozoa), sứa lược (Ctenophora) ở một số vùng biển ven bờ Việt Nam theo phương pháp hình thái so sánh. Nghiên cứu sự đa dạng loài của sứa dù (Scyphozoa), sứa lược (Ctenophora) ở một số vùng biển ven bờ Việt Nam theo phương pháp sinh học phân tử. Xác định vị trí phân loại học của các loài sứa dù (Scyphozoa), sứa lược (Ctenophora) ở một số vùng biển ven bờ Việt Nam. Xác định vai trò sinh thái của sứa dù (Scyphozoa), sứa lược (Ctenophora) và đề xuất biện pháp quản lý chúng ở vùng biển ven bờ Việt Nam. Thiết lập cơ sở dữ liệu sứa biển Việt Nam với các đặc điểm hình thái, phân bố, mã vạch di truyền của Sứa nghiên cứu ở vùng biển ven bờ Việt Nam.

Số hồ sơ lưu: 19941

2. Khoa học kỹ thuật và công nghệ

77842.09-2022 **Đánh giá hiện trạng và định hướng phát triển cơ giới hóa trong nông nghiệp, từ sản xuất đến chế biến sau thu hoạch của tỉnh Vĩnh Long đến năm 2030**/ PGS.TS. Nguyễn Huy Bích, GS.TS. Huyền Hay; ThS. Nguyễn Nam

Quyền; ThS. Nguyễn Văn Lành; ThS. Phạm Duy Lam; KS. Lê Khỏe Quý; PGS.TS. Nguyễn Văn Ngãi; Nguyễn Thị Hồng Điệp; ThS. Nguyễn Văn Liêm; KS. Vũ Ngọc Tú - Vĩnh Long - trường Đại Học Nông lâm thành phố Hồ Chí Minh, 2020; 07/2018 - 06/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Được sự thống nhất chung của các Sở Ban ngành tỉnh và được sự chấp thuận của UBND tỉnh theo quyết định số 1234/QĐ-UBND ngày 19/6/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh Vĩnh Long, Khoa Cơ khí – Công nghệ, trường Đại học Nông lâm TPHCM đã được giao và tiến hành thực hiện đề tài nghiên cứu độc lập cấp tỉnh **“Đánh giá hiện trạng và định hướng phát triển cơ giới hóa trong nông nghiệp, từ sản xuất đến chế biến sau thu hoạch của tỉnh Vĩnh Long đến năm 2030”**, thực hiện từ 7/2018 đến 6/2020 với nội dung chính bao gồm điều tra khảo sát, đánh giá thực trạng, và nghiên cứu xây dựng các giải pháp thực hiện cơ giới hóa nông nghiệp (CGHNN) tỉnh Vĩnh Long đến 2030. Báo cáo này trình bày tóm tắt các kết quả nghiên cứu do nhóm thực hiện, các chi tiết về số liệu điều tra được trình bày trong các tập phụ lục kèm theo.

Số hồ sơ lưu: VLG.2020.008

78580.09-2022 Ứng dụng công nghệ thông tin thí điểm xây dựng mô hình quản lý, vận hành hệ thống tưới nước tự động trên một phần diện tích tưới của kênh NVC2 thuộc hệ thống kênh chính Nam Thạch Nham tại xã Nghĩa Lâm, huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng

Ngãi./ ThS. Bùi Đức Thái và TS. Nguyễn Quốc Hiệp, ThS. Bùi Đức Thái và TS. Nguyễn Quốc Hiệp ThS. Bùi Đức Thái; TS. Nguyễn Quốc Hiệp; KS. Lê Văn Lập; ThS. Nguyễn Anh Hùng; KS. Đặng Thanh Tuấn; ThS. Võ Đoàn; ThS. Huỳnh Quang Tào; ThS. Lê Viết Bình - Quảng Ngãi - Chi cục Thủy lợi tỉnh Quảng Ngãi, 2020; 04/2017 - 04/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Ứng dụng công nghệ thông tin thí điểm xây dựng mô hình quản lý, vận hành hệ thống tưới nước tự động trên một phần diện tích tưới của kênh NVC2 thuộc hệ thống kênh chính Nam Thạch Nham tại Đồng Sạ, xã Nghĩa Lâm, huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi nhằm góp phần hiện đại hóa hệ thống công trình thủy lợi, tăng cường năng lực quản lý, vận hành công trình thủy lợi, tăng hiệu quả sản xuất nông nghiệp, giảm thiểu tổn thất nước và khai thác có hiệu quả nguồn tài nguyên nước
Số hồ sơ lưu: QNI-009-2020

82249.09-2022 Xây dựng phần mềm phục vụ quản lý các hoạt động tại Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Lâm Đồng/ ThS. Nguyễn Thị Hải, ThS. Hồ Lê Bích Vân; ThS. Nguyễn Thị Duyên; ThS. Nguyễn Thị Phương Hoàng; CN. Nguyễn Liên Sơn; CN. Nguyễn Quang Duy; KS. Bùi Hưng - Lâm Đồng - Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Lâm Đồng, 2020; 11/2019 - 10/2020. (Đề tài cấp Cơ sở)

Việc dùng công nghệ thông tin (CNTT) đổi mới công tác quản lý

các hoạt động tại Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng trong thời gian hiện nay là hết sức cần thiết. Hiện tại Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng có 2 trụ sở cách xa nhau về địa lý (Trụ sở chính: 230 Hoàng Văn Thụ, Thành phố Bảo Lộc và Chi nhánh: 18 Trần Phú, Thành phố Đà Lạt) nên việc lưu chuyển thông tin nội bộ và kết xuất kết quả cho khách hàng còn sử dụng phương pháp truyền thống (hồ sơ giấy, chuyển gửi bằng chuyển phát nhanh hoặc chuyên xe khách), do đó mất nhiều thời gian, thất lạc hồ sơ, tăng chi phí. Do đó việc quản lý các hoạt động tại Trung tâm đặt ra nhiều vấn đề cần được giải quyết.

Số hồ sơ lưu: LDG-2021-017

82695.09-2022 **Xây dựng phần mềm quản lý về đo lường, chất lượng sản phẩm hàng hóa (xăng dầu và vàng trang sức, mỹ nghệ) trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long/ KS.** Phạm Minh Đức, ThS. Trần Văn Nô; KS. Trần Hồng Hạnh; KS. Huỳnh Quỳnh Ngân; ThS. Lý Minh Phương; KS. Nguyễn Thị Kim Phượng; KS. Võ Phụng Thanh Trúc - Vĩnh Long - Chi cục Tiêu chuẩn - Đo lường - Chất lượng, 2021; 04/2020 - 06/2021. (Đề tài cấp Cơ sở)

Thu thập, xử lý, cập nhật cơ sở dữ liệu về công tác thanh, kiểm tra về đo lường chất lượng 400 Doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh sản phẩm, hàng hóa (xăng dầu và vàng trang sức, mỹ nghệ). Xây dựng phần mềm quản lý phục vụ công tác thanh, kiểm tra về đo lường, chất

lượng (giao diện web) sản phẩm hàng hóa (xăng dầu và vàng trang sức, mỹ nghệ).

Số hồ sơ lưu: VLG.CS015.2021-0000320

82964.09-2022 **Chế tạo máy tách vỏ trái dừa tại tỉnh Trà Vinh phục vụ sản xuất tơ xơ dừa/ ThS.** Đặng Hoàng Vũ, ThS. Đặng Hoàng Vũ; ThS. Nguyễn Thanh Tàn; TS. Nguyễn Minh Hòa; ThS. Dương Minh Hùng - Trà Vinh - Trường Đại học Trà Vinh, 2021; 12/2019 - 12/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Nghiên cứu chế tạo được máy tách vỏ dừa phục vụ sản xuất tơ xơ dừa. Mức chất lượng máy đạt được như sau: Máy tách vỏ trái dừa với năng suất, nhảann công vận hành, kích thước trái dừa hay khâu nạp nguyên liệu cũng như tỷ lệ hư hỏng hay tỷ lệ tróc vỏ đều đạt. Tài liệu hướng dẫn sử dụng máy. Đăng ký sở hữu công nghiệp, giải pháp hữu ích.

Số hồ sơ lưu: 03/KQNC.21

82978.09-2022 **Thiết kế chế tạo thiết bị xác định tỷ lệ sáp trong trái dừa/ TS.** Nguyễn Minh Hòa, TS. Nguyễn Minh Hòa; ThS. Nguyễn Thanh Tàn; TS. Phạm Quang Thái; ThS. Dương Minh Hùng; PGS.TS. Nguyễn Thái Sơn; KS. Nguyễn Văn Lợi; ThS. Nghi Vĩnh Khanh - Trà Vinh - Trường Đại học Trà Vinh, 2021; 09/2018 - 03/2021. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Chế tạo thành công thiết bị xác định tỷ lệ sáp trong trái dừa: Phân biệt dừa có sáp hoặc dừa không sáp $\geq 95\%$;

phân biệt dựa có sáp ít hoặc sáp nhiều: 85%. Kích thước 60x60x60 cm; khối lượng 30 kg; dải tần sóng âm hoạt động từ 20 Hz đến 20 kHz; nguồn điện lưới AC 220V, 450W; thời gian thực hiện một lần đo tối đa 1 phút/lần. Đăng ký quyền sở hữu công nghiệp.

Số hồ sơ lưu: 06/KQNC.21

82979.09-2022 **Ứng dụng công nghệ điện toán đám mây để phân tích, khai thác dữ liệu thông tin phục vụ quản lý các nhiệm vụ nghiên cứu khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh Trà Vinh/** TS. Thoại Nam, TS. Thoại nam; ThS. Hoàng Xuân Lộc; TS. Dương Ngọc Hiếu; KS. Phan Quốc Trọng; ThS. Lê Quốc Tuấn; KS. Trần Văn Út ; ThS. Nguyễn Quốc Việt; KS. Phù Quốc Minh Phương; ThS. Trịnh Văn Quảng - TPHCM - Trung tâm Kỹ thuật điện toán, 2020; 09/2018 - 09/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Phần mềm quản lý nhiệm vụ KH&CN trên nền hạ tầng công nghệ điện toán đám mây. Cổng Thông tin dịch vụ công của Sở KH&CN đáp ứng mức độ 3. Phần mềm kiểm tra trùng lặp của các nhiệm vụ KH&CN. Phần mềm phân tích xu hướng, đặc điểm đặc trưng trong nghiên cứu khoa học và công nghệ tại tỉnh Trà Vinh. Cơ sở dữ liệu về thông tin quản lý của các nhiệm vụ KH&CN.

Số hồ sơ lưu: 01/KQNC.21

83126.09-2022 **Nghiên cứu, đề xuất giải pháp khắc phục các nhược điểm của tường xây bằng gạch xi măng cốt liệu trên địa bàn tỉnh**

Quảng Ngãi./ PGS.TS. Trần Quang Hưng, PGS.TS. Trần Quang Hưng; ThS. Từ Văn Tám; CN. Nguyễn Thị Thảo Sương; ThS. Nguyễn Văn Suốt; KS. Trần Ngọc Vọng; ThS. Lê Xuân Dũng; PGS.TS. Đặng Công Thuật; ThS. Lê Tấn Thanh Bình; ThS. Nguyễn Phước Bình; ThS. Nguyễn Việt Cường; KS. Đặng Trần Phương Anh - Đà Nẵng - Trường Đại học Bách khoa, 2020; 09/2018 - 06/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Kết quả của nghiên cứu là các giải pháp kỹ thuật liên quan đến sản xuất vật liệu gạch XMCL, tường xây bằng gạch XMCL giúp nâng cao chất lượng của tường xây, khắc phục được các vấn đề đã và đang xảy ra trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi; giúp chủ trương sử dụng gạch xây không nung thay thế hoàn toàn gạch nung triển khai hiệu quả hơn trong thời gian tới.

Số hồ sơ lưu: QNI-2021-001

83136.09-2022 **Nghiên cứu chế tạo thiết bị hỗ trợ tập phục hồi chức năng chi dưới./** ThS. Đào Minh Đức, ThS. Đào Minh Đức; PGS.TS. Phạm Đăng Phước; ThS. Nguyễn Quốc Bảo; ThS. Phạm Văn Anh; ThS. Trần Thanh Tùng; ThS. Phạm Trường Tùng; ThS. Nguyễn Vĩnh Phôi; Bs. Phạm Ngọc Lâm; Bs. Bùi Tấn Sinh - Quảng Ngãi - Trường Đại học Phạm Văn Đồng, 2020; 06/2017 - 12/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Đề xuất phương án thiết kế cơ cấu cơ khí và điều khiển cho thiết bị; Phân tích và đánh giá các kết cấu của thiết bị bằng phần mềm và đưa

ra phương án thiết kế kết cấu cơ khí cho thiết bị; Thiết kế toàn bộ cơ khí của thiết bị và chọn các thiết bị truyền động cho kết cấu cơ khí; Phân tích và chọn phương án thiết kế mạch điều khiển và viết phần mềm điều khiển cho thiết bị; Chế tạo và lắp ráp các bộ phận cơ khí và điều khiển của thiết bị; Nạp chương trình và chạy thử để hiệu chỉnh theo phác đồ điều trị của bác sỹ; Thiết bị đã được Bệnh viện Đa Khoa Trung Ương Quảng Nam đánh giá hiệu quả vận hành và an toàn trên bệnh nhân đạt kết quả tốt.

Số hồ sơ lưu: QNI-2021-007

83150.09-2022 **Điều tra, khảo sát và đánh giá chất lượng nước uống đóng chai và nước đá dùng liền trên địa bàn tỉnh Quảng Bình/** ThS. Hoàng Thị Phương Lan, Hoàng Thị Phương Lan; Nguyễn Thị Ái Trinh; Giang Tấn Thông; Trần Mai Giang; Hoàng Văn Thuận; Lê Thị lệ Thúy; Đào Thị Hồng Lý - Trung tâm Kỹ Thuật Đo lường Thử Nghiệm - Trung tâm kỹ thuật đo lường thử nghiệm, 2021; 04/2020 - 11/2021. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Điều tra, khảo sát điều kiện về an toàn thực phẩm trong sản xuất tại các cơ sở sản xuất nước uống đóng chai và nước đá dùng liền; Phân tích và đánh giá chất lượng nước uống đóng chai và nước đá dùng liền; Nghiên cứu, đề xuất các giải pháp nhằm đảm bảo chất lượng nước uống đóng chai và nước đá dùng liền., khảo sát điều kiện bảo đảm ATTP tại các cơ sở sản xuất nước uống đóng chai và nước đá dùng liền trên địa bàn tỉnh; Phân tích và đánh giá chất

lượng nước uống đóng chai và nước đá dùng liền; Đề xuất các giải pháp nhằm đảm bảo chất lượng nước uống đóng chai và nước đá dùng liền trên địa bàn tỉnh.

Số hồ sơ lưu: 18/2021

20101. Kỹ thuật kiến trúc

82646.09-2022 **Nghiên cứu thiết kế giải pháp tích hợp tổng thể cho nhà máy bia thông minh – Ứng dụng cho Công ty cổ phần Bia Sài Gòn – Hà Nội/** TS. Đinh Văn Thành, ThS. Nguyễn Hữu Việt; GS. TS. Đinh Văn Thuận; ThS. Lê Việt Quý; ThS. Đinh Thị Lan Anh; ThS. Lê Trung Thực; TS. Nguyễn Thị Thanh Ngọc; ThS. Trần Hồng Sơn; KS. Phạm Tuấn Anh; KS. Nguyễn Văn Tiến - Hà Nội - Công ty cổ phần bia Sài Gòn - Hà Nội, 2021; 01/2019 - 12/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Khảo sát, đánh giá tính sẵn sàng cho các nhà máy thuộc Tổng công ty Cổ phần Bia – Rượu – Nước giải khát Sài Gòn. Tính toán, thiết kế và xây dựng mô hình Nhà máy thông minh sản xuất bia công suất 100 triệu lít/năm. Nghiên cứu ứng dụng mô hình thử nghiệm Nhà máy thông minh sản xuất bia tại Nhà máy Bia Sài Gòn - Hà Nội. Đánh giá hiệu quả kinh tế - xã hội và môi trường của nhà máy Bia Sài Gòn - Hà Nội sau khi áp dụng mô hình nhà máy bia thông minh.

Số hồ sơ lưu: 19817

20102. Kỹ thuật xây dựng

82124.09-2022 **Nghiên cứu chế tạo bê tông siêu đông cứng nhanh, chống ăn mòn cốt thép cho các công trình ven biển Hải Phòng/**

KS. Ngô Văn Đạt, PGS.TS. Phạm Toàn Đức; KS. Bùi Ngọc Tuấn; ThS. Ng Đức Lợi; ThS. Ng Quang Tuấn; ThS. Bùi Trường Giang; ThS. Nguyễn Phan Anh; ThS. Trịnh Duy Thành; ThS. Ngô Thị Mỹ Hạnh - Hải Phòng - Công ty Cổ phần Liên doanh bê tông Thành Hưng, 2021; 09/2019 - 03/2021. (Đề tài cấp Tỉnh/Thành phố)

Tổng quan tài liệu và những vấn đề lý thuyết liên quan. Nghiên cứu chế tạo bê tông siêu đông cứng nhanh chống ăn mòn cốt thép. Nghiên cứu xây dựng quy trình sản xuất và thi công bê tông siêu đông cứng nhanh, chống ăn mòn cốt thép. Đánh giá hiệu quả kinh tế sản phẩm bê tông siêu đông cứng nhanh chống ăn mòn cốt thép với các sản phẩm hiện có trên thị trường.

Số hồ sơ lưu: HPG.2021.005

82921.09-2022 **Phần tử hữu hạn trong phân tích ứng xử phức tạp của kết cấu/** PGS.TS. Nguyễn Đình Kiên, TS. Bùi Văn Tuyền; TS. Trần Thị Thơm; ThS. Nguyễn Quang Huân; ThS. Trịnh Thị Hiền; ThS. Bùi Thị Thu Hoài - Hà Nội - Viện Cơ học, 2021; 12/2018 - 12/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Tổng quan về tình hình nghiên cứu liên quan tới kết cấu 2D-FGM nói chung và dầm 2D-FGM, dầm sandwich 2D-FGM nói riêng. Phát triển mô hình phần tử hữu hạn để nghiên cứu dầm 2D-FGM và dầm sandwich 2D-FGM chịu tải trọng động. Nghiên cứu các kỹ thuật tính toán symbolic trong các trường hợp biểu thức toán học phức tạp và phương pháp phát triển chương trình

tính toán số cho phân tích chuyển vị lớn của dầm 2D-FGM. Nghiên cứu phương pháp xây dựng ma trận độ cứng và ma trận khối lượng cho dầm FG-CNT dựa trên các lý thuyết biến dạng trượt khác nhau. Phân tích dao động và mất ổn định của một số kết cấu dầm FG-CNT cụ thể. Mở rộng mô hình đàn-dẻo cho dầm sandwich FGM và phát triển thuật toán số cho phân tích dầm sandwich FGM có biến dạng đàn - dẻo.

Số hồ sơ lưu: 19894

82933.09-2022 **Chẩn đoán vết nứt trong kết cấu hệ thanh bằng vật liệu có cơ tính biến thiên (FGM) theo phương pháp độ cứng động lực/** GS. TS. Trần Văn Liên, GS. TSKH. Nguyễn Tiến Khiêm; TS. Trịnh Anh Hào; TS. Chu Thanh Bình; ThS. Ngô Trọng Đức - Hà Nội - Trường Đại học Xây dựng Hà Nội, 2021; 08/2018 - 08/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Xây dựng mô hình phần tử dầm bằng vật liệu FGM có nhiều vết nứt theo phương pháp DSM. Tiến hành lập chương trình, so sánh độ tin cậy của chương trình được lập. Nghiên cứu ảnh hưởng của các tham số vết nứt đến sự thay đổi các tham số động lực học của kết cấu làm cơ sở dữ liệu cho bài toán chẩn đoán hư hỏng của kết cấu. Xây dựng phương pháp chẩn đoán hư hỏng của kết cấu hệ thanh bằng vật liệu FGM theo các số liệu tần số và dạng dao động riêng đo được.

Số hồ sơ lưu: 19903

20104. Kỹ thuật giao thông vận tải

82473.09-2022 **Nghiên cứu xây dựng tiêu chuẩn cấp bậc công nhân kỹ thuật phục vụ công tác duy tu bảo trì hệ thống đường bộ Việt Nam/** KS. Phan Hoàng Phương, ThS. Lê Quang Huy; ThS. Lê Thị Mai; KS. Hoàng Huyền Thương; ThS. Nguyễn Văn Thanh; KS. Nguyễn Tiến Thành; ThS. Lê Xuân Trọng; ThS. Nguyễn Minh Ngọc; KS. Trần Nguyên Hà ; ThS. Nguyễn Duy Phong - Hà Nội - Viện Chiến lược và Phát triển Giao thông vận tải , 2015 - 01/2015 - 12/2015. (Đề tài cấp Bộ)

Hiện trạng tiêu chuẩn cấp bậc kỹ thuật công nhân kỹ thuật phục vụ công tác duy tu bảo trì hệ thống đường bộ Việt Nam. Hiện trạng đào tạo và phân cấp cấp bậc công nhân kỹ thuật. Đề xuất tiêu chuẩn cấp bậc công nhân kỹ thuật phục vụ công tác duy tu bảo trì hệ thống đường bộ Việt Nam. Sản phẩm của đề tài sẽ trợ giúp xây dựng thông tư hướng dẫn về tiêu chuẩn cấp bậc công nhân kỹ thuật phục vụ công tác duy tu bảo trì hệ thống đường bộ Việt Nam.

Số hồ sơ lưu: 19722

82521.09-2022 **Nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến các giải pháp của ngành giao thông vận tải đảm bảo mục tiêu của chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam/** ThS. Lê Đình Hùng, ThS. Nguyễn Huy Hoàng; ThS. Phạm Thị Hiên; ThS. Lương Thị Hương; KS. Nguyễn Văn Trì; ThS. Phùng Thị Bích Ngọc; CN. Lưu Hoàng Hạnh; ThS. Nguyễn Hùng Cường - Hà Nội - Viện Chiến lược và Phát triển Giao

thông vận tải, 2021; 01/2020 - 03/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Làm rõ các yếu tố ảnh hưởng đến khả năng thực hiện của từng giải pháp của ngành Giao thông vận tải (có luận giải khoa học, chính xác, chặt chẽ, tin cậy), đảm bảo thực hiện mục tiêu của chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam. Phân tích, phân loại các tài liệu để xây dựng các căn cứ có liên quan đến thực hiện mục tiêu phát triển kinh tế biển theo phạm vi và vai trò của ngành giao thông vận tải. Số hồ sơ lưu: 19734

82846.09-2022 **Nghiên cứu thiết kế và lắp đặt thử nghiệm hệ thống thiết bị chạy tàu kế tiếp trong khu gian đóng đường nửa tự động/** ThS. Nguyễn Văn Sinh, KS. Nguyễn Đức Hà; KS. Hà Huy Luân; KS. Vũ Tuấn Long; KS. Nguyễn Ánh Khang; KS. Trần Danh Chương; ThS. Nguyễn Văn Đáp; KS. Thân Tuấn Đức; KS. Trần Công Thuyết - Hà Nội - Cục Đường sắt Việt Nam, 2021; 01/2020 - 03/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Tổng quan về thiết bị đóng đường trên đường sắt. Nghiên cứu đặc điểm và nguyên lý hoạt động của thiết bị đóng đường nửa tự động sử dụng trên đường sắt Việt Nam. Thiết kế mạch điện chạy tàu kế tiếp trong khu gian đóng đường nửa tự động. Lắp đặt thử nghiệm thiết bị chạy tàu kế tiếp trong khu gian đóng đường nửa tự động.

Số hồ sơ lưu: 19882

20105. Kỹ thuật thủy lợi

82451.09-2022 **Nghiên cứu ứng dụng công nghệ cửa van cao su bản mặt phục vụ cải tạo, nâng cấp công trình đầu mối hồ chứa / KS. Nguyễn Văn Thanh, KS. Trần Thị Nga; ThS. Đinh Xuân Trọng; ThS. Phạm Thị Nguyệt; ThS. Đỗ Xuân Cường; ThS. Nguyễn Ngọc Châu; ThS. Đỗ Thị Thùy Dung; KS. Vũ Văn Xiêm; KS. Nguyễn Thị Thoa; KS. Nguyễn Văn Xuân - Hà Nội - Viện Thủy công, 2021; 01/2020 - 06/2021. (Đề tài cấp Bộ)**

Nghiên cứu đánh giá, phân tích các giải pháp cải tạo, nâng cấp công trình đầu mối hồ chứa Trần xả lũ theo mục đích sử dụng; Nghiên cứu về công nghệ cửa van cao su bản mặt; Thí nghiệm trên mô hình vật lý về cấu tạo, nguyên lý làm việc, tải trọng, chế độ thủy lực (Q,h) của giải pháp công nghệ cửa van cao su bản mặt; và đánh giá hiệu quả kinh tế, kỹ thuật của giải pháp công nghệ cửa van cao su bản mặt.

Số hồ sơ lưu: 19714

82452.09-2022 **Tăng cường hiệu quả giải pháp bổ cập và dâng cao mực nước ngầm giải quyết khó khăn về nước cho mùa hạn trong các thành tạo bazan khu vực Tây Nguyên/ TS. Vũ Thị Minh Nguyệt, TS. Lại Hợp Phòng; TS. Nguyễn Thị Thanh Thủy; TS. Ngô Tuấn Tú; TS. Mai Thành Tân; TS. Bùi Văn Thơm; PGS. TS. Phan Thị Kim Văn; ThS. Nguyễn Thị Thảo; CN. Bùi Văn Quỳnh; TS. Lê Triều Việt; ThS. Nguyễn Thị Hoa; ThS. Văn Phú Hưng; ThS. Phạm Ngọc Đạt; PGS. TS. Nguyễn Xuân Tạng; ThS. Đoàn**

Thị Thu Trà; ThS. Nguyễn Xuân Quả; TS. Tống Phúc Tuấn; ThS. Dương Thị Ninh - Hà Nội - Viện Địa Chất, 2020; 12/2016 - 11/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Đánh giá được hiện trạng hạ thấp mực nước ngầm trong các thành tạo bazan khu vực Tây Nguyên vào mùa khô. Hoàn thiện quy trình công nghệ xác định các đới/khu vực có khả năng bổ cập và dâng cao mực nước ngầm trong các thành tạo bazan Tây Nguyên. Hoàn thiện các giải pháp khoa học công nghệ bổ cập và dâng cao mực nước ngầm ở Tây Nguyên có khả năng mở rộng ứng dụng cho các địa phương thường xuyên khô hạn về mùa khô. Xây dựng một mô hình bổ cập và dâng cao mực nước ngầm phục vụ cấp nước cho sinh hoạt và cây trồng tạo một số vùng điển hình khô hạn và có triển vọng nhân rộng.

Số hồ sơ lưu: 19716

82496.09-2022 **Nghiên cứu cơ sở khoa học và thực tiễn để cảnh báo và đề xuất giải pháp kiểm soát ngập lụt ở lưu vực sông Bàn Thạch/ ThS. Phùng Đức Chính, ThS. Nguyễn Thị Vân; PGS. TS. Lã Văn Chú; TS. Đặng Quang Thịnh; ThS. Nguyễn Văn Đại; ThS. Bùi Văn Chanh; TS. Nguyễn Ý Như; ThS. Vũ Đức Long; ThS. Đặng Thị Lan Phương; KS. Trịnh Như Trang - Hà Nội - Viện khoa học Khí tượng thủy văn và Biến đổi khí hậu, 2021; 06/2018 - 06/2021. (Đề tài cấp Bộ)**

Xây dựng được cơ sở khoa học và thực tiễn để cảnh báo ngập lụt ở lưu vực sông Bàn Thạch; Xây dựng được bộ công cụ cảnh báo ngập lụt

lưu vực sông Bàn Thạch; Công cụ này được thiết lập dựa trên mô hình mô phỏng ngập lụt MIKE FLOOD, trong đó quá trình tiếp nhận, xử lý số liệu, chạy mô hình và chiết xuất kết quả và phát bản tin cảnh báo được thực hiện một cách tự động, góp phần đáp ứng yêu cầu hiện đại hoá ngành khí tượng thuỷ văn trong thời đại công nghệ 4.0; Đề xuất được giải pháp công trình kiểm soát ngập lụt lưu vực sông Bàn Thạch. Đây là cơ sở để thực hiện việc ngăn lũ hoặc để lũ chảy từ sông Ba sang sông Bàn Thạch sau mỗi bản tin cảnh báo ngập lụt từ mô hình cảnh báo.

Số hồ sơ lưu: 19725

82778.09-2022 Nghiên cứu các giải pháp khai thác nguồn nước và mô hình trữ nước để xử lý khi xảy ra hạn hán, xâm nhập mặn phục vụ cấp nước sinh hoạt nông thôn vùng Nam Trung Bộ và Đồng Bằng sông Cửu Long/ TS. Phạm Văn Tùng, ThS. Lương Văn Khanh; PGS.TS. Lương Văn Thanh; PGS.TS. Hoàng Văn Huân; ThS. Nguyễn Trường Thọ; ThS. Hà Thị Xuyên; ThS. Nguyễn Thanh Tùng; ThS. Lương Thu Hương; PGS.TS. Nguyễn Tuấn Anh; KS. Hoàng Minh Quân; KS. Trần Thanh Kỳ - Hồ Chí Minh - Viện kỹ thuật biển, 2021; 07/2018 - 12/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Đánh giá tiềm năng nguồn nước (mưa, mặt, ngầm) và chất lượng nước khu vực nghiên cứu, tình hình hạn hán, xâm nhập mặn vùng nghiên cứu. Hiện trạng khai thác và sử dụng nguồn nước phục vụ cấp nước sinh

hoạt nông thôn vùng nghiên cứu, đặc biệt từ những mùa khô hạn, xâm nhập mặn. Nhu cầu dùng nước sinh hoạt hiện tại và tương lai vùng nghiên cứu. Đề xuất các giải pháp khoa học công nghệ khai thác nguồn nước và các mô hình trữ, xử lý nước khi xảy ra hạn hán, xâm nhập mặn phục vụ cấp nước sinh hoạt nông thôn. Lựa chọn xây dựng 02 mô hình thí điểm điển hình áp dụng các giải pháp khoa học công nghệ mới đề xuất ở vùng nghiên cứu phục vụ cấp nước sinh hoạt nông thôn khi xảy ra hạn hán, xâm nhập mặn. Đề xuất giải pháp nhân rộng mô hình tại các vùng khan hiếm nước khi xảy ra hạn hán, xâm nhập mặn.

Số hồ sơ lưu: 19864

82779.09-2022 Nghiên cứu đề xuất các giải pháp thủy lợi phục vụ phát triển nông nghiệp thích ứng vùng lũ Đồng bằng sông Cửu Long/ GS.TS. Lê Mạnh Hùng, ThS. Nguyễn Minh Trung; PGS.TS. Nguyễn Nghĩa Hùng; ThS. Đinh Quốc Phong; PGS.TS. Nguyễn Phú Quỳnh; ThS. Phạm Khắc Thuận; TS. Nguyễn Đình Vượng; ThS. Đỗ Đắc Hải; ThS. Trần Minh Tuấn; KS. Lê Thị Vân Anh; PGS.TS. Võ Khắc Trí; TS. Tô Quang Toàn; ThS. Nguyễn Văn Lâm; ThS. Phạm Thế Vinh; ThS. Nguyễn Bá Tiến; ThS. Mai Việt Bảo; ThS. Lê Văn Kiệt; ThS. Huỳnh Ngọc Tuyên; KS. Hồ Trọng Bằng; KS. Lê Thị Cúc; KS. Trần Thị Minh Nguyệt; KS. Đinh Quốc Khánh; KS. Lê Quân Quân; KS. Phan Việt Dũng; ThS. Lê Văn Thịnh - Hồ Chí Minh - Viện khoa học thủy

lợi miền nam, 2021; 01/2018 - 12/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Tổng quan thành tựu khoa học công nghệ khai thác, phát triển đồng bằng trên thế giới và thành tựu khoa học công nghệ khai thác và phát triển nông nghiệp vùng đồng bằng ngập lũ nước ta. Đánh giá hiện trạng đê bao, công trình và sản xuất trong vùng lũ ở đồng bằng sông Cửu Long. Đánh giá diễn biến quá khứ, hiện tại và xu thế ngập lũ cũng như mức độ lũ tràn đê ở đồng bằng sông Cửu Long. Đề xuất các công trình thủy lợi phục vụ sản xuất và mô hình sản xuất nông nghiệp phù hợp tại đồng bằng sông Cửu Long. Khảo sát, thiết kế mẫu cho vùng bao diên hình tại Đồng Tháp.

Số hồ sơ lưu: 19869

82997.09-2022 Nghiên cứu đề xuất các giải pháp chỉnh trị sông Trường Giang, huyện Núi Thành phục vụ phát triển bền vững kinh tế khu vực và vùng lân cận/ PGS. TS. Hồ Sỹ Tâm, GS. TS. Nguyễn Trung Việt; PGS. TS. Lê Xuân Khâm; TS. Lê Thanh Bình; TS. Dương Hải Thuận; TS. Đinh Nhật Quang; PGS. TS. Trần Thanh Tùng; PGS. TS. Lê Hải Trung; ThS. Nguyễn Thị Hải Lý; ThS. Dương Công Điền; ThS. Nguyễn Ngọc Thế; TS. Đinh Văn Duy; TS. Nguyễn Thị Thế Nguyên; TS. Nguyễn Duy Cường; TS. Nguyễn Văn Thìn; ThS. Nguyễn Quang Lương; ThS. Nguyễn Văn Bình; PGS. TS. Lê Thanh Hùng; TS. Nguyễn Phương Dung; ThS. Nguyễn Quang Đức Anh - Hà Nội - Trường Đại học Thủy lợi,

2021; 07/2019 - 06/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Thu thập, khảo sát số liệu thủy hải văn đồng bộ cho 2 mùa điển hình, làm số liệu đầu vào tin cậy để kiểm định và hiệu chỉnh các mô hình liên quan; Ứng dụng các phần mềm hiện đại để nghiên cứu, làm rõ chế độ thủy văn, thủy lực hệ thống sông Trường Giang có xét đến ảnh hưởng của sông Đầm, sông Tam Kỳ và chế độ triều Cửa Lở, Cửa Đại; Ứng dụng các mô hình hiện đại, làm rõ chế độ thủy lực của vùng biển và cửa sông có xét đến đầy đủ ảnh hưởng của gió mùa, bão và tác động của yếu tố địa hình đáy biển, địa hình mũi Bàn Than; Làm rõ chế độ thủy thạch động lực và quá trình biến đổi hình thái sông Trường Giang và vùng cửa sông ven biển; Đề xuất được giải pháp chỉnh trị sông Trường Giang, vùng cửa sông ven biển đáp ứng được yêu cầu thoát lũ, giao thông thủy và phát triển bền vững kinh tế khu vực và vùng lân cận.

Số hồ sơ lưu: 19922

83029.09-2022 Nghiên cứu, ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, vận hành hồ chứa nhằm hỗ trợ công tác quản lý, khai thác công trình thủy lợi và phòng, chống lụt bão lưu vực sông Phan - Cà Lồ, tỉnh Vĩnh Phúc/ Hà Ngọc Quân, Đỗ Hữu Vinh - Vĩnh Phúc - Chi cục Thủy lợi tỉnh Vĩnh Phúc, 2018; 04/2017 - 12/2018. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Xây dựng công cụ hỗ trợ quản lý, vận hành hệ thống các hồ chứa lớn thượng nguồn lưu vực Sông Phan - Cà Lồ trên cơ sở áp dụng công nghệ

thông tin và tự động hóa các thiết bị đo nhằm tăng hiệu quả công tác quản lý, khai thác công trình thủy lợi, giảm thiệt hại trong mùa mưa lũ của lưu vực; Cải tiến công tác quan trắc mực nước, khắc phục các nhược điểm trong việc quan trắc, cung cấp, lưu trữ số liệu thô sơ, thủ công; Từng bước hiện đại hóa lĩnh vực thủy lợi trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc.
Số hồ sơ lưu: VPC-020-2020

20106. Kỹ thuật địa chất công trình

82622.09-2022 **Nghiên cứu xây dựng mô hình thành tạo quặng nội sinh Cu-Ni-PGE và Fe-Ti-V ở địa khu Đông Bắc Việt Nam/ PGS. TS. Trần Tuấn Anh, TS. Phạm Ngọc Cẩn; PGS. TSKH. Trần Trọng Hòa; TS. Ngô Thị Phương; TS. Phạm Thị Dung; PGS. TS. Nguyễn Hoàng; TS. Bùi Ân Niên; PGS. TSKH. Trần Quốc Hùng; TS. Đào Thái Bắc - Hà Nội - Viện Địa Chất, 2021; 09/2017 - 12/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)**

Xác định các bối cảnh kiến tạo - địa chất hình thành các phức hệ magma có tiềm năng chứa quặng Cu-Ni-PGE và Fe-Ti-V và tạo cơ sở lý thuyết cho việc xây dựng các mô hình nguồn gốc thành tạo quặng chính xác (đúng đắn) và phân chia các chỉ tiêu khu vực đánh giá độ chứa quặng của chúng. Nghiên cứu thạch luận nguồn gốc (petrogenesis) các xâm nhập mafic - siêu mafic chứa quặng và không chứa quặng nhằm xác định các chỉ tiêu phân loại (phân chia) các tổ hợp xâm nhập theo mức độ triển vọng đối với các kiểu quặng hóa Cu-Ni-PGE và Fe-Ti-V. Nghiên cứu quặng hóa sulfid

Cu-Ni-PGE và oxit Fe-Ti-V kết hợp nghiên cứu thạch luận để xây dựng các mô hình thạch luận - nguồn gốc thành tạo các tụ khoáng (mỏ) Cu-Ni-PGE và Fe-Ti-V; trên cơ sở đó phân chia các chỉ tiêu độ chứa quặng có tính địa phương.

Số hồ sơ lưu: 19809

20201. Kỹ thuật điện và điện tử

82913.09-2022 **Sử dụng các mạng nơ ron nhân tạo để đánh giá định lượng mức độ ổn định của các hệ thống điện/ PGS.TS. Nguyễn Đức Huy, PGS.TS. Bạch Quốc Khánh; PGS.TS. Trần Hoài Linh; PGS.TS. Lê Đức Tùng; ThS. Phạm Năng Văn - Hà Nội - Trường Đại học Bách Khoa Hà Nội, 2021; 03/2014 - 12/2017. (Đề tài cấp Quốc gia)**

Thu thập số liệu của một số mô hình hệ thống điện, phân tích các chế độ làm việc và tạo ra danh sách các mô phỏng. Mô phỏng chi tiết và đánh giá mức độ ổn định, đánh giá mức độ phụ thuộc của biên giới ổn định vào các thông số đầu vào đối với mỗi trường hợp sự cố. Đánh giá sự phụ thuộc của ranh giới ổn định vào các thành phần của véc tơ điều kiện làm việc ban đầu. Ứng dụng và thử nghiệm một số mạng nơ ron tiên tiến như mạng nơ ron RBF, mạng máy véc tơ hỗ trợ với mục tiêu xấp xỉ hóa biên giới ổn định theo các thông số đầu vào. Tích hợp các mạng nơ ron nhằm thực hiện bài toán tối ưu hóa chế độ hệ thống điện có xét đến ràng buộc ổn định.

Số hồ sơ lưu: 19889

20203. Tự động hoá (CAD/CAM, v.v..) và các hệ thống điều khiển,

giám sát; công nghệ điều khiển số bằng máy tính (CNC),..

82577.09-2022 **Nghiên cứu chế tạo trang thiết bị phần cứng, phần mềm của dịch vụ trực canh cấp cứu DSC cho hệ thống thông tin duyên hải Việt Nam” (Mã số: DT 204042)/** KS. Phan Ngọc Quang, Nguyễn Anh Tuấn; Hà Tôn Sơn; Hoàng Cao Thạch; Đào Đắc Hoàn; Nguyễn Công Hào; Trần Trung Hiếu; Chu Anh Sơn; Nguyễn Hữu Hiếu; Ngô Thị Huyền - Hà Nội - Cục Hàng hải Việt Nam, 2021; 04/2020 - 03/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu chế tạo trang thiết bị phần cứng, phần mềm cho dịch vụ trực canh cấp cứu DSC của hệ thống thông tin duyên hải Việt Nam nhằm làm chủ công nghệ hệ thống trực canh cấp cứu DSC với các tính năng: Thu, phát, giải mã bức điện DSC trên dải tần VHF và MF/HF; Đồng bộ điều khiển máy thu phát với chức năng DSC; Trực canh cấp cứu DSC trên dải tần VHF và MF/HF; Tất cả các chức năng thu phát DSC, điều khiển máy thu phát được thực hiện từ phần mềm máy tính qua môi trường IP.

Số hồ sơ lưu: 19755

82636.09-2022 **Nghiên cứu xây dựng mô hình sàn giao dịch dịch vụ logistic trong thương mại điện tử/** ThS. Trần Thị Hồng Vân, ThS. Nguyễn Hữu Thọ; ThS. Phạm Ngọc Vinh; CN. Nguyễn Văn Thành; CN. Phạm Thanh Hương; CN. Cao Thị Tuyết Minh; CN. Nguyễn Thùy Linh; CN. Nguyễn Văn Nghĩa; CN. Bùi Khánh Linh; CN. Nguyễn An Sơn; ThS. Phùng Văn Kiên; ThS.

Đình Tuấn Anh; CN. Trần Thị Thu Hương, CN. Nguyễn Trà My - Hà Nội - Cục Thương mại điện tử và Kinh tế số, 2020; 01/2020 - 06/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Đánh giá quy mô thị trường thương mại điện tử Việt Nam, thực trạng giao hàng chặng cuối trong thương mại điện tử (TMĐT) từ đó đưa ra cơ sở lý luận xây dựng sàn giao dịch logistics trong thương mại điện tử; Nghiên cứu thực trạng, xu hướng phát triển giao hàng chặng cuối trong thương mại điện tử và kinh nghiệm triển khai mô hình sàn giao dịch logistics trong TMĐT của một số nước trên thế giới; Phân tích thực trạng và khả năng ứng dụng sàn giao dịch dịch vụ logistics trong thương mại điện tử tại Việt Nam; Xây dựng mô hình thử nghiệm sàn giao dịch logistics phát triển thương mại điện tử (kết nối các doanh nghiệp dịch vụ logistics, doanh nghiệp chủ hàng và khách hàng).

Số hồ sơ lưu: 19802

82637.09-2022 **Nghiên cứu, xây dựng mô hình tư vấn phát triển bán lẻ đa kênh trên cơ sở ứng dụng trí tuệ nhân tạo/** ThS. Nguyễn Thúy Anh, CN. Nguyễn Văn Hải; CN. Trần Thu Hiền; CN. Lê Thị Thu Hằng; CN. Nguyễn Trà My; CN. Nguyễn Diệu Hương; CN. Nguyễn Anh Vũ; CN. Trương Hoàng Thủy Tiên; CN. Đỗ Thị Việt Hà; ThS. Trần Vân; CN. Nguyễn Phương Anh; CN. Lê Chí Mạnh; CN. Nguyễn Phương Thủy; ThS. Trần Thị Hưng; CN. Đỗ Đình Tấn; CN. Nguyễn Hồng Hà; CN. Nguyễn Phương Ly; CN. Phạm Thanh

Hương; CN. Nguyễn Thị Thùy Giang - Hà Nội - Cục Thương mại điện tử và Kinh tế số, 2021; 01/2020 - 06/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu về mô hình bán lẻ đa kênh (Omni-channel) trong lĩnh vực bán lẻ, cơ hội phát triển tại Việt Nam; Nghiên cứu về công nghệ trí tuệ nhân tạo, thực trạng ứng dụng trong phát triển chuỗi bán lẻ tại nước ngoài; Thực trạng ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong hệ thống trả lời tự động, nội địa hoá, cá nhân hoá sản phẩm và tự động hoá trong quản lý chuỗi cung ứng; Đánh giá cơ hội thách thức và khả năng ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong phát triển bán lẻ đa kênh tại Việt Nam; Xây dựng mô hình thử nghiệm tư vấn phát triển bán lẻ đa kênh trên cơ sở ứng dụng trí tuệ nhân tạo.

Số hồ sơ lưu: 19801

82812.09-2022 Ước lượng tham số và điều khiển các cơ cấu chấp hành dùng hệ thống thông minh lai/ TS. Nguyễn Ngọc Sơn, PGS. TS. Hồ Phạm Huy Ánh; PGS. TS. Lưu Thế Vinh; TS. Trần Minh Chính; ThS. Cao Văn Kiên; ThS. Nguyễn Duy Khanh - Hồ Chí Minh - Trường Đại học Công nghiệp thành phố Hồ Chí Minh, 2021; 04/2019 - 04/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Nghiên cứu phát triển hệ thống thông minh lai dựa trên các kỹ thuật tính toán tối ưu như DE (Differential evolution), Jaya algorithm và GA (Genetic algorithm). Nghiên cứu ước lượng thông số mô hình hộp xám, nhận dạng mô hình hộp đen của các cơ cấu chấp hành dùng kỹ thuật tính toán mềm dựa trên tập dữ liệu vào/ra

thực nghiệm. Thiết kế bộ điều khiển dựa trên hệ thống thông minh lai cho các cơ cấu chấp hành và các ứng dụng của nó sao cho đảm bảo tính ổn định và chất lượng điều khiển chính xác.

Số hồ sơ lưu: 19876

82967.09-2022 Phát triển và tối ưu hóa cơ cấu mềm thể hệ mới ứng dụng cho hệ thống định vị chính xác/ TS. Đào Thanh Phong, TS. Nguyễn Đức Nam; ThS. Hồ Nhật Linh; ThS. Đặng Minh Phụng; ThS. Châu Ngọc Lê; ThS. Nguyễn Tấn Thắng - Hồ Chí Minh - Trường Đại học Tôn Đức Thắng, 2021; 09/2019 - 09/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Phát triển và tối ưu hóa các cơ cấu mềm hình dáng hình học, biên dạng mới với các tính năng như kích thước nhỏ gọn, khối lượng nhẹ, giảm chuyển động theo, tăng độ chính xác, lực và mômen đầu ra ổn định. Thiết kế các khớp mềm và cơ cấu mềm thể hệ mới cho hệ thống định vị chính xác. Các cơ cấu mềm này có chuyển động trực giao để khử chuyển động theo nhằm gia tăng độ chính xác định vị và có lực và mômen đầu ra ổn định. Phân tích ảnh hưởng của biên dạng và thông số hình học đến tĩnh học và động học của hệ thống. Đánh giá đặc tính của hệ thống dùng giải tích và mô phỏng tính toán. Phát triển các giải thuật tối ưu hóa để tối ưu biên dạng, tô phôi và thông số hình học đồng thời cho các cơ cấu.

Số hồ sơ lưu: 19917

83034.09-2022 Nghiên cứu xây dựng hệ thống phần mềm hỗ trợ

phát triển du lịch tỉnh Thanh Hóa/ Trịnh Hồng Nam, - Thanh Hóa - Công ty Cổ phần phát triển công nghệ Lam Kinh, 2020; (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Xây dựng thành công phần mềm công giao dịch điện tử du lịch Thanh Hóa có giao diện thân thiện, dễ sử dụng, chạy ổn định, đáp ứng tiêu chí công thông tin, tiêu chí về giao dịch điện tử, bảo mật do Bộ Thông tin và Truyền thông quy định, gồm các chức năng cơ bản như: quảng bá tin tức, thông tin về các hoạt động du lịch trong và ngoài tỉnh, giới thiệu các đơn vị thành viên của hiệp hội du lịch, giới thiệu các sản phẩm du lịch, hiển thị thông tin về các doanh nghiệp du lịch, giới thiệu về các sản phẩm, dịch vụ của doanh nghiệp. Xây dựng thành công phần mềm hỗ trợ phát triển du lịch Thanh Hóa có giao diện thân thiện, dễ sử dụng, chạy ổn định, gồm các chức năng cơ bản như: quản lý, tìm kiếm các sản phẩm du lịch, hướng dẫn, gợi ý các địa điểm, sản phẩm du lịch cho khách du lịch, đặt hàng sản phẩm du lịch.

Số hồ sơ lưu: THA-001-2021

83070.09-2022 **Ứng dụng công nghệ IoT, Cloud Computing để xây dựng hệ thống quan trắc tự động, liên tục môi trường lao động tại các trạm viễn thông trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa/** TS. Nguyễn Thế Cường, - Thanh Hóa - Công ty Cổ phần Thinklabs, 2019; (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Hệ thống phần mềm quan trắc môi trường tự động liên tục bao gồm các thiết bị quan trắc môi trường và các

mô đun phần mềm kèm theo nhằm thu nhận, xử lý và lưu trữ các thông tin liên quan đến môi trường làm việc tại các trạm viễn thông. Hệ thống phần mềm quan trắc môi trường cho phép quản lý các thiết bị quan trắc môi trường, thu nhận thông tin môi trường từ các trạm viễn thông và hiển thị trực quan trên nền các ứng dụng. Thiết kế cơ sở dữ liệu phần mềm quan trắc môi trường và quản trị rủi ro.

Số hồ sơ lưu: THA-014-2021

83073.09-2022 **Phát triển, ứng dụng hệ thống xác thực bảo mật đa vai trò sử dụng vân tay trong lĩnh vực an ninh, ngân hàng/** TS. Trần Thiện Chính, ThS. Đỗ Văn Tráng; PGS.TS. Hà Hải Nam; ThS. Phùng Văn Doanh; ThS. Nguyễn Việt Thắng; ThS. Đỗ Trọng Đại; ThS. Đinh Thanh Phương; ThS. Trương Thanh Tú; ThS. Phạm Văn Bình; ThS. Bùi Đức Mạnh - Hà Nội - Viện khoa học kỹ thuật bưu điện, 2021; 04/2018 - 12/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Xây dựng hồ sơ thiết kế và quy trình công nghệ chế tạo của hệ thống xác thực bảo mật đa vai trò sử dụng vân tay (bao gồm phần mềm, phần cứng và firmware) phù hợp với các tiêu chuẩn kỹ thuật theo quy định hiện hành. Hoàn thiện hệ thống xác thực bảo mật đa vai trò sử dụng vân tay được kiểm định chỉ tiêu kỹ thuật theo quy định hiện hành. Hoàn thiện thiết bị xác thực vân tay đa vai trò cố định hỗ trợ kết nối mạng hữu tuyến và thiết bị xác thực vân tay đa vai trò di động cầm tay hỗ trợ kết nối qua mạng 3G, 4G-LTE. Xây dựng phần

mềm trung tâm quản lý xác thực vân tay với tính năng chính như cảnh báo tức thời về truy nhập bất hợp lệ, tạo các báo cáo cảnh báo, quản lý người dùng (có khả năng mở rộng lên đơn vị triệu người dùng), phân quyền sử dụng cho người dùng, cấu hình thiết bị xác thực vân tay qua kết nối mạng.

Số hồ sơ lưu: 19884

20204. Các hệ thống và kỹ thuật truyền thông

82126.09-2022 **Xây dựng ứng dụng THPLive trên các thiết bị di động thông minh cung cấp nội dung số và tiếp nhận tin bài từ cộng đồng/** ThS. Phạm Văn Tuấn, ThS. Nguyễn Thị Toan; ThS. Phan Mạnh Cường; ThS. Bùi Minh Đức; KS. Nguyễn Quang Huy; ThS. Vũ Sơn Tùng; KS. Nguyễn Văn Hữu; CN. Nguyễn Hoàng Tùng - Hải Phòng - Đài Phát thanh và Truyền hình Hải Phòng, 2020; 10/2019 - 03/2021. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Tổng quan tài liệu và những vấn đề lý thuyết có liên quan. Đánh giá hiện trạng các loại hình dịch vụ phát thanh truyền hình OTT tại Việt Nam và Hải Phòng. Nghiên cứu yêu cầu giải pháp kỹ thuật xây dựng ứng dụng THPLive. Nghiên cứu xây dựng ứng dụng THPLive trên thiết bị di động thông minh. Nghiên cứu yêu cầu phân cứng, đề xuất hạ tầng thiết bị, nhân lực phục vụ vận hành ứng dụng. Chuyển đổi, chuẩn hóa dữ liệu đã có thành kho dữ liệu đa phương tiện theo định dạng dữ liệu của ứng dụng. Vận hành thử nghiệm, hoàn thiện ứng dụng THPLive. Xây dựng quy trình vận hành, khai thác và cập

nhật ứng dụng THPLive cho bộ phận quản lý của Đài Phát thanh và Truyền hình Hải Phòng.

Số hồ sơ lưu: HPG.2021.007

82653.09-2022 **Nghiên cứu thiết kế, chế tạo hệ thống thông tin di động chuyên dụng chuyển tiếp vệ tinh phục vụ vùng sâu vùng xa, biển đảo và các trường hợp khẩn cấp/** TS. Nguyễn Ngọc Minh, TS. Trương Cao Dũng; TS. Nguyễn Việt Hưng; PGS. TS. Vũ Văn San; ThS. Nguyễn Trung Hiếu; TS. Nguyễn Quốc Uy; PGS. TS. Nguyễn Tiên Ban; ThS. Phạm Văn Sự; KS. Lương Công Duẩn; KS. Nguyễn Văn Cường - Hà Nội - Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông, 2021; 05/2018 - 10/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Nghiên cứu lựa chọn giải pháp công nghệ, kỹ thuật xây dựng hệ thống thông tin di động chuyên tiếp vệ tinh. Nghiên cứu thiết kế và xây dựng mô hình hệ thống thông tin di động chuyên dụng chuyển tiếp vệ tinh phục vụ vùng sâu vùng xa, biển đảo và các trường hợp khẩn cấp. Nghiên cứu thiết kế tổng quát trạm BTS chuyên dụng chuyển tiếp vệ tinh phục vụ vùng sâu vùng xa, biển đảo và các trường hợp khẩn cấp. Nghiên cứu thiết kế, tích hợp và chế tạo các module phần cứng của trạm BTS chuyên dụng chuyển tiếp vệ tinh phục vụ vùng sâu vùng xa, biển đảo và các trường hợp khẩn cấp. Nghiên cứu, thiết kế và xây dựng các module phần mềm xử lý tín hiệu. Nghiên cứu thiết kế và xây dựng các module phần mềm giám sát, quản lý và điều khiển hệ thống. Xây dựng

các module phần mềm quản lý cơ sở dữ liệu của hệ thống. Thử nghiệm, đánh giá các tham số kỹ thuật, chức năng của hệ thống trong phòng thí nghiệm. Thực hiện triển khai, đánh giá các tham số kỹ thuật, chức năng của hệ thống trong thực tế.

Số hồ sơ lưu: 19818

82691.09-2022 **Bám không gian con trơ có cấu trúc/** PGS. TS. Nguyễn Linh Trung, TS. Nguyễn Việt Dũng; ThS. Lê Trung Thành; TS. Trần Thị Thúy Quỳnh; TS. Lê Vũ Hà; TS. Trương Minh Chính; TS. Trần Trọng Hiếu; ThS. Phạm Minh Tuấn; GS. TS. Karim Abed-Meraim - Hà Nội - Trường Đại học Công nghệ - Đại học Quốc gia Hà Nội, 2021; 09/2019 - 06/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Thực hiện một cuộc khảo sát và so sánh toàn diện về các phương pháp và thuật toán tốt nhất về bám không gian con trong thập kỷ qua; 2. Phát triển các phương pháp và thuật toán hiệu quả cho bám không gian con khi có nhiễu đột biến và ngoại lai; Phát triển các phương pháp và thuật toán hiệu quả để kết hợp dữ liệu luồng đa chiều từ một vài nguồn tương thông, khi có hay không có nhiễu đột biến và ngoại lai.

Số hồ sơ lưu: 19841

82816.09-2022 **Nghiên cứu các biện pháp giảm thiểu hành vi vi phạm của các doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính đối với bưu gửi liên quan đến dịch vụ thương mại điện tử/** CN. Nguyễn Thanh Dung, TS. Ngô Mạnh Hùng; ThS. Phạm Thị Xuân Thủy; ThS. Nguyễn

Công Huân; KS. Nguyễn Thị Vân Trang; CN. Ngô Thị Hồng Sâm; CN. Trần Thị Hồng Thái - Hà Nội - Thanh tra Bộ Thông tin và Truyền thông, 2021; 04/2019 - 11/2019. (Đề tài cấp Bộ)

Đánh giá thực trạng hoạt động cung ứng dịch vụ bưu chính đối với bưu gửi liên quan đến dịch vụ thương mại điện tử. Nghiên cứu thực trạng vi phạm về chuyển phát hàng hóa thương mại điện tử qua dịch vụ bưu chính. Đề xuất biện pháp giảm thiểu hành vi vi phạm của các doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính đối với bưu gửi liên quan đến dịch vụ thương mại điện tử.

Số hồ sơ lưu: 19877

20206. Phần cứng và kiến trúc máy tính

82914.09-2022 **Phát hiện phần cứng gián điệp trong vi mạch chuyên dụng sử dụng phương pháp phân tích kênh bên/** PGS.TS. Hoàng Văn Phúc, TS. Đào Đình Hà; TS. Trịnh Quang Kiên; GS.TS. Trần Xuân Nam; TS. Hoàng Minh Thiện; TS. Vũ Hoàng Gia; TS. Nguyễn Văn Trung; TS. Lương Duy Mạnh; PGS.TS. Nguyễn Quốc Định; ThS. Nguyễn Hữu Thọ; TS. Đặng Lê Đình Trang; TS. Nguyễn Hải Dương; TS. Đỗ Thành Quân; TS. Nguyễn Tiến Phát; TS. Phạm Thị Huyền; TS. Lê Xuân Đức; ThS. Đỗ Ngọc Tuấn; TS. Lê Thanh Bằng; ThS. Trần Thái Hà - Hà Nội - Học viện Kỹ thuật Quân sự, 2021; 01/2020 - 06/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Tiếp cận, nghiên cứu, đánh giá, xây dựng báo cáo hồ sơ công nghệ và lựa

chọn công nghệ phát hiện phần cứng gián điệp trong vi mạch chuyên dụng sử dụng phương pháp phân tích kênh bên. Đề xuất giải pháp triển khai nghiên cứu, làm chủ và phát triển công nghệ phát hiện phần cứng gián điệp trong vi mạch chuyên dụng và đánh giá mức độ an toàn phần cứng cho các thiết kế vi mạch chuyên dụng dùng trong lĩnh vực trên.

Số hồ sơ lưu: 19886

20302. Chế tạo máy nói chung

82968.09-2022 **Nghiên cứu thiết kế, chế tạo hệ thiết bị chụp ảnh cắt lớp CT sử dụng chùm tia hình nón ứng dụng trong công nghiệp/** TS. Trần Kim Tuấn, ThS. Bùi Ngọc Hà; TS. Trần Ngọc Toàn; TS. Nguyễn Văn Thái; TS. Nguyễn Tất Thắng; TS. Nguyễn Đăng Bình Thành; TS. Nguyễn Hữu Quang; TS. Trần Thùy Dương; ThS. Mai Đình Thủy; TS. Lương Hữu Phước - Hà Nội - Viện Kỹ thuật Hóa học, 2021; 07/2018 - 04/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Nghiên cứu chế tạo hệ thiết bị cắt lớp CT ứng dụng trong kỹ thuật đo lường và phân tích công nghiệp đặc biệt sử dụng cho việc đo đạc kiểm tra chi tiết gia công cơ khí và mẫu vật đúc. Chế tạo ra một thiết bị chụp hình cắt lớp CT thế hệ mới sử dụng chùm tia hình nón (thế hệ thứ 7) để xây dựng hình ảnh cấu trúc của vật thể có độ phân giải cao, thời gian xử lý nhanh, có thể phát hiện sai hỏng trong kích thước cũng như khuyết tật bên trong của các sản phẩm đúc, cơ khí...

Số hồ sơ lưu: 19915

20303. Chế tạo máy công cụ

83027.09-2022 **Tim kiếm công nghệ thiết kế, chế tạo xuồng hơi cứu hộ, cứu nạn trên cơ sở vật liệu Polyme đa lớp/** GS.TS. Hương Xuân Thạch, TS. Nguyễn Việt Thái; GS.TS. Chu Văn Đạt; TS. Phạm Văn Cường; TS. Nguyễn Hoà Bình; TS. Nguyễn Đăng Hải; ThS. Trịnh Hoàng Đông; KS. Hương Việt Dũng; ThS. Hồ Phi Vinh; KS. Trần Kế Đạt - Hà Nội - Trung tâm Nghiên cứu ứng dụng công nghệ cao - Chi nhánh Công ty TNHH 1TV ứng dụng kỹ thuật và sản xuất, 2021; 01/2020 - 06/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Khảo sát nhu cầu sử dụng các phương tiện phục vụ cho nhiệm vụ cứu hộ, cứu nạn tại Việt Nam. Khảo cứu công nghệ sản xuất và khả năng sử dụng xuồng hơi trong cứu hộ cứu nạn của các đối tác, quốc gia trên thế giới. Nghiên cứu phân tích, đánh giá về “công nghệ thiết kế, chế tạo xuồng hơi” của các đối tác nước ngoài. Đề xuất phương án khả thi về hợp tác quốc tế, chuyển giao công nghệ cho sản xuất xuồng hơi tại Việt Nam

Số hồ sơ lưu: 19936

20304. Chế tạo máy động lực

83022.09-2022 **Nghiên cứu thực trạng và đề xuất giải pháp công nghệ ứng dụng trên động cơ diesel 01 xi lanh cỡ nhỏ dùng cho máy động lực và máy nông nghiệp tại Việt Nam/** ThS. Lê Trí Hùng, ThS. Hoàng Minh Đức; ThS. Nguyễn Tuấn Thành; GS.TS. Phạm Minh Tuấn; PGS.TS. Lê Anh Tuấn; PGS.TS. Khổng Vũ Quảng; PGS.TS.

Lê Trung Dũng; TS. Vũ Ngọc Tuấn; Lê Việt Hùng - Hà Nội - Tổng công ty Máy động lực và Máy nông nghiệp Việt Nam - CTCP, 2021; 01/2018 - 12/2019. (Đề tài cấp Bộ)

Đánh giá trình độ công nghệ sản xuất động cơ và nhu cầu sử dụng động cơ diesel 01 xi lanh và dự báo số lượng tiêu thụ động cơ trong nước. Đánh giá tính năng kỹ thuật các sản phẩm động cơ diesel 01 xi lanh dải công suất 15-30 mã lực trên thị trường Việt Nam. Đề xuất giải pháp công nghệ ứng dụng trên động cơ diesel 01 xi lanh dải công suất 15-30 mã lực, với mục tiêu có tính năng kinh tế kỹ thuật tương đương động cơ 01 xi lanh của Nhật Bản và đạt tiêu chuẩn khí thải tiệm cận tiêu chuẩn khí thải Tier 1 và Tier 2 của Mỹ. Xây dựng cơ sở dữ liệu cấu hình kỹ thuật của 2 mẫu động cơ diesel 1 xi lanh dải công suất 15-30 mã lực.

Số hồ sơ lưu: 19933

20305. Kỹ thuật cơ khí và chế tạo máy nông nghiệp

82969.09-2022 **Nghiên cứu tổng hợp ethylene - urea làm phụ gia cho keo Urea - Formaldehyde/** TS. Nguyễn Thị Hà, KS. Nguyễn Thanh Sơn; TS. Phương Kỳ Công; KS. Hồ Thị Xuyên; KS. Dương Văn Lượng; KS. Nguyễn Quốc Vương - Hà Nội - Viện Hóa học Công nghiệp Việt Nam, 2021; 01/2020 - 06/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Xây dựng được quy trình công nghệ tổng hợp ethylene urea và ứng dụng để tạo ra hệ phụ gia cho keo urea formaldehyde. Nghiên cứu tổng quan tài liệu về ethylene urea và keo

urea formaldehyde; Nghiên cứu, xây dựng quy trình công nghệ tổng hợp ethylene urea; Sản xuất thử nghiệm 10 kg ethylene urea; Nghiên cứu xây dựng đơn pha chế hệ phụ gia từ ethylene urea cho keo UF đạt tiêu chuẩn EU về hàm lượng formaldehyde tự do; Nghiên cứu xây dựng quy trình công nghệ chế tạo keo UF có sử dụng hệ phụ gia đã pha chế; Sản xuất thử nghiệm 1.000 kg keo UF có sử dụng hệ phụ gia và đánh giá các mẫu thử tại phòng LAB và tại cơ sở sản xuất gỗ ép, so sánh các chỉ tiêu kỹ thuật sản phẩm với QCVN, tiêu chuẩn EU, CARBP2; Số hồ sơ lưu: 19916

20308. Kỹ thuật và công nghệ hàng không, vũ trụ

82952.09-2022 **Tối ưu đặc tính khí động học và tính ổn định của một tầng máy nén đồng trục cận âm sử dụng phương pháp thải khí và kênh dẫn hồi khí/** TS. Đinh Công Trường, GS. TS. Nguyễn Thế Mịch; PGS. TS. Vũ Đình Quý; PGS. TS. Hoàng Thị Kim Dung; PGS. TS. Ngô Văn Hệ; TS. Lưu Hồng Quân - Hà Nội - Trường Đại học Bách Khoa Hà Nội, 2021; 11/2018 - 11/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Kiểm tra các ảnh hưởng của dòng khí thải ra và kênh dẫn hồi khí lên đặc tính khí động học và tính ổn định của một tầng máy nén dọc trục cận âm thông qua nghiên cứu các tham số. Tối đa hóa đặc tính khí động học và tính ổn định của một tầng máy nén dọc trục cận âm với kênh thải khí kết hợp với lưu lượng thải khí nhỏ bằng cách sử dụng kỹ

thuật tối ưu sử dụng mô hình bày đàn bày đàn (surrogate models). Đồng thời tối ưu hóa kênh dẫn hồi khí cho việc làm tăng đặc tính khí động học và độ ổn định của một tầng máy nén dọc trục cận âm sử dụng các kỹ thuật tối ưu hóa đa mục tiêu (multi-objective optimization techniques) và phân tích ba chiều RANS với các mô hình bày đàn. Qua đó, đánh giá những ưu điểm của kênh thải khí và kênh dẫn hồi khí lên đặc tính khí động học và tính ổn định của một tầng máy nén dọc trục cận âm qua việc xem xét dòng xoáy rò rỉ đầu mũi cánh trong khe hở giữa đầu cánh quay và vỏ ngoài máy nén và các hiện tượng dòng khí gần cánh máy nén.

Số hồ sơ lưu: 19910

20311. Kỹ thuật cơ khí tàu thủy

82168.09-2022 **Nghiên cứu hệ thống điều khiển bước chân vịt trong các chế độ trên tàu Thái Bình Dương/ PGS.TS. Đào Minh Quân, TS. Vương Đức Phúc; ThS. Tổng Lâm Tùng - Hải Phòng - Trường Đại học Hàng hải Việt Nam, 2018; 10/2017 - 05/2018. (Đề tài cấp Cơ sở)**

Khái quát chung về chân vịt biến bước. Xây dựng được hệ thống thực hiện điều khiển và giám sát có sử dụng màn hình HMI, điện thoại cho hệ thống điều khiển chân vịt biến bước cụ thể có nhiều chức năng như hệ thống trong thực tế. Mô hình cũng đã được mang xuống thực tế để kiểm tra độ chính xác.

Số hồ sơ lưu: HPG.2021.010

82784.09-2022 **Nghiên cứu chế tạo hệ thống tích hợp giữa EGR với việc bổ sung khí hydro trên đường nạp cho động cơ diesel tàu thủy, nhằm giảm suất tiêu hao nhiên liệu và phát thải độc hại ô nhiễm môi trường/ TS. Phạm Văn Việt, ThS. Cao Đào Nam; ThS.Đông Thị Minh Hào; ThS. Dương Lê Hùng; ThS. Trần Tiến Đạt; ThS. Trần Khánh Tuyết; ThS. Nguyễn Thị Hoa; ThS. Trần Thị Nguyệt Minh; ThS. Trần Thị Thanh Trà; ThS. Nguyễn Thành Vạn - Hồ Chí Minh - Trường Đại học Giao thông vận tải Thành phố Hồ Chí Minh, 2021; 01/2020 - 03/2021. (Đề tài cấp Bộ)**

Tổng quan về ô nhiễm khí thải do động cơ diesel và công nghệ giảm phát thải cho động cơ diesel tàu thủy. Tổng quan về giải pháp luân hồi khí thải EGR trên động cơ diesel. Tổng quan về nhiên liệu hydro và giải pháp bổ sung nhiên liệu hydro trên đường nạp của động cơ diesel. Thiết kế và chế tạo cụm thiết bị chuyển đổi động cơ diesel tàu thủy sang sử dụng hệ thống EGR có bổ sung hydro trên đường nạp. Thử nghiệm sử dụng hệ thống EGR có bổ sung hydro trên đường nạp của động cơ diesel tàu thủy.

Số hồ sơ lưu: 19867

20312. Kỹ thuật cơ khí và chế tạo thiết bị khai khoáng

82539.09-2022 **Nghiên cứu cơ sở khoa học và thực tiễn để xây dựng mức giới hạn an toàn về chỉ tiêu kỹ thuật, yêu cầu quản lý đối với thuốc nổ nhũ tương an toàn dùng cho mỏ hầm lò có khí, bụi nổ/ KS. Đỗ Đức Khoa, ThS. Phùng Tuấn**

Hoàng; CN. Vũ Thị Ngọc Trà; ThS. Phạm Kiên; TS. Bùi Việt Hưng; KS. Nguyễn Quốc Huy; KS. Nguyễn Văn Đồng; KS. Nguyễn Hải Nam; KS. Phạm Hoàng Linh; KS. Vũ Văn Hải - Hà Nội - Cục Kỹ thuật an toàn và môi trường công nghiệp, 2021; 01/2020 - 12/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Xây dựng mức giới hạn an toàn về chỉ tiêu kỹ thuật, yêu cầu quản lý đối với thuốc nổ nhũ tương an toàn dùng cho mỏ hầm lò có khí nổ và thuốc nổ nhũ tương an toàn dùng cho mỏ hầm lò có độ thoát khí mê tan siêu hạng, bao gồm: Quy định chỉ tiêu kỹ thuật đối với thuốc nổ nhũ tương an toàn dùng cho mỏ hầm lò có khí nổ và thuốc nổ nhũ tương an toàn dùng cho mỏ hầm lò có độ thoát khí mê tan siêu hạng; Quy định về phương pháp thử đối với thuốc nổ nhũ tương an toàn dùng cho mỏ hầm lò có khí nổ và thuốc nổ nhũ tương an toàn dùng cho mỏ hầm lò có độ thoát khí mê tan siêu hạng; Quy định về yêu cầu quản lý đối với thuốc nổ nhũ tương an toàn dùng cho mỏ hầm lò có khí nổ và thuốc nổ nhũ tương an toàn dùng cho mỏ hầm lò có độ thoát khí mê tan siêu hạng. Xây dựng dự thảo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về thuốc nổ nhũ tương an toàn dùng cho mỏ hầm lò có khí nổ. Xây dựng dự thảo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về thuốc nổ nhũ tương an toàn dùng cho mỏ hầm lò có độ thoát khí mê tan siêu hạng.

Số hồ sơ lưu: 19743

82540.09-2022 **Nghiên cứu cơ sở khoa học và thực tiễn để xây dựng mức giới hạn an toàn về chỉ tiêu**

kỹ thuật, yêu cầu quản lý đối với thuốc nổ nhũ tương dùng cho lộ thiên/ KS. Trần Đức Thọ, ThS. Lê Thanh Sơn; CN. Vũ Thị Ngọc Trà; KS. Nguyễn Quốc Huy; KS. Nguyễn Văn Đồng; KS. Nguyễn Hải Nam; KS. Phạm Hoàng Linh; KS. Vũ Văn Hải; TS. Bùi Việt Hưng; KS. Nguyễn Tiến Dũng; KS. Nguyễn Tiên Nghi; ThS. Phạm Thành Trung - Hà Nội - Cục Kỹ thuật an toàn và môi trường công nghiệp, 2021; 01/2020 - 12/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Khảo sát về hiện trạng về các quy định kỹ thuật, yêu cầu quản lý trong thử nghiệm, sản xuất, sử dụng thuốc nổ nhũ tương dùng cho lộ thiên và thuốc nổ nhũ tương năng lượng cao dùng cho lộ thiên. Hoàn thiện các quy định về thuốc nổ nhũ tương dùng cho lộ thiên và thuốc nổ nhũ tương năng lượng cao dùng cho lộ thiên. Xây dựng mức giới hạn an toàn, yêu cầu quản lý đối với thuốc nổ nhũ tương dùng cho lộ thiên và thuốc nổ nhũ tương năng lượng cao dùng cho lộ thiên.

Số hồ sơ lưu: 19744

83023.09-2022 **Nghiên cứu xây dựng mô hình tổ chức sản xuất hợp lý tại các lò chợ cơ giới hóa khai thác các vỉa dày dốc thoải vùng Quảng Ninh/** TS. Bùi Thị Thu Thủy, TS. Nguyễn Thị Kim Oanh; TS. Đào Văn Chi; TS. Phạm Trung Nguyên; TS. Nguyễn Thị Bích Ngọc; TS. Đào Anh Tuấn; TS. Nguyễn Thị Bích Phượng; TS. Nguyễn Tiến Hưng; TS. Phạm Đức Hưng; ThS. Lê Thị Thu Hồng - Hà Nội - Trung tâm Hỗ trợ Tiến Bộ Kỹ

thuật Mỏ, 2020; 01/2019 - 12/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Xây dựng được mô hình tổ chức sản xuất hợp lý trong các lò chợ cơ giới hóa vỉa dày dốc thoải tại các mỏ khai thác than hầm lò vùng Quảng Ninh nhằm tăng năng suất lao động, hạ giá thành sản phẩm, góp phần nâng cao hiệu quả của việc áp dụng cơ giới hóa trong khai thác than. Nghiên cứu tổng quan về quá trình khai thác than và các mô hình tổ chức sản xuất tại lò chợ cơ giới hóa vỉa dày thoải ở các quốc gia trên thế giới và tại Việt Nam. Đánh giá hiện trạng công tác tổ chức sản xuất tại một số lò chợ cơ giới hóa vỉa dày dốc thoải vùng than Quảng Ninh. Nghiên cứu, xây dựng mô hình tổ chức sản xuất hợp lý cho 1 số lò chợ cơ giới hóa vỉa dày dốc thoải vùng Quảng Ninh. Áp dụng mô hình tổ chức sản xuất hợp lý cho lò chợ cơ giới hóa mỏ than Hà Lâm.

Số hồ sơ lưu: 19932

20313. Kỹ thuật cơ khí và chế tạo thiết bị năng lượng

82821.09-2022 **Thiết kế, chế tạo cụm thiết bị chuyển đổi nhiệt thải từ nước làm mát của động cơ diesel tàu thủy thành năng lượng điện trên cơ sở chu trình Rankin sử dụng chất công tác hữu cơ rẻ tiền, có ODP, GWP thấp, nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng năng lượng và tính kinh tế/ PGS.TS. Nguyễn Xuân Phương, ThS. Trương Thanh Hải; ThS. Vũ Hải Nam; ThS. Trần Công Trí; ThS. Nguyễn Thị Bích Ngọc; ThS. Đặng Thanh Nam; TS. Lê Xuân Hồng; ThS. Trần Ngọc Linh; ThS. Nguyễn Duy Tân; ThS. Huỳnh Văn Kiệt - Hồ Chí Minh -**

Trường Đại học Giao thông vận tải Thành phố Hồ Chí Minh, 2021; 01/2020 - 03/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Thiết kế và chế tạo cụm thiết bị tận dụng và chuyển đổi nhiệt thải từ nước làm mát của động cơ diesel tàu thủy cỡ nhỏ thành năng lượng điện. Đánh giá tính năng vận hành và khai thác của động cơ diesel tàu thủy cỡ nhỏ khi được lắp thêm cụm thiết bị chuyển đổi nhiệt thải từ nước làm mát. So sánh và đánh giá khả năng tận dụng nhiệt thải của hệ thống ORC khi được thiết lập với các trường hợp nghiên cứu khác nhau (chỉ tận dụng nhiệt thải của nước làm mát, chỉ tận dụng nhiệt thải của khí xả và kết hợp nhiệt thải nước làm mát với nhiệt thải khí xả).

Số hồ sơ lưu: 19874

20314. Kỹ thuật và công nghệ liên quan đến hạt nhân

82420.09-2022 **Xây dựng Chương trình đào tạo về an ninh nguồn phóng xạ trong sử dụng, vận chuyển và lưu giữ./ KS. Đinh Chí Hưng, TS. Nguyễn Nam Giang; ThS. Vũ Đức Giang; ThS. Hoàng Thị Phương; ThS. Bùi Thị Thúy Anh; ThS. Lương Thị Hồng; ThS. Nguyễn Phương Thảo; ThS. Nguyễn Xuân Thảo; CN. Nguyễn Minh Đức - Hà Nội - Trung tâm Đánh giá không phá hủy (NDE), 2021; 01/2020 - 12/2020. (Đề tài cấp Cơ sở)**

Tổng hợp, phân tích các yêu cầu của các quy định về đảm bảo an ninh nguồn phóng xạ và đào tạo an ninh nguồn phóng xạ trên cơ sở tham khảo tài liệu quốc tế (IAEA, WINS, ...) và yêu cầu của pháp luật Việt

Nam. Xây dựng khung chương trình đào tạo an ninh nguồn phóng xạ và tổ chức lấy ý kiến đóng góp, thống nhất nội dung về khung chương trình đào tạo an ninh nguồn phóng xạ từ các chuyên gia trong lĩnh vực an toàn bức xạ, an ninh nguồn phóng xạ. Tiến hành biên soạn bộ tài liệu đào tạo an ninh nguồn phóng xạ theo khung chương trình đào tạo đã thống nhất ý kiến từ các chuyên gia. Đồng thời, tổ chức lấy ý kiến đóng góp, thống nhất nội dung của bộ tài liệu đào tạo an ninh nguồn phóng xạ từ các chuyên gia trong lĩnh vực an toàn bức xạ, an ninh nguồn phóng xạ.

Số hồ sơ lưu: 19698

82643.09-2022 Đánh giá hiện trạng phóng xạ môi trường biển Việt Nam, nghiên cứu khả năng phát tán và ảnh hưởng phóng xạ từ các nhà máy điện hạt nhân đang vận hành gần lãnh thổ Việt Nam/ TS. Nguyễn Trọng Ngọ, TS.Vũ Duy Vĩnh; ThS.Nguyễn Văn Phúc; ThS.Lê Như Siêu; ThS.Lê Xuân Thắng; KS.Bùi Trọng Duy; CN.Dương Văn Thắng; TS.Trần Anh Tú; TS.Phan Sơn Hải; TS.Cao Đông Vũ; ThS.Trần Quang Thiện; ThS.Nguyễn Minh Hải; TS.Nguyễn Văn Kiên; CN.Nguyễn Minh Đạo; CN.Vương Thị Thu Hằng; ThS.Nguyễn Đình Tùng; ThS.Nguyễn Văn Phú; ThS.Trần Đình Khoa; ThS.Phan Quang Trung; ThS.Võ Thị Mộng Thắm; CN.Nguyễn Thị Hương Lan; ThS.Lê Thị Phú Vân; CN.Lê Minh Tuấn; CN.Nguyễn Tiến Dũng; CN.Nguyễn Thị Mùi - Lâm Đồng - Viện Nghiên

cứu Hạt Nhân, 2021; 07/2018 - 04/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Xác định mức phóng xạ môi trường trong một số đối tượng đặc trưng của vùng ven biển vịnh Bắc Bộ. Xây dựng cơ sở dữ liệu về phóng xạ môi trường và lập bản đồ hiện trạng ô nhiễm các nguyên tố phóng xạ nhân tạo (^{137}Cs , $^{239,240}\text{Pu}$, ^3H) trong môi trường biển (nước, trầm tích) cho vùng biển gần bờ vịnh Bắc Bộ. Đánh giá khả năng ảnh hưởng của bức xạ đối với con người và môi trường của Việt Nam dựa trên các kết quả tính toán phát tán. Đề xuất giải pháp ứng phó đối với các kịch bản tai nạn từ nhà máy điện hạt nhân Phòng Thành và Xương Giang.

Số hồ sơ lưu: 19805

82915.09-2022 Thiết kế, chế tạo hệ đo xác định nhanh phổ, liều neutron và xây dựng phần mềm tách phổ đi kèm/ ThS. Nguyễn Ngọc Quỳnh, TS. Lê Ngọc Thiêm; ThS. Nguyễn Hữu Quyết; ThS. Hồ Quang Tuấn; ThS. Bùi Đức Kỳ; KS. Dương Văn Triệu; ThS. Trần Thanh Hà; ThS. Bùi Ánh Dương; ThS. Phạm Bảo Ngọc; ThS. Trần Văn Trung; ThS. Bùi Xuân Cường; ThS. Đặng Quốc Soái - Hà Nội - Viện Khoa học và Kỹ thuật Hạt nhân, 2021; 01/2019 - 12/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu tổng quan về phương pháp tách phổ neutron và các thiết bị đo neutron và phương pháp tách phổ ở Việt Nam. Chế tạo hệ phổ kế đo phổ, liều neutron sau một lần chiếu sử dụng đầu dò neutron thụ động (TLD). Hệ đo này sẽ giúp việc xác định H*

(10) chính xác hơn các thiết bị đo liều neutron cầm tay, tuy nhiên vẫn giảm được thời gian đo đạc (so với hệ BSS truyền thống) Xây dựng phần mềm tách phổ neutron đi kèm (sử dụng thuật toán mạng thần kinh hoặc gen di truyền). Kết quả phân tích phổ của phần mềm này tương đương với các phần mềm thương mại quốc tế (MAXED, FRUIT, GRAVEL,...)

Số hồ sơ lưu: 19898

82916.09-2022 Nghiên cứu phương pháp hiệu chỉnh thành phần photon trong trường chuẩn neutron $^{241}\text{Am-Be}$ / TS. Lê Ngọc Thiêm, ThS. Nguyễn Ngọc Quỳnh; ThS. Hồ Quang Tuấn; ThS. Bùi Đức Kỳ; ThS. Dương Đức Thắng; KS. Nguyễn Văn Sỹ; ThS. Dương Văn Triệu; ThS. Trần Thanh Hà; ThS. Bùi Thị Ánh Dương - Hà Nội - Viện Khoa học và Kỹ thuật Hạt nhân, 2021; 01/2019 - 12/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Tổng quan các nghiên cứu liên quan đến trường chuẩn liều neutron và xác định thành phần đóng góp của photon trong trường chuẩn liều neutron của nguồn $^{241}\text{Am-Be}$ trên khía cạnh phổ và khía cạnh tương đương liều. Mô phỏng phổ thông lượng photon trong trường chuẩn liều neutron của nguồn $^{241}\text{Am-Be}$ trên bằng phương pháp Monte-Carlton sử dụng MCNP6 và tính toán tương đương liều photon tại 5 giá trị khoảng cách khác nhau tới nguồn. Mô phỏng phổ thông lượng neutron trong trường chuẩn liều neutron của nguồn $^{241}\text{Am-Be}$ làm chậm bởi khối cầu đường kính 30cm bằng

phương pháp Monte-Carlo sử dụng MCNP6. Mô phỏng và đo đạc thực nghiệm kiểm chứng đường cong hiệu suất ghi đo photon của 2 loại đầu đo. Đo đạc phổ thông lượng và tính toán suất tương đương liều photon môi trường trong trường chuẩn liều neutron của nguồn $^{241}\text{Am-Be}$ trên bằng đầu đo nhấp nháy NaI(Tl) tại 5 giá trị khoảng cách tới nguồn.

Số hồ sơ lưu: 19897

20401. Sản xuất hóa học công nghiệp nói chung (nhà máy, sản phẩm)

82045.09-2022 Nghiên cứu hoàn thiện công nghệ và chế thử sản phẩm môi nổ (MN-13), môi nổ tăng cường (MNTC-13) trên dây chuyền sản xuất hiện có của công ty TNHH MTV Cơ khí Hóa chất 13/ KS. Trịnh Văn Tuấn, KS. Nguyễn Thành Duy; ThS. Đỗ Quang; ThS. Hoàng Kim Thành; ThS. Nguyễn Hữu Nam; KS. Nguyễn Văn Hiếu; KS. Lê Minh Khoa; KS. Hứa Minh Thành; KS. Nguyễn Hồng Phong; CN. Nguyễn Thanh Liêm - Tuyên Quang - Công ty TNHH MTV Cơ khí Hóa chất 13, 2021; 11/2020 - 12/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Hoàn thiện công nghệ sản xuất môi nổ (MN-13) và môi nổ tăng cường (MCTC-13). Chế tạo hoàn chỉnh 150 sản phẩm (MN-13) và 150 sản phẩm (MNTC-13), nghiệm thu tĩnh đạt yêu cầu theo tài liệu thiết kế. Thử nghiệm, nghiệm thu đánh giá các đặc tính kỹ thuật môi nổ đạt yêu cầu theo tài liệu thiết kế. Nghiên cứu hoàn thiện công nghệ sản xuất môi nổ trên

dây chuyền hiện có phù hợp với yêu cầu kỹ thuật để tiến hành sản xuất. Bố trí, sắp xếp lại mặt bằng công nghệ để đảm bảo lưu trình sản xuất phù hợp, quá trình triển khai sản xuất linh hoạt đảm bảo an toàn và năng suất.

Số hồ sơ lưu: 19618

82385.09-2022 Phân lập và đánh giá khả năng phân hủy hoạt chất propanil trong thuốc trừ cỏ của vi khuẩn/ TS. Hà Danh Đức, ThS. Nguyễn Thị Oanh; PGS.TS. Nguyễn Hữu Hiệp; TS. Nguyễn Thị Diệu Thúy; TS. Phạm Quốc Nguyên; ThS. Nguyễn Thị Hải Lý; CN. Đậu Thị Hồng Ngọc; ThS. Huỳnh Thị Thanh Trúc; ThS. Nguyễn Thị Huỳnh Như - Đồng Tháp - Trường Đại học Đồng Tháp, 2021; 01/2019 - 03/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Thu thập các mẫu đất từ các đồng ruộng thường xuyên sử dụng thuốc trừ cỏ, tiến hành phân lập các dòng vi khuẩn có khả năng phân hủy propanil. Định dạng các dòng vi khuẩn dựa vào trình tự 16S rRNA và khảo sát phân hủy propanil của vi khuẩn trong môi trường lỏng. Đồng thời, khảo sát sự phân hủy propanil của vi khuẩn trong đất ở điều kiện phòng thí nghiệm.

Số hồ sơ lưu: 19697

82588.09-2022 Nghiên cứu thu hồi và tách đất hiếm từ mỏ Nam Đê gi để sản xuất phân bón vi lượng./ PGS. TS. Cao Văn Hoàng, PGS. TS. Đào Ngọc Nhiệm; PGS. TS. Nguyễn Thị Diệu Cẩm; PGS. TS. Võ Viễn; PGS. TS. Nguyễn Thị Hoài Phương; PGS. TS. Lưu Minh Đại; PGS. TS.

Nguyễn Phi Hùng; PGS. TS. Võ Minh Thứ; KS. Nguyễn Việt Hà; CN. Võ Tuấn Toàn - Bình Định - Trường Đại học Quy Nhơn, 2021; 02/2018 - 05/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Làm chủ được công nghệ thu hồi và tách nguyên tố đất hiếm từ mỏ Nam Đê Gi để sản xuất phân bón vi lượng. Nghiên cứu được dây chuyền pilot thu hồi và tách đất hiếm từ quặng monazite ở mỏ Nam Đê Gi đạt yêu cầu làm phân bón. Xây dựng được dây chuyền sản xuất phân bón vi lượng đất hiếm đạt công suất 200.000 Lit /năm. Chiết La, Ce, Nd, Y bằng kỹ thuật chiết lỏng lỏng với tác nhân chiết TPPO trong dung dịch muối đầy quy mô phòng thí nghiệm. Thiết kế và chế tạo hệ thống quy trình công nghệ pilot thu hồi và tách các nguyên tố đất hiếm từ quặng monazite Nam Đê Gi. Hoàn thiện dây chuyền công nghệ ở dạng pilot và vận hành.

Số hồ sơ lưu: 19759

82694.09-2022 Hỗ trợ xây dựng mô hình điểm áp dụng giải pháp cải tiến và hệ thống quản lý kho thông minh cho các doanh nghiệp ngành nhựa/ TS. Dương Trung Kiên, TS. Nguyễn Đạt Minh; ThS. Nguyễn Thị Như Vân; ThS. Nguyễn Đình Tuấn Phong; ThS. Đỗ Thị Loan; ThS. Ngô Anh Tuyết; ThS. Ngô Thị Thu Thủy; ThS. Vũ Thị Minh Nhật; TS. Trương Huy Hoàng; ThS. Nguyễn Thị Lê - Hà Nội - Trường Đại học Điện lực, 2021; 01/2020 - 12/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Đề xuất các giải pháp cải tiến và hệ thống quản lý kho thông minh cho các doanh nghiệp ngành nhựa. Theo đó, nhiệm vụ của đề tài là đánh giá thực tế hoạt động quản lý kho hàng tại doanh nghiệp điển thuộc ngành nhựa của Việt Nam để từ đó xác định các mục tiêu và giải pháp ứng dụng cải tiến kho hàng và đề xuất xây dựng và phát triển phần mềm quản lý kho thông minh cho doanh nghiệp ngành nhựa.

Số hồ sơ lưu: 19842

82745.09-2022 **Nghiên cứu sản xuất và ứng dụng chế phẩm vi sinh vật phục hồi sản xuất cây ăn quả trên đất bị nhiễm mặn tại tỉnh Bến Tre/** TS. Nguyễn Đức Thành, CN. Nguyễn Thế Quyết; PGS. TS. Khuất Hữu Trung; TS. Trần Ngọc Thanh; ThS. Phạm Thị Mai; CN. Đào Thị Thu Hằng; CN. Lê Thị Ly; TS. Bùi Thị Lan Hương; PGS. TS. Hà Việt Cường; ThS. Phạm Văn Đồng - Hà Nội - Viện di truyền nông nghiệp, 2021; 09/2017 - 09/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Phân lập, tuyển chọn được 02 - 03 chủng VSV có khả năng chịu mặn được muối NaCl $\geq 1\%$ và có hoạt tính sinh học (tổng hợp polysaccarit ngoại bào hoặc hoạt chất kích thích sinh trưởng thực vật hoặc phân giải lân) hỗ trợ cây ăn quả phục hồi và phát triển trên đất bị nhiễm mặn, đảm bảo an toàn sinh học. Quy trình sản xuất chế phẩm VSV quy mô sản xuất thử (pilot) và hướng dẫn sử dụng chế phẩm vi sinh vật cho cây ăn quả trên đất bị nhiễm mặn. Tạo ra được 01 chế phẩm VSV có khả năng phục hồi và duy trì sinh trưởng cây

ăn quả $\geq 80\%$ trên đất bị nhiễm mặn. Xây dựng được 02 - 03 mô hình sử dụng hiệu quả chế phẩm VSV phục hồi và duy trì sinh trưởng cây sầu riêng và bưởi Da xanh trên đất bị nhiễm mặn.

Số hồ sơ lưu: 19826

82813.09-2022 **Nghiên cứu sản xuất phân bón NPK một hạt sử dụng cho một số loại cây trồng bằng kỹ thuật tạo hạt dạng tháp cao phục vụ phát triển nông**

ngiệp bền vững / KS. Lê Ngọc Trinh, CN. Nguyễn Đình Dũng; ThS. Nguyễn Đức Th ắng; ThS. Nguyễn Trường Giang ; TS. Nguyễn Đức Nam; KS. Nguyễn Thanh Quế; ThS. Hoàng Văn Mạnh ; TS. Đinh Văn Hoai; CN. Đặng thị Ngọc Sim; ThS. Phạm Quốc Hoàng - Phú Yên - Công ty TNHH Sản Xuất và Thương Mại Hoàng Long Vina , 2021; 09/2016 - 08/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Đánh giá thực trạng sản xuất, sử dụng và nhu cầu phân NPK ở trong và ngoài nước. Xây dựng công nghệ sản xuất phân NPK một hạt bằng kỹ thuật tháp cao. Thiết kế tổng thể dây chuyền thiết bị tạo hạt dạng tháp cao công suất 60.000 tấn/năm. Tính toán và thiết kế hệ thống điều khiển tự động toàn bộ dây chuyền sản xuất phân bón NPK một hạt dạng tháp cao, công suất 60.000 tấn/năm. Lắp đặt, vận hành và hiệu chỉnh tổng thể dây chuyền thiết bị tạo hạt dạng tháp cao, công suất 60.000 tấn/năm. Khảo nghiệm dây chuyền thiết bị tạo hạt dạng tháp cao, đào tạo và chuyển giao cho sản xuất. Hoàn thiện quy trình công nghệ sản xuất phân NPK một hạt bằng kỹ thuật tháp cao. Xây

dựng quy trình sử dụng phân bón NPK 30-10-10, 20-10-10 một hạt cho lúa, sắn, cà phê, hồ tiêu, điều, lạc, mía.

Số hồ sơ lưu: 19872

82925.09-2022 **Nghiên cứu và hoàn thiện công nghệ sản xuất chế phẩm phân bón lá sinh học giàu oligocarrageenan và phân vi sinh chức năng từ sinh khối rong sụn (*Kappaphycus alvarezii*) nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất một số cây trồng quan trọng (Cà phê, ngô) tại các tỉnh Tây Nguyên/ TS.** Phạm Trung Sản, TS. Huỳnh Hoàng Như Khánh; TS. Đặng Xuân Cường; ThS. Nguyễn Hoàng; ThS. Trương Anh Khoa; TS. Phạm Thế Trinh; ThS. Lê Thị Nhung; ThS. Trần Mai Đức; TS. Châu Minh Khánh; TS. Phạm Đức Thịnh - Khánh Hòa - Viện Nghiên cứu và Ứng dụng công nghệ Nha Trang, 2021; 07/2018 - 03/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Hoàn thiện quy trình công nghệ hoàn chỉnh để tạo các sản phẩm phân bón mới an toàn giá thành thấp, thân thiện môi trường từ sinh khối rong sụn (*Kappaphycus alvarezii*) và ứng dụng ở quy mô pilot gồm: Tách chiết điều chế phân bón lá giàu oligocarrageenan, tạo chế phẩm phân vi sinh chức năng sử dụng vi sinh vật bản địa (vi khuẩn cố định đạm *Azotobacter* spp và *Bacillus mucilaginosus*) từ bã sinh khối rong sụn sau tách chiết. Xây dựng các quy trình sản xuất và sử dụng hiệu quả cho cà phê, ngô sử dụng các chế phẩm phân bón. Đa dạng hóa sản phẩm đầu ra cho rong sụn góp phần phát triển nghề nuôi trồng loại rong

này tại các tỉnh Nam Trung Bộ và nâng cao hiệu quả sản xuất nông nghiệp tại các tỉnh Tây Nguyên, tạo liên kết phát triển kinh tế liên vùng Nam Trung Bộ - Tây Nguyên.

Số hồ sơ lưu: 19901

83069.09-2022 **Thử nghiệm, lựa chọn bộ thuốc Bảo vệ thực vật có nguồn gốc sinh học phòng trừ sâu, bệnh hại chính phục vụ sản xuất rau an toàn tập trung trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa/ ThS.** Nguyễn Đình Sơn, - Thanh Hóa - Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật Thanh Hóa, 2020; (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Lựa chọn được bộ thuốc bảo vệ thực vật có nguồn gốc sinh học để phòng trừ hiệu quả sâu hại chính, bệnh hại chính trên 03 nhóm: rau ăn lá; ăn củ và rau ăn quả tại vùng sản xuất rau an toàn, tập trung của tỉnh; Xây dựng thành công mô hình sản xuất rau có sử dụng bộ thuốc đã được lựa chọn; Xây dựng bản hướng dẫn kỹ thuật sử dụng bộ thuốc Bảo vệ thực vật có nguồn gốc sinh học để phòng trừ sâu, bệnh hại chính cho nhóm rau ăn lá, nhóm rau ăn củ và nhóm rau ăn quả; Đào tạo cán bộ kỹ thuật được cấp giấy chứng nhận và tập huấn; tập huấn cho 200 lượt nông dân nắm vững quy trình kỹ thuật sử dụng bộ thuốc bảo vệ thực vật nguồn gốc sinh học an toàn hiệu quả.

Số hồ sơ lưu: THA-012-2021

20403. Kỹ thuật hoá được

82617.09-2022 **Nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao công nghệ phục vụ khai thác, bảo tồn và phát triển một số chế phẩm từ một vài**

loài nấm Linh chi (Ganoderma spp.) tại khu vực Tây nguyên/ PGS. TS. Trần Việt Hùng, DS. Phan Nguyễn Trường Thắng; ThS. Dương Minh Tân; PGS. TS. Nguyễn Phương Đại Nguyên; DSKKI. Trần Quốc Lộc; PGS. TS. Đỗ Thị Hà; PGS. TS. Nguyễn Tiến Đạt; DS. Lê Thị Thu Hiền - Hồ Chí Minh - Viện Kiểm nghiệm Thuốc thành phố Hồ Chí Minh, 2021; 07/2018 - 03/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Điều tra đánh giá tiềm năng, nghiên cứu khả năng phát triển nguồn gen của một số loài nấm Linh chi (Ganoderma spp.) có giá trị của khu vực Tây Nguyên; Nghiên cứu nhân giống, phát triển, ứng dụng, tạo ra 4 sản phẩm từ các loài nấm Linh chi (Ganoderma spp.) ở khu vực Tây Nguyên; Chuyển giao công nghệ, phục vụ khai thác, bảo tồn và phát triển một số loài nấm Linh chi (Ganoderma spp.) tại Tây Nguyên. Số hồ sơ lưu: 19797

82782.09-2022 Nghiên cứu phát triển một số cây tinh dầu thân thảo có giá trị kinh tế cao và ứng dụng công nghệ chế biến tinh dầu phục vụ phát triển kinh tế xã hội tại Tây Nguyên/ TS. Lưu Đàm Ngọc Anh, ThS. Bùi Văn Hương; PGS.TS. Ninh Khắc Bản; TS. Đỗ Văn Trường; TS. Nguyễn Hữu Toàn Phan; TS. Nông Văn Duy; TS. Nguyễn Hải Đăng; TS. Bùi Văn Thanh; ThS. Nguyễn Chi Mai; CN. Ninh Thị Hòa - Hà Nội - Bảo tàng Thiên nhiên Việt Nam, 2021; 08/2017 - 08/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Đánh giá đa dạng tài nguyên cây tinh dầu tại Tây Nguyên, triển vọng ứng dụng và đề xuất chiến lược phát triển. Phân tích thị trường tinh dầu và hương liệu ở Việt Nam cũng như trên thế giới. Nghiên cứu thuần hóa nhập nội một số giống tinh dầu thương mại có giá trị cao. Sản xuất thử nghiệm các sản phẩm từ cây tinh dầu có nguồn gốc từ vùng ôn đới. Lựa chọn công nghệ chế biến tinh dầu phục vụ mô hình thử nghiệm. Ứng dụng sản xuất các sản phẩm từ tinh dầu thiên nhiên và nghiên cứu xử lý bã thải sau chưng cất.

Số hồ sơ lưu: 19868

20405. Kỹ thuật hoá hữu cơ

82221.09-2022 Chuyển giao ứng dụng công nghệ lên men xử lý rác thải hữu cơ thành chất tẩy rửa sinh học nhằm giảm thiểu ô nhiễm môi trường/ ThS. Đào Xuân Tùng, ThS. Đào Xuân Tùng; ThS. Quách Quốc Tuấn; CN. Trần Trần Mặc Khải - tỉnh Vĩnh Long - Trung tâm Tư vấn hỗ trợ hợp tác xã và doanh nghiệp thành viên, 2020; 04/2020 - 12/2020. (Đề tài cấp Cơ sở)

Chọn hộ tham gia mô hình. Phối hợp với các hộ dân thu gom rác thải hữu cơ để làm nguyên liệu. Xử lý nguyên liệu và tiến hành ủ lên men và thành phẩm. Tập huấn triển khai dự án. Tổ chức hội thảo. Tổng hợp viết báo cáo tổng kết

Tổ chức tổng kết dự án

Số hồ sơ lưu: VLG.CS008.2021-0000314

20406. Kỹ thuật hoá dầu

82920.09-2022 Phát triển phương pháp tính toán phân bố áp suất

thủy tĩnh và thủy động trong màng dầu ở chế độ bôi trơn hỗn hợp: Ví dụ ứng dụng tính toán cho bơm bánh răng ăn khớp trong/ TS. Phạm Trọng Hòa, TS. Nguyễn Đình Tứ; TS. Trương Văn Thuận; TS. Nguyễn Thành Công; TS. Trần Xuân Bộ; TS. Ngô Ích Long; PGS.TS. Thái Hà Phi - Hà Nội - Trường Đại học Giao thông vận tải, 2021; 09/2019 - 09/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Nghiên cứu tổng quan về vai trò của màng dầu bôi trơn và các hình thức bôi trơn cơ bản. Nghiên cứu các phương pháp bôi trơn thủy tĩnh, phương pháp bôi trơn thủy động và phương pháp bôi trơn hỗn hợp. Tổng quan về bơm bánh răng và xác định áp lực tác dụng lên vành răng.

Số hồ sơ lưu: 19899

20507. Vật liệu xây dựng

82120.09-2022 Nghiên cứu xây dựng quy trình công nghệ sản xuất gạch lát có tính năng thoát nước/ Trần Duy Cảnh, KS. Nguyễn Tiến Duy; CN. Trương Thị Mai Loan; KS. Trần Duy Hưng; CN. Trần Duy Phúc ; KS. Nguyễn Văn Nhất; KS. Phạm Ngọc Khánh - Hải Phòng - Công ty Cổ phần Cơ khí và Vật liệu Thanh Phúc Group, 2020; 10/2019 - 12/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Nghiên cứu tổng quan tài liệu và những vấn đề lý thuyết có liên quan. Nghiên cứu quy trình công nghệ sản xuất gạch lát có tính năng thoát nước. Sản xuất và thi công thử nghiệm. Hoàn thiện các quy trình sản xuất và thi công.

Số hồ sơ lưu: HPG.2021.002

82426.09-2022 Nghiên cứu thiết kế, chế tạo và lắp đặt thử nghiệm tấm bê tông cốt thép toàn khối dùng làm đường ngang tại các nhà ga và giao cắt đường bộ - đường sắt trên địa bàn thành phố Đà Nẵng/ PGS .TS. Trần Thế Truyền, TS. Nguyễn Văn Tươi ; ThS. Lê Quang Vũ ; TS. Lê Bá Anh ; TS. Hoàng Việt Hải; TS. Hồ Văn Quân ; ThS. Huỳnh Phúc Hậu ; ThS. Phạm Cường; ThS. Trần Phước Dũng; KS. Đoàn Bảo Quốc - Đà Nẵng - Trường Cao đẳng Giao thông Vận tải Trung ương V, 2021; 01/2019 - 03/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Thiết kế, chế tạo và lắp đặt thử nghiệm tấm bê tông cốt thép toàn khối làm đường ngang tại các nhà ga và giao cắt đồng mức đường sắt – đường bộ đảm bảo các yêu cầu về khả năng chịu tải, độ bền, độ êm thuận cũng như giảm thiểu các chi phí duy tu bảo dưỡng và khai thác. Nghiên cứu lý thuyết, xây dựng báo cáo tổng quan về hệ kết cấu, vật liệu sử dụng tại vị trí đường ngang đang được sử dụng trên thế giới và ở Việt Nam. Sử dụng phương pháp điều tra khảo sát, đánh giá hiện trạng, chất lượng khai thác các công trình đường ngang tại thành phố Đà Nẵng. Tính toán thiết kế, xây dựng bộ bản vẽ sản phẩm tấm bê tông cốt thép làm đường ngang đường sắt.

Số hồ sơ lưu: 19706

82652.09-2022 Nghiên cứu chế tạo vật liệu và băng tải cao su chịu nhiệt chất lượng cao cốt thép và cốt mảnh polyeste ứng dụng trong công nghiệp/ PGS. TS. Nguyễn

Thanh Liêm, PGS. TS. Bạch Trọng Phúc; TS. Đỗ Quang Minh; TS. Phạm Thị Lánh; TS. Nguyễn Châu Giang; KS. Hồ Phi Vinh; TS. Nguyễn Phạm Duy Linh; ThS. Vũ Thị Dung; KS. Hoàng Văn Thành; ThS. Phạm Văn Trường - Hà Nội - Viện Kỹ thuật Hoá học, 2021; 01/2018 - 01/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Tổng quan về lĩnh vực vật liệu cao su và băng tải. Xây dựng đơn phối liệu và điều kiện chế tạo blend cao su chịu nhiệt đáp ứng yêu cầu để chế tạo lớp cao su bề mặt trên, cao su bám dính và cao su bề mặt dưới cho băng tải chịu nhiệt cốt thép và cốt mảnh polyeste. Xây dựng quy trình chế tạo băng tải cao su chịu nhiệt cốt thép và cốt mảnh polyeste có khả năng chịu nhiệt lên đến 1500 C. Sản xuất và thử nghiệm tại các đơn vị sử dụng 2000 mét dài băng tải cao su chịu nhiệt cốt thép và cốt mảnh polyeste.

Số hồ sơ lưu: 19821

82712.09-2022 **Nghiên cứu phương pháp dự báo thời hạn khai thác còn lại của kết cấu bê tông cốt thép công trình cảng biển khu vực Hải Phòng, Quảng Ninh/** KS. Tô Trung Hiếu, TS. Ngô Doãn Dũng ThS. Nguyễn Đức Hậu; TS. Ngô Doãn Dũng; ThS. Vũ Xuân Quang; ThS. Hoàng Sơn Đình; ThS. Đoàn Văn Môn; KS. Trần Đình Long; KS. Đặng Công Minh; ThS. Trần Thị Phương Anh; KS. Đặng Tiến Hưng - Hà Nội - Viện Khoa học và Công nghệ Giao thông Vận tải, 2021; 01/2020 - 06/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu, đánh giá quá trình suy thoái của các kết cấu BTCT trên mặt nước trong các công trình cảng biển khu vực Hải Phòng, Quảng Ninh, để từ đó đưa ra phương pháp dự đoán tuổi thọ còn lại của các kết cấu BTCT và của cả công trình. Theo nhiều nghiên cứu và báo cáo từ những khảo sát thực tế của nước ngoài thì kết cấu BTCT dưới mặt nước ít bị hư hỏng hơn phía trên do chúng luôn bị bão hòa nước nên sự trao đổi ôxy trong bê tông rất thấp.

Số hồ sơ lưu: 19849

82918.09-2022 **Nghiên cứu sử dụng kết hợp tro bay nhiệt điện và xỉ lò cao để chế tạo bê tông chất kết dính kiểm hoạt hóa (không sử dụng xi măng) dùng cho các công trình thủy lợi làm việc trong môi trường biển góp phần bảo vệ môi trường/** PGS.TS. Nguyễn Thanh Bằng, ThS. Đinh Hoàng Quân; TS. Đinh Anh Tuấn; PGS.TS. Lê Minh; PGS.TS. Nguyễn Hữu Huê; PGS.TS. Nguyễn Quang Cường; TS. Hoàng Văn Hà; TS. Đặng Sỹ Lân; ThS. Nguyễn Tiến Trung; ThS. Phạm Thanh Tâm; TS. Phương Thảo; ThS. Phạm Đức Trung - Hà Nội - Viện Khoa học Thủy lợi Việt Nam, 2021; 06/2018 - 04/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Cơ sở khoa học và thực tiễn cho việc lựa chọn kết hợp tro bay nhiệt điện và xỉ lò cao chế tạo bê tông chất kết dính kiểm hoạt hóa. Các yếu tố ảnh hưởng đến các tính chất cơ bản của bê tông chất kết dính kiểm hoạt hóa sử dụng tro bay nhiệt điện và xỉ lò cao Nghiên cứu phương pháp tính toán thành phần cấp phối bê tông

chất kết dính kiểm hoạt hóa sử dụng tro bay nhiệt điện và xỉ lò cao. Đánh giá khả năng ứng dụng của bê tông chất kết dính kiểm hoạt hóa sử dụng tro bay nhiệt điện và xỉ lò cao cho các kết cấu bê tông, bê tông cốt thép khi chịu tác động của các tác nhân xâm thực trong môi trường biển Việt Nam. Xây dựng quy trình công nghệ sản xuất, thí nghiệm, thi công, nghiệm thu bê tông chất kết dính kiểm hoạt hóa sử dụng kết hợp tro bay nhiệt điện, xỉ lò cao. Xây dựng mô hình thử nghiệm chế tạo, lắp đặt cấu kiện bê tông chất kết dính kiểm hoạt hóa bảo vệ một đoạn mái đê biển.

Số hồ sơ lưu: 19896

82919.09-2022 Ứng dụng mô hình địa hóa học để dự đoán hiệu suất lâu dài của vật liệu bê tông trong môi trường: nước biển và nước thải sinh hoạt/ TS. Trần Văn Quân, PGS.TS. Nguyễn Hoàng Long; PGS.TS. Đào Văn Đông; TS. Phạm Tuấn Anh; ThS. Nguyễn Long Khánh - Vĩnh Phúc - Trường Đại học Công nghệ Giao thông vận tải, 2021; 04/2019 - 03/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Xây dựng mô hình địa hóa học để mô phỏng độ bền bê tông xi măng trong môi trường nước biển với một tham số thí nghiệm duy nhất là hệ số thấm. Xác định tính đúng đắn của mô hình địa hóa học đối với bê tông xi măng Portland trong môi trường nước biển. Xây dựng và xác định tính đúng đắn của mô hình địa hóa học đối với bê tông xi măng Portland có thêm phụ gia như tro bay, muội silic, tro xỉ trong môi trường nước.

Xác định ảnh hưởng của thành phần khoáng hóa cốt liệu với độ bền của bê tông xi măng trong môi trường nước biển.

Số hồ sơ lưu: 19895

82970.09-2022 Ứng xử nhiệt của kết cấu bê tông cường độ cao/ PGS. TS. Đỗ Anh Tú, TS. Hoàng Việt Hải; PGS. TS. Nguyễn Hữu Thuấn; PGS. TS. Ngô Văn Minh; ThS. Vũ Xuân Thành - Hà Nội - Trường Đại học Giao thông vận tải, 2021; 04/2017 - 04/2019. (Đề tài cấp Quốc gia)

Xác định các đặc trưng nhiệt (bao gồm nhiệt thủy hóa, độ tăng nhiệt độ đoạn nhiệt) của một số hỗn hợp bê tông cường độ cao phổ biến thông qua các thí nghiệm. Mô phỏng quá trình phát sinh, truyền nhiệt và phát triển ứng suất trong kết cấu bê tông cường độ cao sử dụng phương pháp sai phân hữu hạn và phần tử hữu hạn. Tính toán khả năng nứt của một số bộ phận kết cấu cầu sử dụng bê tông cường độ cao. Tính toán ngưỡng nhiệt độ gây nứt, phân tích ảnh hưởng của một số yếu tố môi trường, kích thước và các thành phần hỗn hợp bê tông đến sự phát triển nhiệt độ và khả năng nứt của kết cấu bê tông cường độ cao. Từ đó có thể đề xuất biện pháp làm giảm nhiệt độ trong bê tông và giảm khả năng nứt của kết cấu.

Số hồ sơ lưu: 19912

83068.09-2022 Ứng dụng Công nghệ mới để nâng cao công suất, chất lượng gạch ốp lát cao cấp tại Thanh Hóa/ CN. Nguyễn Thanh Hải, - Thanh Hóa - Tổng công ty đầu

tư phát triển đô thị - CTCP, 2020; 04/2018 - 04/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/Thành phố)

Ứng dụng thành công công nghệ nung 2 lần và tráng men siêu phẳng để nâng cao công suất, chất lượng trong sản xuất gạch ốp lát cao cấp kích thước 400*800mm tại tỉnh Thanh Hóa. Xây dựng được hệ thống dây chuyền đồng bộ sản xuất thành công gạch ốp cao cấp khổ lớn kích thước 400*800mm sử dụng công nghệ 2 lần, tráng men siêu phẳng. Hoàn thiện quy trình công nghệ sản xuất gạch ốp cao cấp khổ lớn kích thước 400*800mm sử dụng công nghệ 2 lần, tráng men siêu phẳng.

Số hồ sơ lưu: THA-011-2021

20511. Màng mỏng, vật liệu sơn, vật liệu phủ

82542.09-2022 **Nghiên cứu chế tạo lớp phủ chống cháy từ một số hệ polyme hữu cơ và các chất phụ gia nhằm ứng dụng bảo vệ kết cấu, ngăn lửa cho các công trình công nghiệp và dân dụng khi có sự cố hỏa hoạn/** TS. Nguyễn Thị Tuyết Mai, PGS. TS. Trịnh Xuân Anh; CN. Đỗ Thị Thu Lan; TS. Lê Diệu Thư; TS. Trần Vĩnh Hoàng; ThS. Trần Anh Tuấn; KS. Chu Đức Anh; KS. Nguyễn Đức Nguyên; KS. Trần Thị Thu Huyền; TS. Nguyễn Duy Cường; ThS. Bùi Doãn Huân; CN. Nguyễn Thị Hồng Minh; KS. Lai Hồng Quân; CN. Vũ Thị Hồng Phương; KS. Tạ Anh Việt; KS. Trần Ngọc Anh; KS. Nguyễn Văn Tuấn - Hà Nội - Công ty TNHH MTV Tư vấn và chuyển giao công nghệ Bách Khoa, 2021; 06/2019 - 02/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Nghiên cứu lựa chọn và tối ưu hoá chất tạo nguồn cacbon khi phản ứng với axit ở nhiệt độ cao; Tổng hợp và tối ưu hoá một số loại chất tạo gốc axit để làm tăng quá trình cacbon hoá và ngăn lửa. Nghiên cứu các tác nhân tạo độ xốp cho màng phủ khi ở nhiệt độ cao. Lựa chọn hệ polyme tạo màng (chất tạo màng) có tính chất và có khả năng bám dính tốt trên các loại chất liệu thép, bê tông và gỗ. Tổng hợp và tối ưu hoá thành phần vật liệu nano trong hệ màng phủ nhằm tăng khả năng chịu nhiệt và độ bền của cấu trúc xốp hình thành ở nhiệt độ cao. Nghiên cứu tối ưu hoá các thành phần trong hệ sơn để tạo màng phủ có khả năng ngăn cháy, cách nhiệt khi gặp nguồn nhiệt. Nghiên cứu tối ưu hoá kết cấu màng phủ và đánh giá khả năng chống cháy trên các chất liệu thép, bê tông và gỗ, thử nghiệm sản phẩm sơn chống cháy cho một số công trình.

Số hồ sơ lưu: 19745

20515. Vật liệu tiên tiến

82610.09-2022 **Nghiên cứu khả năng chống cháy của hợp chất chống cháy photpho/photpho-nitơ trên nền vật liệu polyuretan xốp được tổng hợp từ poly(etylen terephtalat) phế thải/** PGS.TS.Hoàng Thị Đông Quý, PGS. TS. Hoàng Ngọc Cường; TS. Đỗ Thị Vi Vi; ThS. Nguyễn Ngọc Thủy; ThS. Phạm Huy Lâm - Hồ Chí Minh - Trường Đại học Khoa học Tự nhiên Tp. Hồ Chí Minh, 2021; 08/2018 - 08/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Tổng hợp và nghiên cứu khả năng chống cháy của vật liệu polyuretan xốp được tổng hợp từ poly(ethylene terephthalate)-PET phế thải (RPUf) với sự hiện diện của hợp chất chống cháy photpho/photpho-nitơ, nhằm cải thiện và nâng cao tính chất chống cháy và tính chất nhiệt đáp ứng các yêu cầu ứng dụng trong nhiều ngành công nghiệp quan trọng như ngành xây dựng, giao thông vận tải, và hạn chế những tổn thất to lớn về kinh tế, giảm thiểu ảnh hưởng nghiêm trọng đến môi trường và sự sống của con người do quá trình cháy gây ra. Ngoài ra vật liệu RPUf do tận dụng được nguồn nguyên liệu PET phế thải cũng là vấn đề cần thiết góp phần bảo vệ và hạn chế sự ô nhiễm môi trường.

Số hồ sơ lưu: 19760

83076.09-2022 Nghiên cứu sử dụng phế thải, phụ phẩm từ rơm, rạ, trấu, thân cây để chế tạo vật liệu nhẹ, cấu kiện bảo vệ sông rạch thân thiện với môi trường tại ĐBSCL/

PGS.TS. Nguyễn Phú Quỳnh, TS. Khương Văn Huân; ThS. Nguyễn Trung An; PGS.TS. Tô Văn Thanh; ThS. Đỗ Đức Hải; ThS. Ứng Ngọc Nam; KS. Nguyễn Văn Trung; ThS. Lưu Thị Thúy Hằng; ThS. Quách Thanh Sang; ThS. Cao Hồng Tân - Hồ Chí Minh - Viện khoa học thủy lợi miền nam, 2021; 10/2018 - 04/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL) được biết đến là vựa lúa của cả nước, hàng năm lượng rơm, rạ, trấu và các phụ phẩm nông nghiệp khác thải ra do sản xuất nông

ng nghiệp có khối lượng rất lớn đến hàng chục triệu tấn. Từ những thành tựu khoa học công nghệ trong lĩnh vực sản xuất vật liệu xây dựng có sử dụng phụ phẩm nông nghiệp trên thế giới và Việt Nam. Để làm phong phú hơn và có thêm sự lựa chọn các giải pháp bảo vệ bờ trong đó tận dụng nguồn nguyên liệu sẵn có (thậm chí dư thừa) tại địa phương và trên hết là thân thiện với môi trường và với giá thành phù hợp, đề tài đã đề xuất ý tưởng sử dụng phế thải, phụ phẩm từ rơm, rạ, trấu, thân cây để chế tạo vật liệu nhẹ, cấu kiện bảo vệ sông rạch thân thiện với môi trường tại ĐBSCL. Vì vậy đề tài “Nghiên cứu sử dụng phế thải, phụ phẩm từ rơm, rạ, trấu, thân cây để chế tạo vật liệu nhẹ, cấu kiện bảo vệ sông rạch thân thiện với môi trường tại ĐBSCL” là cần thiết, có ý nghĩa khoa học và có ý nghĩa bảo vệ môi trường cũng như ý nghĩa thực tiễn ứng dụng vào các công trình bảo vệ bờ cho vùng ĐBSCL.

Số hồ sơ lưu: 19952

20601. Kỹ thuật và thiết bị y học

82599.09-2022 Nghiên cứu thiết kế và chế tạo robot y tế vận chuyển trong khu vực cách ly bệnh truyền nhiễm có nguy cơ cao/ PGS. TS. Tăng Quốc Nam, TS. Lê Đình Sơn; TS. Hoàng Quang Chính; ThS. Hà Huy Hưng; TS. Nguyễn Anh Văn; TS. Nguyễn Đình Quân; ThS. Hoàng Văn Tiến; ThS. Nguyễn Đức Anh; TS. Trần Văn An; TS. Lê Bá Chung; ThS. Nguyễn Thế Hưng; TS. Trương Xuân Tùng; KS. Nguyễn Đắc Thắng; ThS. Tạ Đức Hải; KS. Nguyễn Ngọc Bình; TS. Nguyễn

Ngọc Hòa; PGS. TS. Ngô Thành Long; TS. Lê Trường Sơn; TS. Dương Mạnh Hùng - Hà Nội - Học viện Kỹ thuật Quân sự, 2021; 04/2020 - 06/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Làm chủ kỹ thuật, công nghệ thiết kế, chế tạo robot phục vụ trong y tế nói chung và robot y tế vận chuyển nói riêng. Phát triển hệ thống robot y tế vận chuyển trong khu vực cách ly bệnh truyền nhiễm có nguy cơ cao để hỗ trợ, thay thế con người trong việc phục vụ, chăm sóc người bệnh nói chung, người bị cách ly do nghi nhiễm virus nói riêng,... nhằm hạn chế việc lây nhiễm giữa bệnh nhân và nhân viên y tế, người phục vụ. Chế tạo và ứng dụng thành công hệ thống robot y tế vận chuyển phù hợp với môi trường cách ly bệnh truyền nhiễm có nguy cơ cao, trước mắt đáp ứng được yêu cầu chống dịch Covid-19. Định hướng, tạo nền tảng về kỹ thuật và công nghệ để phát triển các loại sản phẩm robot phục vụ trong các ứng dụng khác nhau.

Số hồ sơ lưu: 19751

20603. Kỹ thuật phân tích mẫu thuốc

82606.09-2022 Nghiên cứu vai trò của 5'-AMP activated protein kinase (AMPK) trong biểu hiện gen adenylate cyclase sử dụng một số dược phẩm và kích thích bằng human Luteinizing Hormone (hLH) hoặc Forskolin ở tế bào Leydig MLTC-1/ TS. Nguyễn Thị Mộng Điệp, TS. Trần Thanh Sơn; PGS. TS. Nông Văn Hải; TS. Nguyễn Thùy Dương; ThS. Nguyễn Lê Công Minh - Bình Định - Trường

Đại học Quy Nhơn, 2021; 08/2018 - 08/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Xác định vai trò của AMPK đối với sự biểu hiện gen mã hóa adenylate cyclase dưới tác động của một số dược phẩm và sự kích thích của human Luteinizing Hormone (hLH) hoặc Forskolin ở tế bào Leydig MLTC-1. Xác định sự phosphoryl hoá protein AMPK và vai trò của AMPK trong quá trình sản sinh steroid có sự tham gia biểu hiện của gen adenylate cyclase. Từ đó, dự đoán được ảnh hưởng của AMPK đến quá trình sản sinh steroid (steroidogenesis) trong tế bào LeydigMLTC-1.

Số hồ sơ lưu: 19752

20604. Kỹ thuật chẩn đoán bệnh

82605.09-2022 Nghiên cứu xây dựng hệ tư vấn và hỗ trợ chẩn đoán bệnh theo tiếp cận tính toán mờ/ PGS. TS. Lê Hoàng Sơn, TS. Trần Mạnh Tuấn; PGS. TS. Trần Đình Khang; PGS. TS. Võ Trương Như Ngọc; ThS. Phạm Huy Thông; ThS. Nguyễn Thọ Thông; ThS. Hoàng Thị Minh Châu - Hà Nội - Viện Công nghệ Thông tin, 2021; 12/2018 - 07/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Tập trung nghiên cứu phát triển các kỹ thuật tính toán mờ mới, tập trung vào các kỹ thuật phân cụm mờ, hệ tư vấn và hỗ trợ ra quyết định và các hệ lai trên tập mờ nâng cao trong tư vấn và hỗ trợ chẩn đoán bệnh từ dữ liệu ảnh y tế và dữ liệu triệu chứng bệnh. Xây dựng các phương pháp biểu diễn, xử lý và rút trích tri thức từ cơ sở dữ liệu y tế. Đề xuất phương pháp tính toán mờ nâng cao trong hỗ trợ

chẩn đoán bệnh từ hình ảnh và dữ liệu triệu chứng. Xây dựng phương pháp ra quyết định và hệ tư vấn trong chẩn đoán.

Số hồ sơ lưu: 19758

83035.09-2022 **Nghiên cứu ứng dụng kỹ thuật xét nghiệm Cyfra 21-1, NSE, CEA, SCC, Progrp trong chẩn đoán và theo dõi điều trị ung thư phổi tại các bệnh viện tuyến tỉnh Thanh Hóa năm 2018-2019/ BSCCKII.** Lê Đăng Khoa, - Thanh Hóa - Bệnh viện Đa khoa tỉnh Thanh Hóa, 2020; (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Ứng dụng thành công kỹ thuật xét nghiệm Cyfra 21-1, NSE, CEA, SCC, ProGRP trên máy Cobas 8000. Đánh giá hiệu quả chẩn đoán và theo dõi điều trị ung thư phổi của Cyfra21-1, NSE, CEA, SCC, ProGRP. Đã hoàn thành việc triển khai các xét nghiệm Cyfra21-1, NSE, CEA, SCC và ProGRP trên máy cobas 8000 tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh Thanh Hoá. Các xét nghiệm đáp ứng được các yêu cầu kỹ thuật mà nhà sản xuất đã khuyến cáo. Đã xây dựng được quy trình chuẩn của mỗi xét nghiệm. Hoàn thành quá trình đào tạo kỹ thuật cho tất cả nhân viên phòng xét nghiệm Hóa Sinh.

Số hồ sơ lưu: THA-003-2021

20701. Kỹ thuật môi trường và địa chất, địa kỹ thuật

82350.09-2022 **Nghiên cứu giải pháp BI (Business Intelligence) trong phân tích, xử lý dữ liệu, hỗ trợ ra quyết định cảnh báo thiên tai. Thử nghiệm đối với phân vùng**

cảnh báo nguy cơ trượt lở đất đá huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai./ KS. Phạm Minh Trường, KS. Nguyễn Minh Tuấn; KS. Nguyễn Văn Trâm; ThS. Nguyễn Thị Hải Vân; ThS. Đặng Thị Thu Trang; KS. Phạm Thanh Tùng; ThS. Lưu Thanh Bình; ThS. Nguyễn Hồ Khánh; KS. Phạm Văn Sơn; KS. Nguyễn Quang Trung - Hà Nội - Trung tâm công nghệ phần mềm và GIS, 2020; 01/2018 - 12/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Khảo sát và đánh giá các nguồn dữ liệu trong dự báo thiên tai. Nghiên cứu tổng quan về giải pháp BI và các công cụ BI cũng như các thành phần trong BI. Đồng thời, nghiên cứu áp dụng một số hệ phương pháp khác nhau để xây dựng các mô hình phân vùng cảnh báo nguy cơ trượt lở đất đá tại huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai. Xây dựng hệ thống phần mềm hỗ trợ cảnh báo thiên tai và tiến hành thử nghiệm đối với phân vùng cảnh báo nguy cơ trượt lở đất đá huyện Bát Xát, tỉnh Lào Cai.

Số hồ sơ lưu: 19681

82437.09-2022 **Nghiên cứu ứng dụng tổ hợp các giải pháp cải tạo, phục hồi hệ sinh thái khu vực bãi thải và khu khai thác khoáng sản nhằm ngăn ngừa hoang mạc hóa, sử dụng đất hiệu quả, bền vững vùng Tây Nguyên/** TS. Nguyễn Mạnh Hà, TS. Phan Văn Trường; TS. Nguyễn Thành Mến; TS. Phạm Thị Dung; ThS. Lê Thị Mỹ Hào; TS. Bùi Thị Ngọc Dung; TS. Lưu Thế Anh; TS. Nguyễn Thanh Hoàn; TS. Hoàng Lưu Thu Thủy; TS. Dương Thị Lịm - Hà Nội - Viện Địa lý,

2020; 01/2017 - 12/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Xác lập cơ sở khoa học để cải tạo, phục hồi hệ sinh thái đất ngăn ngừa thoái hóa đất và hoang mạc hóa. Xây dựng được mô hình thí điểm nhằm cải tạo, phục hồi hệ sinh thái đất phù hợp cho một số bãi thải, khu vực khai thác khoáng sản điển hình. Xác định và tuyển chọn được 3-5 loại thực vật, cây trồng thích hợp nhằm cải tạo đất bãi thải, khu khai thác khoáng sản. Đề xuất được nhóm giải pháp chính sách, nhóm giải pháp công nghệ, tổ hợp công nghệ cho việc cải tạo, phục hồi, quản lý sử dụng đất bền vững.

Số hồ sơ lưu: 19708

82453.09-2022 Nghiên cứu cơ sở lý luận và thực tiễn nhằm xây dựng khung pháp lý bảo vệ môi trường vùng ven biển có tính liên ngành, liên tỉnh/ TS. Nguyễn Hải Yến, PGS. TS. Phạm Văn Lợi; ThS. Nguyễn Thị Quỳnh Hương; TS. Mai Đức Chung; ThS. Nguyễn Văn Anh; Lưu Thị Hương; ThS. Vũ Ngọc Minh; ThS. Nguyễn Thị Hồng Lam; ThS. Phan Quang; CN. Hoàng Tố Phương - Hà Nội - Viện Khoa học Môi trường, 2021; 07/2018 - 06/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu đã luận giải được cơ sở lý luận của khung pháp lý bảo vệ môi trường vùng ven biển. Nghiên cứu tiến hành đánh giá thực trạng bảo vệ môi trường (BVMT) và thực hiện các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường vùng ven biển tại Việt Nam từ đó đề xuất các sửa đổi, bổ sung nhằm hoàn thiện một số văn bản pháp luật về bảo vệ môi

trường vùng ven biển có tính liên ngành, liên tỉnh. Làm rõ được cơ sở lý luận và thực tiễn về khung pháp lý bảo vệ môi trường vùng ven biển (BVMTVVB) có tính liên ngành, liên tỉnh. Đề xuất được nội dung cần sửa đổi, bổ sung nhằm hoàn thiện một số văn bản pháp luật về bảo vệ môi trường vùng ven biển có tính liên ngành, liên tỉnh.

Số hồ sơ lưu: 19717

82474.09-2022 Nghiên cứu cơ sở khoa học và thực tiễn nhằm xây dựng kế hoạch phòng, chống ô nhiễm môi trường đối với cảng biển/ TS. Nguyễn Thị Phương Mai, ThS. Trần Thị Thu Anh; CN. Lê Thị Nhung; ThS. Nguyễn Thị Dung; ThS. Nguyễn Thị Kiều Nguyệt; ThS. Phan Tiến Thành; TS. Phạm Ngọc Sơn; ThS. Dương Thị Thanh Hà; TS. Đinh Thị Hải Vân; ThS. Nguyễn Thiên Phương Thảo; ThS. Nguyễn Thị Ngọc Ánh - Hà Nội - Viện Khoa học Môi trường, 2021; 07/2018 - 06/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Làm rõ cơ sở khoa học và thực tiễn về phòng, chống ô nhiễm môi trường đối với cảng biển. Xây dựng hướng dẫn lập kế hoạch phòng, chống ô nhiễm môi trường đối với cảng biển phù hợp điều kiện Việt Nam nhằm hoàn thiện công cụ quản lý môi trường đối với cảng biển. Đánh giá được thực trạng năng lực bảo vệ môi trường tại các cảng biển ở Việt Nam. Qua đó đề xuất tài liệu hướng dẫn lập kế hoạch phòng, chống ô nhiễm môi trường đối với cảng biển phù hợp điều kiện Việt Nam nhằm hoàn thiện

công cụ quản lý môi trường đối với cảng biển.

Số hồ sơ lưu: 19724

82492.09-2022 **Nghiên cứu ứng dụng công nghệ xử lý sinh học có kiểm soát mùi và nước rỉ rác để xử lý chất thải rắn sinh hoạt phù hợp với điều kiện Việt Nam/ GS. TS. Nguyễn Văn Cách, PGS. TS. Trần Liên Hà; TS. Đặng Minh Hiếu; PGS. TS. Tăng Thị Chính; TS. Nguyễn Văn Xá; TS. Lê Đức Bảo; ThS. Tôn Thu Giang; TS. Đỗ Biên Cương; TS. Phạm Ngọc Hưng; TS. Đỗ Xuân Trường - Hà Nội - Viện Công nghệ Sinh học và Công nghệ Thực phẩm, 2020; 09/2017 - 10/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)**

Xây dựng được quy trình ứng dụng công nghệ xử lý sinh học có kiểm soát mùi và nước rỉ rác để xử lý chất thải rắn sinh hoạt phù hợp với điều kiện Việt Nam cho các trạm xử lý chất thải sinh hoạt tập trung, chất thải đầu ra phù hợp với điều kiện đốt tiêu hủy hiện nay ở Việt Nam và có sản phẩm tái chế. Có mô hình kiểm định chất lượng công nghệ nêu trên ngoài hiện trường quy mô 40 tấn rác tươi/mẻ ủ (gồm: modul bể ủ sinh học hiếu khí chất thải + modul xử lý nước rỉ rác + modul xử lý khí thải kèm theo và modul sấy loại ẩm làm khô chất thải có năng lực tương ứng - có kết hợp khai thác năng lực trang thiết bị công đoạn tiếp nhận - tiền xử lý và các trang thiết bị xử lý khác hiện có của cơ sở, nơi xây dựng mô hình). Giải pháp công nghệ từ đề tài có thể phát triển hoàn thiện lên giải pháp công nghệ xử lý có

khai thác ô nhiễm chất thải sinh hoạt phù hợp với điều kiện Việt Nam.

Số hồ sơ lưu: 19727

82517.09-2022 **Nghiên cứu cơ sở khoa học và thực tiễn để đề xuất nội dung bảo vệ môi trường tại cảng biển và quy trình kiểm tra, cơ chế giám sát tiếp nhận chất thải phát sinh tại cảng biển/ TS. Nguyễn Minh Trung, Trần Thị Liên; Trần Quang Hải; Nguyễn Hữu Tùng; Nguyễn Thị Thuý; Phạm Minh Dương; Bùi Thuý Hoà; Trần Thế Anh; Vũ Thuý Dung; Đỗ Tá Hoà - Hà Nội - Viện Nghiên cứu biển và hải đảo, 2021; 06/2017 - 10/2020. (Đề tài cấp Bộ)**

Đánh giá được hiện trạng năng lực bảo vệ môi trường tại các cảng biển ở Việt Nam, qua đó đề xuất những nội dung về bảo vệ môi trường tại cảng biển và quy trình kiểm tra, cơ chế giám sát tiếp nhận chất thải phát sinh tại cảng biển. Đây là những vấn đề mới, hiện nay đang được quan tâm, đặc biệt, các vấn đề này có ý nghĩa lớn cho việc thực hiện chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển và phát triển cảng biển xanh tại Việt Nam. Đề xuất nội dung bảo vệ môi trường tại cảng biển và quy trình kiểm tra, cơ chế giám sát tiếp nhận chất thải phát sinh tại cảng biển.

Số hồ sơ lưu: 19733

82680.09-2022 **Xây dựng mô hình quản lý tổng hợp, tuần hoàn và tái sử dụng chất thải của một số làng nghề tái chế lưu vực sông Nhuệ-Đáy/ TS. Đỗ Tiến Anh, TS. Nguyễn Thị Liễu; PGS. TS. Huỳnh Thị Lan**

Hương; ThS. Nguyễn Kiên; TS. Lê Ngọc Cầu; TS. Chu Xuân Quang; PGS. TS. Nguyễn Đức Quảng; PGS. TS. Nguyễn Đức Lượng; PGS.TS. Trịnh Thị Thanh; TS. Phạm Tuấn Hùng; ThS. Tạ Văn Sơn - Hà Nội - Viện khoa học Khí tượng thủy văn và Biến đổi khí hậu, 2021; 06/2018 - 03/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Nghiên cứu đề xuất được các giải pháp tổng hợp giảm thiểu chất thải, tuần hoàn tái sử dụng chất thải cho các làng nghề tái chế nhựa và tái chế kim loại phù hợp với điều kiện KT-XH lưu vực sông Nhuệ - Đáy; Áp dụng 02 mô hình thí điểm cho các cơ sở tái chế nhựa, kim loại thuộc các làng nghề tái chế lưu vực sông Nhuệ - Đáy. Mô hình bao gồm các hoạt động quản lý nội vi giúp các cơ sở tái chế thuộc làng nghề tiết kiệm được nguyên vật liệu và năng lượng, giảm chất thải ra môi trường; các hệ thống tái sử dụng nước thải đạt tiêu chuẩn TCVN 40:2011 cột B và đảm bảo tiêu chuẩn có thể tuần hoàn lại khâu sản xuất; các hệ thống tái chế chất thải rắn tạo ra sản phẩm có thể sử dụng lại được; và các hệ thống xử lý khí thải của các cơ sở sản xuất tại các làng nghề tái chế kim loại và tái chế nhựa. Đề tài đã xây dựng và áp dụng thí điểm thành công 02 mô hình tại làng nghề Bình Yên, xã Nam Thanh, huyện Nam Trực, tỉnh Nam Định và làng nghề Triều Khúc, xã Tân Triều, huyện Thanh Trì, Hà Nội.

Số hồ sơ lưu: 19832

82910.09-2022 **Nghiên cứu thiết kế, chế tạo hệ thiết bị thu hồi bụi**

bột cá và xử lý mùi ứng dụng vào các cơ sở sản xuất bột cá để giảm thiểu ô nhiễm môi trường/ TS. Đỗ Hoàng Tùng, ThS. Lê Hồng Mạnh; CN. Văn Thị Tâm; KS. Dương Xuân Trường; KS. Hoàng Mạnh Tiên; KS. Phạm Đức Tuấn; CN. Nguyễn Đình Tuấn - Hà Nội - Trung tâm Phát triển Công nghệ CECO, 2021; 01/2019 - 12/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Khảo sát thực tế hiện trạng của hệ thống xử lý khí thải của dây chuyền sản xuất bột cá tại cơ sở chế biến thủy hải sản. Tiến hành đo đạc lấy mẫu, phân tích một số chỉ tiêu ô nhiễm trong khí thải. Trên cơ sở các kết quả đo và phân tích được đánh giá hiệu quả xử lý của hệ thống xử lý hiện tại và đưa ra giải pháp nâng cấp xử lý triệt để thành phần bụi mịn và mùi hôi từ quá trình sản xuất bột cá. Thiết kế, chế tạo hệ thống thiết bị xử lý bụi mịn và mùi hôi trong khí thải ở quy mô pilot và ứng dụng triển khai trong thực tế sản xuất.

Số hồ sơ lưu: 19887

83050.09-2022 **Nghiên cứu, xây dựng phương pháp xác định mức cảnh báo tại trạm quan trắc phóng xạ môi trường Lạng Sơn/** CN. Nguyễn Văn Khánh, CN. Dương Văn Thắng; ThS. Nguyễn Thị Oanh; ThS. Dương Đức Thắng; CN. Cao Đức Việt; CN. Đoàn Thúy Hậu; CN. Nguyễn Thị Hòa - Hà Nội - Viện Khoa học và Kỹ thuật Hạt nhân, 2020; 01/2020 - 12/2020. (Đề tài cấp Cơ sở)

Một phương pháp để ước tính thông mật đất của trạm quan trắc phóng xạ Lạng Sơn đã được xây dựng và trình bày. Mức cảnh báo động được tính

toán từ trung bình số học và độ lệch chuẩn của các giá trị suất tương đương liều môi trường. Xây dựng và áp dụng phương pháp phù hợp cho trạm quan trắc suất liều gamma trực tuyến tại Lạng Sơn. Chúng ta sẽ có được dữ liệu về phong mật đất và mức cảnh báo cho các trạm khác trong mạng lưới quan trắc.

Số hồ sơ lưu: 19943

83064.09-2022 Xây dựng quy trình xác định hàm lượng các kim loại nặng Cd, Pb, Zn, Cu trong mẫu trầm tích bằng khối phổ ICP-MS/ CN. Dương Văn Thắng, ThS. Nguyễn Thị Oanh; CN. Nguyễn Văn Khánh; CN. Lê Thị Hòa; CN. Cao Đức Việt; ThS. Nguyễn Thị Thu Hà; ThS. Bùi Đắc Dũng - Hà Nội - Viện Khoa học và Kỹ thuật Hạt nhân, 2021; 01/2020 - 12/2020. (Đề tài cấp Cơ sở)

Xây dựng quy trình xác định hàm lượng kim loại nặng Cd, Pb, Zn, Cu trong mẫu trầm tích bằng khối phổ ICP-MS, qua đó áp dụng quy trình để phân tích 5 mẫu trầm tích thu thập được tại sông Đáy. Kết quả phân tích có sai số thấp, độ chụm, độ đúng tốt, phù hợp với các nhóm nghiên cứu khác trên cùng đối tượng, cụ thể, hàm lượng Cd, Pb, Zn, Cu lần lượt nằm trong các khoảng (0,336 ÷ 0,781) mg/kg; (16,088 ÷ 90,877) mg/kg; (54,017 ÷ 125,593) mg/kg; và (12,042 ÷ 67,974) mg/kg. Giới hạn phát hiện nằm trong khoảng 1,5 µg/kg đến 81 µg/kg, đáp ứng yêu cầu khoa học cần đạt được. Kết quả của nhiệm vụ là tiền đề để phát triển các nghiên

cứu về môi trường thông qua phân tích hàm lượng các kim loại nặng.

Số hồ sơ lưu: 19948

83066.09-2022 Ước lượng lợi ích kinh tế của việc cải thiện chất lượng không khí tại Hà Nội: Áp dụng phương pháp thực nghiệm các lựa chọn/ TS. Nguyễn Công Thành, PGS.TS. Lê Thu Hoa; TS. Nguyễn Diệu Hằng; PGS.TS. Lê Hà Thanh; ThS. Nguyễn Quang Hồng - Hà Nội - Trường Đại học kinh tế Quốc dân, 2021; 11/2017 - 11/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Xác định các lựa chọn chính sách phù hợp để cải thiện chất lượng không khí khu vực đô thị. Trên cơ sở phân tích các kinh nghiệm trong nước và quốc tế về cải thiện chất lượng không khí, nhóm nghiên cứu xác định các lựa chọn chính sách phù hợp nhằm cải thiện chất lượng không khí tại Hà Nội nói riêng và các đô thị lớn của Việt Nam nói chung. Phân tích kết quả điều tra. Các công cụ phân tích kinh tế lượng được áp dụng phù hợp với đặc điểm dữ liệu điều tra theo phương pháp CE. Không chỉ ước lượng các giá trị WTP, hoạt động phân tích cũng đánh giá về đặc điểm của các giá trị ước lượng WTP, nghiên cứu những nhân tố ảnh hưởng tới giá trị WTP và xác định các hàm ý chính sách đề xuất cho trường hợp của Hà Nội nói riêng và các đô thị lớn của Việt Nam nói chung.

Số hồ sơ lưu: 19949

20703. Kỹ thuật năng lượng và nhiên liệu không phải dầu khí

82379.09-2022 Nghiên cứu hoàn thiện công nghệ, xây dựng và chuyển giao mô hình khai thác và sử dụng hợp lý nguồn năng lượng mặt trời và năng lượng gió phục vụ sản xuất và sinh hoạt ở Tây Nguyên/ TS. Nguyễn Quang Ninh, ThS. Nguyễn Đức Minh; TS. Đoàn Văn Bình; ThS. Nguyễn Bình Khánh; ThS. Nguyễn Ngọc Bách; ThS. Nguyễn Hoài Nam; ThS. Lưu Lệ Quyên; ThS. Phạm Thị Hạnh; ThS. Nguyễn Thị Thu Hương; TS. Vũ Minh Pháp; ThS. Lương Ngọc Giáp; TS. Ngô Phương Lê; ThS. Nguyễn Việt Hương; TS. Lê Quang Sáng - Hà Nội - Viện Khoa học Năng lượng, 2021; 08/2017 - 12/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Đánh giá, lựa chọn công nghệ và quy mô khai thác hợp lý nguồn năng lượng mặt trời, năng lượng gió phù hợp với điều kiện đặc thù của Tây Nguyên. Lựa chọn, hoàn thiện công nghệ, xây dựng, chuyển giao mô hình ứng dụng công nghệ tiên tiến nhằm khai thác hiệu quả nguồn tài nguyên năng lượng gió và mặt trời ở Tây Nguyên. Qua đó, đề xuất giải pháp kỹ thuật công nghệ, tổ chức quản lý, nhân rộng mô hình.

Số hồ sơ lưu: 19691

20704. Viễn thám

82641.09-2022 Nghiên cứu, đánh giá tác động của quá trình biến đổi khí hậu và các hoạt động kinh tế-xã hội đến môi trường lưu vực sông Ba/Đà Rằng bằng công nghệ viễn thám và GIS/ TS. Phạm Thị Mai Thy, TS. Lâm Đạo Nguyên; TS.

Nguyễn Hữu Huân; PGS. TS. Châu Nguyễn Xuân Quang; KS. Trương Nhật Kiều Thi; KS. Thẩm Thị Ngọc Hân; CN. Đinh Trần Anh Thư; ThS. Đào Văn Tuyết; ThS. Trần Thái Vinh; ThS. Trần Văn Chung; CN. Tống Phước Hoàng Sơn - TP. Hồ Chí Minh - Trung tâm Vũ trụ Việt Nam, 2021; 05/2018 - 04/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Đánh giá hiện trạng về điều kiện tự nhiên và môi trường ở lưu vực sông Ba/Đà Rằng, bao gồm: lớp phủ/sử dụng đất nông nghiệp, độ phủ rừng, sạt lở bờ sông, hạn hán, nhiệt độ và độ ẩm bề mặt đất; Đánh giá diễn biến của một số tham số điều kiện tự nhiên và môi trường dưới tác động của các hoạt động kinh tế - xã hội và quá trình biến đổi khí hậu ở lưu vực sông Ba/Đà Rằng từ nguồn dữ liệu ảnh viễn thám đa thời gian; Xây dựng cơ sở dữ liệu phục vụ cho việc quản lý lưu vực sông Ba/Đà Rằng; Nâng cao khả năng khai thác và sử dụng dữ liệu ảnh viễn thám phục vụ công tác quản lý lưu vực sông Ba/Đà Rằng.

Số hồ sơ lưu: 19813

82751.09-2022 Nghiên cứu cơ sở khoa học nhằm ứng dụng công nghệ viễn thám trong đánh giá, giám sát độ sụt lún của đập thủy lợi đối với các đập không có hoặc thiếu số liệu quan trắc/ ThS. Hoàng Tiến Thành, ThS. Đinh Xuân Hùng; KS. Trịnh Thị Trà; KS. Vũ Thị Mỹ Hạnh; ThS. Lê Vĩnh Hưng; ThS. Hoàng Quang Dương; ThS. Bùi Hải Ninh; ThS. Trần Thị Huyền; KS. Nguyễn Duy Quang; ThS. Cẩm Thị Lan Hương - Hà Nội - Viện quy

hoạch thủy lợi, 2021; 01/2020 - 06/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Tổng hợp cách tiếp cận, phương pháp luận và các mô hình đã thực hiện trên thế giới và tại Việt Nam. Điều tra, thu thập tài liệu, số liệu phục vụ nghiên cứu từ các nguồn số liệu thực tiễn, đo đạc và viễn thám. Nghiên cứu cơ sở khoa học và đánh giá, lựa chọn giải pháp ứng dụng công nghệ viễn thám trong đánh giá, giám sát độ sụt lún của đập thủy lợi đối với các đập không có hoặc thiếu số liệu quan trắc. Ứng dụng thử nghiệm giám sát sụt lún cho 01 đập thủy lợi tại Việt Nam. Phân tích, đề xuất giải pháp công nghệ viễn thám trong đánh giá, giám sát độ sụt lún của đập thủy lợi đối với các đập không có hoặc thiếu số liệu quan trắc.

Số hồ sơ lưu: 19859

82948.09-2022 Nghiên cứu ứng dụng công nghệ viễn thám và công nghệ đồ họa (GPGPU) xây dựng bộ dữ liệu bản đồ thảm thực vật dưới biển, ứng dụng thí điểm tại vùng biển tỉnh Khánh Hòa/ TS. Võ Trọng Thạch, ThS. Võ Tấn Thông; TS. Nguyễn Đình Thuát; TS. Võ Mai Như Hiên; ThS. Phan Minh Thụ; PGS.TS. Hoàng Công Tín; PGS.TS. Trần Thị Thanh Vân; TS. Phạm Trung Sản; TS. Nguyễn Duy Nhút; ThS. Đinh Ngọc Đạt - Khánh Hòa - Viện Nghiên cứu và Ứng dụng công nghệ Nha Trang, 2021; 11/2017 - 01/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Tổng quan ứng dụng công nghệ đồ họa GPGPU trong xử lý ảnh viễn thám. Đánh giá thực trạng môi

trường ở các thảm thực vật dưới biển khu vực nghiên cứu, đánh giá chất lượng môi trường nước theo mùa và xây dựng bộ dữ liệu hiện trạng phân bố các thảm cỏ biển và rong, thí điểm tại vùng biển ven bờ tỉnh Khánh Hòa. Tiến hành xây dựng thuật toán giải đoán thảm thực vật dưới biển từ tư liệu ảnh viễn thám, ứng dụng thử nghiệm tại vùng biển ven bờ tỉnh Khánh Hòa. Xây dựng bộ phần mềm mã nguồn mở (GPU4RS) xử lý ảnh viễn thám trên nền GPU và xây dựng bộ bản đồ phân bố thảm thực vật theo mùa (mùa khô và mùa mưa) vùng biển ven bờ khu vực nghiên cứu. Đồng thời, xây dựng cơ sở dữ liệu bản đồ số thảm thực vật dưới biển tỉnh Khánh Hòa và phổ biến trên hệ thống phần mềm WebGIS. Qua đó, đề xuất giải pháp ứng dụng viễn thám và GIS vào quản lý nguồn lợi thực vật biển.

Số hồ sơ lưu: 19907

20705. Khai thác mỏ và xử lý khoáng chất

82690.09-2022 Nghiên cứu cơ sở khoa học và thực tiễn hạch toán giá trị tài nguyên khoáng sản phục vụ quy hoạch phát triển bền vững. Áp dụng thử nghiệm tại tỉnh Lào Cai./ PGS. TS. Nguyễn Phương, ThS. Nguyễn Thị Thu Hằng; ThS. Nguyễn Văn Bình; TS. Trịnh Đình Huân; TS. Trịnh Hải Sơn; ThS. Vũ Thị Lan Anh; ThS. Nguyễn Thị Cúc; ThS. Nguyễn Chí Thực; TS. Nguyễn Quốc Định; ThS. Nguyễn Ngọc Hiền - Hà Nội - Liên đoàn Vật lý địa chất, 2021; 07/2018 - 06/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Đánh giá giá trị của ba thành phần cơ bản (vốn tài sản vô hình, vốn sản xuất và vốn tài nguyên khoáng sản) để đưa ra bức tranh tổng thể về sự đóng góp của tài nguyên khoáng sản trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Làm rõ sự đóng góp tài nguyên khoáng sản vào sự phát triển kinh tế của đất nước trên cơ sở nghiên cứu thử nghiệm ở tỉnh Lào Cai.

Số hồ sơ lưu: 19843

82692.09-2022 Nghiên cứu đánh giá tình hình thực hiện quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn trong khai thác mỏ hầm lò, QCVN 01:2011/BCT và đề xuất các giải pháp quản lý trong lĩnh vực khai thác mỏ hầm lò/ TS. Phùng Quốc Huy, TS. Lê Đức Nguyên; TS. Lê Trung Tuyền; KS. Phạm Xuân Thanh; ThS. Phạm Quang Thái; TS. Bùi Việt Hưng; ThS. Phạm Ngọc Thanh Tùng; KS. Hồ Đình Tuệ; KS. Phạm Khánh Minh; ThS. Nguyễn Tuấn Anh; KS. Phạm Kiên; KS. Vũ Văn Dong - Hà Nội - Viện Khoa học Công nghệ Mỏ - Vinacomin, 2021; 01/2017 - 10/2018. (Đề tài cấp Quốc gia)

Đánh giá được tình hình thực hiện Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn trong khai thác mỏ hầm lò (QCVN 01) tại các đơn vị khai thác than hầm lò, từ đó đề xuất ra các giải pháp quản lý trong lĩnh vực khai thác mỏ hầm lò. Ngoài ra sẽ xây dựng bộ dự thảo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia sửa đổi QCVN 01. Đề tài đã khảo sát, thu thập số liệu về tình hình thực hiện Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn trong khai thác

mỏ hầm lò (QCVN 01). Sau đó đánh giá mức độ tuân thủ các quy định trong đó của các đơn vị khai thác than trong TKV. Từ đó đề tài đề xuất được các giải pháp quản lý trong lĩnh vực khai thác mỏ hầm lò. Sau cùng, đề tài xây dựng dự thảo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia sửa đổi QCVN 01.

Số hồ sơ lưu: 19844

21001. Các vật liệu nano (sản xuất và các tính chất)

82372.09-2022 Nghiên cứu sử dụng vật liệu nano carbon để giảm thiểu hần lún vết bánh xe, tăng cường tuổi thọ của mặt đường bê tông nhựa/ PGS. TS. Lê Văn Bách, TS. Lê Văn Phúc; ThS. Nguyễn Minh Quang; TS. Chu Xuân Nam; ThS. Võ Thị Minh; ThS. Đậu Hồng Quân - Hồ Chí Minh - Trường Cao Đẳng Giao thông Vận tải Trung ương VI, 2020; 01/2020 - 12/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Tổng quan các nghiên cứu tính chất cơ học của sử dụng phụ gia nano carbon trong bê tông nhựa. Tìm hiểu cơ sở khoa học sử dụng phụ gia nano carbon cho bê tông nhựa và các yêu cầu kỹ thuật của nano carbon, phương pháp nghiên cứu, đánh giá kết quả. Nghiên cứu sử dụng vật liệu nano carbon làm phụ gia cho bê tông nhựa để giảm thiểu hần lún vết bánh xe, tăng cường tuổi thọ của mặt đường bê tông nhựa. Tiến hành nghiên cứu thực nghiệm và đánh giá kết quả thí nghiệm, đồng thời qua đó đánh giá hiệu quả kinh tế - kỹ thuật.

Số hồ sơ lưu: 19690

82847.09-2022 **Chế tạo vật liệu có cấu trúc trật tự hai chiều trên cơ sở SiO₂ và nano kim loại quý (SiO₂/Au, SiO₂/Ag) nhằm ứng dụng trong hấp thu năng lượng và cảm biến nhạy quang/** ThS. Nguyễn Duy Thiện, ThS. Trần Thị Ngọc Anh; PGS.TS. Lê Văn Vũ; PGS.TS. Nguyễn Ngọc Long; ThS. Sái Công Doanh; ThS. Nguyễn Quang Hòa - Hà Nội - Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, Đại học Quốc gia Hà Nội, 2021; 01/2018 - 01/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Chế tạo các quả cầu SiO₂ có thể điều khiển kích thước, độ đồng đều cao. Chế tạo các cấu trúc trật tự hai chiều micro – nano trên cơ sở các opal SiO₂ và nano kim loại quý (SiO₂/Au, SiO₂/Ag) với độ đồng đều cao với mức độ tuần hoàn 4-10 micromet vuông, mật độ hạt nano kim loại trên mỗi quả cầu SiO₂ >5, kích thước hạt nano kim loại trong cấu trúc <60 nm. Xác định tính chất hấp thụ, phản xạ của các cấu trúc trật tự hai chiều micro – nano SiO₂/Au, SiO₂/Ag và tính chất phát xạ huỳnh quang của tinh thể ZTO:Eu⁺ trên cấu trúc trật tự hai chiều micro – nano SiO₂/Au, SiO₂/Ag, giúp tăng cường tín hiệu huỳnh quang > 20% hoặc triệt tiêu một số đỉnh để tín hiệu có sự lọc lựa tốt hơn nhằm định hướng ứng dụng trong hấp thu năng lượng và các loại cảm biến nhạy quang.

Số hồ sơ lưu: 19885

21101. Kỹ thuật thực phẩm

82543.09-2022 **Ứng dụng công nghệ chiếu xạ để sản xuất maltodextrin kháng tiêu hóa từ**

tinh bột gạo dùng làm chất xơ thực phẩm/ PGS. TS. Nguyễn Duy Lâm, ThS. Lã Mạnh Tuấn ThS. Phạm Cao Thăng; TS. Bùi Kim Thúy; ThS. Trần Băng Diệp; ThS. Nguyễn Tiến Khương; TS. Lê Xuân Hào; TS. Trần Hồng Thao; ThS. Đỗ Trọng Hưng; ThS. Nguyễn Đức Minh - Hà Nội - Viện cơ điện nông nghiệp và công nghệ sau thu hoạch, 2021; 07/2019 - 04/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Xây dựng quy trình xử lý chiếu xạ tinh bột gạo để sản xuất pyrodextrin. Xác định chế độ công nghệ hồ hóa, dịch hóa và đường hóa tinh bột gạo đã chiếu xạ và nhiệt phân pyrolysis. Xác định chế độ công nghệ tinh chế và thu nhận sản phẩm maltodextrin kháng tiêu hóa từ tinh bột gạo chiếu xạ. Thiết kế, chế tạo thiết bị và lắp đặt hệ thống sản xuất maltodextrin kháng tiêu hóa từ tinh bột gạo chiếu xạ, quy mô 40 kg nguyên liệu/mẻ. Hoàn thiện quy trình công nghệ và sản xuất maltodextrin kháng tiêu hóa. Công bố tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm theo quy định hiện hành. Nghiên cứu ứng dụng maltodextrin kháng tiêu hóa trong chế biến các loại thực phẩm. Xây dựng được quy trình công nghệ ứng dụng kỹ thuật chiếu xạ để sản xuất maltodextrin kháng tiêu hóa làm chất xơ thực phẩm từ tinh bột gạo; Chế tạo được hệ thiết bị sản xuất maltodextrin kháng tiêu hóa, quy mô 30-50 kg nguyên liệu/mẻ; Ứng dụng maltodextrin kháng tiêu hóa để sản xuất 8 loại thực phẩm chế biến.

Số hồ sơ lưu: 19747

21102. Kỹ thuật đồ uống

82455.09-2022 **Nghiên cứu ứng dụng kỹ thuật đồng vị để phân tích thành phần $\delta^{13}C$ của đường trong nước ép táo và nước ép cam/** TS. Võ Thị Anh, ThS. Hà Lan Anh; KS. Vũ Hoài; ThS. Nguyễn Thị Hồng Thịnh; KS. Mai Đình Kiên; KS. Nguyễn Thị Tươi - Hà Nội - Viện Khoa học và Kỹ thuật Hạt nhân, 2021; 01/2020 - 12/2020. (Đề tài cấp Cơ sở)

Phát triển phương pháp phân tích thành phần $\delta^{13}C$ trên khối phổ kế tỷ số đồng vị EA-IRMS để xác thực sự pha trộn đường của cây C4 vào nước ép hoa quả. Thành phần $\delta^{13}C$ trong đường tách từ nước ép táo, cam tươi cũng như một số sản phẩm nước táo, nước cam thương phẩm và đường là sản phẩm của cây mía quang hợp theo chu trình C4 được phân tích. Kết quả cho thấy, thành phần đồng vị $\delta^{13}C$ của đường từ nước ép táo, cam nguyên chất có giá trị trong khoảng từ -27,00 đến -24,00‰. Trong khi đó, thành phần đồng vị $\delta^{13}C$ của các sản phẩm đường mía có giá trị trong khoảng -13,00 đến -11,00‰. Căn cứ dấu hiệu đồng vị $\delta^{13}C$ này, nhóm nghiên cứu đã xác định sự pha trộn đường C4 vào một số sản phẩm nước ép táo, cam trên thị trường.

Số hồ sơ lưu: 19715

83081.09-2022 **Ứng dụng Công nghệ - Thiết bị chưng cất chân không để sản xuất rượu gạo truyền thống Xứ Thanh/** CN. Trịnh Thị Loan, - Thanh Hóa - Công ty Cổ phần Dạ Lan, 2020; 04/2018 -

04/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Ứng dụng thành công công nghệ - thiết bị chưng cất chân không để sản xuất các sản phẩm rượu gạo truyền thống chất lượng cao tại Thanh Hóa. Xây dựng được hệ thống dây chuyền công nghệ sản xuất rượu gạo truyền thống bằng công nghệ thiết bị chưng cất chân không. Hoàn thiện được quy trình công nghệ sản xuất rượu gạo bằng công nghệ - thiết bị chưng cất chân không. Hoàn thiện được quy trình công nghệ sản xuất rượu gạo bằng công nghệ - thiết bị chưng cất chân không. Đào tạo cán bộ kỹ thuật thành thạo về công nghệ và 50 công nhân kỹ thuật thành thạo qui trình sản xuất. Tổ chức sản xuất thành công 50.000 lít rượu gạo truyền thống xứ Thanh có hương vị đặc trưng và giá trị cảm quan, đạt Tiêu chuẩn Quốc gia TCVN 7043:2013 rượu trắng trên cơ sở ứng dụng công nghệ - thiết bị chưng cất chân không.

Số hồ sơ lưu: THA-018-2021

83132.09-2022 **Chế biến nước giải khát nhãn lồng (Passiflora foetida) – tim sen (Embryo nelumbinis)/** TS. Nguyễn Duy Tân, ThS. Võ Thị Xuân Tuyền - An Giang - Trường đại học An Giang, 2019; (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Tìm ra quy trình chế biến nước uống giải khát từ nhãn lồng - tim sen ở quy mô phòng thí nghiệm. Tạo ra sản phẩm nước uống có chứa các hoạt chất sinh học, được người tiêu dùng ưa thích và đảm bảo an toàn vi sinh vật theo tiêu chuẩn Việt Nam (7041-2002). Xác định khả năng

chống oxy hóa (DPPH và FRAP) in vitro của sản phẩm. Khảo sát mức độ chấp nhận của người tiêu dùng đối với nước giải khát nhãn lồng- tim sen và ước tính chi phí sản xuất sản phẩm. Phân tích sự thay đổi chất lượng sản phẩm theo thời gian bảo quản.

Số hồ sơ lưu: AGG-023-2021

83165.09-2022 Nghiên cứu công nghệ chế biến một số sản phẩm từ cây lá gai tại tỉnh Cao Bằng/ ThS. Nguyễn Sinh Huỳnh, KS. Đoàn Thị Vân Anh; TS. Trần Văn Chí; ThS. Lưu Hồng Sơn; ThS. Vi Đại Lâm - Cao Bằng - Công ty Cổ phần Giống và Thức ăn chăn nuôi Cao Bằng, 2020; 07/2018 - 10/2018. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Phân tích, đánh giá chất lượng, hàm lượng các thành phần hoạt chất trong cây gai sinh trưởng và phát triển tại tỉnh Cao Bằng. Khảo sát, xác định địa điểm, lập phương án và tiến hành thi công cải tạo, xây dựng nhà xưởng. Xây dựng quy trình công nghệ sản xuất bột lá gai đóng gói, công nghệ sản xuất trà túi lọc từ lá gai. và quy trình công nghệ sản xuất cao từ rễ (củ) gai. Thiết kế, in ấn bao bì cho các sản phẩm và tiến hành sản xuất thử nghiệm một số sản phẩm từ cây gai và đánh giá các chỉ tiêu chất lượng của các sản phẩm chế biến từ cây gai.

Số hồ sơ lưu: CBG-001-2021

3. Khoa học y, dược

78928.09-2022 Khảo sát nhu cầu chăm sóc sức khỏe tại nhà và lập kế hoạch đáp ứng nhu cầu chăm sóc sức khỏe tại nhà cho người dân

Thành phố Hạ Long/ ThS. Lê Thị Thúy Nga, - ThS. Nguyễn Mạnh Tuấn - ThS. Phạm Hoài Thương - TS. Trần An Dương - ThS. Nguyễn Thúy Nga - ThS. Lê Thị Hoa - ThS. Nguyễn Thị Thu Hà - CN. Lê Thị Chinh - DSCKI. Bùi Quỳnh Lan - CN. Lê Thị Lan Anh - Quảng Ninh - Trường Cao đẳng Y tế Quảng Ninh, 2021; 09/2019 - 12/2020. (Đề tài cấp Cơ sở)

Thí điểm cung cấp một số hoạt động du lịch sinh thái(câu cá giải trí kết hợp bắt ốc, tham quan hệ sinh thái rừng tự nhiên, lặn ngắm san hô và các sinh vật biển...) làm căn cứ bổ sung thêm giải pháp phát triển du lịch sinh thái tại vườn quốc gia Bái Tử Long.

Số hồ sơ lưu: 218/GCN-UDTK

78935.09-2022 Nghiên cứu ứng dụng kỹ thuật vi sóng phá hủy u trong điều trị ung thư gan và u tuyến giáp lành tính tại Bệnh viện Bãi Cháy/ BsCkII. Lê Ngọc Dũng, - BsCKI. Lê Tiến Hưng - BsCKI. Hoàng Văn Quyết - Bsnt. Thái Xuân Thủy - BsCKI. Thái Xuân Hường - Bsnt. Hoàng Minh Tuấn - BsCKI. Nguyễn Đình Hải- BsCK. Doãn Chiến Thắng - BsCK. Nguyễn Hữu Ứng - ThS. Trần Thái Sơn - CN. Nguyễn Văn Ninh - CN. Trần Thị Nhân - CN. Trần Thúy Đào - Quảng Ninh - Bệnh viện Bãi Cháy, 2020; 12/2018 - 03/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Nhằm phát triển và hoàn thiện kỹ thuật điều trị phá hủy u bằng vi sóng, để từng bước nâng cao chất lượng điều trị nhóm người bệnh nêu trên, chúng tôi thực hiện nhiệm vụ Khoa

học và Công nghệ “Nghiên cứu ứng dụng kỹ thuật vi sóng phá hủy u trong điều trị ung thư gan và u tuyến giáp lành tính tại Bệnh viện Bãi Cháy” với 2 mục tiêu: Ứng dụng và làm chủ kỹ thuật phá hủy u bằng vi sóng trong điều trị ung thư gan và u tuyến giáp lành tính tại Bệnh viện Bãi Cháy. Đánh giá kết quả điều trị ung thư gan và u tuyến giáp lành tính bằng vi sóng tại Bệnh viện Bãi Cháy.

Số hồ sơ lưu: 201/GCN-UDTK

82171.09-2022 **Nghiên cứu ứng dụng kỹ thuật điều trị co cứng cơ cho bệnh nhân sau đột quỵ bằng thuốc Botulinum Toxin nhóm A với máy điện cơ tại Bệnh viện Hữu nghị Việt Tiệp/** TS. Nguyễn Thị Thu Hiền, ThS. Ngô Văn Dũng; ThS. Nguyễn Tuấn Lượng; ThS. Chu Thị Thuận; BSCK1. Trần Thị Thanh Hương; KTV. Hoàng Thị Mai Phương - Hải Phòng - Bệnh viện Hữu nghị Việt Tiệp- Hải Phòng, 2021; 12/2019 - 04/2021. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Thực trạng các kỹ thuật điều trị co cứng cơ tại Bệnh viện Hữu nghị Việt Tiệp và một số bệnh viện lớn. Nghiên cứu kỹ thuật điều trị co cứng cơ cho bệnh nhân sau đột quỵ bằng thuốc Botulinum Toxin nhóm A qua các thang điểm lâm sàng và bằng phương pháp sinh lý thần kinh điện cơ EMG, phản xạ H. Nghiên cứu kỹ thuật điều trị co cứng cơ cho bệnh nhân sau đột quỵ bằng thuốc Botulinum Toxin nhóm A bằng phương pháp sinh học cơ học đo tầm vận động khớp, đo sức cản. Đánh giá mối tương quan các chỉ số trong các

phương pháp thang điểm lâm sàng, sinh lý thần kinh điện cơ và sinh cơ học trên các bệnh nhân co cứng cơ sau đột quỵ não. Hoàn thiện quy trình ứng dụng tiêm co cứng cơ cho bệnh nhân sau đột quỵ não bằng thuốc Botulinum Toxin nhóm A với máy điện cơ.

Số hồ sơ lưu: HPG.2021.013

82973.09-2022 **Khảo sát khả năng thích nghi, xây dựng quy trình trồng và thu nhận cao chiết cây Ngải trắng (Curcuma aromatica Salisb) tại tỉnh Trà Vinh/** ThS. Trịnh Thị Bền, ThS. Trịnh Thị Bền; KS. Vũ Quang Đạo; TS. Bùi Đình Thạch; ThS. Diệp Trung Cang; KS. Nguyễn Phạm Ái Uyên; TS. Lê Thành Long; ThS. Lê Nguyễn Tú Linh; CN. Nguyễn Thái Hoàng Nam 5. ThS. Trần Thị Linh Giang 10. KS. Kim Sô Phan - TPHCM - Viện sinh học Nhiệt đới, 2020; 11/2017 - 11/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Hoàn thiện quy trình nhân giống cây Ngải trắng. Chọn điều kiện phù hợp cho canh tác cây Ngải trắng. Hoàn thiện quy trình ly trích thu nhận cao chiết cây Ngải trắng. Xác định một số chỉ tiêu hoạt tính sinh học của cao chiết cây Ngải trắng. Hoàn thiện quy trình tạo viên nén chứa cao chiết cây Ngải trắng, với tỉ lệ các thành phần trong viên nén (450 mg chứa 175 cao mềm. Viên nén tạo ra được kiểm nghiệm theo hướng dẫn ĐĐVN V và đã được Bộ Y tế cấp phép lưu hành.

Số hồ sơ lưu: 02/KQNC.21

82993.09-2022 **Khảo sát tỷ lệ chi tiền túi cho chăm sóc y tế của hộ gia đình ở tỉnh Trà Vinh năm**

2019-2020/ TS. Nguyễn Thị Thu Hương, TS. Nguyễn Thị Thu Hương; ThS. Bùi Diễm Hằng; ThS. Lê Thị Thanh Hoa; TS. Dương Xuân Ngọc; ThS. Trần Liễu Anh; BS. Nguyễn Việt Nguyên; ThS. Phạm Đức Bình; TS. Lương Hữu Toàn; TS. Lê Xuân Dương; BS. Huỳnh Ngọc Thu - Hậu Giang - Viện Xã hội học ứng dụng, 2021; 11/2019 - 05/2021. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Xác định và đánh giá được thực trạng chi phí từ tiền túi cho hộ chăm sóc y tế của hộ gia đình ở tỉnh Trà Vinh. Xác định và đánh giá được tỷ lệ chi trực tiếp từ tiền túi cho chăm sóc y tế của hộ gia đình ở tỉnh Trà Vinh năm 2019-2020. Báo cáo tổng hợp đầy đủ các yếu tố ảnh hưởng đến tỷ lệ chi trực tiếp từ tiền túi cho chăm sóc y tế của hộ gia đình tỉnh Trà Vinh năm 2019-2020 - Báo cáo đề xuất giải pháp nhằm giảm gánh nặng chi y tế từ hộ gia đình, đảm bảo công bằng trong tiếp cận và sử dụng dịch vụ y tế của hộ gia đình ở tỉnh Trà Vinh.

Số hồ sơ lưu: 07/KQNC.21

82998.09-2022 Nghiên cứu chỉ số BMI trong độ tuổi lao động trên địa bàn tỉnh Trà Vinh năm 2019-2020/ BS. CKII Nguyễn Văn Lơ, BS. CKII Nguyễn Văn Lơ; BS. Nguyễn Thành Công; BS. CKI Nguyễn Hóa Hải; BS. Nguyễn Văn Sang; KS. Trần Đức Linh; BS. Trần Thúy Châu; BS. CKI Đặng Thị Tiếp; CN. Phan Thị Hồng Phương; KS. Huỳnh Huy Hoàng; Nguyễn Thị Kim Pha - Trà Vinh - Trung tâm Kiểm soát Bệnh tật, 2021; 11/2019 -

12/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Chỉ số BMI trung bình của người dân trong độ tuổi lao động trên địa bàn tỉnh Trà Vinh. Tình trạng suy dinh dưỡng, thừa cân - béo phì của người dân trong độ tuổi lao động trên địa bàn tỉnh Trà Vinh. Một số yếu tố liên quan đến chỉ số BMI trung bình của người dân trong độ tuổi lao động trên địa bàn tỉnh Trà Vinh.

Số hồ sơ lưu: 03/KQNC.21

30104. Thần kinh học (bao gồm cả Tâm sinh lý học)

77725.09-2022 Đánh giá thực trạng trầm cảm sau sinh tại Hải Phòng, đề xuất giải pháp phòng ngừa và can thiệp/ ThS. Đào Thị Hải Yến, ThS. Bùi Văn Hiếu; ThS. Vương Thị Thủy; ThS. Phạm Thị Sao Mai - Hải Phòng - Trường Đại học Y dược Hải Phòng, 2020; 11/2018 - 07/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Nghiên cứu xác định tỷ lệ trầm cảm sau sinh và các yếu tố nguy cơ dẫn đến trầm cảm sau sinh với quy mô 1000 sản phụ. Đánh giá thực trạng chăm sóc, phòng ngừa điều trị trầm cảm sau sinh: đánh giá thực trạng chăm sóc, phòng ngừa điều trị trầm cảm sau sinh với quy mô điều tra 15 bệnh viện, 30 trạm y tế xã phường trên địa bàn thành phố. Đánh giá kiến thức, thái độ của nhân viên y tế và trầm cảm sau sinh với quy mô phỏng vấn 300 người, bao gồm các bác sỹ tại khoa sản của 15 bệnh viện trên địa bàn quận, huyện của thành phố và cán bộ y tế của 30 trạm y tế xã, phường. Từ đó đề xuất một số

giải pháp phòng ngừa và phát hiện sớm trầm cảm sau sinh tại Hải Phòng.

Số hồ sơ lưu: HPG.2020.009

30106. Mô học

82491.09-2022 Nghiên cứu ứng dụng tế bào gốc trung mô đồng loài trong điều trị bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính/ GS. TS. Đồng Khắc Hưng, PGS. TS. Nguyễn Việt Nhung; GS. TS. Trần Việt Tiên; PGS. TS. Nguyễn Huy Lực; PGS. TS. Nguyễn Việt Trung; TS. Đào Ngọc Bằng; GS. TS. Nguyễn Lĩnh Toàn; PGS. TS. Lê Văn Đông; TS. Đỗ Minh Trung; PGS. TS. Phạm Văn Trân; ThS. Lê Thị Bích Phương - Hà Nội - Học viện Quân y, 2021; 09/2017 - 02/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Tạo nguồn tế bào gốc trung mô từ mô dây rốn trẻ sơ sinh đủ điều kiện để cấy ghép đồng loài theo đường truyền tĩnh mạch theo quy trình kỹ thuật đã được Ban đánh giá các vấn đề đạo đức trong nghiên cứu y học Bộ Y tế đồng ý cho áp dụng trên người; Xây dựng tiêu chuẩn tuyển chọn bệnh nhân, quy trình ghép tế bào gốc trung mô từ dây rốn đồng loài cho bệnh nhân bệnh phổi tắc nghẽn mãn tính; Đánh giá tính an toàn và hiệu quả điều trị của ghép tế bào gốc trung mô từ dây rốn đồng loài cho bệnh nhân bệnh phổi tắc nghẽn mãn tính qua các chỉ tiêu lâm sàng và xét nghiệm Xây dựng được qui trình ứng dụng tế bào gốc trung mô đồng loài trong điều trị bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính. Đánh giá tính an toàn và hiệu quả của ghép tế bào gốc

trung mô đồng loài trong điều trị bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính.

Số hồ sơ lưu: 19729

30201. Nam học

82755.09-2022 Nghiên cứu đặc điểm dịch tễ học phân tử, yếu tố nguy cơ và ứng dụng kỹ thuật tiên tiến trong chẩn đoán sớm bệnh bụi phổi silic tại Việt Nam/ GS.TS. Lê Thị Hương, PGS.TS. Lê Thị Thanh Xuân; TS. Nguyễn Ngọc Anh; PGS.TS. Khương Văn Duy; PGS.TS. Trần Như Nguyên; ThS. Nguyễn Thanh Thảo; BS. Phạm Thị Quân; PGS.TS. Nguyễn Thị Liên Hương; PGS.TS. Lương Mai Anh; ThS. Trần Anh Thành; ThS. Phạm Xuân Thành; ThS. Nguyễn Thị Thu Huyền; PGS.TS. Nguyễn Việt Nhung; TS. Cung Văn Công; BS. Nguyễn Ngọc Hồng; BS. Nguyễn Thanh Hà; BS. Võ Trọng Thành; PGS.TS. Lê Minh Giang; PGS.TS. Trần Huy Thịnh - Hà Nội - Viện Đào tạo Y học dự phòng và Y tế công cộng, 2021; 07/2018 - 04/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Xác định nguyên nhân và yếu tố nguy cơ gây bệnh bụi phổi silic. Đánh giá thực trạng mắc bệnh bụi phổi silic trên thế giới và ở Việt Nam. Ứng dụng kỹ thuật sinh học phân tử để xác định đặc điểm dịch tễ học phân tử và các yếu tố nguy cơ nội sinh của bệnh bụi phổi silic tại Việt Nam. Ứng dụng một số kỹ thuật tiên tiến trong chẩn đoán sớm bệnh bụi phổi silic.

Số hồ sơ lưu: 19861

30204. Hệ tim mạch

82638.09-2022 **Nghiên cứu, sàng lọc chất có tác dụng bảo vệ cơ tim hướng đích ty thể sử dụng mô hình thiếu máu cục bộ cơ tim trên tim chuột cô lập và tế bào tim chuột nuôi cấy/** TS. Vũ Thị Thu, GS. TS. Phan Tuấn Nghĩa; TS. Phạm Thị Bích; TS. Tô Thanh Thúy; TS. Nguyễn Văn Sáng; ThS. Nguyễn Thị Hà Ly - Hà Nội - Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, Đại học Quốc gia Hà Nội, 2021; 04/2017 - 04/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Thiết lập được mô hình thiếu máu cục bộ-tái tưới máu cơ tim (TMCBCT) ex vivo và in vitro trên tim chuột cô lập và tế bào tim chuột nuôi cấy và các quy trình đánh giá tác dụng bảo vệ tim hướng đích ty thể của các chất. Sàng lọc được một số chất, hợp chất từ dược liệu có tác dụng bảo vệ cơ tim cao sử dụng các mô hình TMCBCT và các quy trình thiết lập được. Đánh giá được cơ chế tác dụng hướng đích ty thể của các chất, hợp chất có tác dụng bảo vệ cơ tim cao được tìm ra.

Số hồ sơ lưu: 19798

30207. Hệ hô hấp và các bệnh liên quan

83112.09-2022 **Khảo sát một số yếu tố liên quan đến tình hình lao phổi đa kháng thuốc tại tỉnh An Giang năm 2018/** BSCKII. Phạm Thanh Tâm, - An Giang - Trung tâm Y tế dự phòng, 2019; (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Khảo sát một số yếu tố liên quan đến tình hình lao phổi đa kháng thuốc tại tỉnh An Giang năm 2018. Mô tả một số yếu tố liên quan đến tình hình lao

phổi đa kháng thuốc tại tỉnh An Giang năm 2018; Xác định mối liên quan giữa một số yếu tố liên quan với tình hình lao phổi đa kháng thuốc tại tỉnh An Giang năm 2018.

Số hồ sơ lưu: AGG-016-2021

83129.09-2022 **Thực trạng sử dụng và hiệu quả can thiệp thuốc montelukast trong kiểm soát hen phế quản tại Bệnh viện Đa khoa Trung tâm An Giang/** BS. CKII. Trương Văn Lâm, - An Giang - Trung tâm Chăm sóc sức khỏe sinh sản, 2021; (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Đánh giá hiệu quả của Montelukast kết hợp symbicort so với symbicort đơn thuần trong kiểm soát bệnh hen phế quản. Tỷ lệ đạt được kiểm soát hen trong quá trình điều trị dự phòng tăng lên rõ rệt sau mỗi lần tái khám. Sau 1 tháng hiệu quả kiểm soát hen của montelukast kết hợp symbicort là 77,3% so với symbicort đơn thuần, Sau 3 tháng điều trị hen phế quản, hiệu quả kiểm soát hen của (Montelukast +sy mbicort) là 88 % so với phác đồ Symbicort đơn thuần 72 % (sự khác biệt có ý nghĩa thống kê với $p < 0,05$).

Số hồ sơ lưu: AGG-020-2021

30209. Gây mê

82127.09-2022 **Nghiên cứu ứng dụng chỉ số đánh giá độ đau trong gây mê cân bằng ở các bệnh nhân được phẫu thuật tại Bệnh viện Hữu nghị Việt Tiệp/** TS. Cao Thị Bích Hạnh, BSCKII. Ngô Quốc Dinh; ThS. Vũ Thị Thanh Nga; BSCKI. Bùi Thu Hiền; BS. Nguyễn Thị Thu Phương; CN. Nguyễn Thị

Hương Giang - Hải Phòng - Bệnh viện Hữu nghị Việt Tiệp- Hải Phòng, 2021; 12/2019 - 04/2021. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Đánh giá thực trạng phương pháp đánh giá độ đau trong phẫu thuật hiện nay tại Bệnh viện Hữu nghị Việt Tiệp, liên hệ thực tế các bệnh viện tuyến trên. Xây dựng quy trình sử dụng Fentanyl theo thực hành lâm sàng đồng thời theo dõi chỉ số SPI và qNOX. Xây dựng quy trình ứng dụng chỉ số đánh giá độ đau SPI và qNOX trong gây mê cân bằng. Xác định các chỉ tiêu theo dõi độ đau trong các giai đoạn mê. Thực nghiệm quy trình sử dụng theo thực hành lâm sàng để đánh giá độ đau trong gây mê. Thực nghiệm quy trình ứng dụng chỉ số đánh giá độ đau SPI, độ đau qNOX trong gây mê cân bằng. Hoàn thiện quy trình ứng dụng chỉ số đánh giá độ đau SPI và quy trình ứng dụng chỉ số đánh giá độ đau qNOX trong gây mê cân bằng.

Số hồ sơ lưu: HPG.2021.008

30211. Ngoại khoa (Phẫu thuật)

82172.09-2022 **Nghiên cứu xây dựng quy trình kỹ thuật ứng dụng vật cuống mạch liên tạo hình khuyết hồng phần mềm bàn ngón tay tại Bệnh viện hữu nghị Việt Tiệp/ TS. Phạm Văn Trung, BS. Nguyễn Đức Tiến; BS. Phạm Xuân Hùng; BS. Hoàng Văn Tiền; BS. Bùi Thanh Sơn; BS. Lê Anh Tuấn; BS. Lê Thị Phương Linh; BS. Phạm Việt Cường; CN. Nguyễn Thị Thanh Hiền - Hải Phòng - Bệnh viện Hữu nghị Việt Tiệp- Hải Phòng, 2021;**

12/2019 - 04/2021. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Tổng quan tài liệu và những vấn đề có liên quan. Đánh giá hiệu quả các phương pháp phẫu thuật điều trị các khuyết hồng phần mềm bàn ngón tay hiện nay. Nghiên cứu xác định tiêu chuẩn lựa chọn bệnh nhân phục vụ nghiên cứu. Nghiên cứu đánh giá mức độ tổn thương khuyết hồng phần mềm và tổn thương phối hợp qua chuẩn đoán lâm sàng và cận lâm sàng. Nghiên cứu xác định loại vật cuống mạch liên ứng dụng để che phủ, tạo hình khuyết hồng tại các vị trí bàn ngón tay. Nghiên cứu xác định nguồn cấp máu cho vật cuống mạch liên, vị trí trục mạch và mạch xuyên. Nghiên cứu thiết kế vật cuống mạch liên theo tính chất và hình dạng thành phần tổn thương. Nghiên cứu kỹ thuật bóc tách vật cuống mạch liên che phủ khuyết hồng. Nghiên cứu đánh giá tình trạng vật sau mổ. Hoàn thiện và đề xuất quy trình kỹ thuật ứng dụng vật cuống mạch liên tạo hình khuyết hồng phần mềm bàn ngón tay.

Số hồ sơ lưu: HPG.2021.014

30214. Nha khoa và phẫu thuật miệng

83152.09-2022 **Nghiên cứu thực trạng và các yếu tố liên quan đến bệnh sâu răng ở học sinh dân tộc thiểu số khối trung học cơ sở tại huyện Tịnh Biên, An Giang/ BSKKI Phạm Thanh Hải, Bùi Thị Lan; Thái Mai Trân; Châu So Vành; Nguyễn Huệ Trần Phương Trúc - An Giang - Trung tâm Y tế huyện Tịnh Biên, 2019; 05/2019 - 12/2019. (Đề tài cấp Cơ sở)**

Tình hình dân tộc thiểu số tại huyện Tịnh Biên, An Giang. Nghiên cứu thực trạng và các yếu tố liên quan đến bệnh sâu răng ở học sinh dân tộc thiểu số khối trung học cơ sở tại huyện Tịnh Biên, An Giang. Từ đó đưa ra đề xuất : bộ phận y tế học đường của nhà trường đẩy mạnh hoạt động truyền thông giáo dục sức khỏe nhằm nâng cao kiến thức chăm sóc răng miệng cho học sinh; Các điểm trường cần thường xuyên phối hợp với Trạm y xã, thị trấn để hỗ trợ tăng cường giáo dục sức khỏe vệ sinh răng miệng và tổ chức khám răng định kỳ cho học sinh; duy trì phối hợp triển khai Chương trình Nha học đường ở cấp Trường Mẫu giáo, Tiểu học nhằm nâng cao kiến thức, thực hành phòng bệnh sâu răng cho học sinh, góp phần tạo ý thức phòng bệnh sâu răng cho học sinh ở cấp học cao hơn sau này.

Số hồ sơ lưu: AGG-024-2021

30218. Nội tiết và chuyên hoá (bao gồm cả đái tháo đường, rối loạn hoocmon)

83117.09-2022 **Khảo sát siêu âm động mạch cảnh ngoài sọ trên bệnh nhân tăng huyết áp có đái tháo đường/ BS. CKII. Nguyễn Văn Bé Út, - An Giang - Trung tâm chăm sóc sức khỏe sinh sản An Giang, 2018; (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)**

Tầm soát những bệnh nhân có hẹp động mạch cảnh trên bệnh nhân tăng huyết áp, nhất là có bệnh đái tháo đường type 2. Khám sàng lọc và xử trí yếu tố nguy cơ đột quỵ do hẹp động mạch cảnh. So sánh sự khác biệt của xơ vữa động mạch cảnh ngoài sọ ở bệnh nhân tăng huyết áp

có và không có đái tháo đường type 2. Tìm mối liên quan các yếu tố nguy cơ và xơ vữa động mạch cảnh.

Số hồ sơ lưu: AGG-019-2021

30219. Tiêu hoá và gan mật học

82715.09-2022 **Nghiên cứu phát triển liệu pháp Nano tăng hiệu quả dẫn truyền thuốc trong điều trị viêm và ung thư đại tràng/ TS. Vòng Bính Long, PGS. TS. Ngô Đại Nghiệp; PGS. TS. Trần Văn Hiếu; TS. Trịnh Như Thủy; ThS. Trần Ngọc Hân; ThS. Nguyễn Trịnh Quỳnh Như - Hồ Chí Minh - Trường Đại học Khoa học Tự nhiên Tp. Hồ Chí Minh, 2021; 08/2018 - 07/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)**

Tổng hợp vật liệu nano có khả năng kháng oxi hoá và khảo sát các điều kiện tối ưu hoá quá trình đóng góp các thuốc khó tan nhằm tăng tính sinh khả dụng của thuốc. Đồng thời, nghiên cứu này cũng đánh giá hoạt tính kháng ung thư của các thuốc này được đóng góp trong hạt nano trên các dòng tế bào ung thư đại tràng cũng như tế bào thường, và cũng sẽ kiểm tra hiệu quả điều trị viêm và ung thư đại tràng trên mô hình chuột. Nghiên cứu cũng nhằm tạo ra các dạng nano ứng dụng điều trị một số bệnh lý thường gặp khác, mở ra triển vọng phát triển thuốc nano ở Việt Nam.

Số hồ sơ lưu: 19851

30221. Ung thư học và phát sinh ung thư

82351.09-2022 **Nghiên cứu ứng dụng sinh học phân tử, hóa sinh và kỹ thuật nội soi trong sàng lọc, chẩn đoán và điều trị ung thư dạ**

dày sớm/ TS. Vũ Trường Khanh, ThS. Đào Trần Tiến; TS. Nguyễn Công Long; PGS.TS. Trần Văn Khánh; TS. Bùi Tuấn Anh; ThS. Phạm Văn Tuyền; ThS. Nguyễn Thế Phương; ThS. Nguyễn Hoài Nam; ThS. Bùi Quang Thạch; TS. Trần Huy Thịnh - Hà Nội - Bệnh viện Bạch Mai, 2021; 06/2018 - 07/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Nghiên cứu quy trình ứng dụng kỹ thuật sinh học phân tử, hóa sinh và kỹ thuật nội soi trong sàng lọc chẩn đoán ung thư dạ dày sớm. Đánh giá kết quả của quy trình ứng dụng kỹ thuật sinh học, hóa sinh và kỹ thuật nội soi trong sàng lọc, chẩn đoán ung thư dạ dày sớm. Từ đó, đưa ra quy trình và báo cáo, đánh giá kết quả của ứng dụng kỹ thuật nội soi trong điều trị ung thư dạ dày sớm.

Số hồ sơ lưu: 19680

30231. Y học dân tộc; y học cổ truyền

83168.09-2022 **Ứng dụng kỹ thuật gương trị liệu kết hợp tập vận động trong phục hồi chức năng bệnh nhân liệt nửa người do tai biến mạch máu não tại Bệnh viện Y học cổ truyền Cao Bằng/** ThS. Vũ Thị Tâm, ThS. Trịnh Minh Phong; ThS. Nguyễn Phương Sinh; TS. Vũ Thị Hồng Anh; Hoàng Văn Bình; Lê Thị Tuyết Chinh; Dương Thu Hồng; CN. Trần Xuân Thường; Nguyễn Kim Liên; Hứu Thị Châm - Thái Nguyên - Bệnh viện Trường Đại học Y dược Thái Nguyên, 2020; 07/2018 - 12/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/Thành phố)

Điều tra, thu thập thông tin về đặc điểm bệnh lý của bệnh nhân liệt nửa

người do tai biến mạch máu não tại Bệnh viện Y học cổ truyền tỉnh Cao Bằng. Áp dụng kỹ thuật gương trị liệu và vận động trị liệu trong phục hồi chức năng cho bệnh nhân liệt nửa người tại Bệnh viện Y học cổ truyền Cao Bằng (90 bệnh nhân). Xây dựng quy trình điều trị, tập luyện phục hồi chức năng cho bệnh nhân liệt nửa người do tai biến mạch máu não bằng phương pháp gương trị liệu. Đề xuất phương án áp dụng kỹ thuật gương trị liệu và vận động trị liệu cho bệnh nhân liệt nửa người do tai biến mạch máu não tại Khoa Phục hồi Chức năng và Khoa Y học Cổ truyền trên địa bàn tỉnh Cao Bằng.

Số hồ sơ lưu: CBG-002-2021

30301. Khoa học về chăm sóc sức khỏe và dịch vụ y tế (bao gồm cả quản trị bệnh viện, tài chính y tế,..)

82122.09-2022 **Nghiên cứu mô hình bệnh tật người cao tuổi tại Hải Phòng, các yếu tố liên quan và đề xuất giải pháp can thiệp/** TS. Phạm Thu Xanh, TS. Vũ Huy Thực; ThS. Vũ Thị Yến Minh; PGS.TS. Phạm Minh Khuê; TS. Đào Văn Tùng; ThS. Nguyễn Thu Hương; TS. Trịnh Viết Thông; TS. Đặng Quang Hưng; TS. Vũ Mạnh Tân - Hải Phòng - Sở Y tế Hải Phòng, 2021; 08/2019 - 02/2021. (Đề tài cấp Tỉnh/Thành phố)

Tổng quan tài liệu và những vấn đề lý thuyết có liên quan. Nghiên cứu mô hình bệnh tật người cao tuổi tại Hải Phòng. Nghiên cứu xác định các yếu tố nguy cơ hình thành nên mô hình bệnh tật người cao tuổi. Đề xuất

giải pháp can thiệp nhằm giảm thiểu các yếu tố nguy cơ hình thành bệnh tật người cao tuổi tại Hải Phòng.
Số hồ sơ lưu: HPG.2021.004

30304. Dinh dưỡng; Khoa học về ăn kiêng

82380.09-2022 Nghiên cứu tạo chế phẩm bổ sung dinh dưỡng nguồn gốc thiên nhiên (TPCN) nhằm phòng ngừa và khắc phục các yếu tố bất lợi đối với cơ thể sống trong môi trường vũ trụ/ TS. Trịnh Thị Thu Hương, TS. Đoàn Lan Phương; GS.TS. Phạm Quốc Long; PGS.TS. Lê Thị Mai Hương; TS. Trần Thị Thu Thủy; TS. Đặng Thị Phương Ly; TS. Phạm Minh Quân; TS. Chu Quang Truyền; TS. Trần Quốc Toàn; TS. Nguyễn Phi Hùng; Đinh Thị Hà; Nguyễn Thị Cúc; CN. Nguyễn Văn Tuyên Anh; CN. Nguyễn Thị Nga; CN. Đặng Thị Minh Tuyết; Đào Thị Kim Dung - Hà Nội - Viện hóa học các hợp chất thiên nhiên, 2021; 05/2018 - 04/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Nghiên cứu tổng quan ảnh hưởng của môi trường vũ trụ đối với cơ thể sống. Xây dựng tiêu chuẩn cơ sở cho nguồn hoạt chất nguyên liệu đầu vào cho chế phẩm TPCN. Thử nghiệm sàng lọc in vitro các hoạt chất nguyên liệu đầu vào, để định hướng tạo chế phẩm TPCN và xây dựng công thức phối trộn và bào chế tạo chế phẩm TPCN (SP), nguồn gốc thiên nhiên có tác dụng phòng ngừa và khắc phục các tác hại gây ra bởi tia bức xạ vũ trụ và trạng thái vi trọng lực. Xây dựng qui trình tạo chế phẩm TPCN (SP) qui mô phòng thí nghiệm. Tiến hành thử nghiệm tác

dụng in vivo chế phẩm TPCN (SP) trên mô hình mô phỏng môi trường vũ trụ tia bức xạ, trạng thái vi trọng lực lên cơ thể sống (hệ tim mạch, hệ cơ xương khớp, hệ miễn dịch, hệ thần kinh).

Số hồ sơ lưu: 19694

30308. Bệnh truyền nhiễm

82971.09-2022 Đặc điểm dịch tễ học, gánh nặng bệnh tật liên quan đến nhiễm HPV ở Việt Nam/ GS. TS. Đặng Đức Anh, PGS. TS. Nguyễn Văn Trang; TS. Trần Phúc Hậu; TS. Lê Anh Tuấn; TS. Nguyễn Vũ Thượng; PGS. TS. Nguyễn Anh Tuấn; PGS. TS. Cao Bảo Vân; TS. Phạm Duy Quang; PGS. TS. Bùi Thị Việt Hà; ThS. Trần Thị Nguyệt Lan; ThS. Khưu Văn Nghĩa; ThS. Lê Hà Tầm Dương; ThS. Nguyễn Duy Phúc; PGS. TS. Phạm Thị Ngọc Lan; CN. Chử Thị Ngọc Mai; CN. Lê Thị Khánh Ly; BS. Phạm Thị Thanh Duyên; ThS. Trịnh Thị Hồng Nhung; CN. Trần Hoàng Mỹ Liên; PGS. TS. Nguyễn Thị Thùy Dương; TS. Nguyễn Thị Phương Liên; TS. Nguyễn Phú Bình; TS. Đặng Thị Hương; TS. BS. Tô Thị Mai Hoa - Hà Nội - Viện Vệ sinh Dịch tễ Trung ương, 2021; 10/2016 - 12/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Mô tả đặc điểm dịch tễ học nhiễm HPV trên 3 nhóm đối tượng nghiên cứu: MSM, PNBD, nữ sinh viên ; Phân tích đặc điểm dịch tễ học phân tử của các chủng HPV lưu hành ở Việt Nam; Đánh giá gánh nặng bệnh tật do một số bệnh liên quan đến HPV. Góp phần tăng cường hiểu biết của cộng đồng, nhất là nhóm nguy cơ cao (PNBD, MSM) và các nhóm

nhạy cảm (sinh viên) về các bệnh liên quan đến HPV, phương pháp phòng chống. Qua đó thúc đẩy sự tham gia của cộng đồng trong việc thay đổi hành vi và áp dụng các biện pháp phòng ngừa để tránh lây nhiễm HPV.

Số hồ sơ lưu: 19919

30309. Dịch tế học

83082.09-2022 **Nghiên cứu thực trạng và đề xuất giải pháp nhân rộng mô hình xã, phường, thị trấn an toàn thực phẩm trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.**/ ThS. Hà Văn Giáp, ThS. Nguyễn Đình Tú; ThS. Lê Thiệu Huệ; KS. Nguyễn Văn Cường; CN. Tống Đức Sơn; CN. Lê Anh Chiến; CN. Lê Thị Thủy; ThS. Nguyễn Đức Thịnh; ThS. Phạm Nguyên Hồng - Thanh Hóa - Văn phòng điều phối về vệ sinh an toàn thực phẩm, 2020; 12/2018 - 05/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Đánh giá được thực trạng đáp ứng các tiêu chí xã, phường, thị trấn an toàn thực phẩm trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa. Xây dựng được 3 mô hình xã, phường và thị trấn được công nhận đạt tiêu chí an toàn thực phẩm. Đề xuất được các giải pháp nhân rộng mô hình xã, phường, thị trấn đạt tiêu chí xã, phường, thị trấn an toàn thực phẩm trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

Số hồ sơ lưu: THA-002-2021

83114.09-2022 **Khảo sát kiến thức, thái độ, thực hành an toàn vệ sinh thực phẩm của cơ sở cung cấp thức ăn đường phố.**/ BS. Nguyễn Trọng Lễ Hồng, Bùi Thị Bích Thủy; Nguyễn Thành Tại; Hàng Quang

Định; Đỗ Thành Nhân - An Giang - Trung Tâm y tế thành phố Long Xuyên, 2013 - 11/2012 - 06/2013. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Tuyên truyền ý thức chủ cơ sở buôn bán thức ăn đường phố được nâng lên, ý thức chấp hành các quy định của pháp luật về VSATTP ngày càng tốt hơn, góp phần hạn chế xảy ra các vụ ngộ độc thực phẩm. Tập huấn kiến thức ATVSTP ngày càng đông hơn, việc khám sức khỏe định kỳ được chủ cơ sở thực hiện tốt. Công tác kiểm tra VSATTP cũng được tăng cường, tập trung vào các cơ sở buôn bán thức ăn đường phố, chú ý các cơ sở buôn bán gần trường học, các trường mẫu giáo tư thục, qua quá trình thực hiện các cơ sở đã đi vào hoạt động bài bản. Đối với người tiêu dùng ý thức ngày được nâng lên, họ biết lựa chọn những nơi ăn, uống tốt nhất. Tiếp tục triển khai mô hình điểm quản lý ATVSTP cho loại hình thức ăn đường phố, từng bước nhân rộng mô hình.

Số hồ sơ lưu: AGG-017-2021

83115.09-2022 **Khảo sát thực trạng, xây dựng mô hình cơ sở sản xuất Bún tươi đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm tại thành phố Châu Đốc năm 2018 - 2019.**/ BSCKI. Lâm Thành Tứ, Nguyễn Thị Như Tâm; Dương Quang Thoại; Đặng Quốc Cường - An Giang - Trung tâm Y tế thành phố Châu Đốc, 2019; (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Khảo sát cơ sở sản xuất bún trên địa bàn thành phố Châu Đốc; thực hiện nghiên cứu can thiệp, đánh giá trước và sau khi xây dựng mô hình. Đánh

giá thực trạng các chỉ tiêu chất lượng của bún tươi và các yếu tố nguy cơ gây mất an toàn vệ sinh thực phẩm tại các cơ sở sản xuất bún tươi và xây dựng mô hình cơ sở sản xuất bún tươi đảm bảo ATTP tại thành phố Châu Đốc không sử dụng hóa chất, phụ gia thực phẩm nằm ngoài danh mục cho phép của Bộ Y tế.

Số hồ sơ lưu: AGG-018-2021

30310. Sức khỏe nghề nghiệp; tâm lý ung thư học, Hiệu quả chính sách và xã hội của nghiên cứu y sinh học

82494.09-2022 **Nghiên cứu ảnh hưởng của điều kiện lao động và các yếu tố môi trường tác động đến sức khỏe của người lao động trong công tác quản lý bay ngành giao thông vận tải. Đề xuất giải pháp giảm thiểu/** BSCKI. Trần Văn Quân, BSCKI. Phan Trọng Hòa; CN. Nguyễn Thị Hạnh; ThS. Cao Thị Thu Hiền; CN. Nguyễn Đức Tài; BS. Nguyễn Tiến Đạt; BS. Nguyễn Tuấn Anh; BS. Phạm Xuân Chiên - Hà Nội - Trung tâm Bảo vệ sức khỏe lao động và Môi trường GTVT, 2021; 01/2020 - 03/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu thực trạng điều kiện lao động và môi trường lao động của người lao động trong công tác quản lý hoạt động bay ngành giao thông vận tải. Nghiên cứu thực trạng sức khỏe và các yếu tố ảnh hưởng đến sức khỏe của người lao động trong công tác quản lý hoạt động bay ngành giao thông vận tải. Đề xuất một số giải pháp giảm thiểu nguy cơ ảnh hưởng đến sức khỏe của người

lao động trong công tác quản lý hoạt động bay ngành giao thông vận tải.

Số hồ sơ lưu: 19730

82531.09-2022 **Nghiên cứu cơ sở khoa học và thực tiễn để xây dựng các quy định kỹ thuật an toàn, yêu cầu quản lý đối với máy phát điện phòng nổ dùng trong hầm lò/** ThS. Phạm Kiên, ThS. Phùng Tuấn Hoàng; TS. Bùi Việt Hưng; TS. Hồ Việt Bun; TS. Ngô Thanh Tuấn; ThS. Phạm Văn Hiều; ThS. Nguyễn Việt Phương; TS. Nguyễn Đức Linh; ThS. Nguyễn Đình Thống; TS. Ngô Quốc Trung - Hà Nội - Cục Kỹ thuật an toàn và môi trường công nghiệp, 2021; 01/2020 - 12/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Hoàn thiện các quy định về yêu cầu kỹ thuật an toàn trong thiết kế, chế tạo và sử dụng máy phát điện phòng nổ dùng trong hầm lò. Xây dựng các yêu cầu kỹ thuật an toàn và quản lý đối với máy phát điện phòng nổ dùng trong mỏ hầm lò, bao gồm: Các quy định về thiết kế, chế tạo kết cấu chống nổ, cấp bảo vệ, cơ cấu đấu nối và khe hở an toàn đối với cửa vỏ thiết bị. Các quy định về vật liệu dẫn, kiểu làm mát và chế độ làm việc của máy phát. Nghiên cứu đánh giá quy định về điều kiện hoạt động: Nhiệt độ môi trường, nhiệt độ làm việc của thiết bị, độ ẩm, thành phần không khí trong môi trường làm việc và khí thải của máy phát điện phòng nổ. Xây dựng dự thảo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn đối với máy phát điện phòng nổ dùng trong mỏ hầm lò.

Số hồ sơ lưu: 19740

30402. Dược học lâm sàng và điều trị

82930.09-2022 **Đánh giá thực trạng kháng kháng sinh của vi khuẩn tại Việt Nam, xác định đặc điểm cấu trúc gen và yếu tố liên quan của các vi khuẩn kháng thuốc thường gặp ở Việt Nam/** TS.Trần Huy Hoàng , PGS.TS. Trần Như Dương; GS.TS. Đặng Đức Anh; GS.TS. Nguyễn Trần Hiên; ThS. Trần Thị Vân Phương; CN. Nguyễn Hiệp Lê Tân; ThS. Nguyễn Thị Hiền Anh; ThS. Trần Thị Mai Hưng; TS. Ngũ Duy Nghĩa; ThS. Nguyễn Thị Lan Phương; ThS. Lương Minh Tân; TS. BS. Nguyễn Kim Phương; ThS. BS. Chu Thị Loan; TS. BS. Nguyễn Lê Hải; Ths. BS. Lưu Thị Vũ Nga; TS. Nguyễn Nhật Cẩm; ThS. Bùi Huy Phương; BSKKII. Nguyễn- Chí Hành; Ths. BS. Nguyễn Thanh Dương; TS. Nguyễn Thị Kiều Anh; BS. Đinh Văn Tân; BSKKII. Nguyễn Thị Nam Liên; BSKKII. Bùi Xuân Minh; BS. Đỗ Tấn Hồng; BSKKII. Huỳnh Minh Trúc; ThS. Phạm Duy Thái; TS. Trần Diệu Linh; BS. Trịnh Hoài Linh; TS. Nguyễn Thành Chung - Hà Nội - Viện Vệ sinh Dịch tễ Trung ương, 2020; 10/2016 - 12/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Tổng quan về hiện trạng kháng kháng sinh của vi khuẩn tại Việt Nam. Xác định tình trạng kháng kháng sinh và đặc điểm cấu trúc gen của một số vi khuẩn kháng thuốc thường gặp tại bệnh viện và tại cộng đồng, đồng thời xác định một số yếu tố liên quan đến tình trạng kháng kháng sinh. Nghiên cứu hình thành và đưa vào vận hành mô hình xét nghiệm tham chiếu về kháng kháng

sinh từ trung ương đến các tỉnh/thành phố ở miền Bắc Việt Nam.

Số hồ sơ lưu: 19906

30403. Dược liệu học; cây thuốc; con thuốc; thuốc Nam, thuốc dân tộc

82364.09-2022 **Nghiên cứu bảo tồn và phát triển một số loài dược liệu chủ lực của Tây Nguyên, tạo ra một số sản phẩm có giá trị cao từ một vài loài dược liệu chủ lực, bản địa quý hiếm của Tây Nguyên/** TS. Nguyễn Hữu Toàn Phan, TS. Nguyễn Thị Diệu Thuần; ThS. Nguyễn Thị Thu Hiền; ThS. Phạm Văn Huyền; ThS. Trần Thị Ngọc Hạnh; CN. Nguyễn Hữu Hương Duyên; ThS. Đinh Văn Khiêm; ThS. Phan Nhã Hòa; ThS. Trần Thái Vinh; ThS. Vũ Kim Công; ThS. Đặng Thị Thắm; ThS. H'Yon Niê Bing; TS. Nông Văn Duy; TS. Nguyễn Hoài Nam; TS. Nguyễn Xuân Cường; TS. Trần Hồng Quang; TS. Trần Thị Hồng Hạnh; TS. Lê Thị Thanh Trân; DS. Huỳnh Thị Phương Duyên; DS. Nguyễn Thế Quyền; CN. Giang Thị Thanh; CN. Hoàng Thanh Trường; CN. Bùi Văn Trọng; PGS.TSKH. Phạm Văn Cường; TS. Lê Công Nhất Phương - Lâm Đồng - Viện Nghiên cứu khoa học Tây Nguyên, 2021; 07/2018 - 03/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Xây dựng danh mục các loài dược liệu chủ lực của Tây Nguyên, nghiên cứu thành phần hóa học và động thái của chúng ở một số loài dược liệu chủ lực. Tiến hành xây dựng, hoàn thiện quy trình trồng trọt, thu hoạch, bảo quản 6 loài dược liệu (atisô,

đăng sâm, sâm cau, đương quy, đinh lăng, sa nhân tím). Đồng thời, xây dựng mô hình trồng 6 loài dược liệu. Hoàn thiện công nghệ và tạo ra 3-4 sản phẩm từ các loài dược liệu, có sức cạnh tranh trên thị trường trong nước và khu vực, góp phần phát triển kinh tế xã hội tại khu vực Tây Nguyên, đạt tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm được cơ quan chức năng cấp giấy chứng nhận. Bảo tồn và phát triển một số nguồn gen dược liệu có giá trị kinh tế cao (2-3 loài như lan gấm, sa nhân tím, sâm cau, đảng sâm...) ở Tây Nguyên.

Số hồ sơ lưu: 19683

82632.09-2022 **Nghiên cứu chiết xuất và bào chế cao định chuẩn từ cây Diếp cá (*Houttuynia cordata Thunb*)**/ PGS. TS. Trần Việt Hùng, PGS. TS. Nguyễn Tiến Vững; PGS. TS. Nguyễn Tiến Đạt; ThS. Dương Minh Tân; ThS. Hoàng Thị Thanh Thảo; ThS. Trịnh Hoàng Dương; DS. Nguyễn Thị Khánh Linh; DS. Phan Nguyễn Trường Thắng; DS. Vũ Thị Hạnh Yên; DS. Nguyễn Hữu Sơn - TP. Hồ Chí Minh - Viện Kiểm nghiệm Thuốc thành phố Hồ Chí Minh, 2021; 10/2020 - 10/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu được quy trình chiết xuất, bào chế và xây dựng TCCS và đánh giá độ ổn định của cao định chuẩn Diếp cá. Phân lập được 2-3 chất đặc trưng của cây Diếp cá làm chất chuẩn đối chiếu trong kiểm soát chất lượng cao. Đánh giá độc tính cấp, độc tính bán trường diễn và thử tác dụng ức chế một số dòng tế bào ung thư của cao định chuẩn.

Số hồ sơ lưu: 19814

82659.09-2022 **Phân lập, xác định cấu trúc và thử hoạt tính gây độc tế bào ung thư của các hợp chất tự nhiên từ cây Ngâu Biên Hòa (*Aglaia hoensis*) và Nhãn mọi (*Walsura cochinchinensis*)**/ GS. TS. Nguyễn Diệu Liên Hoa, TS. Nguyễn Thị Lệ Thu; TS. Nguyễn Đình Hiệp; TS. Trịnh Thị Diệu Bình; ThS. Nguyễn Thị Thảo Ly; ThS. Bùi Ngọc Dũng - Hồ Chí Minh - Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, Đại học Quốc gia Tp. Hồ Chí Minh, 2021; 04/2017 - 04/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Aglaia là chi lớn nhất của họ Xoan (Meliaceae) với khoảng 120 loài, phân bố chủ yếu ở các vùng nhiệt đới và cận nhiệt đới. Ở Việt Nam, chi này có khoảng 30 loài. Nhiều loài được sử dụng trong y học dân gian để chữa bệnh. Các nhóm hợp chất chính trong chi này là rocaglamide, bisamide, lignan, triterpenoid và steroid. Nhiều hợp chất thể hiện hoạt tính sinh học đa dạng. Nghiên cứu này báo cáo kết quả phân lập bốn hợp chất từ cây ngâu (*Aglaia odorata*) và ngâu Biên Hòa (*Aglaia hoensis*). Quá trình ly trích được thực hiện bằng cách sử dụng bộ chiết Soxhlet với dung môi hữu cơ, sau đó cô quay thu hồi dung môi để điều chế cao thô. Quá trình phân lập chất được thực hiện bằng sắc ký cột trên silica gel và sắc ký lọc gel trên Sephadex LH-20.

Số hồ sơ lưu: 19825

82675.09-2022 **Xây dựng mô hình liên kết sản xuất, chế biến và tiêu thụ sản phẩm từ cây dược liệu (Tam thất, Đương quy, Cát cánh)**

theo hướng GACP-WHO nhằm nâng cao thu nhập cho người dân vùng đồng bào dân tộc Phù Lá và H'Mông trên địa bàn huyện Bắc Hà, tỉnh Lào Cai/ ThS. Nguyễn Thị Hương, KS. Nguyễn Thị Huệ; ThS. Vương Thị Mai Hương; ThS. Vũ Thị Hồng Nhung; KS. Trương Thị Liên; TS. Trần Thị Liên; KS. Nghiêm Hồng Ninh; KS. Trần Văn Tùng; KS. Nguyễn Thị Thùy Dung; KS. Đồng Thị Huế - Hà Nội - Công ty cổ phần VietRAP đầu tư thương mại, 2021; 01/2020 - 03/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Xây dựng mô hình nhân cây giống với quy mô: Xây dựng 2,5 ha vườn nhân giống Tam thất bắc, Đương quy Nhật Bản và Cát cánh để phát triển trồng cây thương phẩm (trong đó: Tam thất bắc 0,5 ha; Đương quy Nhật Bản 01 ha; Cát cánh 01 ha). Xây dựng mô hình sản xuất cây Tam thất bắc, cây Đương quy Nhật Bản, cây Cát cánh. Mô hình thu hoạch, sơ chế, chế biến Tam thất bắc, Đương quy Nhật Bản và Cát cánh lấy củ và sử dụng phụ phẩm vào sản xuất thành trà thảo mộc. Xây dựng bộ nhãn mác bao bì, catalog giới thiệu quy trình nhân giống, trồng, sơ chế, chế biến, công dụng cách dùng của các sản phẩm.

Số hồ sơ lưu: 19839

83004.09-2022 **Xây dựng quy trình bào chế viên hoàn giọt có chứa Đan sâm, Tam thất Việt Nam/** TS. Bùi Thị Thúy Luyện, ThS. Trần Trọng Biên; TS. Nguyễn Đức Minh; PGS. TS. Đào Thị Vui; PGS. TS. Nguyễn Thùy Dương; TS. Nguyễn Văn Hải; TS. Nguyễn Văn Giang;

TS. Đào Nguyệt Sương Huyền; ThS. Lê Ngọc Khánh; TS. Chử Thị Thanh Huyền - Hà Nội - Trường Đại học Dược Hà Nội, 2021; 10/2018 - 04/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Xây dựng quy trình chiết xuất, làm giàu hoạt chất bằng hạt nhựa macroporous và quy trình bào chế viên hoàn giọt có chứa đan sâm, tam thất Việt Nam. Xây dựng tiêu chuẩn cơ sở của cao khô đan sâm, cao khô tam thất và viên hoàn giọt; bước đầu đánh giá độ ổn định của viên hoàn giọt. Đánh giá độc tính cấp, bán trường diễn và tác dụng chống kết tập tiểu cầu, chống đông máu, hạ cholesterol trên thực nghiệm của viên hoàn giọt.

Số hồ sơ lưu: 19926

83072.09-2022 **Nghiên cứu xây dựng quy trình chế biến cao lan kim tuyến làm nguyên liệu sản xuất chế phẩm hỗ trợ điều trị bệnh cho người/** TS. Lê Đình Chắc, TS. Đậu Quang Vinh; PGS. TS. Lê Quang Huân; TS. Lã Thị Huyền; ThS. Nguyễn Thị Thủy; TS. Lê Anh Sơn; ThS. Lê Thị Huyền - Thanh Hóa - Trường Đại học Hồng Đức, 2019; (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Xây dựng thành công quy trình chế biến cao lan kim tuyến làm nguyên liệu sản xuất chế phẩm hỗ trợ điều trị bệnh cho người. Xác định được các hoạt chất có trong cao lan kim tuyến. Xây dựng tiêu chuẩn dược liệu lan kim tuyến làm nguyên liệu chế biến cao. Xác định TCCS cho cao khô lan kim tuyến. Xác định được: Tỷ lệ hàm lượng các hoạt chất Quercetin, Isorhamnetin, Axit Ferulic có trong cao lan kim tuyến; Độc tính cấp và bán trường diễn của cao lan kim

tuyển; Đánh giá điều kiện bảo quản và thời gian biệt trữ của cao khô lan kim tuyến. Sản xuất được 1,5 ÷ 2,0 kg cao khô lan kim tuyến đạt TCCS (có xác nhận của Bộ y tế về ATTP).
Số hồ sơ lưu: THA-017-2021

83157.09-2022 Điều tra hiện trạng, lập danh mục cây dược liệu có chỉ dẫn địa lý trên vùng đồi núi tỉnh An Giang: Hình ảnh cây thuốc tỉnh An Giang/ CN. Trương Quang Lực, - An Giang - Trung tâm Sâm và Dược liệu Tp.HCM, 2018; 10/2015 - 06/2018. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Đánh giá nguồn dược liệu trên các vùng đồi núi tỉnh An Giang đặc biệt khu Bảy Núi. Điều tra tri thức bản địa của người Khmer ở Bảy Núi sử dụng cây thuốc và bài thuốc. Danh lục dược liệu có chỉ dẫn địa lý trên vùng đồi núi tỉnh An Giang. Đề xuất các giải pháp bảo tồn nguồn dược liệu trên các vùng đồi núi tỉnh An Giang. Tái điều tra nguồn dược liệu trên các vùng đồi núi tỉnh An Giang đặc biệt khu Bảy Núi. Điều tra tri thức đồng bào KhMer ở vùng Bảy Núi. Xây dựng bộ tiêu bản cây thuốc hoàn chỉnh cho tỉnh, phục vụ cho việc bảo tồn, nghiên cứu, trao đổi trong và ngoài nước. Xây dựng danh lục cây thuốc với đầy đủ dữ liệu (tên khoa học, tên địa phương, công dụng), xây dựng bản đồ phân bố và bộ ảnh CD atlas cây thuốc. Đề xuất các giải pháp bảo tồn nguồn dược liệu trên các vùng đồi núi tỉnh.
Số hồ sơ lưu: AGG-026-2021

83166.09-2022 Khảo sát hoạt tính ức chế enzyme

acetylcholinesterase của một số cây thuốc ở An Giang trong điều trị bệnh Alzheimer/ ThS. Lê Minh Tuấn, TS. Lâm Thị Mỹ Linh - An Giang - Đại học An Giang, 2019; 10/2017 - 03/2019. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Xây dựng qui trình thử hoạt tính ức chế enzyme Acetylcholinesterase bằng phương pháp đo quang với chất đối chứng dương là galantamine và berberine. Thu thập các mẫu dược liệu tại vùng Bảy Núi - An Giang. Ly trích mẫu cây khô bằng dung môi methanol để thu được cao khô. Sàng lọc hoạt tính ức chế enzyme Acetylcholinesterase của các mẫu cao thô trên qui trình đã xây dựng
Số hồ sơ lưu: AGG-033-2021

30404. Hoá dược học

82436.09-2022 Hoàn thiện quy trình công nghệ sản xuất thuốc viên nén paracetamol 500 mg giải phóng nhanh/ TS. Tạ Mạnh Hùng, TS. Lê Quang Thảo; PGS. TS. Đoàn Cao Sơn; PGS. TS. Trần Việt Hùng; PGS. TS. Nguyễn Ngọc Chiến; ThS. Dương Minh Tân; DS. Vũ Đoàn Huy; TS. Đào Danh Sơn; DS. Nguyễn Đức Thịnh; ThS. Nguyễn Thị Hà - Hà Nội - Viện Kiểm nghiệm thuốc Trung ương, 2021; 06/2018 - 02/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Hoàn thiện quy trình công nghệ sản xuất viên nén Paracetamol 500mg giải phóng nhanh; Hoàn thiện tiêu chuẩn chất lượng của sản phẩm; Đánh giá tương đương sinh học của sản phẩm; Đánh giá độ ổn định của sản phẩm; Hoàn thiện hồ sơ

đăng ký thuốc theo quy định của Bộ Y tế.

Số hồ sơ lưu: 19707

82594.09-2022 Nghiên cứu tổng hợp và đánh giá khả năng kháng ung thư của một số dẫn xuất mới họ indole và benzimidazole/ PGS. TS. Hoàng Thị Kim Dung, ThS. Huỳnh Thị Kim Chi; TS. Nguyễn Thành Danh; TS. Nguyễn Trí; ThS. Nguyễn Thị Hồng Nơ; CN. Lê Xuân Lộc - Hồ Chí Minh - Viện Công nghệ Hóa Học, 2021; 08/2018 - 07/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Tổng hợp các hợp chất mới dựa trên khung nền của indole và benzimidazole (tra cứu theo SciFinder). Đánh giá hoạt tính kháng ung thư và đánh giá mối tương quan giữa hoạt tính và cấu trúc của các hợp chất mới này. Tạo bộ cơ sở dữ liệu mới cho các nghiên cứu sau tham khảo về: cách thức tổng hợp, mối tương quan giữa hoạt tính và cấu trúc của các dẫn xuất benzimidazole và indole. Từ đó, góp phần hiệu quả trong việc định hướng, phát triển và xây dựng các cấu trúc thuốc mới, giải quyết tình trạng không đáp ứng được thuốc do nhiều tác dụng phụ của bệnh nhân ung thư. Góp phần cho các nhóm nghiên cứu trẻ ở Viện Hàn lâm KH&CN bắt kịp tình hình nghiên cứu hiện nay của thế giới. Góp phần nâng cao vị thế nghiên cứu của Viện Hàn lâm KH&CN Việt Nam thông qua những công bố của đề tài trên các tạp chí quốc tế uy tín.

Số hồ sơ lưu: 19753

82752.09-2022 Nghiên cứu chuyên hóa hóa học và khảo sát hoạt tính gây độc tế bào các dẫn xuất azacrown ether/ TS. Trương Hồng Hiếu, PGS.TS. Lê Tuấn Anh; TS. Đặng Thị Tuyết Anh; ThS. Hoàng Thị Phương; ThS. Nguyễn Tuấn Anh - Hà Nội - Viện Hóa Học, 2021; 08/2018 - 08/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Nghiên cứu hoàn thiện điều kiện tổng hợp các dẫn xuất (A-F). Ứng dụng các phản ứng chuyên hóa trên các nhóm chức tại nhân dị vòng hoặc nhân ether của các hệ dị vòng mới (A-F). Xác định cấu trúc của các hệ dị vòng mới tổng hợp được bằng các phương pháp phổ hiện đại. Tiến hành thử nghiệm các hoạt tính gây độc tế bào trên các dòng tế bào ung thư và tế bào thường, nhằm tìm kiếm các hợp chất có hoạt tính sinh học tốt, có khả năng phát triển thành thuốc hóa dược tiềm năng.

Số hồ sơ lưu: 19855

82820.09-2022 Nghiên cứu điều chế dược chất phóng xạ ^{18}F -Choline sử dụng trong chụp PET/CT chẩn đoán ung thư tuyến tiền liệt./ TS. Vũ Thanh Quang, ThS. Hà Ngọc Khoán; ThS. Nguyễn Khắc Thát; ThS. Bùi Thanh Rin; ThS. Trần Văn Điện; ThS. Nguyễn Trung Dũng; ThS. Bùi Quang Khải; TS. Đàm Nguyên Bình; PGS.TS. Lê Ngọc Hà - Hà Nội - Bệnh viện Trung ương Quân đội 108, 2021; 06/2018 - 04/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Thiết kế, chế tạo máy tổng hợp tự động DCPX 18F-FCH. Xác lập quy trình tổng hợp tự động DCPX 18F-

FCH. Xác lập quy trình kiểm tra chất lượng DCPX 18F-FCH. Sản xuất 10000mCi 18F-FCH. Đánh giá tính hiệu quả, an toàn của DCPX 18F-FCH đối với động vật thí nghiệm.
Số hồ sơ lưu: 19870

83007.09-2022 **Nghiên cứu bào chế viên nang chứa hệ nano tự nhũ hóa rosuvastatin/** PGS. TS. Nguyễn Đăng Hòa, PGS. TS. Vũ Thị Thu Giang; TS. Trần Thị Hải Yến; ThS. Phan Thị Nghĩa; TS. Phạm Bảo Tùng; TS. Nguyễn Trần Linh; PGS. TS. Nguyễn Thị Kiều Anh; PGS. TS. Đào Thị Vui - Hà Nội - Trường Đại học Dược Hà Nội, 2021; 06/2018 - 02/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Xây dựng quy trình bào chế hệ nano tự nhũ hóa (Self-nanoemulsifying drug delivery systems – SNEDDS) chứa rosuvastatin. Xây dựng quy trình bào chế viên nang chứa SNEDDS rosuvastatin ở quy mô 10.000 viên/mẻ. Đánh giá được sinh khả dụng của viên nang. Để góp phần nâng cao hiệu quả trong điều trị và chăm sóc sức khỏe cộng đồng, thúc đẩy ngành công nghiệp dược trong nước ngày càng phát triển, hội nhập với xu hướng phát triển trong khu vực và trên thế giới, việc nghiên cứu bào chế và ứng dụng hệ nano tự nhũ hóa chứa dược chất điều trị rối loạn mỡ máu thuộc nhóm statin như rosuvastatin trong dược phẩm thực sự cần thiết và có ý nghĩa đóng góp về khoa học và thực tiễn.

Số hồ sơ lưu: 19929

83161.09-2022 **Nghiên cứu thành phần hóa học hướng tác dụng hạ đường huyết và bào chế chế phẩm**

hỗ trợ điều trị đái tháo đường từ lá cây sần đầu ăn lá (Azadirachta sp.) tại An Giang/ PGS. TS. Dương Xuân Chử, PGS. TS. Nguyễn Thị Ngọc Vân; TS. Nguyễn Ngọc Nhã Thảo; TS. Nguyễn Thị Thu Trâm; ThS. Nguyễn Thị Trang Đài; ThS. Lê Thị Cẩm Tú; ThS. Nguyễn Văn Tâm; CN. Lê Thị Thanh yển; Từ Hoàng Tước; CN. Lý Vĩnh Định - Cần Thơ - Trường Đại học Y dược Cần Thơ, 2020; (Đề tài cấp Tỉnh/Thành phố)

Tiêu chuẩn hóa về nguồn nguyên liệu. Xây dựng qui trình chiết xuất cao và phân lập hợp chất có hoạt tính hạ đường huyết và tiêu chuẩn chất lượng cao dược liệu chuẩn hóa. Đánh giá độc tính cấp, trường diễn, bán trường diễn cao dược liệu. Thiết kế công thức và xây dựng quy trình bào chế viên nén bao phim chứa cao lá Sần đầu. Kiểm nghiệm thành phẩm và dự thảo tiêu chuẩn kiểm nghiệm sản xuất viên nén bao phim chứa cao lá Sần đầu. Sản xuất thử nghiệm viên nén bao phim thực phẩm chức năng chứa cao lá Sần đầu. Theo dõi độ ổn định của viên nén bao phim chứa cao chiết lá sần đầu ở điều kiện lão hóa cấp tốc.

Số hồ sơ lưu: AGG-015-2021

30501. Công nghệ sinh học liên quan đến y học, y tế

82634.09-2022 **Phát triển kỹ thuật mới Real-time PCR biến tính ở nhiệt độ thấp sử dụng đầu dò Taqman Locked-nucleic Acid (LNA -probe Real-time COLD-PCR) có độ nhạy cao để phát hiện sớm tần suất và tỷ lệ quần thể đột biến kháng thuốc Nucleoside**

Analogs của virus HBV/ PGS. TS. Phùng Thị Bích Thủy, TS. Nguyễn Phạm Anh Hoa; PGS. TS. Vũ Thị Tường Vân; TS. Trương Thái Phương; PGS. TS. Nguyễn Thị Vân Anh; BSCKII. Lê Thị Ngân; ThS. Nguyễn Đăng Hoàn; ThS. Nguyễn Minh Hằng; CN. Chu Văn Sơn; ThS. Vũ Thiên Sơn - Hà Nội - Bệnh viện Nhi Trung ương, 2021; 08/2017 - 07/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Xây dựng hệ thống mẫu chuẩn plasmid tái tổ hợp mang các bản sao HBV thể dai và đột biến kháng thuốc. Phát triển kỹ thuật COLD-PCR với mục tiêu phát hiện tất cả các đột biến (đã biết và mới) và LNAprobe Real-time PCR/COLD-PCR với những đột biến kháng 3 nhóm thuốc NA:

Lamivudine/Telbivudine, Adefovir/Tenofovir, và Entecavir. Khảo sát tần xuất xuất hiện và tỷ lệ quần thể đột biến đã biết và sàng lọc phát hiện các đột biến mới kháng thuốc ở HBV trên bệnh nhân viêm gan B chưa điều trị và bệnh nhân viêm gan mạn tính.

Số hồ sơ lưu: 19812

82817.09-2022 Nghiên cứu tính đa hình và nhạy cảm của một số gen liên quan đến nguy cơ ung thư dạ dày trên người Việt Nam/ GS.TS. Tạ Thành Văn, TS. Nguyễn Thị Ngọc Lan; PGS.TS. Đặng Thị Ngọc Dung; PGS.TS. Trần Huy Thịnh; PGS.TS. Tạ Văn Tờ; TS. Nguyễn Thị Thanh Hương; ThS. Phạm Thị Hương Trang; ThS. Nguyễn Quỳnh Giao; CN. Nguyễn Thúy Hà; CN. Đặng Quang Huy; ThS. Đào Mạnh Phương - Hà Nội - Trường Đại học

Y Hà Nội, 2021; 05/2016 - 05/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Nghiên cứu đặc điểm di truyền trên bệnh nhân ung thư dạ dày. Tách chiết DNA từ mẫu máu của bệnh nhân ung thư dạ dày và nhóm đối chứng. Đánh giá tính đa hình của gen PSCA và MUC1 trên bệnh nhân ung thư dạ dày. Đánh giá tính nhạy cảm của gen PSCA và MUC1 đối với ung thư dạ dày. Xác định đột biến gen CDH1 trên bệnh nhân ung thư dạ dày di truyền. Lập phả hệ của những bệnh nhân có đột biến gen CDH1, xác định đột biến trên các thành viên trong gia đình.

Số hồ sơ lưu: 19873

30502. Công nghệ sinh học liên quan đến thao tác với các tế bào, mô, cơ quan hay toàn bộ sinh vật (hỗ trợ sinh sản); công nghệ tế bào gốc

82582.09-2022 Nghiên cứu sử dụng tế bào miễn dịch tự thân gamma delta T ($\gamma\delta$ T) và diệt tự nhiên (NK) trong điều trị ung thư phổi/ PGS. TS. Trần Huy Thịnh, GS. TS. Tạ Thành Văn; PGS. TS. Trần Văn Khánh; TS. Nguyễn Thanh Bình; GS. TS. Nguyễn Lĩnh Toàn; PGS. TS. Lê Văn Quảng; TS. Nguyễn Thị Thái Hòa; TS. Trần Khánh Chi; TS. Nguyễn Thu Thúy; ThS. Nguyễn Quý Linh; ThS. Lê Thị Phương; CN. Trịnh Thị Thanh Hương; ThS. Nguyễn Thị Thúy Mậu; ThS. Phạm Xuân Thắng; ThS. Vũ Văn Quý; ThS. Lê Văn Toàn; ThS. Trần Mai Linh; ThS. Nguyễn Đình Lộc; CN. Nguyễn Hoàng Yên; CN. Đỗ Thị Nga; BSCKI. Vũ Thị Hoài Thu; CN. Nguyễn Thị Thanh Loan; ThS.

Nguyễn Thanh Thủy - Hà Nội - Trường Đại học Y Hà Nội, 2021; 07/2018 - 05/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Xây dựng quy trình phân lập , bảo quản các dòng tế bào miễn dịch tự thân γδT và NK. Đánh giá tác dụng kháng tế bào ung thư phổi người của tế bào miễn dịch tự thân γδT và NK trên thực nghiệm. Đánh giá kết quả sử dụng tế bào miễn dịch tự thân trong điều trị ung thư phổi.

Số hồ sơ lưu: 19795

82618.09-2022 **Nghiên cứu sử dụng tế bào gốc tự thân từ mô mỡ và tủy xương trong điều trị bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính/ GS. TS. Ngô Quý Châu, PGS. TS. Phan Thu Phương; GS. TS. Mai Trọng Khoa; TS. Phạm Cẩm Phương; PGS. TS. Phan Quốc Hoàn; PGS. TS. Chu Thị Hạnh; TS. Nguyễn Huy Bình; ThS. Nguyễn Thị Thanh Huyền; TS. Ngô Tân Trung; TS. Bùi Tiến Sỹ; ThS. Đào Thanh Quyên; TS. Vũ Văn Giáp; TS. Đoàn Thị Phương Lan; ThS. Phạm Thị Lệ Quyên; ThS. Nguyễn Thanh Thủy; ThS. Vũ Thị Thu Trang; GS. TS. Phạm Quang Vinh - Hà Nội - Bệnh viện Bạch Mai, 2021; 11/2016 - 04/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)**

Nghiên cứu tối ưu hóa quy trình phân lập tế bào gốc từ mô mỡ để điều trị bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính. Nghiên cứu tối ưu hóa quy trình tạo khối tế bào gốc tự thân từ tủy xương để điều trị bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính. Quy trình sử dụng tế bào gốc tự thân từ mô mỡ trong điều trị bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính. Nghiên cứu quy trình sử dụng

tế bào gốc tự thân từ tủy xương trong điều trị bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính. Đánh giá kết quả sử dụng tế bào gốc tự thân từ mô mỡ và tủy xương trong điều trị bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính.

Số hồ sơ lưu: 19810

4. Khoa học nông nghiệp

78627.09-2022 **Ứng dụng kỹ thuật nuôi trâu cải tiến để nâng cao thu nhập cho đồng bào dân tộc H're và bảo vệ môi trường ở huyện Minh Long, tỉnh Quảng Ngãi/ CN. Võ Đình Tiến, - Quảng Ngãi - UBND huyện Minh Long, 2020; 06/2017 - 06/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)**

Điều tra 57 hộ chăn nuôi trâu ở 2 xã Long Môn và Long Sơn, kết quả cho thấy, quy mô chăn nuôi phổ biến từ 5-6 con/hộ; việc nuôi dưỡng và phòng bệnh cho đàn trâu chưa đảm bảo, công tác giống chưa được quan tâm, ...Hỗ trợ xây dựng 130 chuồng trâu kiên cố, đúng quy cách ở 130 hộ chăn nuôi trâu tại 11 thôn của 2 xã Long Môn và Long Sơn, huyện Minh Long; tổng diện tích chuồng trâu dự án hỗ trợ xây dựng đạt 1.560 m²; Xây dựng 62 mô hình trồng cỏ VA06, năng suất đạt 250 tấn/ha/năm đối với cỏ trồng thâm canh và đạt 156 tấn/ha/năm đối với cỏ trồng bán thâm canh.

Số hồ sơ lưu: QNI-010-2020

78628.09-2022 **Chọn tạo và phát triển một số giống lúa mới ngắn ngày, có năng suất cao, phẩm chất gạo tốt phục vụ sản xuất để tăng thu nhập cho nông dân Quảng Ngãi và một số tỉnh khu vực Miền**

Trung/ CN. Đỗ Đức Sáu, - Quảng Ngãi - Trung tâm Giống Quảng Ngãi, 2020; 06/2017 - 05/2022. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Tuyển chọn được 16 dòng lúa thuần ưu tú từ 134 dòng lúa thuộc các tổ hợp lai hiện do Trung tâm Giống tỉnh Quảng Ngãi chọn tạo. Tuyển chọn được 3 giống lúa mới QNg6 (dòng ĐH6-1, tổ hợp lai MNR4 / Hương Cốm), QNg13 (dòng ĐH13, tổ hợp lai OM6162/ MNR4), QNg128 (dòng ĐH128, tổ hợp lai ĐTM126/ XT27). Xây dựng và hoàn thiện 2 hướng dẫn kỹ thuật canh tác 2 giống lúa mới QNg6 và QNg13 đã được kiểm chứng qua thực tiễn sản xuất đồng ruộng để phổ cập giúp nông dân tiếp cận và ứng dụng đạt hiệu quả.

Số hồ sơ lưu: QNI-011-2020

78694.09-2022 Hỗ trợ ứng dụng tiến bộ khoa học công nghệ phát triển đàn bò lai hướng thịt trên nền bò cái lai Zêbu tại các xã miền núi huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi/ ThS. Phạm Hồng Sơn, - - phòng nông nghiệp huyện Sơn Tịnh, 2020; 07/2017 - 06/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Lai tạo giống và biện pháp nâng cao tỷ lệ thụ thai trong TTNT bò; kỹ thuật chăn nuôi bò cái lai Zêbu sinh sản; kỹ thuật chăn nuôi bê lai hướng thịt; biện pháp phòng chống bệnh trong chăn nuôi bò; kỹ thuật trồng các giống cỏ năng suất cao và chế biến thức ăn hỗn hợp lên men FTMR từ các phụ phẩm nông công nghiệp làm thức ăn cho bò thịt; kỹ thuật ứng dụng xây dựng chuồng trại đúng quy cách đảm bảo vệ sinh môi trường.

Số hồ sơ lưu: QNI-013-2020

78920.09-2022 Nghiên cứu xây dựng quy trình ương, nuôi thương phẩm loài ngao ô vuông (*Periglypta puerpera*, Linnaeus 1771) tại vườn quốc gia Bái Tử Long/ ThS. Phạm Quốc Việt, - CN. Nguyễn Công Định - KS. Trần Hoài Nam - Quảng Ninh - Ban Quản lý vườn quốc gia Bái Tử Long, 2020; 11/2018 - 10/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Xác định được mật độ ương con giống cấp 1 phù hợp với giai đoạn ương cho tỷ lệ sống, tốc độ sinh trưởng cao; Xác định được mật độ nuôi con giống cấp 2 phù hợp với giai đoạn nuôi thương phẩm; Xác định các yếu tố môi trường phù hợp trong toàn bộ quá trình ương và nuôi thương phẩm; Xây dựng bản hướng dẫn kỹ thuật ương, nuôi thương phẩm loài ngao ô vuông phù hợp với điều kiện môi trường ven biển tỉnh Quảng Ninh.

Số hồ sơ lưu: 206/GCN-UDTK

78932.09-2022 Điều tra, đánh giá thực trạng và nghiên cứu một số biện pháp kỹ thuật nhân giống, phát triển cây Tùng đen (*Diospyros vaccinioides* Lindl) tại Vườn quốc gia Bái Tử Long/ KS. Nguyễn Văn Hùng, - KS. Trịnh Thị Thon - KS. Phạm Thế Toàn - CN. Hà Minh Chiến - Nguyễn Kiên Hà - KS. Vũ Thị Huyền - KS. Nguyễn Văn Khánh - CN. Nguyễn Công Định - Nguyễn Văn Thanh - Quảng Ninh - BQL Vườn quốc gia Bái Tử Long, 2019; (Đề tài cấp Cơ sở)

Điều tra, đánh giá hiện trạng, tình hình phát triển loài cây Tùng đen tại Vườn quốc gia Bái Tử Long; nghiên cứu phương pháp nhân giống nhằm cung cấp cơ sở khoa học để đưa ra giải pháp quản lý, bảo tồn, lưu giữ và phát triển giống cây quý hiếm. Xác định được hiện trạng phân bố của loài cây Tùng đen và xây dựng được bản đồ hiện trạng phân bố loài cây Tùng đen tại Vườn quốc gia Bái Tử Long. Đề xuất một số giải pháp và xây dựng kế hoạch quản lý, bảo tồn, phát triển loài cây Tùng đen tại Vườn quốc gia Bái Tử Long.
Số hồ sơ lưu: 199/GCN-UDTK

79090.09-2022 Nghiên cứu bảo tồn và phát triển vùng ớt xiêm rừng tại huyện Sơn Hà, tỉnh Quảng Ngãi/ ThS. Nguyễn Ngọc Truyền, - Quảng Ngãi - Trường Đại học Nông Lâm - Đại học Huế, 2020; 09/2018 - 09/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Nghiên cứu bảo tồn giống ớt Xiêm rừng đang trên đà bị thoái hóa ở huyện Sơn Hà tỉnh Quảng Ngãi, lựa chọn và xây dựng được vườn cây trội nhằm lưu giữ giống tại địa phương. Bên cạnh đó, sẽ tiếp tục nghiên cứu để hoàn thiện quy trình từ nhân giống, trồng, chăm sóc, thu hái và chế biến ớt theo hướng sản xuất nông nghiệp an toàn, thương mại hóa sản phẩm ớt Xiêm rừng trên thị trường nhằm phát triển ớt Xiêm rừng một cách hiệu quả và bền vững
Số hồ sơ lưu: QNI-015-2020

81784.09-2022 Sử dụng công thức khẩu phần thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh nuôi bò thịt cao sản và bò

sữa tại huyện Di Linh tỉnh Lâm Đồng/ KS. Võ Thị Quỳnh, ThS. Trần Thị Mỹ Linh; ThS. Lê Xuân Thảo; CN. Lê Văn Quyền; ThS. Phan Quốc Chính - Lâm Đồng - Trung tâm Ứng dụng khoa học và công nghệ Lâm Đồng, 2020; 01/2020 - 12/2020. (Đề tài cấp Cơ sở)

Nhân rộng mô hình TMR giúp tăng năng suất, chất lượng sản phẩm chăn nuôi, mang lại hiệu quả kinh tế cho người dân chăn nuôi tại địa phương. Khảo sát chọn hộ chăn nuôi bò có điều kiện khác đảm bảo yêu cầu của nhiệm vụ. Qua đó nhiệm vụ đã chọn được 03 hộ tham gia thực hiện mô hình. Phối hợp với UBND xã Đinh Lạc tổ chức 01 lớp tập huấn nhằm phổ biến quy trình kỹ thuật sử dụng khẩu phần hỗn hợp hoàn chỉnh - TMR trong chăn nuôi bò thịt cao sản và bò sữa cho người dân trong vùng nắm bắt quy trình kỹ thuật áp dụng vào sản xuất. Tổ chức 01 buổi hội thảo nhằm giới thiệu mô hình cho người dân tham quan học tập, chia sẻ kinh nghiệm nhằm nhân rộng mô hình.

Số hồ sơ lưu: LDG-2021-004

82119.09-2022 Nghiên cứu xây dựng quy trình nuôi tôm càng xanh (*Marcobrachium rosenbergii*) toàn đực hai giai đoạn tại Hải Phòng/ ThS. Đặng Thị Thanh, ThS. Nguyễn Trung; KS. Nguyễn Thị Tài; KS. Nguyễn Văn Thê; KS. Nguyễn Thị Dinh; KS. Trần Thị Phương; KS. Nguyễn Thị Thu Nguyệt - Hải Phòng - Trung tâm khuyến nông Hải Phòng, 2020; 11/2019 - 12/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Tổng quan tài liệu và những vấn đề lý thuyết có liên quan. Dự thảo quy trình nuôi tôm càng xanh toàn đực hai giai đoạn. Nghiên cứu thực nghiệm quy trình nuôi tôm càng xanh toàn đực giai đoạn 1. Nghiên cứu thực nghiệm quy trình nuôi tôm càng xanh toàn đực giai đoạn 2. Hoàn thiện và đề xuất quy trình nuôi tôm càng xanh (*Marcobrachium rosenbergii*).

Số hồ sơ lưu: HPG.2021.001

82169.09-2022 **Xây dựng mô hình sản xuất giống invitro cây Sâm cau (*Curculigo orchoides* Gaetn.) và trồng thử nghiệm tại Vườn Quốc gia Cát Bà/** ThS. Vũ Hồng Vân, ThS. Nguyễn Thị Trang; ThS. Nguyễn Xuân Khu; KS. Ngô Thị Thu Phương; Đỗ Thị Mai Hoa; ThS. Phạm Văn Phúc; ThS. Phạm Văn Thương; ThS. Vũ Văn Hương; KS. Đỗ Xuân Thiệp; CN. Đỗ Thị Hạt; ThS. Nguyễn Văn Dinh; KS. Phạm Văn Cảnh; KS. Đào Ngọc Hiếu; KS. Nguyễn Trung Thành; KS. Đặng Văn Thắng; CN. Dương Đức Tuyên; ThS. Mai Sỹ Luân; CN. Bùi Thị Hồng; KTV. Đào Thị Hoài; ThS. Ngô Thị Hải Linh; KS. Đặng Thị Phương Hào - Hải Phòng - Vườn Quốc gia Cát Bà, 2021; 09/2018 - 05/2021. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Chuẩn bị đầy đủ cơ sở vật chất trang thiết bị phục vụ dự án. Tiếp nhận chuyển giao thành công 02 quy trình công nghệ do Công ty Cổ phần Biopharm Hòa Bình chuyển giao và đào tạo cán bộ kỹ thuật. Xây dựng mô hình trồng thực nghiệm: mô hình sản xuất giống invitro cây Sâm cau;

mô hình trồng cây Sâm cau từ giống có nguồn gốc invitro; với 02 quy mô dưới tán rừng: 0,3 ha và trên vùng đất trống; 0,1 ha. Đề xuất các mô hình: mô hình sản xuất giống invitro cây Sâm cau; mô hình trồng và chăm sóc cây Sâm cau từ giống có nguồn gốc invitro dưới tán rừng tại Vườn quốc gia Cát Bà; mô hình trồng và chăm sóc cây Sâm cay từ giống có nguồn gốc invitro trên vùng đất trống tại Vườn Quốc gia Cát Bà.

Số hồ sơ lưu: HPG.2021.011

82235.09-2022 **Ảnh hưởng của việc bón bổ sung vôi và phân hữu cơ đến sự sinh trưởng của cây mít/** TS. Võ Thanh Phong, ThS. Nguyễn Thế Vững; ThS. Lâm Thị Trúc Linh - Vĩnh Long - Trường Cao đẳng Vĩnh Long, 2021; 08/2019 - 03/2021. (Đề tài cấp Cơ sở)

Khảo sát hiện trạng kỹ thuật canh tác mít Thái siêu sớm tại tỉnh Vĩnh Long; phân tích những tồn tại, hạn chế về kỹ thuật canh tác đã áp dụng trên cây mít Thái siêu sớm. Đánh giá việc bón bổ sung vôi và chất hữu cơ cho đất nhằm cải thiện chất lượng đất liếp và để đáp ứng cho sự sinh trưởng, năng suất của giống mít Thái siêu sớm.

Số hồ sơ lưu: VLG.CS004.2021-0000311

82236.09-2022 **Bổ sung chế phẩm bacillus (probiotic) trong khẩu phần thức ăn của heo Yorkshire Landrace sau cai sữa đến xuất chuồng ở Long Hồ (Vĩnh Long)/** ThS. Nguyễn Huy Tường, ThS. Nguyễn Huy Tường; ThS. Nguyễn Thị Xuân Linh; ThS. Nguyễn Việt

Châu; ThS. Phan Minh Duyên - Vĩnh Long - Trường Cao đẳng Vĩnh Long, 2021; 09/2019 - 03/2021. (Đề tài cấp Cơ sở)

Khảo sát ảnh hưởng của chế phẩm *Bacillus* bổ sung trong thức ăn lên tăng trưởng của heo sau cai sữa đến xuất chuồng và tỷ lệ bệnh tiêu chảy trên heo có và không có sử dụng *Bacillus* và so sánh tính hiệu quả trong chi phí chăn nuôi. Ảnh hưởng của việc bổ sung probiotic lên khả năng sinh trưởng heo giai đoạn cai sữa đến xuất chuồng. Khảo sát tỷ lệ bệnh tiêu chảy trên heo có và không có sử dụng *Bacillus* và so sánh tính hiệu quả trong điều trị.

Số hồ sơ lưu: VLG.CS005.2021-0000312

82250.09-2022 Nghiên cứu hoàn thiện quy trình nhân giống in vitro cây lan Giả hạc Di Linh (*Dendrobium anosmum*) phục vụ công tác nhân giống góp phần bảo tồn và phát triển nguồn lan rừng quý hiếm tại tỉnh Lâm Đồng/ ThS. Phan Quốc Chính, ThS. Nguyễn Thị Mai Uyên; CN. Phạm Ngọc Xuân Đà; ThS. Trương Ngọc Thảo Vy - Lâm Đồng - Trung tâm Ứng dụng khoa học và công nghệ tỉnh Lâm Đồng, 2020; 10/2019 - 11/2020. (Đề tài cấp Cơ sở)

Nghiên cứu hoàn thiện quy trình vào mẫu và nuôi cấy trong môi trường in vitro với môi trường nhân chồi là MS bổ sung 1,5 mg/L BA + 30 g/L đường + 10 g/L agar và môi trường ra rễ là MS có bổ sung 1 mg/L IBA + 30 g/L đường + 10 g/L agar. Xây dựng quy trình trồng và chăm sóc cây lan Giả hạc Di Linh ngoài vườn

ươm. Xây dựng được tiêu chuẩn cơ sở ex-vitro cho cây lan Giả hạc Di Linh và được Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật công nhận theo chỉ tiêu kỹ thuật tại thông báo số 136/TB-TTBVTV.

Số hồ sơ lưu: LDG-2021-018

82265.09-2022 Nghiên cứu tìm hiểu một số tác nhân gây bệnh là ký sinh trùng, nấm và vi khuẩn trên cá hồi và cá tầm nuôi tại Lâm Đồng/ TS. Võ Thế Dũng, ThS. Võ Thị Dung; TS. Nguyễn Nguyễn Thành Nhơn; TS. Nguyễn Việt Thùy; ThS. Lê Thị Thu Hương - Lâm Đồng - Viện Nghiên cứu Nuôi trồng Thủy sản III, 2021; 03/2010 - 03/2012. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Hiện nay khi phát triển nghề nuôi các đối tượng thủy sản ở quy mô lớn, thường dẫn đến dịch bệnh gây tổn thất không nhỏ cho nghề nuôi, dẫn đến những bất ổn về kinh tế, xã hội. Nhận thức được vấn đề đó, Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Lâm Đồng đã hợp đồng với Viện Nghiên cứu Nuôi trồng Thủy sản III để thực hiện đề tài “Nghiên cứu tìm hiểu tác nhân gây bệnh là ký sinh trùng, nấm và vi khuẩn trên cá hồi và cá tầm nuôi tại Lâm Đồng.” Nhằm tìm hiểu các bệnh thường gặp ở cá hồi và cá tầm nuôi, từ đó đề xuất các biện pháp phòng-trị bệnh phù hợp, góp phần phát triển nghề nuôi cá nước lạnh trên địa bàn của tỉnh một cách bền vững

Số hồ sơ lưu: LDG-2021-019

82266.09-2022 Nghiên cứu phòng trừ bệnh xoắn lá virus hại cà chua

tại các vùng trọng điểm của tỉnh Lâm Đồng/ TS. Hoàng Việt Hậu, ThS. Nguyễn Minh Trí; TS. Trần Văn Tiến; ThS. Nguyễn Khoa Trường; ThS. Lê Ngọc Triệu; ThS. Nguyễn Văn Giang; ThS. Trần Thị Nhung; ThS. Nguyễn Thị Bích Liên; ThS. Lại Thế Hưng; ThS. Nguyễn Thị Phương Loan; ThS. Vũ Thị Thúy - Lâm Đồng - Trường Đại học Đà Lạt, 2020; 10/2018 - 11/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Xác định thành phần các loài virus gây hại và các vector lan truyền, các nguyên nhân/con đường chính lan truyền bệnh xoăn lá virus trên cà chua và biện pháp phòng trừ gắn liền với điều kiện thực tế về sản xuất giống và canh tác cà chua tại hai huyện Đơn Dương và Đức Trọng, Xác định khả năng kháng bệnh của một số giống cà chua trong điều kiện thực nghiệm tại Lâm Đồng. Thiết lập các giải pháp kỹ thuật để phòng trừ hiệu quả bệnh virus gây héo xoăn cà chua. Xây dựng và đề xuất quy định nhằm thể chế hóa việc quản lý các vườn ươm giống, các quy định về phòng chống bệnh xoăn lá virus hại cà chua trong quá trình sản xuất giống và canh tác cà chua. Từ đó, hoàn thiện quy trình phòng trừ tổng hợp để quản lý hiệu quả bệnh xoăn lá virus trên cà chua xét trên cả hai phương diện: kỹ thuật và quản lý nhà nước.

Số hồ sơ lưu: LDG-2021-020

82267.09-2022 Xây dựng mô hình trồng hoa lan vũ nữ cắt cành tại huyện Đơn Dương/ CN. Thái Thị Thanh Thủy, ThS. Lương Tú Nam; ThS. Trần Thị Mỹ Linh; ThS.

Nguyễn Thị Mai Uyên; CN. Dương Trường Chinh; ThS. Lê Thị Minh Châu; CN. Trương Ngọc Thảo Vy - Lâm Đồng - Trung tâm Ứng dụng khoa học và công nghệ tỉnh Lâm Đồng, 2020; 10/2019 - 10/2020. (Đề tài cấp Cơ sở)

Họ Lan (*Orchidaceae*) là một họ thực vật có hoa, lớp thực vật một lá mầm. Nguồn gốc của Lan Vũ nữ (*Oncidium*) thuộc bộ Asparagales, họ *Orchidaceae* chi *Oncidium* được tìm thấy lần đầu tiên ở các nước châu Mỹ – nơi khí hậu nhiệt đới. Để phát huy những lợi thế về điều kiện tự nhiên địa phương và thực hiện nhiệm vụ công tác chuyển đổi cây trồng, phát triển du lịch canh nông, phát huy tiềm năng về điều kiện tự nhiên, đáp ứng nhu cầu thực tiễn ngày càng cao của thị trường hoa lan cắt cành. Ngoài ra với việc ứng dụng khoa học công nghệ trong sản xuất hoa lan Vũ nữ sẽ giúp người dân tăng thêm thu nhập, ổn định cuộc sống, góp phần thúc đẩy phát kinh tế - xã hội của địa phương nói riêng và của tỉnh Lâm Đồng nói chung.

Số hồ sơ lưu: LDG-2021-021

82268.09-2022 Xây dựng mô hình trồng dưa lưới tại huyện Đơn Dương/ ThS. Lương Tú Nam, CN. Nguyễn Văn Quang; ThS. Phan Quốc Chính; CN. Dương Trường Chinh; ThS. Lê Thị Minh Châu - Lâm Đồng - Trung tâm Ứng dụng khoa học và công nghệ tỉnh Lâm Đồng, 2020; 01/2020 - 12/2020. (Đề tài cấp Cơ sở)

Năm 2020, UBND huyện Đơn Dương giao cho Trung tâm Ứng dụng KH&CN tỉnh Lâm Đồng chủ

trì thực hiện nhiệm vụ ứng dụng khoa học công nghệ “Xây dựng mô hình trồng dưa lưới ứng tại huyện Đơn Dương”. Với mục tiêu xây dựng mô hình trồng thử nghiệm dưa lưới theo hướng nông nghiệp công nghệ cao tại huyện Đơn Dương góp phần đa dạng hóa sản phẩm nông nghiệp, phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương

Số hồ sơ lưu: LDG-2021-022

82696.09-2022 Nghiên cứu biện pháp bảo quản dây khoai lang và đánh giá ảnh hưởng của việc bổ sung trong khẩu phần đến năng suất của bò thịt trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long/ TS. Hồ Thanh Tâm, TS. Nguyễn Minh Thông; BS. Nguyễn Văn Hùng; ThS. Cao Thuần; ThS. Châu Minh Tuấn; ThS. Nguyễn Huỳnh Nga; ThS. Châu Thiện Ngọc - Vĩnh Long - Trường Đại Học Cần Thơ, 2021; 06/2017 - 03/2021. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Khảo sát năng suất và thành phần hóa học của dây và củ khoai lang phụ phẩm làm thức ăn cho gia súc, gia cầm. Đánh giá biến động hàm lượng dinh dưỡng trong dây loại lang ủ chua theo thời gian bảo quản. Xác định tỉ lệ chất bổ sung và phương pháp phù hợp để bảo quản dây khoai lang đảm bảo được chất lượng và thành phần dinh dưỡng sau khi ủ chua. Tổ chức lớp tập huấn chuyển giao quy trình ủ chua dây khoai lang và kỹ thuật nuôi bò thịt trên nền thức ăn là dây khoai lang ủ chua. Đề xuất quy trình hoàn thiện, giải pháp duy trì và nhân rộng mô hình trên địa bàn tỉnh.

Số hồ sơ lưu: VLG.TI055.2021-0000258

82982.09-2022 Phục tráng và bảo tồn giống đậu phộng Vò (*Arachis hypogaea*) có năng suất cao tại tỉnh Trà Vinh/ ThS. Huỳnh Văn An, ThS. Huỳnh Văn An; KS. Lê Thị Hồng Gấm ; KS. Nguyễn Thị Tho; KS. Đỗ Thị Kim Giàu; CN. Lưu Thị Bích Liên; KS. Lê Ngọc Yến Nhi - Trà Vinh - Trung Tâm Thông Tin và Ứng Dụng Khoa Học Công Nghệ, 2021; 09/2018 - 12/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Phục tráng thành công giống đậu phộng Vò có đặc tính: Năng suất: 06 tấn/ha, Độ thuần: 99,5%, Tỷ lệ nảy mầm: 95%, Dạng thân cây, thẳng đứng, Thời gian sinh trưởng: 90 ngày, Chiều cao cây: 50- 60 cm, Số quả/cây: 37- 38 quả. Quả to, Số hạt/quả: 57- 58, Vỏ lụa màu hồng, Dạng mở quả: không có mở rỗ, Eo quả: eo to, Gân quả rõ. Bàn giao 200 kg giống cho Trung tâm Giống Trà Vinh nhằm phục vụ lưu trữ và cung cấp giống cho bà con trong tỉnh; bàn giao 200 kg giống cho người dân , bảo tồn 0,5 ha trên đồng ruộng do dân tự quản.

Số hồ sơ lưu: 05/KQNC.21

83128.09-2022 Nghiên cứu lưu giữ, bảo tồn nguồn gen giống cây Quế bản địa Trà Bồng tại Quảng Ngãi và đánh giá kết quả bảo tồn./ KS. Trần Kim Ngọc, KS. Trần Kim Ngọc; ThS. Phạm Duy Hưng; PGS.TS. Nguyễn Văn Lợi; ThS. Nguyễn Tông; ThS. Nguyễn Thị Kim Phi; KS. Trần Kim Thông; KS. Nguyễn Văn Thiệu; CN. Lâm Đăng

Hoa Trang; KS. Trần Anh Tuấn; KS. Võ Kim Nghiệp; KS. Thới Văn Hiền; ThS. Nguyễn Thế Vĩnh; ThS. Võ Sỹ Phi - Quảng Ngãi - Chi cục Kiểm lâm tỉnh Quảng Ngãi, 2020; 11/2015 - 11/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/Thành phố)

Điều tra, tuyển chọn 200 cây giống Quế bản địa Trà Bồng tại xã Trà Thủy, Trà Hiệp, Trà Sơn, Trà Lâm, Trà Tân, Trà Giang, Trà Bùi, và TT Trà Xuân; Nghiên cứu đặc điểm hình thái và sinh thái, vật hậu, kiến trúc bản địa của người dân trong việc nhân giống của Quế Trà Bồng; ứng dụng kỹ thuật nhân giống bằng hạt đối với cây Quế bản địa Trà Bồng; Theo dõi đánh giá tình hình sâu bệnh ở giai đoạn vườn ươm; Kỹ thuật nhân giống Quế bản địa Trà Bồng; Xây dựng vùng trồng chuyên canh 10 ha nhằm lưu giữ, bảo tồn và đánh giá kết quả bảo tồn nguồn gen giống Quế bản địa Trà Bồng; Tập huấn nâng cao nhận thức, năng lực; Xây dựng bản đồ bảo tồn nguồn gen (tỷ lệ 1:25.000) thể hiện rõ vị trí trồng rừng giống, tọa độ các cây trội và xác định rõ vùng phù hợp để trồng giống Quế bản địa Trà Bồng trên địa bàn huyện Trà Bồng (cũ)...

Số hồ sơ lưu: QNI-2021-003

83134.09-2022 **Nghiên cứu xác định thành phần dinh dưỡng từ các bộ phận cây lá gai xanh (Boehmeria spp) để làm cơ sở cho việc chế biến thực phẩm, thức ăn gia súc và phân hữu cơ vi sinh./** TS. Lê Hoàng Duy, TS. Lê Hoàng Duy; TS. Võ Thị Việt Dung; TS. Nguyễn Thị Tường Vy; ThS. Nguyễn Minh Cần; TS. Lê Thị Như

Quỳnh; ThS. Trương Thị Thảo; TS. Trương Thị Bích Hồng; TS. Đinh Văn Dũng; TS. Lê Thị Hồng Vân; 10. ThS. Nguyễn Thị Phê - Quảng Ngãi - Trường Đại học Phạm Văn Đồng, 2020; 12/2018 - 12/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/Thành phố)

Kết quả nghiên cứu các bộ phận cây lá gai xanh được ứng dụng tạo ra các sản phẩm bánh, trà, thức ăn chăn nuôi giúp tăng giá trị kinh tế cho cây lá gai xanh và xử lý được lượng lớn phụ phẩm nông nghiệp thải ra môi trường khi tỉnh Quảng Ngãi phát triển diện tích lớn cây lá gai xanh nhằm lấy sợi dệt vải. Kết quả nghiên cứu của đề tài có thể chuyển giao đến các hộ nông dân, đơn vị trồng cây lá gai xanh tại Quảng Ngãi, các hộ chăn nuôi lân cận khu vực trồng cây lá gai xanh lấy sợi, các doanh nghiệp thực phẩm, sản xuất phân hữu cơ vi sinh tại Quảng Ngãi...

Số hồ sơ lưu: QNI-2021-005

83135.09-2022 **Ứng dụng khoa học và công nghệ xây dựng vùng chuyên canh lạc (đậu phộng) trên đất lúa và màu kém hiệu quả theo chuỗi giá trị tại xã Tịnh Thọ, huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi./** KS. Huỳnh Ngọc Tuấn, ThS. Phạm Hồng Sơn; KS. Huỳnh Ngọc Tuấn; KS. Nguyễn Văn Ngọc; CN. Ngô Thanh Phương; KS. Trần Thị Hoài Cẩm; TS. Vũ Văn Khuê; ThS. Mạc Khánh Trang; ThS. Phan Trần Việt; KS. Bùi Ngọc Thao; Đỗ Minh Trang; CN. Nguyễn Thị Hiền - Quảng Ngãi - Phòng Nông nghiệp và PTNT huyện Sơn Tịnh, 2021; 07/2019 - 06/2021. (Đề tài cấp Tỉnh/Thành phố)

Hoàn thiện và chuyển giao 5 hướng dẫn kỹ thuật. Mua sắm máy cày Kubota, máy phay đất và lên luống, thiết bị gieo hạt, máy thu hoạch lạc, máy bứt củ lạc, máy băm chặt thân xác thực vật, máy xạc vỏ lạc, máy ép dầu lạc, máy lọc dầu lạc, máy đóng nắp chai cầm tay, máy tính để bàn và máy in để trang bị cho HTX Dịch vụ Nông nghiệp Tịnh Thọ. Xây dựng mô hình thâm canh tổng hợp cây lạc có áp dụng cơ giới hóa trên đất canh tác lúa và màu kém hiệu quả. Xây dựng mô hình ép dầu, đóng chai và dán nhãn sản phẩm “Dầu lạc Tịnh Thọ”. Đăng ký thành công nhãn hiệu tập thể “Dầu lạc Tịnh Thọ” số 383934 theo Quyết định số: 27878/QĐ-SHTT do Cục trưởng Cục Sở hữu Trí tuệ ký ngày 08 tháng 4 năm 2021; lập trang facebook “Hợp Tác Xã T.Thọ” để giới thiệu và bán hàng qua mạng xã hội. Đào tạo được 10 kỹ thuật viên là cán bộ khuyến nông, hội nông dân xã và các nông dân điển hình tiên tiến ở địa phương. Tổ chức tập huấn và tham quan mô hình cho 350 lượt hộ nông dân trong và ngoài vùng dự án. Đồng thời, đã thiết lập được mối liên kết giữa Doanh nghiệp - HTX Nông nghiệp - Nông dân.

Số hồ sơ lưu: QNI-2021-006

40101. Nông hoá

83131.09-2022 **Nghiên cứu kỹ thuật trồng dâu tây (*Fragaria vesca* L.) trong chậu ứng dụng tưới nhỏ giọt tại núi Cẩm, Tịnh Biên - An Giang/** ThS. Nguyễn Thị Mỹ Duyên, - An Giang - Trung tâm Kỹ thuật - Dịch vụ Nông nghiệp, 2019; (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Xác định được thành phần giá thể và dung dịch dinh dưỡng thích hợp cho cây dâu tây sinh trưởng tốt. Đồng thời, xác định được nồng độ đạm và kali kết hợp trong dung dịch dinh dưỡng để nâng cao năng suất và chất lượng trái dâu tây, góp phần đa dạng hóa cây trồng và nâng cao giá trị kinh tế trong hoạt động du lịch cũng như sản xuất nông nghiệp tại tỉnh An Giang. Bố trí thí nghiệm so sánh khả năng sinh trưởng của cây dâu tây trên ba thành phần giá thể với ba công thức dinh dưỡng khác nhau. Thí nghiệm ba nồng độ đạm kết hợp với ba nồng độ kali trong dung dịch dinh dưỡng để đánh giá ảnh hưởng của chúng đến khả năng sinh trưởng, năng suất và chất lượng trái dâu tây.
Số hồ sơ lưu: AGG-022-2021

40102. Thổ nhưỡng học

82366.09-2022 **Nghiên cứu ứng dụng tư liệu viễn thám radar và quang học đa thời gian , đa độ phân giải để theo dõi diễn biến diện tích và ước tính năng suất , sản lượng lúa vùng Đồng bằng sông Cửu Long và Đồng bằng sông Hồng/** TS. Lâm Đạo Nguyên, TS. Phạm Thị Mai Thy; TS. Trần Thái Bình; TS. Hồ Đình Duẩn; ThS.Đào Văn Tuyết; ThS. Phạm Bách Việt,; ThS. Hoàng Phi Phụng; ThS. Phạm Duy Tiến; ThS. Nguyễn Tiến Công; CN. Đặng Diễm Hương - TP. Hồ Chí Minh - Trung tâm Vũ trụ Việt Nam, 2021; 11/2017 - 02/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Tổng quan, đánh giá tình hình sử dụng các dữ liệu viễn thám và xác lập cơ sở khoa học trong theo dõi diện tích và ước tính năng suất, sản

lượng lúa. Thu thập dữ liệu và khảo sát, đo đạc thực địa tại khu vực nghiên cứu ĐBSCL. Đồng thời, nghiên cứu, thử nghiệm phương pháp sử dụng dữ liệu viễn thám với đa độ phân giải, đa thời gian trong theo dõi diễn biến diện tích và ước tính năng suất, sản lượng lúa cũng như việc kiểm chứng kết quả với các số liệu thống kê và thực địa và xây dựng quy trình ứng dụng. Tiến hành xây dựng WebGIS phổ biến kết quả giám sát lúa khu vực nghiên cứu và đào tạo, chuyển giao kết quả cho cơ quan thụ hưởng thuộc ngành nông nghiệp

Số hồ sơ lưu: 19685

82425.09-2022 Áp dụng giải pháp hữu ích số 1198 để sản xuất chế phẩm vi sinh vật cải tạo đất ở quy mô công nghiệp/ TS. Nguyễn Thu Hà, ThS. Nguyễn Việt Hiệp; ThS. Cao Thị Thanh Tâm; CN. Đàm Thị Thanh Hà; ThS. Trương Thị Duyên; ThS. Trần Thị Lua; CN. Trần Thị Thanh Thủy; CN. Đặng Thương Thảo; ThS. Trần Quang Minh - Hà Nội - Viện Thổ Nhưỡng Nông hóa, 2021; 11/2018 - 06/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Sản xuất chế phẩm vi sinh vật cải tạo đất ở quy mô công nghiệp nhằm cải tạo đất và thông qua đó tăng năng suất cây trồng, phục vụ phát triển nông nghiệp bền vững và tăng giá trị của nông sản. Hoàn thiện quy trình sản xuất chế phẩm vi sinh vật cải tạo đất ở quy mô công nghiệp, quy mô 500 kg/mẻ sản xuất; quy trình được nghiệm thu cấp cơ sở. Sản xuất 03 tấn chế phẩm vi sinh vật cải tạo đất, đạt chỉ tiêu chất

lượng theo quy định của Bộ NN&PTNT. Mật độ vi sinh vật hữu ích mỗi loại đạt ≥ 108 CFU/g chế phẩm. Khảo nghiệm diện hẹp và diện rộng đánh giá ảnh hưởng của chế phẩm vi sinh vật cải tạo đất cho một số cây trồng trên một số loại đất: cây ăn quả (cam, bưởi, nhãn), cây rau (rau ăn lá, rau ăn quả, rau ăn củ) và cây công nghiệp (cà phê, hồ tiêu, chè); nhằm ổn định chất lượng, tăng năng suất cây 6 trồng ít nhất 10% và tăng thu nhập 10 - 15 % (đối với khảo nghiệm diện rộng). Xây dựng các quy trình sử dụng chế phẩm vi sinh vật cải tạo đất cho các cây trồng thử nghiệm; quy trình được nghiệm thu cấp cơ sở.

Số hồ sơ lưu: 19705

40103. Cây lương thực và cây thực phẩm

75727.09-2022 Sản xuất tỏi đen từ tỏi Lý Sơn/ KS. Phạm Văn Công, KS. Phạm Văn Công; KS. Đặng Văn Trọng; KS. Nguyễn Văn Hiệp; KS. Kinh Thị Thảo; CN. Huỳnh Thị Ngọc Thanh; TS. Lê Hoàng Duy; ThS. Nguyễn Minh Cần - Quảng Ngãi - Công ty cổ phần DORI, 2018; 03/2017 - 08/2018. (Đề tài cấp Tỉnh/Thành phố)

Số hồ sơ lưu: QNI-2019-005

82222.09-2022 Nghiên cứu sản xuất nấm rơm (Volvariella volvacea) từ nguồn phụ phẩm thân dây khoai lang tại huyện Bình Tân/ ThS. Trương Thị Mỹ Lộc, ThS. Trương Thị Mỹ Lộc; KS. Nguyễn Thị Hồng Thắm; KS. Ngô Minh Tiến; ThS. Trương Thúy Liễu; ThS. Đinh Thị Hoài Phương - Vĩnh

Long - Trung tâm Dịch vụ kỹ thuật nông nghiệp Vĩnh Long, 2020; 09/2019 - 12/2020. (Đề tài cấp Cơ sở)

Khảo sát các tỷ lệ phối trộn giữa thân dây khoai lang và rơm để tạo nên loại cơ chất phù hợp nhất để sản xuất nấm rơm. Từ kết quả các nội dung đã thực hiện tiến hành so sánh hiệu quả kinh tế khi sử dụng 2 loại cơ chất: rơm và thân dây khoai lang trong sản xuất nấm rơm. Tổ chức hội thảo khoa học đánh giá hiệu quả việc sử dụng phụ phẩm thân dây khoai lang để sản xuất nấm rơm nhằm thảo luận, đánh giá kết quả đề tài. Xây dựng quy trình khuyến cáo ban đầu dựa trên những kết quả thực tế thu được về việc sử dụng được phụ phẩm thân dây khoai lang để sản xuất nấm rơm.

Số hồ sơ lưu: VLG.CS009.2021-0000315

82645.09-2022 Ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ xây dựng mô hình sản xuất lúa gạo an toàn liên kết theo chuỗi giá trị tại tỉnh Vĩnh Phúc/ KS. Trần Thế Hiệp, GS. TSKH. Trần Duy Quý; KS. Trần Thị Khôi; TS. Trịnh Thị Thanh Hương; ThS. Phạm Thị Hồng Nhung; CN. Vũ Quang Long; KS. Lê Thị Thanh; KS. Vũ Trung Kiên; KS. Trần Thanh Hiệp; KS. Nguyễn Xuân Hòa - Vĩnh Phúc - Công ty TNHH Hoàng Đạt, 2021; 08/2018 - 01/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Ứng dụng thành công tiến bộ khoa học và công nghệ trong xây dựng mô hình khép kín từ sản xuất giống, trồng lúa đến gạo thương phẩm chất lượng quy mô hàng hóa, góp phần

tăng thu nhập cho người trồng lúa ở tỉnh Vĩnh Phúc. Chuyển giao, tiếp nhận thành công quy trình công nghệ: sản xuất hạt giống, thâm canh theo VietGAP, thu hoạch và chế biến giống lúa Sơn Lâm 1, ĐS1. Sản xuất lúa thương phẩm đạt chứng nhận VietGAP quy mô 300 ha/ 2 giống, năng suất đạt 6 tấn/ha, sản lượng đạt 1.800 tấn/2 giống. Hiệu quả kinh tế cao hơn 10 - 15% so với sản xuất lúa thông thường. Thu hoạch và chế biến gạo chất lượng, an toàn thực phẩm từ lúa Sơn Lâm 1, ĐS1, quy mô 1.000 tấn gạo.

Số hồ sơ lưu: 19820

83063.09-2022 Cải thiện chuỗi giá trị nấm rơm ở Đồng bằng sông Cửu Long/ PGS. TS. Võ Thành Danh, TS. Ngô Thị Thanh Trúc; TS. Nguyễn Hữu Đăng; PGS.TS. Trần Nhân Dũng; PGS.TS. Võ Tấn Thành; TS. Lê Vĩnh Thúc; TS. Phan Đình Khôi; TS. Huỳnh Việt Khải; TS. Nguyễn Tuấn Kiệt; ThS. Nguyễn Trọng Cường - Cần Thơ - Trường Đại Học Cần Thơ, 2020; 04/2017 - 10/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Nghiên cứu đánh giá thực trạng phát triển NH NR dựa trên phân tích chuỗi giá trị (CGT) theo cả hai khía cạnh cung và cầu. Các bên liên quan (BLQ) trong nghiên cứu này là các tác nhân (TN) tham gia CGT NR bao gồm người cung ứng ĐV, người SX, các TN marketing như DN, thương lái, người thu mua, ..., và quản lý ĐP. Địa bàn nghiên cứu được triển khai tại ĐBSCL. Các cuộc khảo sát điều tra người trồng NR

và tiêu dùng NR được thực hiện tại các tỉnh Cần Thơ, Vĩnh Long, An Giang, Đồng Tháp, Kiên Giang - là các tỉnh có nhiều diện tích trồng NR trong khu vực. Ngoài ra, đối với nghiên cứu CGT NR, đề tài khảo sát bổ sung địa bàn TP.HCM.

Số hồ sơ lưu: 19947

40104. Cây rau, cây hoa và cây ăn quả

82386.09-2022 **Ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật mới để phát triển bền vững ngành trồng dâu nuôi tằm tại huyện Đạ Tẻh, tỉnh Lâm Đồng/** KS. Bùi Văn Hùng, KS. Lê Mậu Tuấn; TS. Nguyễn Mậu Tuấn; ThS. Nguyễn Đức Dũng; TS. Lê Quý Tuy; KS. Nguyễn Đăng Định; CN. Phạm Xuân Tiệp; CN. Nguyễn Hoàng Minh; KS. Ngô Thị Nga; CN. Nguyễn Thị Bích Phượng; KS. Đặng Thị Hà; CN. Lê Thị Thơ; KS. Lê Ngọc Thúy; KS. Văn Đức Lâm; KS. Trần Nguyễn Văn Anh; KS. Phan Thị Thúy Bảo Anh; CN. Phan Chánh Tín; Nguyễn Thị Sen; ThS. Nguyễn Thị Soa - Lâm Đồng - Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện Đạ Tẻh, 2020; 09/2017 - 08/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật mới trong sản xuất dâu tằm theo chuỗi liên kết nhằm nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững ngành trồng dâu, nuôi tằm tại huyện Đạ Tẻh, tỉnh Lâm Đồng. Tiến hành chuyển giao và tiếp nhận các quy trình trồng dâu, nuôi tằm tiên tiến phù hợp với điều kiện tại huyện Đạ Tẻh, tỉnh Lâm Đồng, xây dựng mô hình trồng mới và thâm canh 10 ha

giống dâu S7-CB và TBL03, năng suất thời kỳ kinh doanh đạt trên 25 tấn/ha/năm. Xây dựng mô hình cải tạo 6 ha vườn dâu cũ bằng biện pháp canh tác, năng suất đạt trên 25 tấn/ha, tăng 38% so với năng suất hiện tại và xây dựng mô hình nuôi tằm 2 giai đoạn đạt năng suất 40kg kén/hộp trứng. Đồng thời, xây dựng - hỗ trợ mô hình liên kết sản xuất giữa các hộ - tổ hợp tác - hợp tác xã - doanh nghiệp trong sản xuất, chế biến và tiêu thụ sản phẩm.

Số hồ sơ lưu: 19696

82781.09-2022 **Khôi phục một số giống hoa bản địa có giá trị kinh tế cao, gắn với phát triển du lịch tại Sa Pa, Lào Cai/** KS. Phạm Hữu Ánh, KS. Nguyễn Chiến Tranh; KS. Đỗ Bích Nga; KS. Bùi Quốc Liêm; KS. Nguyễn Thị Nga; ThS. Chu Thị Ngọc Mỹ; ThS. Nguyễn Xuân Kết; ThS. Đặng Tiến Dũng; ThS. Trần Thị Thúy; TS. Nguyễn Mai Thơm - Lào Cai - Công ty TNHH Phát triển Đô thị Phú Minh, 2021; 11/2019 - 06/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Hoàn thiện quy trình sản xuất giống hoa hồng cổ, hoa lan bản địa tại Sa Pa - Lào Cai bằng phương pháp nhân giống vô tính. Hoàn thiện quy trình kỹ thuật trồng chăm sóc, thu hái và bảo quản hoa hồng cổ, hoa lan bản địa tại Sa Pa - Lào Cai. Xây dựng mô hình nhân giống hoa hồng cổ Sa Pa, hoa lan bản địa Trần Mộng Xuân tại Sa Pa - Lào Cai. Xây dựng mô hình sản xuất hoa thương phẩm gắn với du lịch cho các loại hoa. Đào tạo bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, công nhân kỹ thuật và xúc tiến

thương mại, quản lý điều hành dự án.

Số hồ sơ lưu: 19863

83003.09-2022 Chuyển giao, Ứng dụng tiến bộ kỹ thuật và xây dựng mô hình trồng chuối già Phillippines đạt tiêu chuẩn xuất khẩu ở vùng U Minh Hạ tỉnh Cà Mau/ KS. Nguyễn Chí Thành, KS. Nguyễn Phúc; KS. Trần Hữu Lam; KS. Ngô Văn Phúc; KS. Nguyễn Quốc Thới; KTV. Lê Hoàng Nam; ThS. Trần Hoàng Vũ; ThS. Tiêu Hoàng Pho; TS. Nguyễn Việt Hoàng; ThS. Lê Thị Cẩm Tú; CN. Trương Bảo khuyên; KS. Huỳnh Thị Bích Thúy; PGS. TS. Lê Văn Bé; PGS. TS. Trần Vũ Phấn; ThS. Nguyễn Thành Nhân - Cà Mau - Trung tâm Thông tin và Ứng dụng Khoa học công nghệ Cà Mau, 2021; 11/2017 - 04/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Tiếp nhận và làm chủ quy trình công nghệ nuôi cấy mô chuối Xiêm địa phương và chuối già Phillipine, tiếp nhận và làm chủ quy trình trồng và quy trình phòng trừ sâu bệnh hại chuối già Phillippine và chuối Xiêm địa phương phù hợp với thực tế vùng U Minh Hạ, tỉnh Cà Mau. Xây dựng mô hình nhân giống chuối bằng nuôi cấy mô, tạo ra được 35.000 cây/ 2 giống chuối cấy mô đạt tiêu chuẩn xuất vườn. Xây dựng mô hình trồng thâm canh và phòng trừ sâu bệnh hại chuối quy mô 100 ha/2 giống, trong đó 30 ha trồng chuối Xiêm với năng suất đạt 20 tấn trái/ha và 70 ha trồng chuối già Phillipine với năng suất đạt 25 tấn trái/ha sau khi dự án kết thúc; Đào tạo 12 cán bộ kỹ thuật

nắm vững kỹ thuật nhân giống và kỹ thuật canh tác chuối cấy mô đạt tiêu chuẩn xuất khẩu, tập huấn kỹ thuật trồng chuối và phòng trừ sâu bệnh hại trên chuối cho 200 lượt người dân

Số hồ sơ lưu: 19924

83067.09-2022 Mô hình ứng dụng công nghệ trồng nho trong nhà lưới tại Quảng Bình/ KS. Lê Thị Thanh Thủy, Lê Thị Thanh Thủy; Hà Phương Linh; Trần Phi Hùng - Công ty TNHH Geen Life 4.0 - Công ty TNHH Geen Life 4.0, 2021; 08/2020 - 12/2021. (Đề tài cấp Cơ sở)

Xây dựng mô hình trồng nho trong Nhà lưới tại Quảng Bình đạt sản phẩm nho an toàn, tăng giá trị, năng suất, đạt hiệu quả kinh tế xã hội và môi trường. Với diện tích 1.000 m² tại Quảng Bình đạt năng suất 1,6 tấn/1000 m² ,phù hợp với điều kiện tự nhiên tại Quảng Bình; Đánh giá khả năng sinh trưởng phát triển, năng suất của giống nho Hạ Đen trong điều kiện nhà lưới. - Xây dựng quy trình kỹ thuật trồng và chăm sóc cho giống nho Hạ Đen trong điều kiện nhà lưới tại Quảng Bình; Đối tượng nghiên cứu Cây trồng ứng dụng: Giống nho Hạ Đen, xuất xứ: Trung Quốc

Số hồ sơ lưu: 10/2021-QLKHCN-CS

83083.09-2022 Nghiên cứu sản xuất gừng Trâu theo tiêu chuẩn Global GAP tại huyện Thọ Xuân hướng tới xuất khẩu/ ThS. Lê Khắc Chiến, Lê Huy Hoàng; Đỗ Thị Loan; Bùi Thị Nga; Phạm Văn Thành; Lê Thị Dung; Đỗ Thị Chinh; Lê Thị Hoa - Thanh Hóa - Ủy ban nhân dân

huyện Thọ Xuân, 2019; (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Sản xuất thành công mô hình gừng Trâu tại huyện Thọ Xuân - Thanh Hóa theo tiêu chuẩn Global GAP hướng tới xuất khẩu. Xây dựng được bản hướng dẫn kỹ thuật sản xuất gừng Trâu theo tiêu chuẩn Global GAP phù hợp với điều kiện đất bãi bồi, huyện Thọ Xuân. Xây dựng thành công mô hình sản xuất gừng trâu quy mô 5 ha, năng suất ≥ 60 tấn/ha được công nhận tiêu chuẩn Global GAP.

Số hồ sơ lưu: THA-016-2021

40105. Cây công nghiệp và cây thuốc

82585.09-2022 Nghiên cứu chọn giống Keo tai tượng có năng suất cao chống chịu bệnh mục ruột phục vụ trồng rừng gỗ lớn cho vùng Đông Bắc Bộ, Bắc Trung Bộ và Nam Trung Bộ./ TS. La Ánh Dương, TS. Phí Hồng Hải; ThS. Cao Văn Lạng; TS. Nguyễn Đức Kiên; ThS. Nguyễn Minh Chí; ThS. Đặng Như Quỳnh; Ngô Văn Chính; TS. Trần Hồ Quang; PGS. TS. Phạm Quang Thu; TS. Nghiêm Quỳnh Chi; Lưu Thị Quỳnh; ThS. Nguyễn Quốc Toàn; Trịnh Văn Hiệu; Dương Hồng Quân; Trần Xuân Hưng; Dương Văn Xy - Hà Nội - Viện Khoa học lâm nghiệp Việt nam, 2021; 01/2016 - 12/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Điều tra đánh giá yếu tố hoàn cảnh tác động đến mục ruột Keo tai tượng ở các lập địa và tuổi khác nhau tại Đông Bắc, Bắc Trung Bộ và Nam Trung Bộ. Phân lập và định danh nấm bệnh chính gây bệnh mục ruột. Chọn lọc các gia đình Keo tai tượng

có năng suất, chất lượng cao và mức độ mục ruột thấp tại các khảo nghiệm hậu thế ở Tuyên Quang, Hà Nội, Bình Dương và rừng trồng Keo tai tượng tại Đông Bắc, Bắc Trung Bộ và Nam Trung Bộ. Xây dựng khảo nghiệm hậu thế và đánh giá khả năng chống chịu bệnh mục ruột cho các gia đình Keo tai tượng ở các khảo nghiệm hậu thế. Xây dựng vườn giống vô tính cho Keo tai tượng tại Tuyên Quang, Quảng Trị và Quảng Ngãi. Hoàn thiện kỹ thuật nhân giống hàng loạt cho các giống chọn lọc bằng nuôi cấy mô CFF.

Số hồ sơ lưu: 19799

82650.09-2022 Nghiên cứu chọn tạo giống Keo lai sinh trưởng nhanh bằng chỉ thị phân tử (Giai đoạn 2)/ TS. Lê Sơn, TS. Nguyễn Đức Kiên TS. Nguyễn Đức Kiên; TS. Đỗ Hữu Sơn; TS. Nghiêm Quỳnh Chi; TS. Lê Thị Thủy; ThS. Trần Thị Thu Hà; TS. Kim Thị Phương Oanh; TS. Trần Thanh Trảng; ThS. Triệu Thị Thu Hà; KS. Nguyễn Thị Việt Hà - Hà Nội - Viện Khoa học lâm nghiệp Việt nam, 2020; 01/2018 - 12/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Chọn lọc 03-05 dòng Keo lai mới có triển vọng được sàng lọc bằng các chỉ thị phân tử có tương quan đến tính trạng sinh trưởng nhanh (có mức chất lượng tương đương với các giống đã được công nhận). Chọn lọc 2-3 chỉ thị phân tử mới tương quan với tính trạng sinh trưởng nhanh. Xây dựng được 03 mô hình khảo nghiệm giống trên 3 vùng sinh thái chính, quy mô 2ha/mô hình, có tỷ lệ sống trên 90% ở năm thứ nhất.

Số hồ sơ lưu: 19819

82999.09-2022 Xây dựng mô hình nhân giống và trồng cây hương bài dưới tán rừng tại tỉnh Quảng Bình/ TS. Trần Thế Hùng, Trần Thế Hùng ; Nguyễn Thị Quỳnh Phương ; Bùi Thị Thục Anh; Lê Thị Hương Giang ; Đinh Công Nhật; Lê Văn Lộc - Công ty TNHH Sản xuất thương mại và dịch vụ Phú Mỹ Nhân - Công ty TNHH Sản xuất thương mại và dịch vụ Phú Mỹ Nhân, 2021; 04/2019 - 10/2021. (Đề tài cấp Cơ sở)

Đánh giá được kết quả nhân giống và khả năng sinh trưởng, phát triển, hiệu quả kinh tế của cây hương bài khi trồng dưới tán rừng, góp phần nâng cao thu nhập và hiệu quả sử dụng đất ; Xây dựng vườn ươm cây giống và đánh giá kết quả nhân giống bằng hạt, giâm hom hương bài. - Xây dựng mô hình trồng và đánh giá quá trình sinh trưởng, phát triển, năng suất, hiệu quả kinh tế cây hương bài trồng dưới tán cao su. - Hoàn thiện quy trình kỹ thuật nhân giống, trồng cây hương bài dưới tán rừng cao su tại Quảng Bình.

Số hồ sơ lưu: 09/2021- QLKHCN-CS

83057.09-2022 Nghiên cứu sản xuất các loại giá thể cho cây trồng trong sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao tại Thanh Hóa/ GS. TS. Đỗ Năng Vịnh, - Thanh Hóa - Công ty Cổ phần Mía đường Lam Sơn, 2020; 10/2017 - 06/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Khảo sát, đánh giá nguồn nguyên liệu một số phế phụ phẩm nông nghiệp phục vụ sản xuất các loại giá thể tại huyện Thọ Xuân và Công ty Cổ phần Mía Đường Lam Sơn. Nghiên cứu thành phần hóa học cơ bản, đánh giá chất lượng các tỷ lệ phối trộn của các loại phế phụ phẩm nông nghiệp phục vụ sản xuất các loại giá thể. Bố trí thực nghiệm sử dụng giá thể cho từng loại cây trồng, nhằm tìm ra các công thức giá thể phù hợp cho từng loại cây trồng. Xây dựng hướng dẫn kỹ thuật sản xuất giá thể cho từng nhóm cây trồng. Xây dựng hướng dẫn kỹ thuật sản xuất: mạ khay; rau ăn lá; sup lơ, cà chua; dưa kim hoàng hậu, dưa chuột; cây vườn ươm mía nuôi cấy mô, cam giống sử dụng giá thể của đề tài.

Số hồ sơ lưu: THA-009-2021

40106. Bảo vệ thực vật

82495.09-2022 Nghiên cứu công nghệ sản xuất chế phẩm sinh học tổng hợp kiểm soát nấm và tuyến trùng hại cà phê và hồ tiêu/ GS. TS. Phạm Văn Toàn, TS. Phạm Hồng Hiền; TS. Hà Minh Thanh; ThS. Trần Ngọc Khánh; TS. Nguyễn Thu Hà; CN. Trần Thị Thanh Thủy; TS. Lương Hữu Thành; ThS. Nguyễn Thế Quyết; ThS. Nguyễn Thị Hồng Minh; ThS. Đào Hữu Hiền - Hà Nội - Viện Khoa học Nông nghiệp Việt Nam, 2021; 07/2017 - 12/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Xây dựng được quy trình sản xuất và sử dụng chế phẩm sinh học phòng trừ hiệu quả nấm và tuyến trùng hại cà phê và hồ tiêu. Tuyển chọn được bộ chủng giống vi sinh vật đối kháng

nấm bệnh và tiêu diệt tuyến trùng có hoạt tính cao, định danh đến loài và bảo đảm an toàn sinh học; Xây dựng được quy trình công nghệ sản xuất chế phẩm sinh học tổng hợp kiểm soát nấm, tuyến trùng hại rễ cà phê, hồ tiêu qui mô 500 kg /mô và sản xuất được 5000 kg chế phẩm có mật độ vi sinh vật hữu ích ≥ 108 CFU/g, thời gian bảo quản ≥ 12 tháng. Xây dựng được quy trình sử dụng chế phẩm sinh học tổng hợp kiểm soát hiệu quả nấm và tuyến trùng hại rễ cà phê, hồ tiêu và ứng dụng tại 4 mô hình, qui mô 1 ha/mô hình tại các vùng trồng tiêu, cà phê trọng điểm đảm bảo hiệu quả phòng trừ bệnh $\geq 80\%$ và tăng hiệu quả kinh tế 15-20% so với đối chứng.

Số hồ sơ lưu: 19726

83071.09-2022 **Nghiên cứu một số giải pháp mới phòng trừ bọ hung đen (*Allisonotum impressicolle*) hại mía tại vùng nguyên liệu mía Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa/** TS. Hoàng Đăng Dũng, Trịnh Quang Pháp; Lê Thị Thu Hằng; Vũ Thị Thương; Phan Văn Hồng; Nguyễn Đình Phóng; Trần Đăng Mạnh; Hoàng Thị Hậu; Nguyễn Yên Ly; Phạm Thị Dịu - Thanh Hóa - Công ty TNHH Đầu tư Phát triển và Dịch vụ Học viện Nông nghiệp Việt Nam, 2018; (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố) Xác định một số giải pháp mới phòng trừ bọ hung đen hại mía tại vùng mía nguyên liệu huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa. Xác định được một số biện pháp mới: Bẫy đèn và sinh học (Nấm và tuyến trùng); Xây dựng thành công mô hình ứng

dụng các giải pháp mới để phòng trừ bọ hung đen hại mía. Xây dựng quy trình phòng trừ tổng hợp bọ hung hại mía tại Thanh Hóa.

Số hồ sơ lưu: THA-015-2021

40107. Bảo quản và chế biến nông sản

82518.09-2022 **Nghiên cứu sản xuất và ứng dụng vật liệu màng bao trái cây trước thu hoạch của một số loại cây chủ lực/** TS. Hoàng Tuấn Hưng, ThS. Nguyễn Thu Hương; ThS. Nguyễn Thị Liên Phương; CN. Dương Thu Hiền; KS. Trương Thế Quý; TS. Nguyễn Thanh Tùng; TS. Nguyễn Trung Đức; TS. Phạm Thu Trang; ThS. Mai Văn Trị; PGS. TS. Hoàng Thị Lệ Hằng - Hà Nội - Công ty TNHH Công nghệ và Dịch vụ Thương mại Lạc Trung, 2021; 06/2018 - 11/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Làm chủ được quy trình công nghệ chế tạo một số loại vật liệu màng bao trái trước thu hoạch nhằm nâng cao năng suất, chất lượng của một số loại cây chủ lực. Xây dựng được dây chuyền thiết bị sản xuất một số loại vật liệu màng và túi bao trái cây trước thu hoạch. Sản xuất và ứng dụng thử nghiệm túi bao trái đối với một số loại trái cây (cam, bưởi, xoài, chuối, thanh long) nhằm nâng cao năng suất, chất lượng và giá trị thương phẩm

Số hồ sơ lưu: 19735

82592.09-2022 **Ứng dụng công nghệ mới trong sơ chế, sấy đóng gói, bảo quản hạt lúa giống và hoàn thiện mô hình liên kết chuỗi giá trị sản xuất lúa giống tại Công**

ty TNHH Cường Tân/ KS. Lâm Văn Chiêu, CN. Nguyễn Thị Thủy; KS. Bùi Cảnh Toàn; KS. Nguyễn Văn Hoàng; KS. Nguyễn Thị Thúy; KS. Nguyễn Thị Huyền Chang; KS. Lê Thị Mỹ Duyên; KS. Vũ Trình Biên; Phạm Văn Lạng; KS. Trần Văn Cận; CN. Đồng Thị Bích; CN. Lâm Thị Hà; Hoàng Thị Nguyệt; CN. Trần Thị Thảo; CN. Đỗ Thị Mai; CN. Đoàn Thị Dung; Lưu Văn Minh; Phạm Văn Lăng - Nam Định - Công ty TNHH Cường Tân, 2021; 11/2016 - 10/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Ứng dụng công nghệ mới trong khâu sơ chế, sấy, đóng gói và bảo quản hạt lúa giống sau thu hoạch góp phần giảm tổn thất sau thu hoạch và hoàn thiện mô hình liên kết chuỗi giá trị sản xuất lúa giống có hiệu quả tại công ty TNHH Cường Tân. Đào tạo cán bộ kỹ thuật có đủ năng lực tổ chức sản xuất ngoài cánh đồng và vận hành, bảo dưỡng hệ thống theo quy trình công nghệ chuyển giao. Tập huấn cho nông dân tham gia mô hình liên kết về quy trình sản xuất, thu hoạch lúa giống và phối hợp với kỹ thuật viên khi đưa lúa về xưởng chế biến, bảo quản.

Số hồ sơ lưu: 19761

83006.09-2022 **Nghiên cứu công nghệ sản xuất pectin từ vỏ quả cam, chanh, chanh leo tươi/** ThS. Đỗ Thị Thu Hiền, TS. Nguyễn Thị Hồng Hà; ThS. Nguyễn Thị Hương Trà; ThS. Nguyễn Ngọc Huyền; ThS. Vũ Thu Diễm; ThS. Nguyễn Tuấn; KS. Lê Thị Trang; KS. Lê Văn Thanh - Hà Nội - Viện cơ điện nông nghiệp và công nghệ sau thu

hoạch, 2021; 01/2020 - 06/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Xây dựng được quy trình công nghệ sản xuất pectin từ vỏ quả cam, chanh, chanh leo tươi bước đầu làm cơ sở cho sản xuất ở quy mô công nghiệp. Nghiên cứu lựa chọn nguồn nguyên liệu cho sản xuất pectin từ vỏ cam, chanh, chanh leo; Giải pháp xử lý nguyên liệu tiền trích ly - CV4. Nâng cao hiệu quả trích ly pectin bằng enzyme và ảnh hưởng của một số yếu tố trong quá trình thủy phân của enzyme đến hiệu quả trích ly pectin (tỷ lệ enzyme, nhiệt độ, pH và thời gian thủy phân) - CV5. Nghiên cứu thu nhận pectin từ nguồn nguyên liệu lựa chọn.

Số hồ sơ lưu: 19927

40199. Khoa học công nghệ trồng trọt khác

82421.09-2022 **Nghiên cứu áp dụng bộ chỉ số giám sát, dự báo năng suất và sản lượng cây trồng từ hệ thống CropWatch nhằm đề xuất vận hành hiệu quả hệ thống thủy Lợi, thí điểm tại tỉnh Ninh Thuận/** TS. Trần Đức Trinh, ThS. Vũ Thị Thủy; ThS. Lương Tuấn Trung; ThS. Nguyễn Thị Hương Giang; ThS. Nguyễn Thế Tiến; KS. Trần Thị Kim Anh; KS. Nguyễn Long Thành - Hà Nội - Viện Khoa học Thủy lợi Việt Nam, 2021; 01/2020 - 06/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Tổng quan tình hình nghiên cứu trong và ngoài nước về các phương pháp và bộ chỉ số giám sát cây trồng hiện đang sử dụng. Nghiên cứu xây dựng bộ chỉ số và hệ thống giám sát và dự báo năng suất lúa và một số cây trồng khác tại Việt Nam. Đề

xuất cơ sở khoa học để xây dựng và tích hợp bộ chỉ số giám sát và dự báo sức khỏe, sản lượng và năng suất cây trồng trên cơ sở ứng dụng hệ thống Cropwatch phù hợp với điều kiện tự nhiên, đặc điểm ở Việt Nam, thí điểm tại khu tưới thuộc Ninh Thuận và xây dựng hệ thống tương tác trên nền web-gis cho việc điều hành và giám sát. Đồng thời, đề xuất định hướng nghiên cứu phát triển hệ thống Cropwatch và giải pháp mở rộng phạm vi ứng dụng hệ thống các loại cây trồng và cho các vùng khác của Việt Nam.

Số hồ sơ lưu: 19704

82912.09-2022 Xây dựng mô hình nông lâm kết hợp có hiệu quả cao, tạo sinh kế bền vững cho đồng bào dân tộc thiểu số tại Đắk Lắk và Kon Tum/ ThS. Hoàng Thị Nhung, ThS. Phạm Đình Sâm; GS.TS. Bảo Huy; ThS. Hoàng Văn Thành; ThS. Hồ Trung Lương; TS. Triệu Thái Hưng; ThS. Ninh Việt Khương; ThS. Nguyễn Văn Tuấn; ThS. Nguyễn Huy Hoàng; TS. Nguyễn Thị Thu Hà; ThS. Nguyễn Thanh Sơn; ThS. Nguyễn Hữu Thịnh; ThS. Phạm Tiến Dũng; ThS. Trần Hồng Vân; KS. Hà Thị Mai; ThS. Phạm Tiến Bằng; ThS. Đỗ Văn Chung; ThS. Đinh Thừa Hoài Sơn; KS. Nguyễn Văn Hậu; TS. Huỳnh Văn Chung - Hà Nội - Viện Nghiên cứu Lâm sinh, 2021; 01/2019 - 12/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Hoàn thiện quy trình kỹ thuật xây dựng mô hình nông lâm kết hợp chuyển đổi từ mô hình nông, lâm nghiệp kém hiệu quả thành mô hình nông lâm kết hợp hiệu quả và bền

vững. Xây dựng mô hình nông lâm kết hợp cải tạo/chuyển đổi mô hình nông, lâm kém hiệu quả thành mô hình nông lâm kết hợp hiệu quả và bền vững. Đào tạo cán bộ kỹ thuật, khuyến nông và tập huấn 300 người dân trong và ngoài mô hình.

Số hồ sơ lưu: 19890

75729.09-2022 Chăm sóc vườn giống cây ăn quả (bưởi da xanh, chôm chôm java, sầu riêng hạt lép) nhằm tuyển chọn và cung cấp nguồn giống cây ăn quả có chất lượng/ CN. Nguyễn Thị Thanh Bình, CN. Nguyễn Thị Thanh Bình; KS. Hồ Ngọc Thanh; CN. Bùi Ngọc Trúc; CN. Võ Văn Tuấn; CN. Lê Thị Thúy Hạnh; CN. Cao thị Mỹ Hạnh - Quảng Ngãi - Trung tâm Ứng dụng và Dịch vụ khoa học công nghệ tỉnh Quảng Ngãi, 2019; 01/2016 - 12/2018. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Số hồ sơ lưu: QNI-2019-006

75805.09-2022 Hỗ trợ ứng dụng kỹ thuật sản xuất lúa gạo hữu cơ chất lượng cao tại Quảng Ngãi/ CN. Nguyễn Văn Tấn, KS. Phan Sơn CN. Nguyễn Văn Tấn; KS. Phan Sơn; KS. Lê Văn Hội; TS. Trần Văn Mạnh; Võ Tú Sa; Nguyễn Văn Toàn; Đỗ Thị Hương; Lê Văn Tám - Quảng Ngãi - Công ty TNHH Khoa học và Công nghệ tỉnh Quảng Ngãi, 2019; 10/2016 - 03/2019. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Đã ứng dụng quy trình công nghệ sản xuất lúa gạo theo hướng hữu cơ tại Quảng Ngãi đáp ứng được các mục tiêu đề ra và tác động tích cực đến kinh tế, xã hội, môi trường và

thay đổi được tập quán của người dân. Đồng thời hình thành chuỗi giá trị sản xuất tiêu thụ lúa gạo hàng hóa nhằm góp phần nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững cho nghề trồng lúa truyền thống, nâng cao thu nhập cho doanh nghiệp và người dân.

Số hồ sơ lưu: QNI-2019-011

40203. Thức ăn và dinh dưỡng cho động vật nuôi

82583.09-2022 Nghiên cứu cải tạo, quản lý thảm cỏ tự nhiên và chế biến thức ăn từ các nguyên liệu sẵn có phục vụ phát triển chăn nuôi đại gia súc (trâu, bò, voi) quy mô tập trung và quy mô nông hộ tạo sinh kế bền vững cho người dân Tây Nguyên./ TS. Vũ Anh Tài, ThS. Trần Thị Thúy Vân; TS. Phạm Thế Vĩnh; TS. Đỗ Hữu Thư; PGS. TS. Bùi Quang Tuấn; TS. Phạm Kim Cương; TS. Nguyễn Công Định; KS. Lê Thị Kim Thoa; PGS. TS. Lưu Thế Anh; TS. Nguyễn Thanh Tuấn - Hà Nội - Viện Địa lý, 2020; 08/2017 - 12/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Đánh giá hiện trạng phát triển đàn đại gia súc và nguồn cung cấp thức ăn chăn nuôi đại gia súc ở Tây Nguyên; Nghiên cứu xây dựng các phương thức cải tạo, quản lý thảm cỏ tự nhiên và tạo nguồn thức ăn thô chăn nuôi đại gia súc trên lãnh thổ Tây Nguyên; Nghiên cứu các phương thức chế biến thức ăn sử dụng các nguyên liệu sẵn có phục vụ phát triển chăn nuôi đại gia súc trên lãnh thổ Tây Nguyên; Xây dựng mô hình tổng hợp thí điểm cải thiện chất lượng đồng cỏ, vùng chăn thả và chế biến thức ăn cho đại gia súc quy mô

nông hộ và quy mô trang trại ở Tây Nguyên; Nghiên cứu, phân tích và đánh giá mức độ phù hợp giữa phát triển đại gia súc và nguồn thức ăn để định hướng phát triển hợp lý vùng nguyên liệu thức ăn chăn nuôi; Xây dựng cơ sở dữ liệu GIS về hiện trạng thảm thực vật cần cải tạo, bãi chăn thả, vùng canh tác, tiềm năng cung cấp thức ăn phục vụ chăn nuôi đại gia súc ở Tây Nguyên.

Số hồ sơ lưu: 19749

40204. Nuôi dưỡng động vật nuôi

83039.09-2022 Ứng dụng khoa học công nghệ xây dựng mô hình chăn nuôi bê đực từ đàn bò sữa giống ngoại Holstein Friesian (HF) để lấy thịt gắn với chuỗi tiêu thụ sản phẩm an toàn thực phẩm trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa/ BSTY. Lưu Thị Thu Hương, - Thanh Hóa - Công ty Cổ phần Giống và Phát triển chăn nuôi Thọ Xuân, 2020; (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Xây dựng 01 mô hình chăn nuôi 500 con bê đực giống Holstein Friesian (HF) từ 3 ngày tuổi đến 6 tháng tuổi tại trại chăn nuôi của Công ty Cổ phần giống chăn nuôi Thọ Xuân; Xây dựng mô hình chăn nuôi 150 con bê đực giống Holstein Friesian (HF) từ 7 tháng tuổi đến 16 tháng tuổi đạt VietGAHP trên địa bàn huyện Thọ Xuân gắn với chuỗi liên kết tiêu thụ sản phẩm bò hơi đạt VietGAHP đảm bảo thực phẩm an toàn. Xây dựng thành công mô hình chăn nuôi bê đực từ đàn bò sữa giống ngoại Holstein Friesian (HF) để lấy thịt đạt VietGap gắn với chuỗi tiêu thụ sản phẩm trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

Số hồ sơ lưu: THA-004-2021

83061.09-2022 **Nghiên cứu ứng dụng khoa học công nghệ trong xây dựng chuồng trại và xử lý chất thải chăn nuôi bò quy mô hộ gia đình tại bốn huyện vùng cao núi đá tỉnh Hà Giang/ TS.** Mai Anh Khoa, - Hà Giang - Công ty CPPT Nông lâm nghiệp và Môi trường Việt Nam, 2020; 04/2018 - 04/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Đánh giá thực trạng chuồng trại, chăm sóc, quản lý và xử lý xả thải trong chăn nuôi đại gia súc tại 4 huyện vùng cao nguyên đá Hà Giang là Đồng Văn, Mèo Vac, Yên Minh và Quản Bạ và đề xuất một số giải pháp xử lý môi trường chất thải chăn nuôi bò bằng biện pháp vi sinh vật. Nghiên cứu xây dựng 01 quy trình xả thải và sản xuất phân bón hữu cơ từ chất thải chăn nuôi bò phục vụ sản xuất nông nghiệp tại địa phương. Nâng cao năng lực cho 20 cán bộ và 80 người dân về chăn nuôi và xử lý chất thải trong chăn nuôi bò tại địa phương.

Số hồ sơ lưu: HGG-003-2021

40299. Khoa học công nghệ chăn nuôi khác

78629.09-2022 **Hỗ trợ ứng dụng tiến bộ kỹ thuật phát triển chăn nuôi bò lai, tăng thu nhập cho nông dân, góp phần xây dựng nông thôn mới ở các xã miền núi, huyện Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi./ CN.** Nguyễn Văn Mân, BSTY. Nguyễn Văn Thịnh - Quảng Ngãi - Trung tâm Dịch vụ Nông nghiệp thị xã Đức Phổ, 2020; 07/2017 -

06/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Thực hiện điều tra, đánh giá thực trạng đàn bò và tình hình chăn nuôi ở 1.000 hộ (đạt 100% KH) tại 02 xã (Phổ Nhơn, Phổ Phong). Tổ chức tập huấn chuyển giao kỹ thuật cho 770 hộ trong vùng dự án nắm vững các kỹ thuật về: Lai tạo giống và biện pháp nâng cao tỷ lệ thụ thai trong chăn nuôi bò cái lai Zê bu sinh sản; Kỹ thuật chăn nuôi bò cái lai Zê bu sinh sản; Kỹ thuật chăn nuôi bò lai hướng thịt; Các biện pháp phòng chống bệnh trong chăn nuôi bò; Kỹ thuật trồng một số giống cỏ năng suất cao. Tổ chức phối giống nhân tạo 2.500 lượt bò cái bằng tinh nhập nội các giống bò hướng thịt Charolais, Red Angus, BBB và Brahman; có chữa 1.972 lượt, tỷ lệ phối giống có chữa đạt 79% - vượt so với chỉ tiêu kế hoạch đề ra (75%).

Số hồ sơ lưu: QNI-012-2020

82223.09-2022 **Nghiên cứu tính thích nghi và khả năng sinh trưởng của giống vịt Grimaud bằng phương pháp nuôi tập trung trên cạn ở tỉnh Vĩnh Long/ ThS.** Nguyễn Đức Dũng, ThS. Nguyễn Đức Dũng; ThS. Nguyễn Hữu Đức; ThS. Lưu Huyền Trân - Vĩnh Long - Hiệp hội Giống Nông nghiệp Vĩnh Long, 2020; 03/2020 - 12/2020. (Đề tài cấp Cơ sở)

Khảo nghiệm tính thích nghi của vịt qua các chỉ tiêu là tỷ lệ nuôi sống, khả năng phát triển đồng đều, ghi nhận những bệnh có thể xảy ra trên vịt và khả năng điều trị.- Đánh giá khả năng sinh trưởng với các chỉ tiêu: đặc điểm ngoại hình của giống,

thời gian xuất chuồng hiệu quả, hệ số chuyển hóa thức ăn, tốc độ tăng trọng và ghi nhận sự phát tán mùi hôi trong quá trình nuôi trên cạn đề xuất giải pháp khắc phục. Xây dựng biện pháp kỹ thuật chăn nuôi phù hợp với điều kiện thực tế ở địa phương và đặc điểm sinh học của vịt Grimaud bằng phương pháp nuôi tập trung trên cạn trong điều kiện thời tiết, khí hậu, thổ nhưỡng và tập quán chăn nuôi của người dân chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long.

Số hồ sơ lưu: VLG.CS010.2021-0000316

82231.09-2022 **Nghiên cứu ứng dụng tinh phân biệt giới tính để sản xuất giống bò thịt có năng suất chất lượng cao trong chăn nuôi bò tại tỉnh Vĩnh Long/** ThS. Lâm Minh Khánh, ThS. Lâm Minh Khánh; ThS. Trần Quý Xuyên - Vĩnh Long - Trung tâm Dịch vụ kỹ thuật nông nghiệp Vĩnh Long, 2020; 09/2019 - 12/2020. (Đề tài cấp Cơ sở)

Đánh giá tỷ lệ đậu thai trên bò khi áp dụng tinh phân biệt giới tính bò đực ứng dụng thụ tinh nhân tạo trên bò thịt (tỉ lệ đậu thai đạt 70%). Đánh giá trọng lượng bê sinh ra giao động (25 - 40kg/con), sinh trưởng 6 tháng đầu (trọng lượng từ 100 - 120 kg/con) của bê sinh ra khi áp dụng tinh phân biệt giới tính bò đực ứng dụng thụ tinh nhân tạo trên bò thịt. Đánh giá tỷ lệ bê đực/cái khi sử dụng tinh phân biệt giới tính (đạt 90%). Đưa ra khuyến cáo cho kỹ thuật viên thụ tinh nhân tạo và bà con nông dân áp dụng vào thực tế.

Số hồ sơ lưu: VLG.CS011.2021-0000317

82232.09-2022 **Khảo nghiệm tính thích nghi dòng vịt TS 132 nuôi thương phẩm trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long/** ThS. Trương Vĩnh Yên, ThS. Lâm Minh Khánh; KS. Nguyễn Văn Nghiêm; KS. Huỳnh Thị Mai Trân; ThS. Trần Quý Xuyên - Vĩnh Long - Trung tâm Dịch vụ kỹ thuật nông nghiệp Vĩnh Long, 2020; 05/2020 - 12/2020. (Đề tài cấp Cơ sở)

Khảo nghiệm tính thích nghi dòng vịt TS 132 nuôi thương phẩm tại 3 huyện (Long Hồ, Mang Thít, Vũng Liêm) tỉnh Vĩnh Long. Theo dõi tỷ lệ sống (95 - 98%), trọng lượng xuất chuồng (3,1-3,3 kg/con), thời gian nuôi (47 - 50 ngày), tiêu tốn thức ăn (2,5 - 2,6 kgTA/P), tỷ lệ bệnh, so sánh với các thông số kỹ thuật nhà sản xuất. Qua đó, đánh giá sự thích nghi của dòng vịt TS 132 nuôi thương phẩm trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long.

Số hồ sơ lưu: VLG.CS012.2021-0000318

82239.09-2022 **Xác định mức sử dụng bột trùn Quế (*Perionyx excavatus*) thích hợp trong khẩu phần ăn của bò thịt nuôi nhốt chuồng/** ThS. Nguyễn Thị Cẩm Loan, ThS. Nguyễn Thị Cẩm Loan; ThS. Nguyễn Thị Xuân Linh; ThS. Phan Minh Duyên - Vĩnh Long - Trường Cao đẳng Vĩnh Long, 2021; 05/2020 - 05/2021. (Đề tài cấp Cơ sở)

Đánh giá chất lượng thực liệu và dưỡng chất của khẩu phần thí nghiệm. Thí nghiệm các mức độ bổ sung bột trùn quế (3%, 5%) trong

thức ăn tinh của bò thịt so với đôi chứng (không bổ sung bột trùn quế). Hạch toán sơ bộ giá thành và chi phí thức ăn của các nghiệm thức. Số hồ sơ lưu: VLG.CS014.2021-0000319

83137.09-2022 **Ứng dụng khoa học công nghệ cải tạo đàn trâu địa phương bằng phương pháp Thụ tinh nhân tạo với giống trâu Murrah.** / ThS. Đỗ Đức Chung, ThS. Đỗ Đức Chung; Ngô Hữu Hạ; ThS. Lê Thị Thanh; Nguyễn Thị Bích Vân; Huỳnh Thị Hồng Vân; CN. Nguyễn Danh; ThS. Hồ Anh Huy; KS. Nguyễn Đức Tú; ThS. Nguyễn Thanh Hiền; Lương Văn Mùi; Võ Văn Ngọc - Quảng Ngãi - Chi cục Chăn nuôi thú y tỉnh Quảng Ngãi, 2021; 09/2018 - 09/2021. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Ứng dụng kỹ thuật TTNT cho trâu cái địa phương bằng tinh giống trâu Murrah với số lượng trâu cái có chửa là 200 con. Thụ thai bằng TTNT bằng tinh trâu Murrah cao (61,59%) với số liệu tinh/trâu cái có chửa là 2,24 liêu. Tỷ lệ sảy thai thấp (chỉ 2,25%) và tỉ lệ nuôi sống đến cai sữa của nghé lai cao (95,79%); Khối lượng sơ sinh của nghé được sinh F1(Murrah x Địa phương) cao hơn so với nghé Nội. Khối lượng và kích thước các chiều đo của con lai lúc 6 tháng và 12 và 18 tháng tuổi của F1 Murrah cao hơn - hẳn nghé nội, vì vậy hiệu quả chăn nuôi nghé lai cao hơn nghé nội lúc 12 tháng tuổi là 3.680.000 đồng/con và lúc 24 tháng tuổi là 9.000.000-10.000.000 đồng/con

Số hồ sơ lưu: QNI-2021-008

40312. Dược học thú y

83074.09-2022 **Nghiên cứu chế tạo kit chẩn đoán bệnh Dịch tả lợn Châu Phi tại Việt Nam/ PGS.TS. Lê Văn Phan, ThS. Nguyễn Thị Hoa; GS.TS. Nguyễn Thị Lan; PGS.TS. Trịnh Đình Thâu; TS. Lê Huỳnh Thanh Phương; TS. Bùi Thị Tố Nga; PGS.TS. Bùi Trần Anh Đào; ThS. Đào Lê Anh; ThS. Lê Văn Hùng; TS. Lê Quang Hòa; ThS. Nguyễn Thị Giang; ThS. Nguyễn Thị Yên; ThS. Nguyễn Thị Ngọc; ThS. Ngô Thị Hạnh; BSTY. Trịnh Thị Bích Ngọc; Nguyễn Thị Ngân Hà; Phùng Thị Thủy - Hà Nội - Học viện Nông nghiệp Việt Nam, 2021; 06/2019 - 05/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)**

Sản xuất kit PCR để phát hiện virus Dịch tả lợn Châu Phi từ mẫu bệnh phẩm trong thời gian 3 giờ, đạt tiêu chuẩn về độ nhạy 95%, độ đặc hiệu 100%. Sản xuất kit Real-time PCR để phát hiện virus Dịch tả lợn châu Phi từ mẫu bệnh phẩm trong thời gian 2 giờ, đạt tiêu chuẩn về độ nhạy 100%, độ đặc hiệu 100%. Sản xuất kit TEST chẩn đoán nhanh virus gây bệnh Dịch tả lợn châu Phi từ mẫu bệnh phẩm trong thời gian 5 phút, đạt tiêu chuẩn về độ nhạy 76%, độ đặc hiệu 95%. Từ đó nghiên cứu chế tạo được các bộ Kit PCR, Real-time PCR và Test kit chẩn đoán nhanh bệnh Dịch tả lợn Châu Phi tại Việt Nam.

Số hồ sơ lưu: 19951

40401. Lâm sinh

83055.09-2022 **Ứng dụng kỹ thuật lâm sinh tác động, phát triển rừng tự nhiên là rừng sản xuất có đa**

cây mục đích, sinh khối nghèo thành rừng có sinh khối giàu đáp ứng nhu cầu kinh doanh gỗ lớn trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa/ KS. Kiều Văn Lực, - Thanh Hóa - Chi cục Kiểm lâm Thanh Hoá, 2020; 11/2017 - 11/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/Thành phố)

Nghiên cứu, ứng dụng các biện pháp kỹ thuật lâm sinh để tác động vào rừng tự nhiên phục hồi sau khoanh nuôi tái sinh là rừng sản xuất nhằm hỗ trợ sinh trưởng, tăng sinh khối, thúc đẩy phát triển cây tái sinh mục đích, nâng cao sản lượng để kinh doanh gỗ lớn có giá trị kinh tế cao trên một đơn vị diện tích góp phần tái cơ cấu ngành Nông nghiệp, phát triển Lâm nghiệp bền vững. Đánh giá chi tiết được hiện trạng rừng tự nhiên phục hồi sau khoanh nuôi tái sinh là rừng sản xuất trên các điều kiện lập địa núi đất tại địa bàn 11 huyện miền núi, tỉnh Thanh Hóa. Xác định được danh mục các loài cây gỗ tái sinh tự nhiên mục đích, điển hình, đặc trưng cho 3 hệ sinh thái rừng tự nhiên trên vùng đồi, núi đất thấp, núi đất trung bình của tỉnh. Đề xuất biện pháp kỹ thuật lâm sinh phù hợp nhằm tác động nâng cao trữ lượng, sinh khối và tổ thành loài cây chỉ thị, điển hình, đặc trưng phù hợp cho 3 hệ sinh thái rừng đã lựa chọn.
Số hồ sơ lưu: THA-007-2021

40405. Giống cây rừng

82352.09-2022 “**Sản xuất các giống Keo lai và Bạch đàn lai mới quy mô công nghiệp phục vụ trồng rừng các tỉnh trung du và miền núi phía Bắc/** KS. Đỗ Hùng Mạnh, KS. Nguyễn Thị Tâm; ThS. Lưu Thị

Lan; KS. Đỗ Hùng Mạnh; KS. Phạm Quốc Hội; KS. Nguyễn Thanh Bình; ThS. Hoàng Trung Dũng; Lê Thị Quyên; Đặng Thị Thanh Nhân; Nguyễn Thị Hồng Vân; Nguyễn Thị Hiền; Nguyễn Thị Uyên; Nông Thị Yên; Hà Thị Quỳnh; Hà Anh Tuấn; Nghiêm Quỳnh Chi; Triệu Thị Hà; Nguyễn Hữu Sỹ - Phú Thọ - Công ty Cổ phần Giống - Vật tư Nông nghiệp Công nghệ cao Việt Nam, 2021; 01/2016 - 12/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Hoàn thiện và làm chủ quy trình công nghệ nhân giống bằng công nghệ in vitro quy mô công nghiệp đạt công suất 3 triệu cây/năm cho một số giống Keo lai và Bạch đàn lai mới. Sản xuất ít nhất 15 triệu cây giống Keo lai và Bạch đàn lai mới (BV 73, BV75, BV10 và AH1, AH7; UP54, UP72, UP95, UP97, UP99), nhân giống in vitro (bao gồm 10 triệu cây nuôi cấy mô và 5 triệu cây con trồng rừng). Xây dựng 5.000 m² vườn cây đầu dòng các giống cây lâm nghiệp mới và sản xuất thử 30 ha các giống Keo lai và Bạch đàn lai (BV 73, BV75, BV10 và AH1, AH7; UP54, UP72, UP95, UP97, UP99), tăng sinh khối trung bình Keo lai đạt 25 m³ /ha/năm, Bạch đàn lai đạt 20 m³ /ha/năm.

Số hồ sơ lưu: 19679

82676.09-2022 **Nghiên cứu tạo giống Bạch đàn lai biến đổi gen cho chiều dài sợi gỗ (Giai đoạn 2)/** ThS. Trần Đức Vượng, TS. Nguyễn Đức Kiên; TS. Lê Sơn; ThS. Trần Thị Thu Hà; KS. Nguyễn Thị Việt Hà; KS. Nguyễn Thị Huyền; TS. Huỳnh Thị Thu Huệ; TS. Nguyễn

Hữu Kiên; TS. Nguyễn Tử Kim; TS. Lê Quốc Huy - Hà Nội - Viện Khoa học lâm nghiệp Việt nam, 2021; 01/2017 - 12/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Xây dựng được bộ cơ sở dữ liệu minh chứng tính ổn định của các dòng Bạch đàn lai chuyển gen. Xây dựng được quy trình chuyển gen EcHB1 tăng chiều dài sợi gỗ cho Bạch đàn lai UP. Tạo được các dòng Bạch đàn lai chuyển gen có chiều dài sợi gỗ tăng 10%. Tiến hành khảo nghiệm các dòng Bạch đàn lai UU chuyển gen. Đăng ký bảo hộ cấu trúc vector mang gen tăng chiều dài sợi gỗ.

Số hồ sơ lưu: 19838

83056.09-2022 Nghiên cứu kỹ thuật ươm giống cây keo lai (Acacia hybrid) trên giá thể không sử dụng vỏ bầu PE nhằm giảm chi phí, nâng cao tỷ lệ sống và khả năng sinh trưởng của rừng trồng gỗ lớn tại Thanh Hóa/ KS. Phạm Thị Hoa, - Thanh Hóa - Trung tâm Khuyến nông Thanh Hóa, 2020; (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Xây dựng bản hướng dẫn kỹ thuật sản xuất giá thể để ươm cây keo lai mô. Xây dựng bản hướng dẫn kỹ thuật ươm giống cây keo lai mô trên giá thể. Xác định hiệu quả áp dụng kỹ thuật ươm giống keo lai mô trên giá thể so với kỹ thuật ươm giống keo lai mô truyền thống sử dụng vỏ bầu PE. Điều tra khảo sát thực trạng sản xuất giống, tỷ lệ sống, khả năng sinh trưởng của cây keo trên địa bàn tỉnh Thanh Hoá. Nghiên cứu phương pháp xử lý nguyên liệu. Nghiên cứu kỹ thuật ươm giống keo lai mô trên

giá thể để lựa chọn công thức tối ưu. Xây dựng mô hình trồng rừng thử nghiệm bằng cây giống keo lai mô ươm trên giá thể.
Số hồ sơ lưu: THA-008-2021

40406. Nông lâm kết hợp

83130.09-2022 Nghiên cứu xây dựng mô hình nông lâm kết hợp gắn với du lịch sinh thái cho hộ nhận khoán rừng tại Vô Bạch Tượng, huyện Tĩnh Biên, tỉnh An Giang/ Bành Thanh Hùng, Trần Phú Hòa; Thái Văn Nhân; Bành Lê Quốc An; Phạm Văn Hải ; Huỳnh Đức Hạnh - An Giang - Trung tâm Khuyến nông , 2019; (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Xây dựng mô hình nông lâm kết hợp gắn với du lịch sinh thái là nhằm gắn hai lĩnh vực Nông lâm với du lịch sinh thái trên cơ sở hệ sinh thái rừng phòng hộ và cảnh quan tại chỗ trong phạm vi hộ gia đình đang quản lý. Là hình thức tận dụng đất rừng nhận khoán của hộ để trồng xen cây dược liệu, và tận dụng cảnh quan, hệ sinh thái rừng của hộ để tổ chức thành tuyến du lịch, nhằm mục đích vừa tạo sản phẩm cho địa phương vừa tạo thêm thu nhập cho hộ giữ rừng, tiến đến bảo vệ rừng theo hướng bền vững.

Số hồ sơ lưu: AGG-021-2021

40502. Di truyền học và nhân giống thủy sản

82167.09-2022 Nghiên cứu xây dựng quy trình nhân giống san hô trên bê và thử nghiệm trồng san hô tái tạo, phục hồi hệ sinh thái rạn san hô tại Khu bảo tồn biển Bạch Long Vỹ/ ThS. Lương Hữu

Toàn, KS. Nguyễn Như Hà; KS. Lê Văn Ngọc; NCS. Nguyễn Chí Hiếu; NCS. Đào Minh Đông; NCS. Đỗ Anh Duy; ThS. Trần Văn Hương; ThS. Phùng Văn Giới; KS. Bùi Minh Tuấn; ThS. Nguyễn Việt Chương; ThS. Đào Việt Hương; ThS. Lương Thanh Hải; ThS. Vũ Duy An; CN. Nguyễn Thị Ngọc Hương; KS. Vũ Minh Quang; CN. Nguyễn Thị Thanh Hiền; CN. Lê Văn Hoàng - Hải Phòng - Ban Quản lý Khu bảo tồn biển Bạch Long Vỹ, 2021; 05/2019 - 04/2021. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Nghiên cứu xây dựng quy trình nhân giống san hô trên bể, quy mô: sản xuất 1.000 tập đoàn san hô giống ở kích cỡ 1.5-3.5 cm (\pm 0.5 cm).

Nghiên cứu xây dựng quy trình phục hồi san hô ngoài môi trường tự nhiên từ nguồn giống sản xuất nhân tạo, quy mô: 5.000 m². Kết quả môi trường quan trắc tại địa điểm trồng phục hồi và rạn lân cận đều thích hợp cho san hô phát triển. Độ phủ của san hô tự nhiên tại các khu vực trồng phục hồi dao động 9,4% - 12,6%; khu vực rạn lân cận có độ phủ cao hơn dao động 18,8% - 26%.

Số hồ sơ lưu: HPG.2021.009

83127.09-2022 **Điều tra, đánh giá nguồn lợi cá Đìa (*Siganus guttatus* Bloch, 1787) và xây dựng “Hướng dẫn kỹ thuật ương cá Đìa từ cỡ hạt dưa lên cá giống” trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.**/ KS. Nguyễn Ngọc Tài, KS. Nguyễn Ngọc Tài; ThS. Nguyễn Hữu Thái; KS. Lê Thị Thùy Dương; KS. Đỗ Thanh Dung; KS. Phan Trọng Mến; KS. Nguyễn Hải Sản; KS. Nguyễn Thanh Hiền;

Trương Thị Mỹ Thuận - Quảng Ngãi - Trung tâm Khuyến nông tỉnh Quảng Ngãi, 2020; 09/2018 - 09/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Nghiên cứu về hình thái cấu tạo, phân loại cá đìa và đề xuất các giải pháp bảo vệ nguồn lợi, khai thác hợp lý cá đìa tại Quảng Ngãi; thử nghiệm ương cá đìa từ cỡ hạt dưa lên cá giống (kích cỡ con giống ương đạt từ 5,1 – 6,0 cm/con; tỉ lệ sống đạt 52,6%; tổng số giống thu được 26.300 con); xây dựng mô hình nuôi cá đìa thương phẩm trong lồng, trong ao và nuôi ghép với tôm trong ao (cá đìa thương phẩm trọng lượng bình quân thu được 158-200 g/con, tỉ lệ sống cá đìa đạt 67,4%; tôm sú 25 g/con; tỉ lệ sống đạt 62%; tổng sản lượng cá đìa thu được 2.815,8 kg; tổng số cá đìa thương phẩm là 16.850 con (kế hoạch 16.800 con) đạt 100,2%.

Số hồ sơ lưu: QNI-2021-002

40503. Bệnh học thủy sản

83048.09-2022 **Nghiên cứu phát triển que thử phát hiện nhanh hai độc tố ToxA và ToxB của vi khuẩn *Vibrio parahaemolyticus* gây bệnh hoại tử gan tụy cấp (*Acute Hepatopancreatic Necrosis Disease* – AHPND) trên tôm nuôi ở Tây Nam Bộ/ PGS.TS. Trần Văn Hiếu, ThS. Nguyễn Phước Khải Hoàn; CN. Mai Hoàng Thùy Dung; ThS. Dương Ngọc Diễm; ThS. Trần Nguyễn Thảo Sương; ThS. Trần Thị Hồng Diệp; TS. Nguyễn Thị Nguyệt Thu; GS.TS. Trần Linh Thuộc; TS. Nguyễn Tiến Dũng; ThS. Huỳnh Kiến Quang; CN. Lê Khánh Thiên -**

Hồ Chí Minh - Trường Đại học Khoa học Tự nhiên Thành phố Hồ Chí Minh, 2021; 10/2018 - 04/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Đánh giá thực trạng chủng *Vibro parahaemolyticus* gây bệnh bệnh hoại tử gan tụy cấp trên tôm nuôi vùng Tây Nam Bộ. Tạo dòng, biểu hiện, tinh sạch độc tố tái tổ hợp ToxA, ToxB của *Vibro parahaemolyticus*. Tạo kháng thể kháng độc tố tái tổ hợp ToxA, ToxB trên thỏ và chuột lang. Tạo que thử phát hiện nhanh độc tố ToxA, ToxB của *Vibro parahaemolyticus* gây bệnh bệnh hoại tử gan tụy cấp trên tôm nuôi vùng Tây Nam Bộ. Đánh giá độ đặc hiệu và độ nhạy của que thử trên mẫu tôm bệnh.

Số hồ sơ lưu: 19940

40504. Nuôi trồng thủy sản

75719.09-2022 **Thử nghiệm công nghệ sản xuất giống và nuôi thương phẩm cá ngựa đen (*Hippocampus kuda* Bleeker, 1852) tại Quảng Ngãi.**/ ThS. Nguyễn Hữu Thái; ThS. Nguyễn Hữu Thái; KS. Lê Thị Thùy Dương; KS. Đỗ Thanh Dung; KS. Phan Trọng Mến; Trần Đức Quân - Quảng Ngãi - Trung tâm Khuyến nông Quảng Ngãi, 2018; 08/2016 - 08/2018. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Nuôi cá ngựa có tiềm năng rất lớn về mục đích bảo tồn và khả năng phát triển trở thành một nghề đem lại lợi nhuận cho người nuôi trồng thủy sản tại các quốc gia có nguồn lợi cá ngựa. Vì thế cần phải phát triển nghề nuôi cá ngựa vừa để tạo sản phẩm cung ứng cho các thị trường trong và ngoài nước, vừa nhằm giảm áp lực

khai thác tự nhiên, góp phần bảo vệ nguồn lợi.

Số hồ sơ lưu: QNI-2019-001

82121.09-2022 **Nghiên cứu xây dựng mô hình nuôi tôm thẻ chân trắng hệ thống lọc tuần hoàn (RAS) phù hợp với điều kiện vùng ven biển Hải Phòng/** TS. Đỗ Mạnh Hào, KS. Lê Minh Hiệp; TS. Nguyễn Đức Cự; TS. Đào Ánh Tuyết; TS. Nguyễn Xuân Thành; TS. Trần Nam Trung; TS. Nguyễn Thị Tuyết Nhung; TS. Đỗ Thị Liên; CN. Nguyễn Tiến Đạt; CN. Hà Thị Bình - Hải Phòng - Viện Tài nguyên và Môi trường biển, 2021; 12/2018 - 01/2021. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Nghiên cứu thiết kế mô hình lý thuyết nuôi tôm thẻ chân trắng bằng công nghệ lọc tuần hoàn. Nghiên cứu xây dựng quy trình nuôi tôm thẻ chân trắng bằng công nghệ lọc tuần hoàn. Đánh giá hiệu quả và hoàn thiện mô hình lý thuyết nuôi tôm thẻ chân trắng bằng công nghệ lọc tuần hoàn. Thử nghiệm và hoàn thiện mô hình thực tế, đánh giá hiệu quả của mô hình.

Số hồ sơ lưu: HPG.2021.003

82673.09-2022 **Nghiên cứu sản xuất thức ăn chất lượng cao nâng cao hiệu quả nuôi và chất lượng fillet cá tra/** TS. Nguyễn Văn Nguyên, ThS. Phạm Duy Hải; ThS. Nguyễn Thành Trung; ThS. Võ Minh Sơn; KS. Trần Văn Khanh; KS. Lê Hoàng; TS. Lê Đức Trung; KS. Trần Thị Lệ Trinh; ThS. Nguyễn Quốc Cường; KS. Đinh Thị Mến; KS. Nguyễn Thị Kim Phượng;

KS.Võ Phú Đức; ThS.Đặng Thị Thương - Hồ Chí Minh - Viện Nghiên cứu Nuôi trồng Thủy sản II, 2021; 05/2018 - 09/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Tiếp cận nguồn thông tin từ việc tổng hợp, thu thập tài liệu liên quan đến nghiên cứu và ứng dụng cho ăn nâng cao hiệu quả nuôi và chất lượng acid béo, HUFA của cá Tra. Tiếp cận các cơ sở nuôi cá Tra thương phẩm tại Đồng bằng Sông Cửu Long để khảo sát, đánh giá hiện trạng về chế độ cho ăn đối với cá Tra nuôi thương phẩm tại các vùng nuôi, mô hình nuôi khác nhau. Tiếp cận các chuyên gia về kỹ thuật, công nghệ sản xuất thức ăn nuôi cá Tra thương phẩm nhằm tiếp nhận kinh nghiệm, Trao đổi xác định các bước đi phù hợp trong nghiên cứu.

Số hồ sơ lưu: 19837

82932.09-2022 Hoàn thiện công nghệ nuôi thương phẩm tôm hùm trong bể trên bờ quy mô hàng hóa tại vùng bãi ngang tỉnh Phú Yên/ KS. Trần Thị Lưu, TS. Mai Duy Minh; PGS.TS. Võ Văn Nha; KS. Lê Hồng Duyệt; KS. Tạ Phạm Quốc Huy; KS. Nguyễn Thị Ánh Ngọc; CN. Nguyễn Phạm Hồng Sang; CN. Huỳnh Thị Hậu; CN. Trần Thị Mỹ Vương; CN. Mai Thị Mỹ Lan; CN. Nguyễn Thị Thanh Thủy; CN. Nguyễn Thị Xuân Diệu; CN. Đào Thị Ánh Tuyết; CN. Phạm Thị Hậu; KS. Nguyễn Thị Hồng Uyên; CN. Bùi Thị Kiều; CN. Lê Thị Thanh Khiêm; CN. Trần Thị Ngân; CN. Phạm Thị Thảo Hân - Phú Yên - Công ty TNHH Thủy sản Đắc Lộc,

2020; 06/2018 - 12/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Tiếp nhận và hoàn thiện quy trình công nghệ nuôi thương phẩm tôm hùm trong bể với tỉ lệ sống trên 70%, năng suất 3,5 - 5kg/m³, cỡ tôm 0,5 - 1,0 kg/con đối với tôm hùm bông và 0,3 - 0,5 kg/con đối với tôm hùm xanh. Xây dựng 01 mô hình nuôi tôm hùm bông và 01 mô hình nuôi tôm hùm xanh trên quy mô 5 tấn/mô hình/vụ. Đồng thời tiến hành đào tạo cán bộ kỹ thuật và tập huấn cho 100 bà con nông dân nhằm triển khai nuôi thương phẩm tôm hùm bông và tôm hùm xanh tại tỉnh Phú Yên.

Số hồ sơ lưu: 19905

83044.09-2022 Nghiên cứu giải pháp xử lý ô nhiễm và quản lý môi trường vùng nuôi tôm hùm lồng bè tập trung/ PGS.TS. Nguyễn Phú Hòa, ThS. Trương Phước Thiên Hoàng; TS. Nguyễn Phúc Cẩm Tú; ThS. Lê Quang Hiệp; PGS.TS. Võ Văn Nha; TS. Lê Anh Tuấn; PGS.TS. Lê Anh Đức; PGS.TS. Nguyễn Tri Quang Hưng; KS. Nguyễn Thái Hải Anh; ThS. Hoàng Thị Mỹ Hương; ThS. Đặng Thị Thanh Hòa; ThS. Trần Hồng Thủy; ThS. Trần Văn Minh; ThS. Tôn Nữ Mỹ Nga; ThS. Nguyễn Ngọc Anh; ThS. Trần Thị Hương; KS. Trần Thị Quỳnh Diệp; KS. Đào Uyên Trân Đa; KS. Hàn Thị Thanh; KS. Võ Minh Hải - Hồ Chí Minh - Trường Đại học Nông lâm TP. Hồ Chí Minh, 2021; 12/2015 - 05/2019. (Đề tài cấp Quốc gia)

Xác định mật độ nuôi tối ưu trong lồng và mật độ lồng nuôi phù hợp

trong vùng nuôi tôm hùm lồng bè tập trung tại Phú Yên và một số vùng lân cận. Xây dựng quy trình xử lý ô nhiễm môi trường trong lồng nuôi tôm hùm. Xây dựng mô hình thử nghiệm nuôi tôm hùm lồng bè bền vững tại Phú Yên với 30 ô lồng, năng suất 4kg/m² lồng nuôi, tỷ lệ sống > 0%, tôm hùm thương phẩm đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm. Đánh giá và đề xuất các giải pháp quản lý môi trường và dịch bệnh trong vùng nuôi tôm hùm lồng bè tập trung.

Số hồ sơ lưu: 19939

83075.09-2022 Sở thích của người tiêu dùng và sản xuất đối với chính sách nuôi tôm bền vững tại Việt Nam/ TS. Bùi Bích Xuân, PGS.TS. Quách Thị Khánh Ngọc; TS. Erlend Dancke Sandorf; TS. Lương Công Trung; ThS. Trương Ngọc Phong; ThS. Tăng Thị Hiền; ThS. Hoàng Gia Trí Hải - Khánh Hòa - Trường Đại học Nha Trang, 2020; 06/2018 - 05/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Nghiên cứu phân tích khả năng phát triển ngành nuôi tôm bền vững tại Việt Nam. Các mục tiêu cụ thể của nghiên cứu như sau: Ước tính mức hỗ trợ (thông qua chương trình trợ cấp tín dụng) mà người nuôi tôm cần để chuyển đổi phương thức nuôi truyền thống sang nuôi tôm công nghệ cao. Ước tính mức chi trả mà người dân nói chung sẵn sàng trả để giúp chính phủ trang trải khoản chi phí trợ cấp. Ước tính mức giá mà người tiêu dùng sẵn sàng chi trả cho tôm nuôi được chứng nhận nuôi bền vững. Xây dựng khung chính sách

hỗ trợ các quyết định nhằm phát triển ngành nuôi tôm bền vững.

Số hồ sơ lưu: 19950

83155.09-2022 Thử nghiệm mô hình nuôi lươn *Monopterus albus* thương phẩm mật độ cao ứng dụng hệ thống tuần hoàn tại thành phố Long Xuyên, An Giang/ KS. Phạm Thị Phương Linh, Ths. Nguyễn Hoàng Huy; KS. Lê Thiện Tùng - An Giang - Trung tâm Khuyến nông An Giang, 2019; 10/2018 - 11/2019. (Đề tài cấp Cơ sở)

Đặc điểm sinh học lươn đồng; Một số yếu tố môi trường trong quá trình nuôi; Tăng trưởng của lươn đồng thí nghiệm; Tốc độ tăng trưởng tuyệt đối của lươn qua các tháng thí nghiệm; Tỷ lệ sống, FCR, năng suất lươn nuôi; Đánh giá hiệu quả lợi nhuận. Đánh giá hiệu quả của việc ứng dụng hệ thống lọc tuần hoàn trong nuôi lươn thương phẩm trên bề lót bạt góp phần giảm xả thải ô nhiễm môi trường, tạo sản phẩm sạch, tăng giá trị, hiệu quả kinh tế. Từ đó đưa ra các đề xuất: tiếp tục mở rộng mô hình nghiên cứu, tăng mật độ nuôi nhằm tăng năng suất, giảm giá thành sản phẩm; Khuyến khích các hộ dân ứng dụng mô hình để tăng gia sản xuất, sử dụng công nhân rồi tăng thêm thu nhập, góp phần xóa đói giảm nghèo cho các hộ ít vốn và diện tích đất sản xuất nhỏ; triển khai đưa vào ứng dụng cho các cơ sở nuôi lươn trên địa bàn để giảm ô nhiễm môi trường, tăng năng suất, sản lượng, tạo ra sản phẩm lươn sạch, nâng cao hiệu quả kinh tế.

Số hồ sơ lưu: AGG-025-2021

83162.09-2022 **Nghiên cứu xây dựng mô hình nuôi tôm càng xanh thích ứng với biến đổi khí hậu ở tỉnh An Giang/ PGS.TS. Dương Nhật Long, - Cần Thơ - Trường đại học An Giang, 2019; 12/2016 - 12/2018. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)**

Khảo sát, đánh giá và xác định được các nhân tố tác động ảnh hưởng đến các giải pháp công nghệ và hiệu quả của mô hình nuôi tôm càng xanh trong ruộng lúa ở huyện Thoại Sơn, An Giang. Thí nghiệm xây dựng mô hình nuôi tôm càng xanh thích ứng với điều kiện biến đổi khí hậu (nhiệt độ gia tăng, hạn hán xuất hiện nhiều trong vùng, khả năng kiểm soát và điều tiết chất lượng nước ở vùng và mô hình nuôi bị hạn chế, mặn xâm nhập sâu vào nội đồng). Thực nghiệm xây dựng mô hình ứng dụng mạng cảm biến để đo đạc, giám sát và quản lý vùng nuôi tôm thích ứng biến đổi khí hậu ở huyện Thoại Sơn tỉnh An Giang. Thu hoạch sản phẩm, sơ chế, bảo quản, chế biến, tiêu thụ sản phẩm và phân tích hiệu quả tài chính mang lại từ các mô hình nuôi tôm thích ứng với điều kiện biến đổi khí hậu ở Thoại Sơn tỉnh An Giang.

Số hồ sơ lưu: AGG-031-2021

40505. Hệ sinh thái và đánh giá nguồn lợi thủy sản

82716.09-2022 **Nghiên cứu mô hình sinh thái khép kín nhằm nâng cao chuỗi giá trị cho ngành chế biến thủy sản tại khu vực Đồng bằng sông Cửu Long/ TS. Trà Văn Tung, ThS. Lê Quốc Vĩ;**

TS. Võ Văn Tuấn; TS. Nguyễn Hải Âu; ThS. Nguyễn Phương Nhã; PGS. TS. Lê Thị Kim Oanh; KS. Nguyễn Mộc Đức; ThS. Huỳnh Văn Thái; ThS. Nguyễn Thị Phương Thảo; GS. TS. Lê Thanh Hải - Hồ Chí Minh - Viện Môi trường và Tài nguyên, 2021; 10/2018 - 04/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Đánh giá được hiện trạng và tác động môi trường của ngành chế biến thủy sản tại ĐBSCL. Đề xuất được các qui trình công nghệ, mô hình sinh thái khép kín, nhằm nâng cao chuỗi giá trị cho ngành chế biến thủy sản, giảm thiểu tác động đến môi trường, tạo sinh kế mới tại khu vực. Xây dựng và triển khai 02 mô hình sinh thái khép kín cho ngành hàng cá tra và tôm ở ĐBSCL. Đánh giá được hiệu quả kinh tế và tác động môi trường của các đề xuất. Nhân rộng mô hình cho đơn vị liên quan vùng Tây Nam Bộ..

Số hồ sơ lưu: 19846

40599. Khoa học công nghệ thủy sản khác

82170.09-2022 **Nghiên cứu xây dựng mô hình nuôi cá bằng công nghệ “sông trong ao” tại Hải Phòng/ ThS. Nguyễn Hữu Xuân, KS. Nguyễn Thị Hà; KS. Nguyễn Thị Hồng Duyên; ThS. Đào Mạnh Dũng; KS. Bùi Trọng Duy; KS. Nguyễn Văn Thê; KTV. Nguyễn Trọng Nghiệp - Hải Phòng - Trung tâm Giống và Phát triển Nông nghiệp công nghệ cao, 2021; 07/2019 - 06/2021. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)**

Tổng quan tài liệu và những vấn đề liên quan. Nghiên cứu thiết kế, lắp

đặt hệ thống “sông trong ao”; quy mô: 5.000 m² ao, 02 sông/ao; 02 vụ nuôi. Nghiên cứu xây dựng quy trình nuôi cá bằng công nghệ “sông trong ao”. Đánh giá hiệu quả và hoàn thiện mô hình nuôi cá bằng công nghệ “sông trong ao”.

Số hồ sơ lưu: HPG.2021.012

40601. Công nghệ gen (cây trồng và động vật nuôi); nhân dòng vật nuôi;

82534.09-2022 Ứng dụng công nghệ gen chọn tạo các dòng lợn thuần có khả năng sinh sản và sinh trưởng cao từ nguồn gen nhập khẩu (Hoa Kỳ, Canada, Đan Mạch và Đài Loan) phục vụ chăn nuôi công nghiệp/ BSTY. Trần Xuân Mạnh, ThS. Nguyễn Văn Hùng; BSTY. Lê Duy Bình; CN. Trần Thị Cờm; ThS. Lưu Thị Trang; BSTY. Nguyễn Thị Liên; BSTY. Lưu Văn An; KS. Nguyễn Thị Lăng; ThS. Lưu Văn Tráng; TS. Phạm Doãn Lâm - Bắc Ninh - Công ty TNHH lợn giống hạt nhân DABACO, 2021; 01/2017 - 12/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Ứng dụng công nghệ gen chọn tạo các dòng lợn thuần có năng suất sinh sản và tăng trưởng cao để đưa vào sản xuất giống, nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất và chất lượng sản phẩm thịt. Điều tra thực trạng về khả năng sinh trưởng và năng suất sinh sản của đàn lợn L, Y, D có nguồn gốc từ Hoa Kỳ, Canada, Đan Mạch và Đài Loan. Xác định 3 kiểu gen (ESR, PRLR và FSHB) ở lợn nái, lợn đực làm việc thuộc 2 giống L và Y. Đánh giá năng suất cá thể và xác định 2 kiểu gen (MC4R và PIT1) trên lợn

D. Chọn lọc nhân thuần đàn lợn giống Y, L dựa trên kiểu gen tốt kết hợp với giá trị giống ước tính bằng phương pháp BLUP và Chọn lọc nhân thuần đàn lợn giống D dựa trên kiểu gen tốt kết hợp với giá trị giống bằng phương pháp BLUP. Tạo ra đàn nái lai tổng hợp giữa L và Y có kiểu gen sinh sản cao. Nội dung 5: Kiểm tra năng suất lợn lai thương phẩm D x YL và D x LY.

Số hồ sơ lưu: 19739

82613.09-2022 Nghiên cứu liên kết trên toàn hệ gen các tính trạng ảnh hưởng đến năng suất của tập đoàn lúa Việt Nam, phục vụ chương trình chọn tạo giống lúa bản địa/ TS. Không Ngân Giang, GS. TS. Phạm Xuân Hội; TS. Tạ Kim Nhung; GS. TS. Lê Huy Hàm; Trần Vũ Hằng. Lê thị Như; ThS. Trần Vũ Hằng; ThS. Phạm Thị Mai; ThS. Vũ Hồng Vân - Hà Nội - Viện di truyền nông nghiệp, 2021; 04/2017 - 04/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Phân tích GWAS, nghiên cứu xác định các QTLs/gen liên kết với tính trạng năng suất từ các dòng lúa bản địa của Việt Nam, nhằm cung cấp vật liệu cho các chương trình tiền chọn giống. Xác định QTLs/gen tiềm năng ảnh hưởng đến năng suất lúa, đặc biệt là đến tính trạng cấu trúc bông. Phân tích chức năng các gen tiềm năng liên kết với QTL, quy định tính trạng năng suất. Sàng lọc dữ liệu để xác định các QTL và gen tiềm năng liên quan đến tính trạng năng suất. Nghiên cứu chức năng các gen tiềm năng bằng phương pháp di truyền ngược (thông qua

việc đánh giá kiểu gen và kiểu hình của cây chuyên gen quan tâm).

Số hồ sơ lưu: 19756

83014.09-2022 Ứng dụng công nghệ thụ tinh nhân tạo để phát triển đàn trâu lai Murrah tại Vĩnh Phúc/ TS. Nguyễn Đức Chuyên, - Vĩnh Phúc - Trung tâm nghiên cứu và phát triển chăn nuôi miền núi, 2018; 06/2016 - 12/2018. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Đánh giá thực trạng tình hình chăn nuôi trâu hiện nay. Xây dựng được mô hình ứng dụng công nghệ thụ tinh nhân tạo ở 2 huyện Lập Thạch và Tam đảo. Tiếp tục tiến hành thụ tinh nhân tạo trâu Murrah với đực trâu cải nền của địa phương. Theo dõi các chỉ tiêu sinh trưởng, phát triển (tỷ lệ thụ thai, tỷ lệ đẻ, tỷ lệ nuôi sống, khối lượng nghé sơ sinh, kích thước các chiều đo cơ thể) của đàn nghé F1 sinh ra. Tiếp tục theo dõi các chỉ tiêu sinh trưởng, phát triển (tỷ lệ thụ thai, tỷ lệ đẻ, tỷ lệ nuôi sống, khối lượng nghé sơ sinh, kích thước các chiều đo cơ thể) của đàn nghé F1 sinh ra. Tổng kết, đánh giá và đề xuất các giải pháp phát triển đàn trâu lai Murrah trên địa bàn tỉnh Vĩnh Phúc.

Số hồ sơ lưu: VPC-017-2020

499. Khoa học nông nghiệp khác

83149.09-2022 Nghiên cứu đề xuất giải pháp giảm thiểu nguy cơ thoái hóa đất nông nghiệp tại huyện Quảng Ninh và huyện Lệ Thủy tỉnh Quảng Bình/ PGS.TS. Nguyễn Hữu Ngữ, Nguyễn Hữu Ngữ; Hồ Kiệt; Dương Quốc Nôn; Nguyễn Bích Ngọc; Nguyễn Thị

Nhật Linh; Nguyễn Thị Hải; Võ Khắc Sơn - Trường Đại học Nông lâm - Trường Đại học Nông Lâm, 2021; 01/2020 - 12/2021. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Xác định được đặc điểm tài nguyên đất và tình hình sản xuất nông nghiệp tại khu vực nghiên cứu; Đánh giá được nguy cơ thoái hóa đất sản xuất nông nghiệp và thành lập bản đồ nguy cơ thoái hóa đất sản xuất nông nghiệp do xói mòn và do khô hạn tại khu vực nghiên cứu; Đề xuất được các giải pháp góp phần giảm thiểu nguy cơ thoái hóa đất sản xuất nông nghiệp cho khu vực nghiên cứu tại huyện Quảng Ninh và Huyện Lệ Thủy tỉnh Quảng Bình

Số hồ sơ lưu: 17/2021-QLKHCN

5. Khoa học xã hội

75798.09-2022 Nghiên cứu, đề xuất giải pháp phát huy vai trò của doanh nghiệp đối với sự phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Quảng Ngãi/ PGS.TS. Nguyễn Tiến Dũng, PGS.TS. Nguyễn Tiến Dũng; PGS.TS. Phạm Đăng Phước; TS. Nguyễn Thanh Trọng; TS. Lê Tuấn Lộc; ThS. Nguyễn anh Tuấn; ThS. Huỳnh Ngọc Chương; ThS. Bạch Thị Nhã Nam; ThS. Búi Tá Toàn; ThS. Huỳnh Đình Phát; ThS. Nguyễn Văn Luyện - TP. Hồ Chí Minh - Trường Đại học Kinh tế - Luật thành phố Hồ Chí Minh, 2019; 06/2017 - 03/2019. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Xác định luận cứ khoa học về vai trò của doanh nghiệp đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Quảng Ngãi. Đánh giá thực trạng phát triển và đóng góp của doanh nghiệp và sự

phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh thông qua quá trình khảo sát, xử lý số liệu, phân tích và so sánh với những chỉ tiêu phát triển kinh tế của một số địa phương khác nhằm xác định các định hướng cần ưu tiên thu hút đầu tư phát triển doanh nghiệp và đề xuất các giải pháp cụ thể phát huy vai trò của doanh nghiệp trong phát triển kinh tế xã hội tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2017-2025 và tầm nhìn đến năm 2030...

Số hồ sơ lưu: QNI-2019-009

75803.09-2022 Điều tra, đánh giá thực trạng và đề xuất các giải pháp can thiệp đối với trẻ tự kỷ trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi/ ThS.BSCHII. Nguyễn Tấn Đức; ThS.BSCHII. Nguyễn Tấn Đức; BSKKII. Nguyễn Thanh Quang Vũ; BSKKII. Lê Huy; BSKKI. Đặng Trong; ThS. Trịnh Tuấn Sỹ; BSKKI. Phạm Thị Thu Trà; CN. Trần Thị Phong Hậu; BSKKII. Lê Quang Tòa; KS. Trần Thị Như Bích; ThS..BS. Nguyễn Thị Xuân Duyên - Quảng Ngãi - Sở Y tế tỉnh Quảng Ngãi, 2019; 08/2016 - 05/2019. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Góp phần nâng cao nhận thức, hiểu biết của cộng đồng về hội chứng tự kỷ; góp phần làm giảm những hành vi kỳ thị, phân biệt đối xử với trẻ tự kỷ và gia đình trẻ tự kỷ của cộng đồng xã hội.

Số hồ sơ lưu: QNI-2019-010

78695.09-2022 Phát huy vai trò lãnh đạo của tổ chức cơ sở đảng các xã ven biển, hải đảo tỉnh Quảng Ngãi trong phát triển kinh tế gắn với bảo vệ chủ quyền,

quyền chủ quyền biển, đảo của Tổ quốc/ TS. Trương Thị Mỹ Trang, - Quảng Ngãi - Trường Chính trị tỉnh Quảng Ngãi, 2020; 06/2017 - 12/2019. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Đề tài góp phần nâng cao nhận thức, trách nhiệm của Đảng ủy, UBND, Mặt trận, các tổ chức chính trị - xã hội và Nhân dân các xã ven biển, hải đảo tỉnh Quảng Ngãi trong bảo vệ bảo vệ tài nguyên môi trường, thực hiện Luật biển, Luật nghĩa vụ quân sự gắn liền với bảo vệ chủ quyền, quyền chủ quyền biển, đảo của Tổ quốc, tạo sự chuyển biến tích cực về ý thức, trách nhiệm của cấp ủy, các đoàn thể chính trị - xã hội nhân dân các xã ven biển, hải đảo tỉnh Quảng Ngãi về công tác tuyên truyền biển, đảo, giáo dục truyền thống cách mạng, khơi dậy lòng yêu nước chân chính, lòng tự hào, tự tôn dân tộc; coi trọng xây dựng “thế trận lòng dân”, củng cố niềm tin của nhân dân đối với sự lãnh đạo của Đảng, sự quản lý của Nhà nước; nâng cao nhận thức chính trị, ý thức chấp hành pháp luật Việt Nam, pháp luật quốc tế về biển trong ngư dân và những người lao động trên biển

Số hồ sơ lưu: QNI-014-2020

78915.09-2022 Một số giải pháp nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước đối với các Hội trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh/ ThS.Lê Thị Hạnh, ThS.Vũ Thị Mai Anh; ThS.Tạ Xuân Tiếu; ThS.Cao Ngọc Tuấn; ThS.Ngô Thanh Thủy; ThS.Nguyễn Quang Minh; ThS.Phan Thị Thanh Việt; ThS.Hoàng Hồng Nga; ThS.Phạm Quang Biển; ThS.Giang

Thu Hà; CN. Nguyễn Anh Đức; CN. Nguyễn Văn Tiến; CN. Hoàng Văn Vân; CN. Nguyễn Thị Thanh Hương; CN. Dương Thị Thanh Hà; CN. Phan Thị Huyền - Quảng Ninh - Sở Nội vụ tỉnh Quảng Ninh, 2018; 11/2016 - 12/2018. (Đề tài cấp Tỉnh/Thành phố)

Rà soát, thống kê, nghiên cứu một số cơ sở lý luận, văn bản quy phạm pháp luật hiện hành và tình hình thực tiễn về tổ chức hành chính, dịch vụ công, mô hình trung tâm hành chính công và giải quyết thủ tục hành chính trên cơ sở nguyên lý chung về công tác quản lý, đường lối của Đảng, pháp luật của Nhà nước, chỉ đạo của tỉnh, kinh nghiệm một số địa phương để làm cơ sở cho công tác đánh giá về tổ chức, hoạt động của các Trung tâm hành chính công thuộc tỉnh; nghiên cứu kinh nghiệm một số địa phương khác để nghiên cứu, tham khảo kinh nghiệm hay; đề xuất một số nhiệm vụ, giải pháp nhằm hoàn thiện và nâng cao hiệu quả của các Trung tâm Hành chính công thuộc tỉnh. Định hướng và một số nhiệm vụ, giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của Trung tâm hành chính công cấp tỉnh và cấp huyện thuộc tỉnh Quảng Ninh.

Số hồ sơ lưu: 161/GCN-UDTK

78927.09-2022 **Xây dựng mô hình điểm về du lịch sinh thái kết hợp bảo tồn biển tại Vườn quốc gia Bái Tử Long/** KS. Phạm Xuân Phương, - CN. Nguyễn Thị Thanh Tâm - ThS. Phạm Quốc Việt - KS. Trần Hoài Nam - KS. Bùi Hữu Cường - CN. Hà Minh Chiến - CN. Lê Văn Luyến -

CN. Hoàng Mạnh Hùng - CN. Phạm Xuân Hiệu - Quảng Ninh - Trung tâm ứng dụng và Thông tin KH-CN, 2020; 10/2019 - 12/2020. (Đề tài cấp Cơ sở)

Thí điểm cung cấp một số hoạt động du lịch sinh thái(câu cá giải trí kết hợp bắt ốc, tham quan hệ sinh thái rừng tự nhiên, lặn ngắm san hô và các sinh vật biển...) làm căn cứ bổ sung thêm giải pháp phát triển du lịch sinh thái tại vườn quốc gia Bái Tử Long.

Số hồ sơ lưu: 217/GCN-UDTK

78934.09-2022 **Một số giải pháp nâng cao hiệu quả của lực lượng vũ trang tỉnh Quảng Ninh trong phòng, chống gây rối, bạo loạn trên địa bàn tỉnh/** Đại tá: Lê Văn Long, - Thượng tá: Đặng Công Chúng - Thượng tá: Nguyễn Triều Hưng - Đại tá: Nguyễn Hữu Cảnh - Trung tá: Phạm Xuân Tôn - Trung tá: Đỗ Xuân Hùng- Trung tá: Mai Xuân Thắng - Thượng tá: Lê Hồng Thắng - Thượng tá: Vũ Đình Hưng - Thượng tá: Phạm Văn Tôn - Quảng Ninh - Bộ CHQS tỉnh Quảng Ninh, 2020; 09/2019 - 05/2020. (Đề tài cấp Cơ sở)

Đánh giá được hiệu quả hoạt động thực tiễn của lực lượng vũ trang địa phương tham gia phòng, chống gây rối, bạo loạn trên địa bàn tỉnh trong thời gian vừa qua (2015-2019).Đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động của lực lượng vũ trang địa phương tham gia phòng, chống gây rối, bạo loạn trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới.Đào tạo, tập huấn về công tác phòng, chống gây

rối bạo loạn trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh.

Số hồ sơ lưu: 200/GCN-UDTK

78937.09-2022 Nghiên cứu ứng dụng bộ công cụ trách nhiệm xã hội cho doanh nghiệp du lịch tỉnh Quảng Ninh/ TS. Trần Thị Hiền, - ThS. Nguyễn Đức Hoa Cương - PGS.TS. Bùi Anh Tuấn - PGS.TS. Đào Thị Thu Giang - ThS. Vũ Quang Hợp - TS. Đỗ Ngân Bình - ThS. Lê Thị Ngọc Lan - TS. Phạm Thị Song Hạnh - CN. Nguyễn Đức Quỳnh - CN. Nguyễn Thị Hồng Mai - TS. Vũ Văn Viện - Quảng Ninh - Trường Đại học Ngoại thương, 2019; (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố) Xây dựng Bộ công cụ Trách nhiệm xã hội (CSR) cho doanh nghiệp du lịch tỉnh Quảng Ninh. Thử nghiệm ứng dụng Bộ công cụ CSR tại một số doanh nghiệp du lịch ở thành phố Hạ Long và đánh giá kết quả thực hiện sau 1 năm triển khai thí điểm. Hoàn thiện Bộ công cụ CSR, xây dựng Sổ tay hướng dẫn thực hiện Bộ công cụ CSR trong doanh nghiệp du lịch tỉnh Quảng Ninh. Khuyến nghị và giải pháp ứng dụng Bộ công cụ với doanh nghiệp du lịch trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh và các bên liên quan.

Số hồ sơ lưu: 202/GCN-UDTK

79092.09-2022 Điều tra, đánh giá thực trạng và đề xuất giải pháp khuyến khích hoạt động đánh giá sự phù hợp của doanh nghiệp sản xuất trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi/ ThS. Huỳnh Thị Phương Thu, - Quảng Ngãi - Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng Quảng Ngãi,

2020; 10/2019 - 09/2020. (Đề tài cấp Cơ sở)

Điều tra, Đánh giá thực trạng hoạt động ĐGSPH của doanh nghiệp sản xuất trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi, xây dựng được hệ thống cơ sở dữ liệu của hoạt động ĐGSPH, làm cơ sở đề xuất một số giải pháp trong việc khuyến khích, đẩy mạnh hoạt động ĐGSPH của cộng đồng doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.
Số hồ sơ lưu: QNI-017-2020

82125.09-2022 Nghiên cứu đề xuất giải pháp phát triển công nghiệp hỗ trợ thành phố Hải Phòng giai đoạn đến năm 2025, định hướng đến năm 2030/ TS. Nguyễn Quốc Tuấn, TS. Nguyễn Văn Hưởng; ThS. Lê Thị Thu Thảo; TS. Hoàng Xuân Nghĩa; TS. Hoàng Minh Đức; ThS. Trần Văn Xuân; TS. Nguyễn Thị My; ThS. Lê Khắc Nguyên Anh; ThS. Đào Thị Thanh; ThS. Trần Quang Vinh; ThS. Nguyễn Thị Tươi; ThS. Lê Thị Thương - Hải Phòng - Trường đại học sư phạm kỹ thuật Hưng yên, 2021; 05/2019 - 12/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Đánh giá thực trạng phát triển công nghiệp hỗ trợ thành phố Hải Phòng. Đề xuất một số giải pháp phát triển công nghiệp hỗ trợ thành phố Hải Phòng giai đoạn đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.

Số hồ sơ lưu: HPG.2021.006

82233.09-2022 Nghiên cứu lễ Xuân tế cầu an tại di tích lịch sử văn hóa cấp quốc gia Công Thần miếu, phường 5, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long./ ThS. Nguyễn Minh Triết, CN. Văn Hiến Vĩnh;

CN. Nguyễn Văn Quốc Chiến; CN. Nguyễn Thị Minh Hạnh; CN. Nguyễn Hữu Thoại - Vĩnh Long - Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Vĩnh Long, 2021; 04/2021 - 04/2021. (Đề tài cấp Cơ sở)

Nghiên cứu tổng quan về lịch sử hình thành di tích Công Thần miếu, 85 đạo sắc phong Thần còn lưu giữ tại di tích. Nghiên cứu về diễn trình tổ chức lễ Xuân tế cầu an tại di tích Công Thần miếu. Phân tích, so sánh sự tương đồng và khác nhau giữa lễ Xuân tế cầu an diễn ra tại di tích Công Thần miếu với lễ hội ở các đình làng khác trong thành phố Vĩnh Long. Nhận định về vai trò, ý nghĩa, giá trị của lễ Xuân tế cầu an đối với lịch sử, văn hóa và cộng đồng nhân dân ở thành phố Vĩnh Long. Nghiên cứu tìm ra các giải pháp bảo tồn và phát huy giá trị lễ Xuân tế cầu an tại di tích Công Thần miếu.

Số hồ sơ lưu: VLG.CS002.2021-0000310

82234.09-2022 **Bảo tồn và phát huy giá trị di tích lịch sử văn hóa gắn với phát triển du lịch tỉnh Vĩnh Long/** ThS. Nguyễn Trọng Tín, ThS. Võ Thị Mai Thúy; ThS. Trương Thị Thúy An; CN. Hà Thị Hoàng Oanh; ThS. Nguyễn Khắc Khoan; ThS. Nguyễn Chí Tài; ThS. Châu Thanh Tùng; ThS. Lê Thị Huỳnh Trang; ThS. Phạm Văn Ân; CN. Nguyễn Hồng Xuyên - Vĩnh Long - Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Vĩnh Long, 2021; 04/2020 - 04/2021. (Đề tài cấp Cơ sở)

Hệ thống hóa các cơ sở lý luận của công tác Bảo tồn và phát huy giá trị di tích lịch sử văn hóa gắn với phát

triển du lịch. Khảo sát, phân tích, đánh giá thực trạng công tác Bảo tồn và phát huy giá trị di tích lịch sử văn hóa gắn với phát triển du lịch của tỉnh Vĩnh Long thời gian qua. Đề xuất các giải pháp có hiệu quả trong công tác Bảo tồn và phát huy giá trị di tích lịch sử văn hóa gắn với phát triển du lịch của tỉnh Vĩnh Long thời gian tới.

Số hồ sơ lưu: VLG.CS003.2021-0000289

82697.09-2022 **Xây dựng mô hình chợ truyền thống theo hướng văn minh, an toàn thực phẩm ở tỉnh Vĩnh Long/** ThS. Nguyễn Văn Cồn, CN. Phạm Tứ Phương; CN. Nguyễn Quốc Huân; ThS. Đặng Thị Huệ An; ThS. Lê Thanh Phong; ThS. Trần Thị Hồng Chúc; CN. Phạm Văn Vũ; CN. Nguyễn Trần Hồng Thắm; Trương Minh Hoàng - Vĩnh Long - Trung tâm Khuyến công và Tư vấn phát triển công nghiệp, 2021; 05/2018 - 04/2021. (Đề tài cấp Tỉnh/Thành phố)

Xây dựng các tiêu chí và phương pháp đánh giá chợ truyền thống theo hướng văn minh, an toàn thực phẩm; Xây dựng một mô hình lý thuyết và một mô hình chợ thí điểm theo hướng văn minh, an toàn thực phẩm; Đề xuất giải pháp duy trì và nhân rộng mô hình chợ truyền thống theo hướng văn minh, an toàn thực phẩm trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long đáp ứng được sự đổi mới phương thức kinh doanh chợ truyền thống văn minh, an toàn thực phẩm trong giai đoạn phát triển hiện nay để cùng phát triển song hành với hệ thống bán lẻ hiện đại.

Số hồ sơ lưu: VLG.TI041.2021-0000221

50101. Tâm lý học nói chung

75722.09-2022 **Điều tra, khảo sát, đánh giá tình hình và đề xuất các giải pháp hỗ trợ trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi/** ThS. Bùi Đức Thọ, ThS. Bùi Đức Thọ; TS. Huỳnh Giới; TS. Đinh Như Hoài; ThS. Trịnh Xuân Tường; BS. CKII. Bùi Văn Mẫu; ThS. Lê Thị Thiên Kiều; KS. Nguyễn Thị Trang; BS. CKI. Võ Văn Văn; CN. Lục Thị Kim Sơn; CN. Bùi Tá Trương Duyên; CN. Trương Quang Hiền - Quảng Ngãi - Sở Lao động - thương binh và Xã hội tỉnh Quảng Ngãi, 2018; 10/2016 - 10/2018. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Góp phần hoàn thiện hệ thống chủ trương, chính sách và hệ thống lý luận liên quan đến công tác bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em nói chung, trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt nói riêng; nâng cao nhận thức, cung cấp kiến thức và kỹ năng, thay đổi hành vi của gia đình, nhà trường, cộng đồng về quyền trẻ em về xây dựng môi trường sống an toàn; phòng ngừa trẻ em bị tổn thương và rơi vào hoàn cảnh đặc biệt; phục hồi hòa nhập cho trẻ em bị tổn thương; góp phần từng bước nâng cao năng lực cho đội ngũ làm công tác bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em các cấp, cộng tác viên thôn bản.

Số hồ sơ lưu: QNI-2019-003

83058.09-2022 **Nghiên cứu xây dựng các giải pháp chủ yếu nhằm hạn chế những yếu tố tâm lý xã**

hội ảnh hưởng không tốt đến sự phát triển bền vững của tỉnh Thanh Hoá/ TS. Nguyễn Văn Phát, - Thanh Hóa - Ban Tuyên giáo, 2020; (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố) Nghiên cứu lý luận về tâm lý xã hội, ảnh hưởng và sự phát triển bền vững. Điều tra, khảo sát, thu thập thông tin theo phiếu điều tra về những yếu tố tâm lý xã hội như: nhận thức xã hội, thái độ xã hội và sự thích ứng xã hội của người dân ảnh hưởng không tốt đến sự phát triển bền vững của tỉnh Thanh Hóa trong giai đoạn hiện nay. Nhận diện được những yếu tố tâm lý xã hội ảnh hưởng không tốt đến sự phát triển bền vững của tỉnh Thanh Hóa. Đề xuất được các giải pháp chủ yếu nhằm hạn chế nhén yếu tố tâm lý xã hội.

Số hồ sơ lưu: THA-010-2021

50201. Kinh tế học; Trắc lượng kinh tế học; Quan hệ sản xuất kinh doanh

77257.09-2022 **Nghiên cứu đề xuất giải pháp quản lý kinh tế phi chính thức trên địa bàn Hải Phòng/** TS Nguyễn Thái Sơn, TS Nguyễn Văn Thành; TS Lương Khánh Chi; PGS.TS Đỗ Hương Lan; TS Nguyễn Thị Tuyết Mai; TS Hoàng Thị Ngà; ThS.Hồ Mạnh Tuyên; ThS.Nguyễn Thị Thu Trang; ThS.Phạm Thị Thu Hương; ThS.Phan Thị Nghĩa Bình - Hải Phòng - Trường Đại học Hải Phòng, 2020; 08/2018 - 06/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Cơ sở lý luận và thực tiễn về kinh tế phi chính thức và quản lý kinh tế phi chính thức. Thực trạng hoạt động và

quản lý kinh tế phi chính thức trên địa bàn Hải Phòng. Cơ sở dự báo xu hướng hoạt động của kinh tế phi chính thức trên địa bàn Hải Phòng đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2035. Đề xuất các nhóm giải pháp quản lý kinh tế phi chính thức, nhóm giải pháp hỗ trợ kinh tế phi chính thức, nhóm giải pháp hỗ trợ việc làm và lao động phi chính thức.

Số hồ sơ lưu: HPG.2020.006

82338.09-2022 Nghiên cứu đề xuất mô hình hợp tác xã nông nghiệp hoạt động theo Luật hợp tác xã năm 2012 nhằm phát triển liên kết theo chuỗi giá trị phù hợp với từng nhóm sản phẩm nông, lâm thủy sản ở các vùng, miền khác nhau/ TS. Hoàng Vũ Quang, ThS. Nguyễn Tiến Định; TS. Phùng Giang Hải; ThS. Nguyễn Đình Chính; TS. Hoàng Liên Sơn; ThS. Hoàng Đình Vinh; TS. Trịnh Văn Tuấn; TS. Võ Thị Kim Sa; ThS. Hoàng Minh Huy; CN. Nguyễn Văn Ba - Hà Nội - Viện Chính sách và Chiến lược phát triển nông nghiệp nông thôn, 2021; 01/2018 - 06/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Đánh giá thực trạng hợp tác xã (HTX) nông nghiệp hoạt động theo luật HTX năm 2012 nhằm phát triển liên kết theo chuỗi giá trị phù hợp với từng nhóm sản phẩm nông, lâm thủy sản ở các vùng, miền cả nước giai đoạn 2013-2020. Đề xuất mô hình HTX nông nghiệp hoạt động theo Luật HTX năm 2012 nhằm phát triển liên kết theo chuỗi giá trị nông, lâm thủy sản phù hợp với từng nhóm sản phẩm nông, lâm thủy sản ở các vùng, miền khác nhau. Xây dựng 04 mô hình thí điểm HTX nông nghiệp

hoạt động theo Luật HTX năm 2012 nhằm phát triển liên kết theo chuỗi giá trị phù hợp với từng nhóm sản phẩm nông, lâm thủy sản ở các vùng miền khác nhau. Từ đó đưa ra các chính sách và giải pháp phát triển HTX nông nghiệp nhằm phát triển liên kết theo chuỗi giá trị nông, lâm thủy sản phù hợp với từng nhóm sản phẩm ở các vùng, miền khác nhau.

Số hồ sơ lưu: 19678

82377.09-2022 Nâng cao hiệu quả huy động và sử dụng nguồn lực dự trữ quốc gia/ ThS. Nguyễn Hồng Hạnh, ThS. Phạm Thúy Lâm; TS. Nguyễn Văn Bình; ThS. Nguyễn Quang Khải; ThS. Bùi Đình Toàn; ThS. Lê Thị Minh Nguyệt; ThS. Vũ Thị Thảo; ThS. Phạm Thị Quỳnh; ThS. Nguyễn Thị Ngọc Quyên; ThS. Vương Trung Hiếu - Hà Nội - Tổng cục Dự trữ Nhà nước, 2021; 12/2019 - 03/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Hệ thống hóa, xây dựng những lý luận cơ bản về việc huy động và quản lý, sử dụng nguồn lực dự trữ quốc gia (DTQG). Phân tích thực trạng và đánh giá, phát hiện những bất cập làm hạn chế hiệu quả huy động và quản lý, sử dụng nguồn lực DTQG hiện nay. Qua đó, đề xuất phương hướng, giải pháp để nâng cao hiệu quả huy động và quản lý, sử dụng nguồn lực DTQG trong việc thực hiện mục tiêu DTQG.

Số hồ sơ lưu: 19693

82533.09-2022 Đánh giá thực trạng và đề xuất giải pháp phát triển nông nghiệp bền vững, nâng cao giá trị gia tăng tại Tây Nguyên/ GS. TS. Trần Đức Viên,

TS. Lê Huỳnh Thanh Phương; GS. TS. Nguyễn Thị Lan; GS. TS. Vũ Đình Tôn; PGS. TS. Lê Hữu Ảnh; TS. Phạm Văn Hội; TS. Nguyễn Đức Huy; PGS. TS. Nguyễn Thanh Lâm, PGS.TS. Nguyễn Quang Học, PGS.TS. Nguyễn Phương Lê, TS. Đỗ Trường Lâm, PGS.TS. Trần Hiệp, TS. Phí Thị Diễm Hồng; TS. Hoàng Đăng Dũng; ThS. Nguyễn Tuấn Anh; TS. Nguyễn Văn Lộc; TS. Nguyễn Thị Thu Hà; ThS. Nguyễn Văn Duy; ThS. Trần Duy Tùng; TS. Nguyễn Thu Thùy - Hà Nội - Học viện Nông nghiệp Việt Nam, 2021; 06/2018 - 11/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Đánh giá hiện trạng sử dụng đất, chất lượng đất, nước và tác động của biến đổi khí hậu đến sản xuất nông nghiệp tại Tây Nguyên; Hiện trạng sản xuất, yếu tố thúc đẩy và cản trở phát triển nông nghiệp: trồng trọt, chăn nuôi - thú y, nuôi trồng thủy sản tại Tây Nguyên; Hiện trạng tổ chức và liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị tại Tây Nguyên. Đánh giá được kết quả ứng dụng khoa học và công nghệ phục vụ phát triển nông nghiệp tại Tây Nguyên; Năng lực làm chủ KH&CN của người dân Tây Nguyên. Xây dựng được kế hoạch tổng thể định hướng nội dung về KH&CN phục vụ phát triển nông nghiệp bền vững tại Tây Nguyên.
Số hồ sơ lưu: 19738

82640.09-2022 **Thúc đẩy tăng trưởng bao trùm trong thời đại số ở Việt Nam/** TS. Nguyễn Thắng, TS. Nguyễn Thị Thanh Hà; TS. Nguyễn Thị Thu Phương; TS. Trần Ngô Thị Minh Tâm; TS. Vũ Hoàng

Đạt; TS. Phạm Minh Thái; ThS. Nguyễn Văn Tiền; ThS. Nguyễn Thu Hương; ThS. Vũ Thị Thu Thu; ThS. Nguyễn Thị Vân Hà; ThS. Nguyễn Thị Nguyệt Anh; CN. Vũ Thị Vân Ngọc; CN. Nguyễn Thủy Chung; CN. Hoàng Thanh Tú; CN. Cao Thị Thúy; CN. Nguyễn Thị Hải Oanh - Hà Nội - Trung tâm phân tích và dự báo, 2021; 01/2019 - 06/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Phân tích những xu hướng về tăng trưởng bao trùm ở Việt Nam trong giai đoạn hai thập niên trở lại đây. Đánh giá sự thay đổi trong kỷ nguyên số, trong đó có những đột phá công nghệ của Cách mạng công nghiệp 4.0 có khả năng tác động đáng kể đến tăng trưởng bao trùm ở Việt Nam. Đề xuất các giải pháp để giúp của các doanh nghiệp, người dân - với tư cách là người lao động cũng như là người tiêu dùng - ở Việt Nam nắm bắt cơ hội, vượt lên thách thức để đạt được mức phúc lợi cao nhất, bình đẳng nhất trong kỷ nguyên số.

Số hồ sơ lưu: 19806

82642.09-2022 **Thúc đẩy việc làm có năng suất trong bối cảnh mới ở Việt Nam/** TS. Nguyễn Thắng, TS. Nguyễn Thị Thu Phương; TS. Trần Ngô Thị Minh Tâm; TS. Vũ Hoàng Đạt; TS. Phạm Minh Thái; ThS. Nguyễn Thu Hương; ThS. Vũ Thị Thu Thu; ThS. Nguyễn Thị Vân Hà; ThS. Nguyễn Thị Nguyệt Anh; CN. Vũ Thị Vân Ngọc; CN. Hoàng Thanh Tú; CN. Nguyễn Thủy Chung; CN. Nguyễn Thị Hải Oanh - Hà Nội - Trung tâm phân tích và dự

báo, 2021; 01/2019 - 06/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Làm rõ có sở lý luận của việc làm có năng suất và các yếu tố tác động. Đánh giá thực trạng của việc làm ở Việt Nam, với trọng tâm là việc làm có năng suất. Nhận diện bối cảnh mới có tác động đến việc làm nói chung và việc làm có năng suất nói riêng ở Việt Nam. Đề xuất các giải pháp nhằm thúc đẩy việc làm có năng suất ở Việt Nam trong bối cảnh phát triển mới.

Số hồ sơ lưu: 19807

82647.09-2022 **Đánh giá tác động xã hội của mô hình kinh tế chia sẻ tại Việt Nam/** PGS. TS. Bùi Nhật Quang, PGS. TS. Trần Thị Lan Hương; PGS. TS. Nhữ Trọng Bách; TS. Phạm Anh Tuấn,; TS. Nguyễn Cao Đức; TS. Nguyễn Thị Thu Hà; TS. Hà Thị Hồng Vân; ThS. Nguyễn Ngọc Trí - Hà Nội - Văn phòng - Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam, 2021; 11/2019 - 06/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Cung cấp luận cứ khoa học cho Chính phủ về tác động xã hội của mô hình kinh tế chia sẻ ở Việt Nam và đề xuất các giải pháp chính sách nhằm thúc đẩy phát triển bền vững mô hình kinh tế chia sẻ. Đánh giá thực trạng tác động xã hội tích cực và tiêu cực của một số loại hình kinh tế chia sẻ chính tới Việt Nam. Đề xuất các giải pháp chính sách nhằm phát huy tối đa các tác động xã hội tích cực và tối thiểu hóa các tác động xã hội tiêu cực của mô hình kinh tế chia sẻ ở Việt Nam.

Số hồ sơ lưu: 19823

82814.09-2022 **Đào tạo, hướng dẫn thực hành phương pháp cải tiến liên tục Kaizen tại các doanh nghiệp ngành công nghiệp/** ThS. Cao Hoàng Long, ThS. Nguyễn Lê Hoa; CN. Vũ Thị Thu Hà; ThS. Nguyễn Thị Phương Nhung; ThS. Lê Thị Phương Thúy; CN. Lê Xuân Biên; ThS. Nguyễn Thanh Hải; CN. Nguyễn Huy Đoàn; CN. Đặng Thị Mai Phương; ThS. Vũ Thị Hồng Minh; KS. Hoàng Thanh Hùng; ThS. Nguyễn Thị Vân; ThS. Nguyễn Ngọc Thi; CN. Tôn Nữ Như Huyền; CN. Lưu Cẩm Tú - Hà Nội - Viện Năng suất Việt Nam, 2021; 01/2020 - 12/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Xây dựng và hoàn thiện bộ quy trình và tài liệu đào tạo về cải tiến liên tục Kaizen. Tổ chức 04 khóa đào tạo về thực hành cải tiến liên tục Kaizen cho 160 người từ 40 doanh nghiệp tham dự. Tư vấn, hướng dẫn áp dụng điểm Kaizen tại 15 doanh nghiệp ngành công nghiệp. Tổ chức 04 khóa đào tạo cho 160 người tham dự, nhóm triển khai nhiệm vụ sẽ thiết kế chương trình đào tạo lý thuyết và thực hành sao cho phù hợp với đối tượng tham dự và truyền thông rộng rãi đến các doanh nghiệp để của nhân sự tham gia phù hợp, qua đó hoạt động đào tạo đạt hiệu quả mong muốn.

Số hồ sơ lưu: 19875

83052.09-2022 **Ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật xây dựng mô hình trang trại tổng hợp phát triển bền vững tại xã Thành Vân, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa/** ThS. Nguyễn Văn Hóa, - Thanh Hóa - Công ty TNHH Xây dựng Quyển

Anh, 2020; (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật xây dựng thành công mô hình trang trại tổng hợp (trồng thâm canh Cam Vân du; trồng thâm canh Bưởi đào Thạch Thành; nuôi lợn nái và gà ri sinh sản) tăng hiệu quả kinh tế từ 30% trở lên so với điều kiện canh tác cũ tại huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa. Xây dựng thành công mô hình trang trại tổng hợp tăng hiệu quả kinh tế từ 30% trở lên so với điều kiện canh tác cũ: Trồng thâm canh Cam Vân du, quy mô 02 ha xen ôi, tưới bán tự động; Trồng thâm canh Bưởi đào Thạch Thành xen ôi, quy mô 02 ha, tưới bán tự động; Nuôi lợn nái Móng Cái; Nuôi gà ri sinh sản. Đào tạo cán bộ khuyến nông và 200 hộ nông dân thành thạo các quy trình kỹ thuật; Xây dựng phương án nhân rộng kết quả mô hình dự án.

Số hồ sơ lưu: THA-005-2021

50202. Kinh doanh và quản lý

82378.09-2022 **Nhân rộng áp dụng công cụ Mô hình nhóm huấn luyện (TWI) vào các doanh nghiệp Việt Nam năm 2018/** CN. Lê Thức, ThS. Phạm Minh Chi; CN. Nguyễn Thế Nam; KS. Lê Minh Dũng; CN. Lê Đình Khôi; ThS. Nguyễn Phước Lộc; CN. Nguyễn Phương Thanh; ThS. Nguyễn Thị Vân; KS. Trần Tuấn Anh; ThS. Trương Tuệ Mẫn - Hồ Chí Minh - Trung tâm Hỗ trợ Phát triển Doanh nghiệp vừa và nhỏ 2, 2020; 11/2018 - 10/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Phổ biến, hướng dẫn áp dụng nhóm huấn luyện – Training Within

Industry (TWI) cho 500 doanh nghiệp thông qua các hội nghị, hội thảo. Đồng thời tổ chức đào tạo cán bộ tư vấn TWI cho khoảng 60 doanh nghiệp và tư vấn hướng dẫn và áp dụng thành công mô hình TWI cho 30 doanh nghiệp. Tiến hành quảng bá, chia sẻ, nhân rộng kết quả áp dụng TWI cho các tổ chức, doanh nghiệp.

Số hồ sơ lưu: 19692

82423.09-2022 **Phát triển và thí điểm áp dụng khung năng lực cạnh tranh về sản xuất cho các doanh nghiệp sản xuất công nghiệp theo mô hình đánh giá sự trưởng thành (maturity model)/** KS. Nguyễn Đức Trung, CN. Nguyễn Thị Hồng Hiền; CN. Đào Hải Đăng; CN. Bùi Thị Huệ; CN. Nguyễn Thị Kim Anh; KS. Bùi Thị Vân Anh; CN. Đỗ Ngọc Bích; CN. Trần Thanh Phe; CN. Phạm Văn Đồng; CN. Nguyễn Hữu Quang; CN. Nguyễn Thị Minh Hòa; ThS. Phạm Minh Thắng; CN. Bùi Thị Lan; CN. Triệu Đình Điệp; CN. Phạm Thị Kim Oanh; CN. Hà Đình Khat; CN. Bùi Đăng Kiên - Hà Nội - Công ty TNHH Tư vấn Giải pháp Quản lý Năng suất Chất lượng, 2020; 01/2020 - 12/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Nghiên cứu xây dựng hoàn chỉnh một bộ khung năng lực cạnh tranh về sản xuất cho doanh nghiệp sản xuất công nghiệp. Sử dụng khung năng lực cạnh tranh và hướng dẫn đánh giá để đánh giá năng lực cạnh tranh và thiết lập kế hoạch cải tiến năng lực cạnh tranh trung hạn cho 10 doanh nghiệp sản xuất công nghiệp ở quy mô vừa và nhỏ. Tiến hành tư

vấn, hướng dẫn 06 doanh nghiệp thực hiện kế hoạch cải tiến năng lực 6 tháng và đánh giá hiệu quả đồng thời tổ chức hội thảo khoa học, chia sẻ trên các phương tiện truyền thông. Số hồ sơ lưu: 19701

82424.09-2022 **Tập huấn, tư vấn áp dụng phương pháp quản lý sản xuất tinh gọn LEAN tại các doanh nghiệp ngành công nghiệp dệt may, da giày, nhựa, hóa chất, thép, năng lượng/** ThS. Phạm Minh Thắng, ThS. Bùi Thanh Huyền; CN. Lê Chí Quân; CN. Đào Hải Đăng; CN. Nguyễn Đức Trung; CN. Nguyễn Hồng Hiên; CN. Đỗ Ngọc Bích; CN. Nguyễn Thị Kim Anh; CN. Bùi Thị Huệ; CN. Hà Thị Thúy; CN. Bùi Mạnh Hiệp; CN. Nguyễn Thành Lâm; CN. Nguyễn Bích Thom; CN. Bùi Thị Vân Anh - Hà Nội - Công ty TNHH Tư vấn Giải pháp Quản lý Năng suất Chất lượng, 2020; 01/2019 - 12/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Tổ chức 03 khóa tập huấn, hướng dẫn áp dụng LEAN cho các doanh nghiệp ngành dệt may, da giày, nhựa, hóa chất, thép, năng lượng; trong đó 20 doanh nghiệp thuộc các ngành: dệt may, da giày, nhựa, hóa chất, thép, năng lượng được hướng dẫn áp dụng Lean có các kết quả cụ thể về cải tiến năng suất và chất lượng như: giảm sai lỗi, giảm thời gian thực hiện công việc, giảm người, tăng năng suất lao động, giảm tồn kho, cải tiến hiệu suất thiết bị... Nghiên cứu xây dựng một Đội cải tiến cho mỗi đơn vị có khả năng độc lập triển khai các dự án cải tiến trong tương lai. Tiến hành tổ chức

hội thảo, xây dựng báo cáo điển hình để chia sẻ kết quả và kinh nghiệm áp dụng Lean tại các doanh nghiệp ngành dệt may, da giày, nhựa, hóa chất, thép, năng lượng đồng thời xây dựng các sản phẩm truyền thông như: Báo cáo khảo sát lấy thông tin phục vụ đào tạo; Báo cáo tổng hợp yêu cầu đối với việc xây dựng chương trình đào tạo; Bộ chương trình và tài liệu đào tạo Lean Manufacturing...

Số hồ sơ lưu: 19700

82441.09-2022 **Quản lý thuế đối với hoạt động thương mại qua biên giới/** ThS. Vũ Mạnh Cường, ThS. Phạm Đình Thuận; Nguyễn Tiến Trung; Lê Phương Anh; ThS. Nguyễn Công Khương; ThS. Hoàng Đình Cường; ThS. Nguyễn Văn Hùng; ThS. Nguyễn Thị Huyền Mỹ; ThS. Giang Văn Hiên; ThS. Bùi Trung Hiếu - Hà Nội - Tổng cục Thuế, 2020; 10/2019 - 10/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Góp phần làm rõ cơ sở lý luận về việc thiết lập thể chế, pháp luật để quản lý thuế đối với các hoạt động thương mại qua biên giới. Nghiên cứu quy định pháp lý, cơ chế và mô hình thực hiện quản lý thuế đối với hoạt động thương mại qua biên giới tại một số nước phát triển và một số nước có trình độ quản lý thuế tương đồng nhằm đưa ra bài học kinh nghiệm cho Việt Nam. Phân tích và đánh giá thực trạng quản lý thuế đối với các hoạt động thương mại qua biên giới, từ đó chỉ ra được hạn chế và nguyên nhân. Đề xuất một số giải pháp và đưa ra các kiến nghị để quản lý thuế đối với các hoạt

động thương mại qua biên giới, qua đó nâng cao hiệu quả quản lý thuế của nhà nước trong thời gian tới.

Số hồ sơ lưu: 19709

82454.09-2022 **An ninh công việc của công nhân tại các khu công nghiệp vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ: trường hợp tỉnh Bắc Ninh/** TS. Nguyễn Thị Thanh Hương, ThS. Lương Thùy Dương; TS. Khúc Thị Thanh Vân; ThS. Bùi Việt Cường; ThS. Trần Minh; ThS. Nguyễn Thị Thục; ThS. Nguyễn Hồng Anh; ThS. Phan Thị Song Thương; ThS. Phùng Thị Hồng Oanh; ThS. Nguyễn Minh Hải - Hà Nội - Viện Nghiên cứu Phát triển bền vững Vùng, 2021; 01/2019 - 04/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Làm rõ cơ sở lý luận và thực trạng về an ninh công việc đối với công nhân tại các khu công nghiệp vùng Kinh tế trọng điểm Bắc Bộ thông qua nghiên cứu trường hợp tại tỉnh Bắc Ninh; từ đó đề xuất những giải pháp chính sách nhằm đảm bảo an ninh công việc đối với công nhân tại các khu công nghiệp vùng Kinh tế trọng điểm Bắc Bộ.

Số hồ sơ lưu: 19712

82581.09-2022 **Đào tạo, hướng dẫn áp dụng phương pháp cải tiến, tối ưu hóa công tác thiết kế, cải tiến quá trình tạo sản phẩm (thông qua công cụ DMADV và DMAIC) tại các doanh nghiệp ngành nhựa và điện, điện tử/** KS. Lê Chí Quân, CN. Bùi Thị Lan; CN. Nguyễn Bích Thom; CN. Bùi Mạnh Hiệp; CN. Nguyễn Đình Tuấn; KS. Cao Minh

Thuận; CN. Nguyễn Thị Diệu Linh; CN. Chu Thị Thu Hiền; CN. Trần Đình Ngọc; CN. Phạm Kim Điện; CN. Lương Khánh Tình; CN. Bùi Thanh Sơn; CN. Triệu Đình Điệp; CN. Phạm Thị Kim Oanh; CN. Nguyễn Thị Hồng Hiền - Hà Nội - Công ty TNHH Tư vấn Giải pháp Quản lý Năng suất Chất lượng, 2020; 01/2020 - 12/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Nghiên cứu và báo cáo kết quả nghiên cứu về thiết kế, cải tiến quá trình tạo sản phẩm và áp dụng DMADV, DMAIC trong thiết kế, cải tiến quá trình tạo sản phẩm. Đề xuất giải pháp, hướng dẫn áp dụng phương pháp áp dụng DMADV, DMAIC trong thiết kế, cải tiến quá trình tạo sản phẩm cho các doanh nghiệp sản xuất công nghiệp. Tiến hành hỗ trợ 04 doanh nghiệp trong lĩnh vực sản xuất công nghiệp nhựa và điện – điện tử áp dụng phương pháp áp dụng DMADV, DMAIC trong thiết kế, cải tiến quá trình tạo sản phẩm nhằm rút ngắn thời gian, nâng cao chất lượng của quá trình này, đồng thời tổ chức 02 hội thảo khoa học về phương pháp cải tiến, tối ưu hóa công tác thiết kế, cải tiến quá trình tạo sản phẩm (thông qua công cụ DMADV và DMAIC) tại các doanh nghiệp ngành nhựa và điện, điện tử.

Số hồ sơ lưu: 19702

82783.09-2022 **Nghiên cứu đánh giá thực trạng vi phạm vận chuyển hàng lậu, hàng hóa vi phạm pháp luật và gian lận thương mại trong hoạt động của các doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính/** ThS.

Phạm Thị Xuân Thủy, CN. Ngô Thị Hồng sâm; CN. Nguyễn Thanh Dung - Hà Nội - Thanh tra Bộ Thông tin và Truyền thông, 2021; 03/2020 - 11/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu cơ sở pháp lý liên quan đến lĩnh vực bưu chính và thương mại. Đánh giá thực trạng đối với doanh nghiệp bưu chính cung ứng dịch vụ bưu chính. Nghiên cứu một số hành vi vi phạm liên quan đến hàng lậu, hàng vi phạm pháp luật, gian lận thương mại đánh giá và tìm ra nguyên nhân của các hành vi vi phạm. Đề xuất giải pháp phòng tránh và cách xử lý phù hợp với tình hình hiện nay.

Số hồ sơ lưu: 19865

82845.09-2022 **Hoàn thiện cơ chế quản lý tài chính đối với Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam nhằm thúc đẩy quá trình cơ cấu lại các tổ chức tín dụng ở Việt Nam/** ThS. Nguyễn Tiến Dũng, ThS. Lê Thị Mai Hương; ThS. Đỗ Thúy Minh; ThS. Lê Đình Ngọc; ThS. Vũ Thị Bích Liên; CN. Trần Phương Ly; CN. Hoàng Thị Việt Hà; ThS. Nguyễn Văn Phong; ThS. Hoàng Phương Thảo; ThS. Lê Thị Minh Đức - Hà Nội - Vụ Tài chính các ngân hàng và tổ chức tài chính, 2021; 09/2019 - 09/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Hệ thống hoá và làm rõ những vấn đề còn tồn tại của mô hình quản lý tài chính hiện nay của bảo hiểm tiền gửi Việt Nam. Đánh giá cơ chế quản lý tài chính đối với bảo hiểm tiền gửi Việt Nam hiện nay, làm rõ những bất cập, hạn chế về thể chế và những nội dung cần xử lý trong tổ chức thực hiện quản lý tài chính bảo hiểm

tiền gửi Việt Nam. Đánh giá cụ thể những hạn chế bất cập của cơ chế tài chính hiện hành, từ đó kiến nghị, đề xuất phương án hoàn thiện cơ chế tài chính của bảo hiểm tiền gửi Việt Nam. Hoàn thiện cơ chế quản lý tài chính của bảo hiểm tiền gửi Việt Nam nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển của bảo hiểm tiền gửi Việt Nam trong hiện tại và trong tầm nhìn dài hạn. Đề xuất một số giải pháp nâng cao hiệu quả quản lý tài chính cho bảo hiểm tiền gửi Việt Nam.

Số hồ sơ lưu: 19880

82951.09-2022 **Đào tạo, hướng dẫn xây dựng mô hình điểm tích hợp các hệ thống quản lý theo các tiêu chuẩn ISO 9001, ISO 14001, ISO 45001, ISO 26000 cho các doanh nghiệp ngành dệt may và da giày/** ThS. Nguyễn Văn Thắng, KS. Đàm Văn Phương; KS. Vũ Đức Trung; KS. Hoàng Tuấn Anh; KS. Vũ Hải Nam; KS. Đỗ Thị Thu Hà; CN. Doãn Hữu Vinh; KS. Doãn Việt Lâm; KS. Chu Minh Chiến; KS. Vũ Minh Hiếu; TS. Nguyễn Thị Lâm Hải; KS. Trịnh Văn Sơn; KS. Bùi Anh Hà; KS. Nguyễn Thị Khanh; KS. Trịnh Xuân Sơn; ThS. Phạm Tiến Dũng; ThS. Lê Quang Thê; KS. Nguyễn Khắc Lân; KS. Nguyễn Văn Long; KS. Phạm Ngọc Tú Anh; KS. Ngô Doãn Chinh - Hà Nội - Công ty cổ phần chứng nhận và giám định IQC, 2020; 01/2020 - 12/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Nghiên cứu tổng quan về các yêu cầu nhiệm vụ, sản phẩm của nhiệm vụ và các tài liệu về tiêu chuẩn như: ISO 9001, ISO 14001, ISO 45001, ISO 26000, xây dựng đề cương, tổng

thuật nhiệm vụ. Xây dựng 01 bộ tài liệu tập huấn về tích hợp hệ thống quản lý và tổ chức đào tạo, tập huấn phổ biến tại 3 miền Bắc, Trung, Nam. Tiến hành đào tạo, tư vấn, hướng dẫn cho 08 doanh nghiệp ngành dệt may và da giày xây dựng và tích hợp các tiêu chuẩn trên. Đồng thời tiến hành tổ chức hội thảo khoa học nhằm trao đổi, phổ biến cũng như chia sẻ những kinh nghiệm khi áp dụng tích hợp hệ thống quản lý ISO 9001, ISO 14001, ISO 45001, ISO 26000 cho các doanh nghiệp.
Số hồ sơ lưu: 19909

83008.09-2022 **Khiếu nại, tố cáo đông người liên quan đến việc chuyển đổi mô hình chợ - Thực trạng và giải pháp/** ThS. Nguyễn Hồng Điệp, KS. Đào Minh Ngọc; CN. Trần Thị Tú Uyên; TS. Nguyễn Tuấn Khanh; TS. Đinh Văn Minh; ThS. Nguyễn Thị Ánh Tuyết; ThS. Lê Tiến Đạt; Trần Hồng Cẩn; CN. Lê Thị Hương Trà; Lê Hải Đăng; Lê Huy; Phan Văn Hải; Vũ Thế Anh; Trần Văn Nhân; Trịnh Thị Phương Hạnh; ThS. Bùi Đăng Thắng; ThS. Nguyễn Thị Bích Hương; CN. Vũ Thị Huệ; CN. Phạm Huy Thông; ThS. Vũ Thị Hương; ThS. Đoàn Thanh Kỳ - Hà Nội - Viện chiến lược và khoa học thanh tra, 2021; 03/2019 - 06/2020. (Đề tài cấp Bộ)
Phân tích làm rõ những vấn đề chung nhất về chuyển đổi mô hình chợ; quan niệm, đặc điểm, ý nghĩa, tác dụng, thẩm quyền, trình tự thủ tục về khiếu nại, tố cáo và giải quyết khiếu nại, tố cáo đông người liên quan đến chuyển đổi mô hình chợ. Làm rõ thực trạng chuyển đổi mô

hình chợ và nguyên nhân phát sinh khiếu nại, tố cáo đông người; thực trạng giải quyết khiếu nại, tố cáo đông người liên quan đến lĩnh vực này, chỉ rõ ưu điểm, hạn chế và nguyên nhân trong quá trình giải quyết. Đề xuất quan điểm, giải pháp hoàn thiện các quy định của pháp luật; tăng cường quản lý trong chuyển đổi mô hình chợ để hạn chế phát sinh khiếu nại, tố cáo đông người và giải pháp nâng cao hiệu quả giải quyết khiếu nại, tố cáo đông người liên quan đến chuyển đổi mô hình chợ.

Số hồ sơ lưu: 19930

83043.09-2022 **Tạo lập, quản lý và phát triển chỉ dẫn địa lý "Cái Mơn" dùng cho sản phẩm sầu riêng của tỉnh Bến Tre/** PGS. TS. Đàm Sao Mai, TS. Cao Văn Phụng PGS. TS. Đàm Sao Mai; TS. Cao Văn Phụng; CN. Đỗ Việt Dũng; LS. Dương Thành Long; PGS. TS. Trịnh Ngọc Nam; KS. Lê Văn Đơn; CN. Đào Phương Hạnh; KS. Nguyễn Hữu Thiết; ThS. Lê Đình Tấn Tài; CN. Nguyễn Thị Linh; CN. Hà Thị Lễ Thinh. - TP Hồ Chí Minh - Viện Công nghệ sinh học và Thực phẩm, 2020; 01/2016 - 09/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Đăng ký xác lập quyền đối với chỉ dẫn địa lý "Cái Mơn" cho sản phẩm sầu riêng của tỉnh Bến Tre, tiến tới xây dựng thành công mô hình quản lý và phát triển chỉ dẫn địa lý "Cái Mơn". Qua đó góp phần duy trì và nâng cao giá trị kinh tế cho sản phẩm sầu riêng Cái Mơn của tỉnh Bến Tre.

Số hồ sơ lưu: BTE-161-2021

83051.09-2022 **Nghiên cứu đề xuất các giải pháp huy động, sử dụng hiệu quả nguồn lực (đất đai, tài chính, nhân lực) vào xây dựng nông thôn mới ở các xã miền núi phía Bắc giai đoạn 2021-2030/** TS. Nguyễn Văn Tâm, ThS. Đặng Thị Bích Huệ; PGS.TS. Đào Thế Anh; ThS. Nguyễn Ngọc Luân; PGS.TS. Nguyễn Việt Hưng; TS. Bùi Đình Hòa; TS. Hà Quang Trung; PGS.TS. Đỗ Xuân Luận; TS. Hà Thị Hòa; TS. Hồ Văn Bắc - Thái Nguyên - Trường Đại học Nông lâm - Đại học Thái Nguyên, 2021; 01/2020 - 05/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Phân tích, làm rõ cơ sở lý luận, thực tiễn về giải pháp huy động, sử dụng có hiệu quả các nguồn lực (đất đai, tài chính, nhân lực) vào XDNTM ở vùng miền núi. Đánh giá đúng thực trạng huy động, sử dụng các nguồn lực (đất đai, tài chính, nhân lực) vào XDNTM ở các xã miền núi phía Bắc Việt Nam giai đoạn 2010-2020; Nhận diện và phân tích kinh nghiệm thành công trong áp dụng các giải pháp huy động, sử dụng có hiệu quả các nguồn lực (đất đai, tài chính, nhân lực) vào XDNTM ở các xã miền núi phía Bắc. Đề xuất hoàn thiện các giải pháp nhằm huy động, sử dụng có hiệu quả các nguồn lực (đất đai, tài chính, nhân lực) và tài liệu phổ biến, hướng dẫn áp dụng kinh nghiệm các xã thành công trong huy động, sử dụng có hiệu quả các nguồn lực (đất đai, tài chính, nhân lực) vào

XDNTM ở các xã miền núi phía bắc giai đoạn 2021-2030.

Số hồ sơ lưu: 19945

83163.09-2022 **Nghiên cứu đánh giá thực trạng sản xuất, tiêu thụ và xây dựng mô hình cây ăn trái đặc sản huyện Tịnh Biên phục vụ phát triển du lịch/** TS. Võ Hồng Tú, PGS. TS. Nguyễn Duy Cần; PGS. TS. Nguyễn Ngọc Đệ; GS. TS. Nguyễn Bảo Vệ; TS. Nguyễn Quang Tuyên; TS. Huỳnh Việt Khải; ThS. Đỗ Văn Hoàng; ThS. Lê Văn Dể; ThS. Nguyễn Thùy Trang; ThS. Phạm Văn Trọng Tính - Cần Thơ - Sở khoa học và Công nghệ tỉnh An Giang, 2019; (Đề tài cấp Tỉnh/Thành phố)

Đánh giá thực trạng sản xuất, tiêu thụ và xây dựng mô hình cây ăn trái (CAT) đặc sản huyện Tịnh Biên phục vụ phát triển du lịch. Nghiên cứu ứng dụng nhiều cách tiếp cận khác nhau như phân tích chuỗi giá trị, mô hình sự lựa chọn để phân tích thị hiếu người tiêu dùng, phương pháp phân tích màng bao dữ liệu để xác định hiệu quả kỹ thuật và kinh tế trong sản xuất cùng với phân tích hiệu quả tài chính để lựa chọn những loại CAT có hiệu quả cao và đáp ứng nhu cầu thị trường để tiến hành xây dựng mô hình vườn CAT đặc sản cho huyện Tịnh Biên, An Giang. Số hồ sơ lưu: AGG-032-2021

83167.09-2022 **Nghiên cứu, tính toán, đánh giá các chỉ tiêu năng suất; Đo lường năng suất các yếu tố tổng hợp (TFP), đánh giá đóng góp của khoa học và công nghệ vào TFP của tỉnh giai đoạn 2011**

đến 2014/ Ths. Nguyễn Minh Hải, CN. Nguyễn Thị Xuân An; CN. Huỳnh Tấn Luật; CN. Huỳnh Ngọc Trân; KS. Nguyễn Nhật Thanh; Ths. Lê Thị Ngọc Hiếu; Ths. Nguyễn Thị Lê Hoa; PGS.TS. Tăng Văn Khiên; CN Trần Quang Tú - Long An - Chi cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng tỉnh Long An, 2018; 08/2015 - 09/2018. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Tính toán và lập báo cáo các chỉ số về năng suất của tỉnh Long An từ năm 2011 đến 2014 dựa vào khung lý luận chung về năng suất và số liệu thống kê của tỉnh, số liệu khảo sát một số doanh nghiệp theo ngành (dự kiến 03 ngành). Phân tích và đánh giá thực trạng năng suất (bao gồm năng suất lao động, năng suất vốn, năng suất các yếu tố tổng hợp) của tỉnh thông qua xác định vai trò của tăng năng suất lao động và TFP đối với tăng trưởng kinh tế của tỉnh cũng như đánh giá tác động của chuyển dịch cơ cấu kinh tế hay những yếu tố khác đến tăng năng suất lao động của tỉnh. Từ đó, xác định mục tiêu, đóng góp của khoa học và công nghệ trong tăng năng suất của tỉnh trong giai đoạn 2016-2020 tương ứng với mục tiêu tăng trưởng kinh tế và kiến nghị các giải pháp nhằm nâng cao năng suất của tỉnh trong giai đoạn 2016-2020.

Số hồ sơ lưu: LAN-002-2021

50299. Kinh tế học và kinh doanh khác

83133.09-2022 **Xây dựng, quản lý và phát triển chỉ dẫn địa lý tỏi Lý Sơn, tỉnh Quảng Ngãi./** ThS. Phạm Thị Hương, ThS. Phạm Thị Hương;

CN. Đặng Tấn Thành; ThS. Trần Thanh Thảo; ThS. Bùi Huy Hoàng; TS. Lê Xuân Thảo; CN. Nguyễn Hải Dương; ThS. Lê Thị Mai; Dương Thị Sinh - Quảng Ngãi - UBND huyện Lý Sơn, 2020; 12/2008 - 12/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Các căn cứ pháp lý được dự án soạn thảo và cấp có thẩm quyền (UBND huyện Lý Sơn) ban hành về quản lý, khai thác, sử dụng, kiểm soát chất lượng, canh tác và kinh doanh tỏi Lý Sơn mang CDDL là cơ sở góp phần hạn chế tối đa việc sản xuất, kinh doanh sản phẩm tỏi giả mạo thương hiệu tỏi Lý Sơn và bảo vệ tốt quyền lợi người tiêu dùng. Thông qua chuỗi giá trị và liên kết sẽ tác động đến việc ổn định sản xuất tỏi của người dân, tăng thu nhập cho người trồng và kinh doanh tỏi, góp phần thực hiện chính sách Tam nông (nông nghiệp, nông dân, nông thôn); thực hiện thắng lợi những chương trình mục tiêu quốc gia về Xây dựng nông thôn mới, Xóa đói giảm nghèo bền vững trên huyện đảo trong tương lai gần.

Số hồ sơ lưu: QNI-2021-004

50301. Khoa học giáo dục học nói chung, bao gồm cả đào tạo, sư phạm học, lý luận giáo dục,..

82593.09-2022 **Triết lý giáo dục Việt Nam - từ truyền thống đến hiện đại/** GS. TSKH. Trần Ngọc Thêm, ThS. Nguyễn Thị Thúy Vy; GS. TS. Tô Duy Hợp; PGS. TS. Đặng Quốc Bảo; PGS. TS. Nguyễn Hồng Thuận; GS. TS. Phạm Hồng Quang; GS. TS. Nguyễn Lộc; TS. Nguyễn Duy Mộng Hà; TS. Lê Văn

Tùng; TS. Nguyễn Thị Thanh Huyền - Hồ Chí Minh - Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn Thành phố Hồ Chí Minh, 2021; 11/2017 - 12/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Tổng kết được các nghiên cứu đã có ở trên thế giới và Việt Nam về triết lý giáo dục, xây dựng bộ máy khái niệm và bộ tiêu chí nhận diện làm cơ sở lý luận cho việc nghiên cứu và xây dựng triết lý giáo dục; Xác định, tổng kết triết lý giáo dục Việt Nam truyền thống và sự biến động của nó trong giai đoạn hiện tại, đánh giá được tác động của nó (mặt mạnh, mặt yếu) đối với giáo dục - đào tạo và xã hội; Đề xuất được mô hình triết lý giáo dục Việt Nam mới phục vụ việc quản lý vĩ mô cũng như làm nền tảng cho việc triển khai các hoạt động cụ thể trong từng giai đoạn; đề xuất và kiến nghị hệ thống các giải pháp, chính sách để tạo môi trường hiện thực hóa mô hình triết lý giáo dục, nhằm làm thay đổi nhận thức và hành động trong hoạt động giáo dục, quản lý giáo dục và phát triển giáo dục.

Số hồ sơ lưu: 19757

82747.09-2022 Nghiên cứu đề xuất các giải pháp nâng cao chất lượng nguồn nhân lực Việt Nam trong cơ chế thị trường/ PGS.TS.Nguyễn Thu Thủy, PGS. TS. Đào Thị Thu Giang; TS. Phương Tố Tâm; TS. Cảnh Chí Dũng; TS. Lê Đông Phương; TS. Đào Quang Vinh; TS. Cao Đình Kiên; ThS. Nguyễn Phương Chi; ThS.Lê Thị Ngọc Lan; PGS.TS.Lê Thị Thu Thủy; PGS.TS.Lê Thái Phong; PGS.TS. Đỗ Hương Lan; TS.Nguyễn Thúy

Anh; TS.Bùi Liên Hà; TS.Trần Thị Kim Anh; TS.Đặng Thị Huyền Hương; TS.Nguyễn Hồng Quân; TS.Võ Sỹ Mạnh; TS.Vũ Thị Hiền; TS.Phùng Mạnh Hùng; TS.Lương Thị Ngọc Oanh; ThS.Trần Tú Uyên; ThS.Lê Thị Hiền; ThS.Tăng Thị Thanh Thủy; ThS.Nguyễn Thị Hoa Hồng; ThS.Vũ Thị Kim Oanh; ThS.Đào Thị Thu Hà; ThS.Nguyễn Thị Tùng Lâm; CN.Trịnh Thị Bạch Mai; TS.Thân Thị Hạnh; ThS.Nguyễn Minh Phương; ThS.Hoàng Thu Phương - Hà Nội - Trường Đại học Ngoại thương, 2021; 11/2017 - 05/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Khảo sát, phân tích kinh nghiệm quốc tế trong việc nâng cao chất lượng nguồn nhân lực quốc gia. Đánh giá thực trạng về cơ cấu và trình độ của nguồn nhân lực Việt Nam, đặc biệt trong một số ngành và lĩnh vực quan trọng trong nền kinh tế bao gồm ngân hàng bảo hiểm, y tế được phẩm hóa chất, công nghệ thông tin, sản xuất công nghiệp, thủy sản và du lịch. Nghiên cứu yêu cầu về kiến thức và kỹ năng cụ thể cho nguồn nhân lực trong một số nhóm ngành và lĩnh vực tại Việt Nam bao gồm ngân hàng bảo hiểm, y tế được phẩm, hóa chất, công nghệ thông tin, sản xuất công nghiệp, thủy sản và du lịch. Đánh giá các nhân tố ảnh hưởng đến chất lượng nguồn nhân lực của Việt Nam từ 1986 đến nay.

Số hồ sơ lưu: 19847

83060.09-2022 Nghiên cứu biên soạn và tích hợp nội dung giáo dục địa phương cho học sinh các trường tiểu học và trung học cơ sở

tỉnh Hà Giang/ TS. Nguyễn Minh Nguyệt, - Hà Giang - Trường cao đẳng sư phạm Hà Giang, 2020; (Đề tài cấp Bộ)

Đánh giá thực trạng và xác định cơ sở khoa học, thực tiễn của vấn đề biên soạn và tích hợp nội dung giáo dục địa phương cho học sinh các trường Tiểu học và THCS tỉnh Hà Giang. Biên soạn và đề xuất biện pháp tích hợp nội dung giáo dục địa phương cho học sinh các trường Tiểu học và THCS tỉnh Hà Giang, với 11 cuốn tài liệu: 4 cuốn tài liệu giáo dục địa phương dành cho Tiểu học và 7 cuốn tài liệu giáo dục địa phương dành cho THCS.

Số hồ sơ lưu: HGG-002-2021

83085.09-2022 Nghiên cứu giải pháp nâng cao năng lực tiếng Anh đáp ứng nhu cầu hội nhập quốc tế cho đội ngũ cán bộ công chức cấp tỉnh và cấp huyện tỉnh Thanh Hóa/ TS. Trịnh Thị Thơm, - Thanh Hóa - Trường Đại học Hồng Đức, 2020; 12/2017 - 03/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Đánh giá được thực trạng sử dụng và nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng tiếng Anh cho đội ngũ cán bộ công chức cấp tỉnh và cấp huyện tỉnh Thanh Hóa. Xây dựng được hệ thống giải pháp nâng cao năng lực tiếng Anh cho đội ngũ cán bộ công chức cấp tỉnh và cấp huyện đáp ứng nhu cầu hội nhập quốc tế. Xây dựng thành công các mô hình bồi dưỡng nâng cao năng lực tiếng Anh cho đội ngũ cán bộ công chức cấp tỉnh và cấp huyện.

Số hồ sơ lưu: THA-013-2021

83160.09-2022 Hiệu quả đào tạo, bồi dưỡng cán bộ lãnh đạo, quản lý cấp cơ sở ở trường hình trị Tôn Đức Thắng - Thực trạng và giải pháp/ ThS.Võ Minh Hoàng, TS. Lê Thị Linh Giang; ThS. Trần Thị Lan Anh - An Giang - Trường Chính trị Tôn Đức Thắng, tỉnh An Giang, 2019; (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Đánh giá nguồn dược liệu trên các vùng đồi núi tỉnh An Giang đặc biệt khu Bảy Núi. Điều tra tri thức bản địa của người Khmer ở Bảy Núi sử dụng cây thuốc và bài thuốc. Danh lục dược liệu có chỉ dẫn địa lý trên vùng đồi núi tỉnh An Giang. Đề xuất các giải pháp bảo tồn nguồn dược liệu trên các vùng đồi núi tỉnh An Giang. Tái điều tra nguồn dược liệu trên các vùng đồi núi tỉnh An Giang đặc biệt khu Bảy Núi. Điều tra tri thức đồng bào KhMer ở vùng Bảy Núi. Xây dựng bộ tiêu bản cây thuốc hoàn chỉnh cho tỉnh, phục vụ cho việc bảo tồn, nghiên cứu, trao đổi trong và ngoài nước. Xây dựng danh lục cây thuốc với đầy đủ dữ liệu (tên khoa học, tên địa phương, công dụng), xây dựng bản đồ phân bố và bộ ảnh CD atlas cây thuốc. Đề xuất các giải pháp bảo tồn nguồn dược liệu trên các vùng đồi núi tỉnh.

Số hồ sơ lưu: AGG-027-2021

50399. Các vấn đề khoa học giáo dục khác

82365.09-2022 Nghiên cứu đề xuất các giải pháp phát triển bền vững các trường đại học ngoài công lập ở Việt Nam/ PGS. TS. Trần Quang Quý, PGS.TS. Đặng Bá Lãm; TS. Phan Trần Trung Dũng; TS. Đặng Văn Định; TS. Nguyễn Văn Ngự;

GS.TSKH. Đặng Ứng Vận; TS. Nguyễn Minh Tuấn; ThS. Nguyễn Xuân An; TS. Nguyễn Văn Hòa; PGS.TS. Phạm Thị Huyền - Hà Nội - Trường Đại học Hòa Bình, 2021; 11/2017 - 11/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Cơ sở khoa học của phát triển trường đại học ngoài công lập ở Việt Nam và tìm hiểu về các mô hình trường đại học ngoài công lập ở quốc tế. Nghiên cứu thực trạng giáo dục đại học ngoài công lập ở Việt Nam, đồng thời tìm hiểu về thời cơ, thách thức và các nhân tố ảnh hưởng tới sự phát triển bền vững của giáo dục đại học ngoài công lập ở Việt Nam trong thời gian tới. Qua đó, đưa ra các giải pháp, chính sách phát triển bền vững các trường đại học ngoài công lập Việt Nam và đánh giá tính cấp thiết, khả thi của các giải pháp, từ đó đề xuất các kiến nghị và lộ trình thực hiện các kiến nghị.

Số hồ sơ lưu: 19684

50401. Xã hội học nói chung

75721.09-2022 **Nghiên cứu hành vi phạm tội và vi phạm pháp luật trong thanh, thiếu niên ở tỉnh Quảng Ngãi/** TS. Trương Bình, TS. Trương Bình; ThS. Võ Văn Dương; CN. Huỳnh Thanh Tuyền; CN. Đặng Văn Nam; CN. Trần Quốc Huy; CN. Nguyễn Lê Văn Tiến; CN. Huỳnh Quang Cần; CN. Huỳnh Thị Bích Ngọc - Quảng Ngãi - Công an tỉnh Quảng Ngãi, 2019; 12/2016 - 12/2018. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Xuất phát từ tình hình thanh, thiếu niên phạm tội, VPPL hiện nay đã và đang rất đáng báo động, trở thành

vấn đề lo ngại của gia đình, nhà trường và xã hội, tội phạm và VPPL ở địa bàn tỉnh trong những năm gần đây diễn biến phức tạp chủ yếu là do đối tượng thanh, thiếu niên gây ra. Phòng ngừa tội phạm, VPPL trong thanh, thiếu niên là một trong những nhiệm vụ quan trọng, góp phần chăm sóc, bảo vệ và giáo dục thanh, thiếu niên, “bồi dưỡng thế hệ cách mạng cho đời sau”, nên việc triển khai Đề tài khoa học cấp tỉnh “*Nghiên cứu hành vi phạm tội và vi phạm pháp luật trong thanh, thiếu niên ở tỉnh Quảng Ngãi*” là cần thiết, có giá trị cả về lý luận và thực tiễn

Số hồ sơ lưu: QNI-2019-002

82843.09-2022 Truyền thông đại chúng đối với phát triển con người dựa trên quyền con người/

PGS.TS. Đặng Thị Thu Hương, PGS.TS. Nguyễn Thành Lợi; PGS.TS. Mai Quỳnh Nam; TS. Nguyễn Trọng Điệp; PGS.TS. Phạm Văn Linh; TS. Lâm Minh Châu; TS. Mai Đức Lộc; TS. Đặng Vũ Huân; TS. Trần Thị Hạnh; PGS.TS. Nguyễn Thị Thanh Huyền - Hà Nội - Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, 2021; 06/2018 - 08/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Lý luận về phát triển con người, quyền con người và truyền thông đại chúng trong mối quan hệ với phát triển con người dựa trên quyền con người. Báo chí Việt Nam với vấn đề giải phóng con người, bảo vệ an ninh con người, vấn đề cá nhân hóa và xã hội hóa nhân cách con người Việt Nam hiện nay. Báo chí với phát triển con người từ góc độ kinh tế - văn hóa - xã hội - môi trường. Các yếu tố

tác động tới truyền thông đại chúng đối với phát triển con người dựa trên quyền con người trong bối cảnh toàn cầu hóa và kinh tế thị trường. Khuyến nghị giải pháp nâng cao chất lượng truyền thông đại chúng đối với phát triển con người dựa trên quyền con người.

Số hồ sơ lưu: 19883

82924.09-2022 **An ninh sức khỏe: Một số vấn đề lý luận và thực tiễn ở Việt Nam/** TS. Đào Thị Minh Hương, ThS. Nguyễn Thị Nga; ThS. Nguyễn Thị Thu Thủy; CN. Lê Mạnh Hùng; ThS. Lưu Thị Lịch; TS. Nguyễn Ngọc Trung - Hà Nội - Viện Nghiên cứu Con người, 2021; 01/2019 - 06/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Lịch sử hình thành và nội hàm khái niệm an ninh sức khỏe. Cơ sở lý luận về an ninh sức khỏe theo hai cách tiếp cận an ninh sức khỏe như chiều cạnh của an ninh con người và an ninh sức khỏe như chiều cạnh của phát triển con người. Đánh giá thực trạng an ninh sức khỏe ở Việt Nam hiện nay. Tìm hiểu và phân tích yếu tố tác động đến an ninh sức khỏe ở Việt Nam và đề xuất định hướng chính sách và giải pháp bảo đảm an ninh sức khỏe ở Việt Nam.

Số hồ sơ lưu: 19902

83025.09-2022 **Nghiên cứu quy hoạch khu dân cư làng chài ven biển tỉnh Cà Mau đạt chuẩn nông thôn mới bền vững và ứng phó với biến đổi khí hậu/** ThS. Thái Quốc Hiền, ThS. Bùi Mạnh Duy; ThS. Nguyễn Hải Hà; ThS. Phạm Đức Hưng; ThS. Phan Đình Tuấn; ThS. Nguyễn Duy Ngọc; ThS. Vũ Tiến

Thu; KTS. Mã Hưng Minh; KTS. Trần Ngọc Chính - Hà Nội - Viện Thủy công, 2021; 01/2020 - 05/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Nghiên cứu quy hoạch và giải pháp khoa học công nghệ hạ tầng, thủy lợi để thực hiện quy hoạch khu dân cư làng chài ven biển tỉnh Cà Mau đạt chuẩn nông thôn mới bền vững và ứng phó với biến đổi khí hậu. Nghiên cứu đề xuất quy hoạch 3 khu dân cư làng chài ven biển tỉnh Cà Mau đạt chuẩn Nông thôn mới bền vững và ứng phó biến đổi khí hậu đảm bảo kết nối giao thông thủy bộ, văn minh, phù hợp tập quán ngư dân và điều kiện tự nhiên của khu vực nông thôn. Áp dụng các giải pháp khoa học công nghệ hạ tầng - thủy lợi để thực hiện quy hoạch khu dân cư làng chài ven biển tỉnh Cà Mau đạt chuẩn nông thôn mới bền vững và ứng phó biến đổi khí hậu. Đưa ra nghiên cứu về quy hoạch cho khu làng chài ven biển đạt chuẩn nông thôn mới; Lựa chọn các giải pháp khoa học công nghệ hợp lý.

Số hồ sơ lưu: 19928

50404. Dân tộc học

82369.09-2022 **Đồng tộc xuyên biên giới và tác động đến quản lý xã hội ở miền núi phía Bắc Việt Nam hiện nay/** TS. Nguyễn Thị Hà, TS. Nguyễn Thị Tuyết; PGS.TS. Hồ Trọng Hoài; TS. Phạm Thị Hoàng Hà; TS. Đậu Tuấn Nam; TS. Đặng Thị Hoa; PGS.TS. Đỗ Thị Thạch; PGS.TS. Bùi Xuân Đỉnh; TS. Vũ Thị Thanh Minh; CN. Nguyễn Thị Tuyết - Hà Nội - Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, 2020; 01/2019 - 12/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu lý luận và thực tiễn về quan hệ đồng tộc xuyên biên giới và tác động đến quản lý xã hội ở miền núi phía Bắc Việt Nam hiện nay, góp phần làm rõ các khái niệm công cụ, xây dựng khung lý thuyết, cơ sở thực tiễn về quan hệ đồng tộc xuyên biên giới. Đánh giá thực trạng quan hệ đồng tộc xuyên biên giới và những tác động của nó đến quản lý xã hội ở miền núi phía Bắc Việt Nam hiện nay. Qua đó, dự báo xu hướng, nêu quan điểm cơ bản và đề xuất giải pháp chủ yếu nhằm xử lý tốt quan hệ đồng tộc xuyên biên giới tác động đến quản lý xã hội ở vùng miền núi phía Bắc Việt Nam.

Số hồ sơ lưu: 19687

82469.09-2022 **Mạng lưới xã hội của tộc người Lô Lô và Nùng ở tỉnh Cao Bằng trong phát triển kinh tế, đảm bảo trật tự xã hội vùng biên giới/** TS. Lê Minh Anh, TS. Lê Thị Mùi PGS. TS. Vương Xuân Tình; TS. Lý Hành Sơn; ThS. Hoàng Thị Lê Thảo - Hà Nội - Viện Dân tộc học, 2021; 01/2019 - 04/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Làm rõ mạng lưới xã hội trong hoạt động kinh tế, đảm bảo trật tự xã hội của cư dân hai tộc người Lô Lô và Nùng ở vùng biên giới tỉnh Cao Bằng hiện nay. Trên cơ sở đó, đưa ra một số kiến nghị, giải pháp nâng cao vai trò của mạng lưới xã hội, nhất là mạng lưới của cá nhân và hộ gia đình trong phát triển kinh tế, đảm bảo trật tự xã hội vùng biên giới, đồng thời góp phần nhận diện mối quan hệ tộc người nội vùng, liên vùng và xuyên biên

giới quốc gia trong bối cảnh công nghiệp hóa, toàn cầu hóa.

Số hồ sơ lưu: 19720

50405. Xã hội học chuyên đề; Khoa học về giới và phụ nữ; Các vấn đề xã hội Nghiên cứu gia đình và xã hội; Công tác xã hội

82443.09-2022 **Nghiên cứu, đề xuất bộ tiêu chí đảm bảo sinh kế bền vững khi Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp từ đó đổi mới các hình thức bồi thường, hỗ trợ cho người dân/** TS. Lưu Văn Năng, ThS. Đào Thị Bạch Liên; TS. Đào Đức Mẫn; ThS. Nguyễn Tử Hoàng; ThS. Nguyễn Thị Hương; KS. Nguyễn Đình Chiêu; ThS. Nguyễn Thị Hồng Điệp; ThS. Nguyễn Đăng Khoa; TS. Phan Thị Thanh Huyền; ThS. Nguyễn Thiên Tĩnh - Hà Nội - Văn phòng Tổng cục Quản lý đất đai, 2021; 06/2018 - 06/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Xây dựng bộ tiêu chí đảm bảo sinh kế bền vững cho người dân khi nhà nước thu hồi đất nông nghiệp. Nghiên cứu cơ sở khoa học về tiêu chí đảm bảo sinh kế bền vững nhà nước thu hồi đất nông nghiệp và đổi mới hình thức bồi thường, hỗ trợ cho người dân. Nghiên cứu, đánh giá thực trạng các hoạt động và tạo lập sinh kế từ kinh phí bồi thường, hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất nông nghiệp. Đề xuất bộ tiêu chí đảm bảo sinh kế bền vững khi nhà nước thu hồi đất nông nghiệp và đổi mới hình thức bồi thường, hỗ trợ cho người dân.

Số hồ sơ lưu: 19710

82753.09-2022 **Bảo đảm quyền trẻ em trong các gia đình có bố, mẹ đi lao động nước ngoài (nghiên cứu tại tỉnh Bắc Giang)**/ TS. Phạm Thị Tính, TS. Nguyễn Vũ Quỳnh Anh; ThS. Phan Thanh Thanh; ThS. Nguyễn Thị Nga; TS. Trương Văn Dũng; CN. Đặng Thị Quỳnh Anh - Hà Nội - Viện Nghiên cứu Con người, 2021; 01/2019 - 06/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Làm rõ những vấn đề lý luận về quyền trẻ em, trách nhiệm của các chủ thể trong bảo đảm quyền trẻ em, vai trò của gia đình trong bảo đảm quyền trẻ em, những nhân tố ảnh hưởng đến việc bảo đảm quyền trẻ em trong các gia đình có bố mẹ đi lao động nước ngoài. Đánh giá thực trạng bảo đảm quyền trẻ em trong các gia đình có bố, mẹ đi lao động nước ngoài qua kết quả khảo sát thực tiễn. Đề xuất một số giải pháp góp phần bảo đảm quyền trẻ em trong các gia đình có bố, mẹ đi lao động nước ngoài ở Bắc Giang.

Số hồ sơ lưu: 19858

82844.09-2022 **Giải pháp phòng ngừa xâm hại tình dục trẻ em tại Việt Nam**/ TS. Quách Thị Quế, ThS. Trần Việt Dũng; CN. Đặng Hoa Nam; ThS. Nguyễn Thị Kim Hoa; GS.TS. Nguyễn Cảnh Toàn; TS. Lê Nhật Thành; ThS. Trần Hải Toàn; ThS. Đỗ Minh Hoài; ThS. Nguyễn Thị Vĩnh Hà; ThS. Đỗ Thị Thanh Huyền - Hà Nội - Viện Khoa học Lao động và Xã hội, 2021; 01/2019 - 06/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu cơ sở lý luận, thực tiễn về xâm hại tình dục trẻ em và các giải pháp phòng ngừa xâm hại tình

dục trẻ em. Tổng quan và phân tích thực trạng xâm hại tình dục trẻ em tại Việt Nam. Phân tích nguyên nhân và các yếu tố ảnh hưởng đến phòng ngừa xâm hại tình dục trẻ em tại Việt Nam. Đề xuất giải pháp hướng đến giảm thiểu xâm hại tình dục trẻ em và đưa ra khuyến nghị phòng ngừa xâm hại tình dục trẻ em ở Việt Nam.

Số hồ sơ lưu: 19881

82995.09-2022 **Nghiên cứu cơ sở khoa học để đề xuất chế độ ưu đãi nghề, chế độ phụ cấp đặc thù ngành tài nguyên và môi trường biển**/ ThS. Lê Xuân Tùng, Nguyễn Văn Cường; Phạm Ngọc Long; Bùi Đức Hiếu; Trần Văn Hùng; Bùi Thị Thủy; Nguyễn Văn Lương; Nguyễn Huy Hoàng; Nguyễn Thị Lan Hương; Mai Thị Hoa - Hà Nội - Viện Nghiên cứu biển và hải đảo, 2021; 07/2017 - 08/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu, đánh giá thực trạng và đề xuất chế độ ưu đãi nghề đặc thù cho một số đối tượng lao động thực thi nhiệm vụ trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường biển. Khái quát, các đặc điểm lao động, tính chất nghề nghiệp của người lao động trong ngành tài nguyên và môi trường biển, hải đảo. Đánh giá thực trạng chế độ phụ cấp hiện nay đối với người lao động trong ngành tài nguyên và môi trường biển, hải đảo. Đề xuất xây dựng chế độ phụ cấp đặc thù ngành cho một số đối tượng là người lao động thực thi nhiệm vụ trong lĩnh vực tài nguyên và môi trường biển, hải đảo.

Số hồ sơ lưu: 19921

50501. Luật học

82353.09-2022 **Nhân rộng áp dụng hệ thống quản lý ISO/IEC 17025:2005 cho các phòng thử nghiệm/hiệu chuẩn khu vực Tây Nguyên/** ThS. Nguyễn Phú Quốc, ThS. Đinh Tuấn; ThS. Doãn Duy Thiêm; ThS. Đỗ Bảo Long; ThS. Võ Văn Huy; ThS. Lê Ngọc; KS. Đỗ Tiên Lâm; KS. Nguyễn Việt Cường; KS. Hoàng Thị Thanh Tuyên; ThS. Đặng Thị Nguyệt Sương; KS. Nguyễn Duy Minh Thiệu; CN. Trần Việt Hoàn; KS. Hà Thị Thanh Tịnh; CN. Nguyễn Lam Giang; CN. Ngô Thị Kim Nhi; CN. Nguyễn Quốc Vương; CN. Trần Ngọc Viên - Đà Nẵng - Trung tâm kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng 4 (nay là Trung tâm kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng 2), 2020; 01/2018 - 09/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Điều tra, khảo sát ban đầu về thực trạng các phòng thử nghiệm (PTN) tại các tỉnh Tây Nguyên qua đó tổng hợp kết quả khảo sát, đánh giá thực trạng, phân loại theo lĩnh vực thử nghiệm/hiệu chuẩn. Tổ chức hội thảo phổ biến, hướng dẫn áp dụng ISO/IEC 17025 và lựa chọn các PTN đủ điều kiện để đào tạo, hướng dẫn xây dựng và áp dụng ISO/IEC 17025. Tiến hành đào tạo, hướng dẫn xây dựng, áp dụng và công nhận PTN phù hợp ISO/IEC 17025 đồng thời chia sẻ kinh nghiệm áp dụng thành công hệ thống quản lý ISO/IEC 17025.

Số hồ sơ lưu: 19682

82419.09-2022 **Nghiên cứu việc đàm phán và ký kết các Hiệp định song phương về bảo hiểm xã hội**

trong bối cảnh thực hiện Luật Bảo hiểm xã hội năm 2014 và hội nhập quốc tế/ CN. Cao Thị Thanh Thủy, ThS. Bùi Thanh Bình; CN. Đinh Thị Thu Hiền; CN. Phan Nhật Minh; ThS. Vũ Thị Việt Hải; CN. Trần Thanh Tùng; ThS. Đoàn Minh Hải; ThS. Nguyễn Lê Hằng; ThS. Hoàng Thị Thu Hằng - Hà Nội - Vụ Hợp tác quốc tế, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, 2020; 01/2020 - 12/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu cơ sở lý luận và thực tiễn về đàm phán và ký kết các hiệp định song phương về bảo hiểm xã hội trong bối cảnh thực hiện Luật Bảo hiểm xã hội 2014 và hội nhập quốc tế. Tiến hành rà soát hệ thống luật pháp hiện hành và thực trạng đàm phán, ký kết và triển khai các hiệp định song phương về bảo hiểm xã hội giữa Việt Nam và một số nước, phân tích những tồn tại, vướng mắc về khung pháp lý và tổ chức thực hiện. Qua đó, đề xuất giải pháp thúc đẩy hiệu quả việc đàm phán và ký kết các hiệp định song phương về bảo hiểm xã hội trong bối cảnh thực hiện Luật bảo hiểm xã hội 2014 và hội nhập quốc tế.

Số hồ sơ lưu: 19703

82442.09-2022 **Nghiên cứu xây dựng Chương trình chứng nhận chuyên gia năng suất đáp ứng chuẩn mực của Tổ chức Năng suất châu Á (APO)/** CN. Nguyễn Tuyết Trinh, ThS. Nguyễn Thu Hiền; CN. Đặng Thị Mai Phương; ThS. Nguyễn Thành Trung; KS. Hồ Vĩnh Lộc; ThS. Phan Thanh Sơn; CN. Nguyễn Thị Ngọc Ly; ThS. Nguyễn Thị Phương Nhung; ThS. Nguyễn Thanh

Hải; ThS. Nguyễn Thị Hạnh; CN. Mai Thùy Linh; CN. Nguyễn Phương Mai - Hà Nội - Viện Năng suất Việt Nam, 2020; 06/2020 - 12/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Phát triển tổ chức chứng nhận chuyên gia năng suất của Việt Nam được Tổ chức Năng suất châu Á (APO) công nhận, nhằm đào tạo, phát triển đội ngũ chuyên gia năng suất của Việt Nam đáp ứng nhu cầu hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất chất lượng trong bối cảnh hội nhập và cuộc cách mạng công nghiệp 4.0. Đề xuất được kế hoạch xây dựng, phát triển Tổ chức chứng nhận chuyên gia năng suất tại Việt Nam; Xây dựng được Chương trình chứng nhận chuyên gia năng suất đáp ứng chuẩn mực của APO, được APO công nhận; Tuyên truyền, quảng bá về Chương trình chứng nhận chuyên gia năng suất.

Số hồ sơ lưu: 19711

82498.09-2022 Giải pháp hạn chế rủi ro pháp lý trong tổ tụng hành chính tại cơ quan thuế/ ThS. Thành Xuân Lý, ThS. Nguyễn Kim Thái Linh; ThS. Nguyễn Thị Biên; ThS. Phạm Thanh Loan; CN. Nguyễn Thị Thúy Loan; ThS. Trương Huỳnh Thắng; TS. Nguyễn Quang Hưng; TS. Vũ Duy Nguyên; ThS. Nguyễn Bá Hưng; ThS. Trần Thị Kim Oanh - Hà Nội - Tổng cục Thuế, 2021; 01/2020 - 03/2021. (Đề tài cấp Bộ)
Hệ thống hóa lý thuyết tổng quan về rủi ro pháp lý trong tổ tụng hành chính của cơ quan thuế. Nhận diện rủi ro pháp lý trong tổ tụng hành chính của cơ quan thuế, công chức thuế khi tham gia tổ tụng hành

chính trong các vụ án hành chính về thuế với tư cách là bị đơn, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan hoặc là người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của đương sự. Tổng hợp kinh nghiệm về hoạt động tham gia tổ tụng hành chính về thuế, giải pháp hạn chế rủi ro pháp lý của cơ quan thuế các nước, từ đó rút ra những bài học kinh nghiệm tốt cho cơ quan thuế Việt Nam. Đánh giá thực trạng về rủi ro pháp lý trong tổ tụng hành chính của cơ quan thuế Việt Nam, luận giải những yếu tố dẫn đến rủi ro pháp lý trong tổ tụng hành chính của cơ quan thuế ảnh hưởng đến hiệu quả của hoạt động tham gia tổ tụng hành chính của cơ quan thuế. Đề xuất các giải pháp hạn chế các rủi ro pháp lý trong tổ tụng hành chính để nâng cao hiệu quả của hoạt động tham gia tổ tụng hành chính của cơ quan thuế Việt Nam.

Số hồ sơ lưu: 19731

82604.09-2022 Nghiên cứu cập nhật và hoàn thiện cơ sở khoa học để xác định đường ranh giới ngoài của thềm lục địa Việt Nam trên Biển Đông theo Công ước luật biển 1982 của Liên hợp quốc, góp phần đấu tranh bảo vệ chủ quyền biển đảo Việt Nam./ TS. Phùng Văn Phách, TS. Đỗ Huy Cường; PGS. TS. Nguyễn Như Trung; GS. TS. Bùi Công Quý; TS. Hoàng Ngọc Đàng; TS. Phạm Quý Ngọc; PGS. TS. Doãn Đình Lâm; PGS. TS. Hoàng Văn Long; TS. Hoàng Văn Vượng; ThS. Lê Đức Anh - Hà Nội - Viện Địa chất và Địa vật lý biển, 2021; 12/2016 - 04/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Xây dựng cơ sở dữ liệu địa chất và địa vật lý đảm bảo cập nhật, có độ tin cậy và chi tiết cao, đáp ứng yêu cầu quốc tế để xác định ranh giới ngoài của thềm lục địa Việt Nam trên Biển Đông. Lựa chọn phương án hợp lý, phù hợp quy định quốc tế để xác định vị trí đường ranh giới ngoài của thềm lục địa Việt Nam vượt ra ngoài đường giới hạn vùng đặc quyền kinh tế rộng 200 hải lý tính từ đường cơ sở. Kiến nghị sử dụng kết quả đề tài trong đấu tranh bảo vệ chủ quyền Việt Nam trên Biển Đông.

Số hồ sơ lưu: 19764

82651.09-2022 Hoàn thiện mô hình hệ thống giải quyết tranh chấp lao động tập thể trong bối cảnh Việt Nam tham gia các hiệp định thương mại thế hệ mới/ TS. Nguyễn Duy Phúc, CN. Hà Kiều Trang; ThS. Vi Thị Hồng Minh; TS. Nguyễn Văn Bình; ThS. Bùi Ngọc Mạnh; TS. Vũ Minh Tiến; ThS. Phạm Thị Chung; ThS. Nghiêm Thị Liên; CN. Ngô Hoàng; ThS. Bùi Quốc Anh - Hà Nội - Trung tâm Hỗ trợ Phát triển Quan hệ lao động, 2020; 01/2020 - 06/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu cơ sở lý luận và thực tiễn về mô hình hệ thống giải quyết tranh chấp lao động tập thể trong bối cảnh Việt Nam tham gia các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới. Thực trạng và những vấn đề phát sinh đối với hệ thống giải quyết tranh chấp lao động tập thể khi Việt Nam thực hiện cam kết quốc tế về quan hệ lao động. Đề xuất giải pháp hoàn thiện mô hình hệ thống giải

quyết tranh chấp lao động tập thể trong bối cảnh Việt Nam tham gia các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới.

Số hồ sơ lưu: 19816

83059.09-2022 Xây dựng nhãn hiệu chứng nhận “thảo quả hoàng su phi” cho sản phẩm thảo quả của huyện Hoàng Su Phì, tỉnh Hà Giang/ Lý Văn Hoài, - Hà Giang - Phòng Kinh tế Hạ tầng huyện Hoàng Su Phì, 2019; 11/2017 - 09/2019. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Xây dựng bộ hồ sơ đủ cơ sở khoa học và thực tiễn đăng ký NHCN “Thảo quả Hoàng Su Phì” dùng cho các sản phẩm thảo quả tươi và thảo quả khô của huyện Hoàng Su Phì; Xây dựng mô hình tổ chức quản lý và khai thác NHCN “Thảo quả Hoàng Su Phì” dùng cho các sản phẩm thảo quả tươi và thảo quả khô của huyện Hoàng Su Phì; Xây dựng hệ thống công cụ quản lý chất lượng sản phẩm, quản lý và khai thác NHCN “Thảo quả Hoàng Su Phì”: Mẫu nhãn hiệu và nhãn mác; Quy chế quản lý sử dụng NHCN, Quy trình cấp và thu hồi quyền sử dụng NHCN; Sổ tay quản lý và sử dụng nhãn hiệu; Quy trình kỹ thuật sản xuất thảo quả; Các phương tiện quảng bá sản phẩm (bao bì, tờ rơi, poster, biển hiệu, brochure, bài báo...).

Số hồ sơ lưu: HGG-001-2021

50602. Hành chính công và quản lý hành chính

82615.09-2022 Nghiên cứu cơ sở lý luận và thực tiễn nhằm xây dựng

bộ chỉ số đổi mới sinh thái (eco innovation index) hướng tới sản xuất và tiêu dùng bền vững cho Việt Nam/ ThS. Nguyễn Ngọc Tú, ThS. Nguyễn Thị Thu Hà; TS. Nguyễn Trung Thắng; ThS. Hoàng Hồng Hạnh; ThS. Dương Thị Phương Anh; ThS. Vũ Thị Thanh Nga; CN. Trần Quý Trung; ThS. Kiều Nguyễn Việt Hà; ThS. Nguyễn Hoàng Mai; ThS. Nguyễn Minh Phương - Hà Nội - Viện Chiến Lược, Chính Sách Tài Nguyên Và Môi Trường, 2021; 07/2018 - 06/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Xây dựng bộ chỉ số đổi mới sinh thái phù hợp cho Việt Nam. Xây dựng Hướng dẫn kỹ thuật đánh giá mức độ đổi mới sinh thái của các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương. Làm rõ cơ sở lý luận và kinh nghiệm quốc tế về bộ chỉ số đổi mới sinh thái. Đánh giá thực trạng hoạt động đổi mới sinh thái ở Việt Nam. Xây dựng và áp dụng thí điểm bộ chỉ số đổi mới sinh thái. Đã xây dựng tài liệu hướng dẫn kỹ thuật đánh giá mức độ đổi mới sinh thái của các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

Số hồ sơ lưu: 19762

82674.09-2022 Điều tra thực trạng sắp xếp, củng cố, kiện toàn tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị ở các địa phương theo tinh thần Nghị quyết 18 (khóa XII) và kiến nghị giải pháp/ PGS. TS. Nguyễn Thắng Lợi, PGS. TS. Lê Văn Lợi; PGS. TS. Vũ Hoàng Công; PGS. TS. Lâm Quốc Tuấn; TS. Trương Công Đắc; PGS. TS. Trịnh Hồng Hạnh; TS. Nguyễn Ngọc Anh; TS. Ngô Ngân Hà; TS. Đặng Kim Oanh; ThS.

Đào Thị Hoàn; TS. Trần Kiều Nga; ThS. Lê Thị Thu Huyền; ThS. Trần Tuyết Trinh; ThS. Lê Thu Trang; ThS. Nguyễn Thị Vân Anh; CN. Phạm Thị Huệ Anh; TS. Vũ Hoàng Anh; Nguyễn Văn Tùng; ThS. Nguyễn Thị Kim Thanh; TS. Thân Minh Quý; TS. Nguyễn Văn Sỹ - Hà Nội - Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, 2021; 01/2019 - 12/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Điều tra, khảo sát, đánh giá khách quan thực trạng sắp xếp, củng cố, kiện toàn tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị ở các địa phương theo tinh thần Nghị quyết 18-NQ/TW (khóa XII), chỉ ra những kết quả đạt được, những hạn chế, khuyết điểm, những bất cập nảy sinh và nguyên nhân của thành công, hạn chế. Đề xuất một số giải pháp, kiến nghị nhằm thực hiện tốt công tác sắp xếp, củng cố, kiện toàn tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị ở các địa phương trong thời kỳ mới.

Số hồ sơ lưu: 19836

82709.09-2022 Vai trò của cơ quan thanh tra trong điều kiện xây dựng chính phủ kiến tạo phát triển/ TS. Đinh Văn Minh, ThS. Phạm Thị Thu Hiền; CN. Trần Thị Tú Uyên; TS. Nguyễn Tuấn Khanh; TS. Phạm Thị Huệ; TS. Đinh Lương Minh Anh; ThS. Nguyễn Lê Việt; ThS. Nguyễn Sỹ Giao; ThS. Nguyễn Phương Vy; CN. Phạm Thị Đông; ThS. Đào Thị Thu Hà; ThS. Ngô Thu Trang; CN. Phạm Thị Thu Quý; CN. Vũ Thị Nhung - Hà Nội - Viện chiến lược và khoa học thanh tra, 2021; 03/2019 - 06/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Làm rõ một số vấn đề lý luận về Chính phủ kiến tạo phát triển và vai trò của cơ quan thanh tra trong việc xây dựng Chính phủ kiến tạo phát triển. Làm rõ thực trạng vai trò của cơ quan thanh tra trong xây dựng Chính phủ kiến tạo phát triển tại Việt Nam những năm qua. Tìm ra các giải pháp có hiệu quả để nâng cao vai trò của cơ quan thanh tra trong xây dựng Chính phủ kiến tạo, liêm chính và phục vụ tại Việt Nam trong thời gian tới.

Số hồ sơ lưu: 19848

83026.09-2022 **Phòng, chống tham nhũng, tiêu cực trong hoạt động thanh tra/** ThS. Ngô Mạnh Hùng, ThS. Lê Thị Thúy; TS. Nguyễn Tuấn Khanh; ThS. Nguyễn Sỹ Giao; TS. Nguyễn Thị Thu Nga; CN. Trần Thị Tú Uyên; ThS. Phạm Thị Thi; CN. Đỗ Thị Tú Anh; ThS. Hoàng Diệu Anh; ThS. Nguyễn Kim Hồng; CN. Vũ Quang Nguyên; ThS. Khúc Ngọc Tuấn; ThS. Nguyễn Xuân Việt - Hà Nội - Viện chiến lược và khoa học thanh tra, 2021; 03/2019 - 06/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Nghiên cứu, làm rõ nội hàm “hoạt động thanh tra”, tính chất, đặc điểm, các yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động thanh tra. Nhận diện các nguy cơ, biểu hiện của hành vi tham nhũng, hành vi tiêu cực trong hoạt động thanh tra và các yếu tố ảnh hưởng đến công tác phòng chống tham nhũng, tiêu cực trong hoạt động thanh tra. Đánh giá thực trạng quy định của pháp luật và thực tiễn công tác phòng chống tham nhũng, tiêu cực trong hoạt động thanh tra. Khái quát thực trạng tham nhũng, tiêu cực

trong hoạt động thanh tra và chỉ ra những ưu điểm, hạn chế, bất cập trong công tác nguyên nhân của những hạn chế, bất cập trong hoạt động thanh tra. Đề xuất quan điểm, giải pháp nguyên nhân của những hạn chế, bất cập trong hoạt động thanh tra.

Số hồ sơ lưu: 19935

83028.09-2022 **Nhiệm vụ, quyền hạn và hoạt động của cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập của người có chức vụ, quyền hạn/** TS. Cung Phi Hùng, TS. Lưu Bình Nhưỡng; ThS. Nguyễn Hồng Giang; TS. Hoàng Nam Hải; CN. Phan Thanh Minh; ThS. Lê Văn Đức; CN. Đậu Thị Hiền; CN. Trần Lan Hương; CN. Nguyễn Hữu Thắng; ThS. Lê Đức Trung - Hà Nội - Viện chiến lược và khoa học thanh tra, 2021; 11/2019 - 07/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Cơ sở lý luận về nhiệm vụ, quyền hạn và hoạt động của cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập. Đánh giá thực trạng pháp luật và hoạt động về cơ cấu tổ chức, nhiệm vụ, quyền hạn và hoạt động của cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập làm cơ sở đề xuất các giải pháp. Đề xuất các giải pháp hoàn thiện pháp luật của cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập và các giải pháp nâng cao hiệu quả hoạt động của cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập.

Số hồ sơ lưu: 19938

83049.09-2022 **Tổ chức và hoạt động thanh tra, kiểm tra trong các đơn vị sự nghiệp công lập/** TS. Trần Văn Long, TS. Nguyễn Văn Kim; TS. Tạ Thu Thủy; ThS.

Nguyễn Mạnh Cường; TS. Đinh Thị Hương Giang; ThS. Đỗ Xuân Quang; TS. Nguyễn Thị Thu Nga; CN. Nguyễn Đăng Hạnh; ThS. Nguyễn Hồng Thắm; ThS. Phạm Ngọc Hưng; CN. Đặng Thị Hải - Hà Nội - Viện chiến lược và khoa học thanh tra, 2020; 02/2019 - 06/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Phân tích, làm rõ những quy định hiện hành về tổ chức và hoạt động thanh tra, kiểm tra trong các đơn vị sự nghiệp công lập; Mô tả, phân tích và đánh giá thực trạng tổ chức và hoạt động thanh tra, kiểm tra trong một số đơn vị sự nghiệp công lập; từ đó, chỉ rõ những mặt đạt được, những tồn tại, hạn chế và nguyên nhân. Đưa ra định hướng, giải pháp, kiến nghị cụ thể cho việc hoàn thiện quy định và nâng cao hiệu quả về tổ chức, hoạt động thanh tra, kiểm tra trong các đơn vị sự nghiệp công lập; cung cấp cơ sở khoa học hoàn thiện các quy định về vấn đề này cho việc sửa đổi Luật Thanh tra 2010.

Số hồ sơ lưu: 19946

83054.09-2022 Nghiên cứu giải pháp nâng cao năng lực lãnh đạo, quản lý cho đội ngũ Trưởng, Phó phòng UBND cấp huyện trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa trong giai đoạn hiện nay/ TS. Lương Trọng Thanh, - Thanh Hóa - Trường Chính trị tỉnh Thanh Hóa, 2020; (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Nghiên cứu giải pháp nâng cao năng lực lãnh đạo, quản lý cho đội ngũ trưởng, phó phòng UBND cấp huyện trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa trong

giai đoạn hiện nay. Xây dựng khung năng lực lãnh đạo, quản lý gắn với vị trí của Trưởng, phó phòng UBND cấp huyện trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa. Đánh giá thực trạng về năng lực lãnh đạo, quản lý và nhu cầu bồi dưỡng nâng cao năng lực lãnh đạo, quản lý của trưởng, phó phòng UBND cấp huyện trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa trong giai đoạn hiện nay. Đề xuất giải pháp nâng cao năng lực lãnh đạo, quản lý của đội ngũ trưởng, phó phòng UBND cấp huyện trong thời gian tới. Xây dựng khung chương trình, tài liệu bồi dưỡng nâng cao năng lực lãnh đạo, quản lý cho đội ngũ trưởng, phó phòng UBND cấp huyện.

Số hồ sơ lưu: THA-006-2021

50701. Khoa học môi trường - các khía cạnh xã hội

79091.09-2022 Điều tra đánh giá hàm lượng một số kim loại nặng trong nước giếng tại 3 xã ven biển trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi/ CN. Võ Tín Dũng, CN. Võ Tín Dũng; KS. Nguyễn Tấn Thọ; ThS. Trần Thị Cẩm Vân; KS. Nguyễn Thị Kim Thoa; CN. Trương Hoàng Diệu Linh; CN. Huỳnh Thị Hà Mi - Quảng Ngãi - Trung tâm Ứng dụng và Dịch vụ khoa học công nghệ Quảng Ngãi, 2020; 12/2019 - 09/2020. (Đề tài cấp Cơ sở)

Đánh giá mức độ nhiễm các kim loại nặng (Fe, Mn, Cu, Zn, Cr, Pb, As, Cd, Hg) và tình hình sử dụng nước giếng của người dân tại 3 xã ven biển tỉnh Quảng Ngãi, từ đó đề xuất giải pháp can thiệp ban đầu nhằm giảm thiểu mức độ nhiễm kim loại nặng trong nước giếng và khuyến

cáo người dân sử dụng nguồn nước đảm bảo an toàn.

Số hồ sơ lưu: QNI-016-2020

50702. Địa lý kinh tế và văn hoá

82631.09-2022 **Nghiên cứu xây dựng mô hình tổ chức lãnh thổ liên vùng Tây Nguyên - Nam Trung Bộ theo lưu vực sông nhằm phát triển bền vững nông lâm nghiệp/** TS. Nguyễn Hữu Xuân, TS. Ngô Anh Tú; TS. Phan Thái Lê; PGS. TS. Lương Thị Vân; PGS. TS. Nguyễn An Thịnh; PGS. TS. Nguyễn Đình Hiền; TS. Đỗ Văn Thanh; PGS. TS. Nguyễn Hoàng Sơn; TS. Võ Ngọc Anh; TS. Nguyễn Mạnh Hà; TS. Nguyễn Thanh Phương; PGS. TS. Nguyễn Thị Thanh Hương; TS. Nguyễn Việt Cường; TS. Phan Thị Thanh Hằng; ThS. Nguyễn Thị Thuý - Hà Nội - Trường Đại học Quy Nhơn, 2021; 07/2018 - 03/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Đánh giá được hiện trạng tài nguyên thiên nhiên, môi trường - thiên tai, kinh tế xã hội và thực trạng các mô hình nông lâm ngư của 2 lưu vực sông Ba và Sông Côn; Xây dựng mô hình tổ chức lãnh thổ liên vùng Tây Nguyên - Nam Trung Bộ theo lưu vực sông gắn với ngành hàng nông sản.

Số hồ sơ lưu: 19796

82649.09-2022 **Luận cứ khoa học và giải pháp sử dụng hợp lý vùng ven biển phía Đông đồng bằng sông Cửu Long trong bối cảnh biến đổi khí hậu/** PGS. TS. Nguyễn Văn Lập, PGS. TS. Tạ Thị Kim Oanh; TS. Lưu Hồng Trường; TS.

Lê Bửu Thạch; TS. Vũ Ngọc Long; GS. TS. Nguyễn Khanh Vân; PGS. TS. Văn Phạm Đăng Trí; TS. Nguyễn Thọ; ThS. Nguyễn Thị Mộng Lan; TS. Liêu Kim Phượng - Hà Nội - Viện Địa lý tài nguyên Thành phố Hồ Chí Minh, 2021; 06/2019 - 11/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Nghiên cứu cơ sở lý luận cho sử dụng hợp lý vùng ven biển phía Đông ĐBSCL trong bối cảnh BĐKH. Phân tích các nguồn lực vùng ven biển phía Đông ĐBSCL phục vụ phát triển kinh tế-xã hội trong bối cảnh BĐKH. Đánh giá ảnh hưởng của BĐKH đến khai thác tài nguyên và sinh kế của người dân vùng ven biển phía Đông ĐBSCL. Nghiên cứu các giải pháp khai thác, sử dụng hợp lý vùng ven biển phía Đông ĐBSCL trong bối cảnh BĐKH. Nghiên cứu xây dựng mô hình khai thác, sử dụng hợp lý vùng ven biển phía Đông ĐBSCL thích ứng với BĐKH. Xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu và hệ thống bản đồ tổng hợp, chuyên đề vùng nghiên cứu.

Số hồ sơ lưu: 19824

82660.09-2022 **Nghiên cứu kinh nghiệm quốc tế và đề xuất hoàn thiện các công cụ quản lý tài nguyên và môi trường phù hợp với chủ trương của đảng và chính sách của nhà nước về đổi mới mô hình tăng trưởng và phát triển bền vững/** ThS. Phan Tuấn Hùng, ThS. Phan Quang; ThS. Nguyễn Hồng Quang; ThS. Nguyễn Quang Nam; ThS. Kiều Thị Kim Dung; ThS. Nguyễn Đức Hiếu; ThS. Nguyễn Thị

Hà; CN. Dương Hồng Nhung; CN. Nguyễn Thị Hiền; TS. Phùng Thị Phong Lan; ThS. Dương Thị Thanh Hà; CN. Nguyễn Thị Ngọc Lan; CN. Vũ Thị Diệp - Hà Nội - Văn phòng - Bộ Tài nguyên và Môi trường, 2021; 01/2018 - 06/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Làm rõ cơ sở khoa học và thực tiễn về các công cụ quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường; Đề xuất giải pháp hoàn thiện hệ thống công cụ quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường tại Việt Nam. Hoàn thiện hệ thống chính sách pháp luật về quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường phù hợp mô hình tăng trưởng xanh và phát triển bền vững; phát triển kinh tế, xã hội ổn định; thực hiện quan điểm của Đảng, Nhà nước về phát triển bền vững đất nước; Ngoài ra, sản phẩm của đề tài sẽ là tài liệu tham khảo hữu ích cho các cơ quan nhà nước, các trường Đại học, Viện nghiên cứu nhằm phục vụ nghiên cứu, giảng dạy và đào tạo.

Số hồ sơ lưu: 19828

82672.09-2022 Tăng cường liên kết kinh doanh để phát triển kinh tế tư nhân Việt Nam/ PGS. TS. Đào Thị Thu Giang, PGS. TS. Lê Thái Phong; PGS. TS. Nguyễn Thu Thủy; PGS. TS. Bùi Tất Thắng; TS. Cao Đình Kiên; TS. Nguyễn Thúy Anh; PGS. TS. Nguyễn Ngọc Sơn; PGS. TS. Võ Thị Thúy Anh; PGS. TS. Phan Thị Bích Nguyệt; PGS. TS. Nguyễn Thị Tường Anh - Hà Nội - Trường Đại học Ngoại thương, 2021; 06/2018 - 09/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Nghiên cứu những vấn đề lý luận về liên kết kinh doanh, đặc biệt là

những vấn đề mới trong liên kết kinh doanh giữa các doanh nghiệp, hộ kinh doanh (sau đây được gọi tắt là các doanh nghiệp) nhằm phát triển kinh tế tư nhân trong bối cảnh mới. Tổng quan kinh nghiệm thực tế phát triển liên kết kinh doanh nhằm phát triển kinh tế tư nhân tại một số quốc gia phát triển và rút ra bài học cho Việt Nam; Đánh giá thực trạng liên kết kinh doanh giữa các doanh nghiệp tại Việt Nam và tác động của chúng tới phát triển kinh tế tư nhân Việt Nam. Đề xuất quan điểm và giải pháp chính sách nhằm tăng cường liên kết kinh doanh để phát triển kinh tế tư nhân trong trong bối cảnh mới.

Số hồ sơ lưu: 19830

82748.09-2022 Nghiên cứu ứng dụng các giải pháp khoa học - công nghệ, quản lý để nâng cao năng lực và phát triển bền vững các cụm cảng Hải Phòng và Quảng Ninh/ TS. Trần Long Giang, TS. Nguyễn Thị Diễm Chi; PGS.TS. Đỗ Thị Mai Thơm; TS. Vũ Thị Kim Anh; ThS. Đoàn Thị Thu Huyền; ThS. Phạm Văn Ngọc; TS. Nguyễn Minh Đức; ThS. Vũ Kim Trang; ThS. Hoàng Thanh Thủy; TS. Nguyễn Phan Anh - Hải Phòng - Viện Nghiên cứu Khoa học và Công nghệ Hàng hải, 2021; 06/2019 - 04/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Xây dựng cơ sở lý luận về các yếu tố ảnh hưởng đến nâng cao năng lực và phát triển bền vững cảng biển. Đánh giá thực trạng và dự báo yêu cầu nâng cao năng lực, phát triển bền vững các cụm cảng Hải Phòng và Quảng Ninh. Đề xuất các giải pháp

khoa học, công nghệ tiên tiến phục vụ công tác xây dựng, quản lý, khai thác và bảo vệ môi trường các cụm cảng Hải Phòng và Quảng Ninh.

Số hồ sơ lưu: 19857

82754.09-2022 **Nghiên cứu đề xuất mô hình tổng hợp quản trị tài nguyên đất nông nghiệp bền vững, đảm bảo an ninh lương thực, phát triển nông sản hàng hóa cây công nghiệp vùng Tây Nguyên/** TS. Bùi Thị Ngọc Dung, PGS.TS. Vũ Năng Dũng; TS. Nguyễn Tuấn Anh; TS. Nguyễn Chí Trung; TS. Nguyễn Văn Thung; TS. Phạm S; TS. Nguyễn Đắc Nhân; TS. Hoàng Xuân Hòa; PGS.TS. Lê Thái Bạt; ThS. Phạm Minh Hạnh - Hà Nội - Viện quy hoạch và thiết kế nông nghiệp, 2021; 07/2018 - 03/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Nghiên cứu cơ sở lý luận, phương pháp luận về quản trị tài nguyên đất nông nghiệp bền vững, đảm bảo an ninh lương thực, phát triển nông sản hàng hóa cây công nghiệp vùng Tây Nguyên. Điều tra đánh giá tiềm năng, thực trạng quản trị tài nguyên đất nông nghiệp phục vụ sản xuất cây lương thực, nông sản và cây công nghiệp hàng hóa vùng Tây Nguyên. Đề xuất mô hình quản trị tổng hợp tài nguyên đất nông nghiệp bền vững vùng Tây Nguyên. Ứng dụng mô hình quản trị tổng hợp tài nguyên đất cho 2 mô hình sản xuất cây lương thực và cây công nghiệp hàng hóa. Đề xuất các giải pháp quản trị tổng hợp tài nguyên đất nông nghiệp bền vững cho vùng Tây Nguyên. Xây dựng cơ sở dữ liệu và hệ thống thông tin về quản trị tài

nguyên đất nông nghiệp bền vững vùng Tây Nguyên.

Số hồ sơ lưu: 19862

82911.09-2022 **Nghiên cứu mô hình sản xuất khép kín theo hướng hữu cơ một số sản phẩm nông nghiệp có thể mạnh tại vùng Bắc Trung Bộ./** PGS.TS. Lê Tất Khương, ThS. Nguyễn Văn Lam; KS. Nguyễn Tiến Duy; KS. Phạm Văn Ngân; ThS. Nguyễn Phương Tùng; ThS. Tạ Quang Tường; ThS. Lê Tất Khang; ThS. Lê Thành Phương; ThS. Lê Đức Thắng - Hà Nội - viện nghiên cứu và phát triển vùng, 2021; 01/2019 - 12/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Xác định 3 loại cây trồng, 2 loại vật nuôi có thể mạnh của vùng Bắc Trung Bộ phù hợp với chuỗi sản xuất khép kín theo hướng hữu cơ. Xây dựng và hoàn thiện 06 quy trình sản xuất theo hướng hữu cơ đối với từng đối tượng cây trồng, vật nuôi trong chuỗi khép kín. Xây dựng mô hình sản xuất khép kín theo hướng hữu cơ các sản phẩm bưởi, nghệ, thanh long, giun quế, bò, gà tại vùng Bắc Trung Bộ.

Số hồ sơ lưu: 19892

83045.09-2022 **Ứng dụng khoa học công nghệ để bảo tồn và phát triển làng nghề sản xuất thủ công mỹ nghệ từ tre, nứa Đỗ Xuyên, huyện Thanh Ba, tỉnh Phú Thọ gắn với xây dựng thương hiệu, tổ chức sản xuất, mở rộng thị trường trong nước và xuất khẩu./** CN. Đỗ Thành Linh, ThS. Nguyễn Mạnh Cường; ThS. Lưu Công Thắng; TS. Phạm Duy Đông; CN. Nguyễn Thu Hoài; CN. Đặng Ngọc Mai; CN. Trần Thu

Hương; CN. Đỗ Thị Mai Linh; Đỗ Thị Tuyết Minh; Nguyễn Thị Hoa; CN. Nguyễn Văn Thắng; TS. Đào Đức Huân; TS. Phạm Duy Khánh; KS. Nguyễn Văn Ba; ThS. Nguyễn Văn Tường; ThS. Phạm Thái Diễm My - Hà Nội - Công ty TNHH LV & Hòn Ngọc Viễn Đông, 2021; 12/2019 - 06/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Đánh giá hiện trạng sản xuất và xây dựng các phương án về bảo tồn, tổ chức sản xuất, đào tạo nghề cho sản phẩm tre nứa dòn Đỗ Xuyên. Xây dựng mô hình liên kết sản xuất giữa doanh nghiệp – Hợp tác xã và các hộ gia đình. Xây dựng nhãn hiệu tập thể cho làng nghề và tiêu chuẩn chứng nhận hệ thống quản lý môi trường ISO 14001:2015 cho doanh nghiệp. Cải tạo, hoàn thiện cơ sở hạ tầng hệ thống ao ngâm và xử lý nước thải đạt chuẩn nước thải ra môi trường. Hỗ trợ giới thiệu và phát triển thị trường cho sản phẩm tre, nứa dòn Đỗ Xuyên.

Số hồ sơ lưu: 19942

83062.09-2022 Nghiên cứu xây dựng các mô hình liên kết trong phát triển du lịch cộng đồng nhằm nâng cao thu nhập cho các hộ dân tại các huyện phía tây thuộc tỉnh Hà Giang/ PGS. TS. Đỗ Anh Tài, - Thái Nguyên - Trường Đại học Kinh tế và Kinh doanh, 2019; (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Xây dựng mô hình liên kết trong phát triển DLCD phù hợp với đặc điểm tự nhiên, dân tộc, văn hóa, lợi thế nhằm nâng cao thu nhập cho người dân các huyện phía Tây tỉnh Hà Giang; Triển khai mô hình thí

điểm tại xã Hồ Thầu, huyện Hoàng Su Phì tỉnh Hà Giang; Đề xuất các giải pháp phát triển DLCD bền vững tại các huyện phía tây tỉnh Hà Giang; Xây dựng chiến lược phát triển DLCD tại xã Hồ Thầu huyện Hoàng Su Phì và các huyện phía tây của tỉnh Hà Giang.

Số hồ sơ lưu: HGG-004-2021

50703. Nghiên cứu quy hoạch, phát triển đô thị

82678.09-2022 Sử dụng đất nông nghiệp ở một số nước châu Phi và hàm ý chính sách cho Việt Nam/ PGS. TS. Trần Thị Lan Hương, ThS. Nguyễn Phương Anh; PGS. TS. Nguyễn Thanh Hiền; TS. Kiều Thanh Nga; ThS. Phạm Kim Huế; TS. Đinh Công Hoàng; ThS. Trần Anh Đức; ThS. Vũ Li Na - Hà Nội - Viện Nghiên cứu Châu Phi và Trung Đông, 2021; 01/2019 - 06/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Mục tiêu quan trọng của việc sử dụng đất nông nghiệp là cải thiện chất lượng cuộc sống cho những người dân làm việc trong khu vực nông nghiệp, tạo ra cơ hội nghề nghiệp cũng như phát triển mặt bằng kinh tế xã hội tại khu vực có đất nông nghiệp. Mối liên hệ giữa sử dụng đất nông nghiệp và quá trình xóa đói giảm nghèo, phát triển kinh tế xã hội là mối quan hệ tỷ lệ thuận. Sự hiệu quả của hoạt động sử dụng đất nông nghiệp là tiền đề cho quá trình xóa đói giảm nghèo, phát triển kinh tế xã hội và ngược lại.

Số hồ sơ lưu: 19833

50704. Quy hoạch giao thông và các khía cạnh xã hội của giao thông vận tải

82422.09-2022 Nghiên cứu đề xuất các giải pháp tổ chức đảm bảo an toàn giao thông tại khu vực trường học/ ThS. Vũ Thu Hương, ThS. Lê Quang Huy; TS. Phạm Hoài Chung; ThS. Nguyễn Minh Ngọc; ThS. Phạm Anh Tuấn; ThS. Lê Thị Mai; Nguyễn Ngọc Huy - Hà Nội - Viện Chiến lược và Phát triển Giao thông vận tải, 2020; 01/2019 - 12/2019. (Đề tài cấp Bộ)

Khái quát cơ sở khoa học về đảm bảo an toàn giao thông tại khu vực trường học và tìm hiểu hiện trạng đảm bảo an toàn giao thông tại khu vực trường học. Đề xuất bộ tiêu chí đánh giá mức độ đảm bảo an toàn giao thông khu vực trường học và xây dựng phương pháp đánh giá bộ tiêu chí và áp dụng ánh giá mức độ đảm bảo an toàn giao thông tại khu vực trường học. Qua đó đề xuất các giải pháp tổ chức đảm bảo an toàn giao thông tại khu vực trường học.
Số hồ sơ lưu: 19699

82947.09-2022 Nghiên cứu và xây dựng cơ sở khoa học, dữ liệu lập vùng tìm kiếm cứu nạn trên tuyến vận tải ven biển Bắc Nam và vùng nội thủy Việt Nam/ ThS. Nguyễn Văn Tính, KS. Lưu Đức Tùng; KS. Nguyễn Quốc Thụy; KS. Bùi Tân Nguyên; KS. Đào Văn Hiên; ThS. Nguyễn Văn Cẩm; ThS. Lê Thanh Tùng; TS. Nguyễn Mạnh Cường; ThS. Phạm Công Đức - Hà Nội - Cục Hàng hải Việt Nam, 2021; 01/2020 - 03/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Tổng quan về hoạt động tìm kiếm cứu nạn trên tuyến vận tải ven biển Bắc Nam và vùng nội thủy Việt Nam giai đoạn 2014-2019. Nghiên cứu, tìm hiểu về các yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động tìm kiếm cứu nạn cũng như việc nghiên cứu, xây dựng cơ sở dữ liệu về nguồn lực tìm kiếm, cứu nạn trên tuyến vận tải ven biển Bắc Nam và vùng nội thủy Việt Nam. Qua đó, tiến hành xây dựng phần mềm dữ liệu lập vùng tìm kiếm cứu nạn trên nền hải đồ số cho tuyến vận tải ven biển Bắc Nam và vùng nội thủy Việt Nam.

Số hồ sơ lưu: 19911

6. Khoa học nhân văn**60101. Lịch sử Việt Nam**

82580.09-2022 **Sưu tầm, khai thác, xác minh tài liệu về đồng chí Lương Văn Tri/ PGS. TS. Trần Minh Trường, TS. Đinh Ngọc Quý; PGS. TS. Lý Việt Quang; PGS. TS. Đỗ Xuân Tuất; ThS. Trần Thị Nhuận; ThS. Nguyễn Thị Thu Trang; ThS. Hoàng Thị Thu Hà; TS. Phạm Văn Minh; TS. Lê Trung Kiên; TS. Nguyễn Thị Xuân; PGS. TS. Nguyễn Minh Đức; Nguyễn Trọng Sơn; ThS. Trần Thị Thu Huyền - Hà Nội - Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, 2021; 11/2020 - 06/2021. (Đề tài cấp Bộ)**

Cuộc đời hoạt động cách mạng phong phú và những đóng góp của đồng chí Lương Văn Tri đối với sự nghiệp cách mạng của Đảng và dân tộc Việt Nam, từ đó tham mưu đề xuất với Học viện đệ trình lên Bộ Chính trị, Ban Bí thư Trung ương Đảng xem xét, công nhận đồng chí

Lương Văn Tri là nhà lãnh đạo tiên bối tiêu biểu của Đảng và cách mạng Việt Nam. Sử dụng phương pháp luận của chủ nghĩa Mác-Lênin, các phương pháp chuyên ngành để sưu tầm, xác minh tài liệu, như: phương pháp phân tích, tổng hợp, thống kê, so sánh, logic, lịch sử, kết hợp logic với lịch sử, điền dã, phỏng vấn, gặp gỡ nhân chứng.

Số hồ sơ lưu: 19763

60202. Nghiên cứu ngôn ngữ Việt Nam

82996.09-2022 **Nghiên cứu vấn đề sử dụng ngôn ngữ ở vùng dân tộc thiểu số/** GS. TS. Nguyễn Văn Khang, TS. Phạm Văn Lam; TS. Nguyễn Thị Ly Na; PGS. TS. Hoàng Quốc; TS. Lê Thị Lâm; PGS. TS. Trần Thị Hồng Hạnh; TS. Phạm Hiền; TS. Nguyễn Tài Thái; TS. Nguyễn Thị Bích Hợp, TS. Nguyễn Hoàng Yến; TS. Lê Kính Thắng; TS. Phạm Thị Hà; PGS. TS. Võ Quang Hào; PGS. TS. Trương Thị Nhàn; ThS. Trần Hương Thục; TS. Nguyễn Thị Phương; ThS. Trần Thùy An; ThS. Nguyễn Thanh Tuấn - Hà Nội - Viện Ngôn Ngữ Học, 2021; 01/2018 - 06/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Làm rõ cơ sở lí luận và thực tiễn để nhận diện và giải quyết những vấn đề về sử dụng ngôn ngữ ở vùng dân tộc thiểu số hiện nay. Nhận diện cảnh huống đa ngữ và thực trạng sử dụng ngôn ngữ ở vùng dân tộc thiểu số ở Việt Nam hiện nay; phân tích tính hợp lí và bất hợp lí của tình trạng đó trong mối quan hệ với sự phát triển bền vững xã hội vùng dân tộc thiểu số trong bối cảnh nền kinh tế thị trường, quá trình đô thị hóa và

xu thế hội nhập quốc tế. Đề xuất những kiến nghị đối với Đảng và Nhà nước về chủ trương, chính sách để điều chỉnh việc sử dụng ngôn ngữ ở vùng dân tộc thiểu số trong xu thế hội nhập quốc tế.

Số hồ sơ lưu: 19918

60204. Lý luận văn học; Nghiên cứu văn học nói chung

82368.09-2022 **Cổ mẫu trong folklore và văn học: Nghiên cứu qua truyện kể dân gian và truyện tự sự thời trung đại Việt Nam/** PGS. TS. Nguyễn Thị Kim Ngân, TS. Lê Thị Diễm Hằng; TS. Lê Văn Trung; TS. Nguyễn Văn Hùng; PGS. TS. Thái Phan Vàng Anh - Thừa Thiên - Huế - Trường Đại học Sư phạm - Đại học Huế, 2020; 06/2018 - 07/2020. (Đề tài cấp Quốc gia)

Xây dựng tổng quan lịch sử, quá trình hình thành, những khuynh hướng nghiên cứu cùng các nhà khoa học tiêu biểu trong lĩnh vực phê bình huyền thoại và nhánh phê bình cổ mẫu trên thế giới hiện nay. Trên cơ sở lý thuyết và phương pháp nghiên cứu nền tảng đặt ra này, đề tài trình bày kết quả khảo sát hệ thống cổ mẫu điển hình trong tự sự dân gian và tự sự trung đại và trình bày kết quả nghiên cứu các trường hợp cổ mẫu điển hình trong lịch sử văn hóa và văn học Việt Nam. Từ đó, những hằng số và biến số của nền văn hóa, xã hội, lịch sử Việt Nam truyền thống đã được trình bày và kiến giải sâu hơn qua các nghiên cứu trường hợp điển hình.

Số hồ sơ lưu: 19686

60207. Lý luận văn hoá; Nghiên cứu văn hoá nói chung

82949.09-2022 Nghiên cứu đề xuất các giải pháp phát huy tổng hợp các giá trị văn hóa truyền thống và phát triển các giá trị văn hóa mới trong xây dựng nông thôn mới bền vững/ TS. Lê Thị Hiền, PGS.TS. Nguyễn Thị Kim Dung; PGS.TS. Trần Minh Trường; PGS.TS. Mai Quỳnh Nam; PGS.TS. Phạm Duy Đức; PGS.TS. Lý Việt Quang; PGS.TS. Bùi Đình Phong; TS. Nguyễn Thị Thu Trang; TS. Trương Văn Dũng; TS. Nguyễn Đình Tuấn; PGS.TS. Trần Trọng Thơ; PGS.TS. Trần Thị Minh Tuyết; PGS.TS. Nguyễn Toàn Thắng; PGS.TS. Phạm Hồng Chương; TS. Nguyễn Ngọc Trung; ThS. Nguyễn Thị Kim Oanh; TS. Nguyễn Ngọc Tuấn; ThS. Đào Tuấn Anh; PGS.TS. Đỗ Xuân Tuất; ThS. Trần Thị Nhuận; PGS.TS. Nguyễn Xuân Trung; TS. Đinh Ngọc Quý; TS. Nguyễn Thị Lương Uyên; TS. Lê Thị Thu Hồng; TS. Phạm Thị Giang; TS. Trần Thị Huyền; TS. Trần Thị Hợi; TS. Lê Thị Hằng; ThS. Nguyễn Tuyết Hạnh; TS. Ngô Xuân Dương; ThS. Nguyễn Thị Thu Thủy - Hà Nội - Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, 2021; 01/2019 - 05/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Cơ sở lý luận và thực tiễn về phát huy tổng hợp các giá trị văn hóa truyền thống và phát triển các giá trị văn hóa mới trong xây dựng nông thôn mới bền vững. Tìm hiểu thực trạng phát huy tổng hợp các giá trị văn hóa truyền thống và phát triển các giá trị văn hóa mới trong xây dựng nông thôn mới bền vững. Từ

những vấn đề đặt ra, dự báo xu thế biến đổi văn hóa, phương hướng và giải pháp phát huy tổng hợp các giá trị văn hóa truyền thống và phát triển các giá trị văn hóa mới trong xây dựng nông thôn mới bền vững.

Số hồ sơ lưu: 19908

60208. Nghiên cứu văn hóa Việt Nam, văn hoá các dân tộc ít người Việt Nam

82950.09-2022 Nghiên cứu, chỉnh lý, bảo quản, xây dựng hồ sơ khoa học và phát huy giá trị lịch sử, văn hóa di tích, di vật địa điểm đường hầm và bãi xe ngầm tại 36 Điện Biên Phủ năm 2020/ PGS. TS. Bùi Văn Liêm, PGS. TS. Tống Trung Tín; TS. Nguyễn Văn Đoàn; TS. Phạm Văn Triệu; PGS. TS. Hoàng Văn Khoán; TS. Trần Anh Dũng; TS. Ngô Thị Lan; TS. Hoàng Thúy Quỳnh, TS. Nguyễn Đình Chiến, TS. Nguyễn Văn Anh; ThS. Mai Thùy Linh; ThS. Nguyễn Anh Tuấn; ThS. Nguyễn Đức Bình; ThS. Nguyễn Thị Lan Hương; ThS. Thân Thị Hằng; CN. Lưu Văn Hùng; CN. Ngô Thị Nhung; CN. Bùi Văn Sơn; ThS. Thân Văn Tiệp; ThS. Nguyễn Văn Mạnh; Nguyễn Đăng Cường; Nguyễn Hữu Thiêt; ThS. Quách Thị Sớm; ThS. Lê Quốc Vụ; ThS. Đặng Ngọc Đức; ThS. Nguyễn Thị Thanh Hiếu - Hà Nội - Viện Khảo cổ học, 2021; 01/2020 - 04/2021. (Đề tài cấp Bộ)

Làm rõ thêm các di tích, di vật của khu di tích Hoàng thành Thăng Long thông qua đó làm rõ thêm các giá trị của di sản Thế giới Hoàng thành Thăng Long. Di dời toàn bộ các di tích, di vật đã xuất lộ về kho tạm của

Trung tâm Bảo tồn Di sản Thăng Long - Hà Nội để chờ Dự án chỉnh lý và trao trả toàn bộ diện tích khai quật cho Bộ Xây dựng để phục vụ việc dựng bãi xe ngầm nhà quốc hội.
Số hồ sơ lưu: 19913

83084.09-2022 **Nghiên cứu giải pháp bảo tồn, phát huy giá trị lịch sử - văn hóa của đình làng ở Thanh Hóa trong giai đoạn hiện nay/** TS. Lê Thị Thảo, - Thanh Hóa - Trường Đại học Văn hóa, Thể thao và Du lịch Thanh Hóa, 2019; (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Đánh giá được thực trạng về bảo tồn, phát huy giá trị của đình làng ở Thanh Hóa; Đề xuất được giải pháp bảo tồn, phát huy giá trị đình làng ở Thanh Hóa trong giai đoạn hiện nay. đưa ra những luận giải khoa học về cơ sở hình thành, đặc điểm hệ đình làng ở Thanh Hóa. Đưa ra những phân tích, nhận định khoa học mới hoặc bổ sung hoàn thiện các nhận định đã có về giá trị độc đáo của đình làng ở Thanh Hóa. Xây dựng cơ sở dữ liệu mang tính tổng thể, đầy đủ về đình làng tại Thanh Hóa; trong đó có phân loại, phân tích, so sánh, đánh giá theo nhóm, đồng thời cũng làm rõ những đặc điểm riêng của từng đình làng. Cung cấp các dữ liệu, luận cứ và quan điểm khoa học trong việc bảo tồn, phát huy giá trị lịch sử - văn hóa của đình làng ở Thanh Hóa.

Số hồ sơ lưu: THA-020-2021

60209. Các nghiên cứu văn hóa từng dân tộc, từng nước, khu vực khác

83156.09-2022 **Đánh giá thực trạng và đề xuất mục tiêu, giải pháp bảo tồn phát huy di sản văn hóa Óc Eo – Ba Thê thành trọng điểm du lịch/** ThS. Nguyễn Thuận Thảo, Ths. Nguyễn Hữu Giêng; Ths. Nguyễn Thuận Thảo; CN. Lê Thị Hậu; CN. Phạm Văn Tùng; CN. Nguyễn Tấn Nghiệp - An Giang - BAN QUẢN LÝ DI TÍCH VĂN HÓA ÓC EO, 2018; (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành phố)

Nghiên cứu làm sáng tỏ những vấn đề chung về lịch sử nước Phù Nam; Khảo sát, đánh giá kết quả đạt được, hạn chế, nguyên nhân, thực trạng của di sản văn hoá Óc Eo - Ba Thê và sự vận dụng để phát triển du lịch trong giai đoạn 2010 - 2015; Xác định được cơ sở lý luận và thực tiễn của mục tiêu, định hướng, giải pháp và những kiến nghị trong phát huy giá trị di tích quốc gia đặc biệt Óc Eo - Ba Thê thành trọng điểm du lịch của tỉnh An Giang giai đoạn 2015 - 2025.

Số hồ sơ lưu: AGG-029-2021

60302. Lịch sử và triết học của khoa học và công nghệ

82472.09-2022 **Nghiên cứu đề xuất giải pháp xây dựng chương trình khoa học và công nghệ cấp quốc gia giai đoạn 2021-2030/** ThS. Nguyễn Lan Anh, ThS. Hà Công Hải; ThS. Cao Thị Thu Anh; ThS. Nguyễn Thị Minh Hạnh; CN. Nguyễn Hương Giang; ThS. Đặng Thu Giang; ThS. Nguyễn Quỳnh Anh; CN. Hoàng Lan Chi; ThS. Tạ

Doãn Hải; ThS. Phạm Thị Thu Hằng - Hà Nội - Viện Chiến lược và Chính sách khoa học và công nghệ, 2020; 06/2019 - 08/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Cung cấp luận cứ khoa học để đề xuất một số giải pháp xây dựng chương trình KH&CN cấp quốc gia ở Việt Nam giai đoạn 2021-2030. Tổng quan lý luận về xây dựng chương trình KH&CN cấp quốc gia và kinh nghiệm một số nước về xây dựng chương trình KH&CN cấp quốc gia; thực trạng xây dựng các chương trình KH&CN cấp quốc gia hiện nay ở Việt Nam; đề xuất giải pháp xây dựng chương trình KH&CN cấp quốc gia ở Việt Nam giai đoạn 2021-2030.

Số hồ sơ lưu: 19721

82630.09-2022 **Nghiên cứu hệ thống Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo (STI) của một số quốc gia và đề xuất giải pháp cải thiện hệ thống STI của Việt Nam giai đoạn 2021-2030/** ThS. Cao Thị Thu Anh, ThS. Nguyễn Lan Anh; ThS. Chu Thị Thu Hà; ThS. Hà Công Hải; ThS. Phan Xuân Linh; CN. Nguyễn Hữu Thăng; ThS. Tạ Doãn Hải; ThS. Nguyễn Thị Thu Hương; CN. Phạm Thị Thắm; CN. Nguyễn Hương Giang - Hà Nội - Viện Chiến lược và Chính sách khoa học và công nghệ, 2020; 06/2019 - 05/2020. (Đề tài cấp Bộ)

Phân tích hệ thống STI của một số quốc gia trong khu vực và quốc tế; Phân tích thực trạng hệ thống STI của Việt Nam; Tổng kết về hệ thống STI của một số nước trên thế giới, đánh giá về hệ thống STI của Việt

Nam trên cơ sở cách tiếp cận về hệ thống đổi mới sáng tạo quốc gia để từ đó đề xuất một số kiến nghị nhằm phát triển hệ thống STI của Việt Nam. Đề xuất giải pháp cải thiện hệ thống STI của Việt Nam giai đoạn 2021-2030.

Số hồ sơ lưu: 19811

60305. Nghiên cứu tôn giáo

82470.09-2022 **Xây dựng mối quan hệ giữa chính quyền địa phương và tôn giáo nhằm đảm bảo ổn định và đồng thuận xã hội/** TS. Trần Thị Hồng Yến, TS. Trịnh Thị Lan; GS. TS. Đỗ Quang Hưng; PGS. TS. Vương Xuân Tình; PGS. TS. Trần Thị Kim Oanh; ThS. Lê Thị Liên; TS. Lý Hành Sơn; TS. Trần Thị Mai Lan; TS. Lê Thị Mùi; TS. Lê Minh Anh - Hà Nội - Viện Dân tộc học, 2021; 06/2018 - 02/2021. (Đề tài cấp Quốc gia)

Bản chất của mối quan hệ giữa Nhà nước và tôn giáo nói chung, chính quyền địa phương và các tổ chức tôn giáo nói riêng. Nhận diện, phân tích thực trạng mối quan hệ giữa chính quyền địa phương và các tổ chức tôn giáo tại một số tỉnh đã từng là điểm nóng; đánh giá kết quả đạt được, hạn chế, nguyên nhân, bài học kinh nghiệm và vấn đề đặt ra trong thời gian tới. Làm rõ các yếu tố tác động đến mối quan hệ giữa Nhà nước và tôn giáo nói chung, chính quyền địa phương và các tổ chức tôn giáo nói riêng hiện nay. Đề xuất quan điểm, giải pháp, kiến nghị nhằm củng cố, hoàn thiện, phát huy những mặt tích cực trong mối quan hệ giữa chính quyền địa phương và các tổ chức tôn

giáo, đồng thời hạn chế những mặt
bất cập.

Số hồ sơ lưu: 19719

**82088. 09-2022 Tục “Kết Chạ” của
người Việt vùng nông thôn ngoại
thành Hà Nội trong xã hội đương
đại/ PGS.TS. Nguyễn Ngọc Hà,
PGS.TS. Vũ Thị Phương Hậu; TS.
Nguyễn Thị Thanh Huyền; PGS.TS.
Vũ Văn Quân; PGS.TS. Nguyễn Phú
Lợi; TS. Nguyễn Duy Hạnh; TS.
Nguyễn Thị Mai; TS. Trần Tuấn
Sơn; TS. Mai Thúc Hiệp; TS.
Nguyễn Thúy Quỳnh - hà nội - Viện**

Lịch sử Đảng, 2020; 08/2018 -
09/2020. (Đề tài cấp Tỉnh/ Thành
phố)

Cơ sở lý luận về tục “Kết chạ”; Tục
“Kết chạ” người Việt ở nông thôn
ngoại thành Hà Nội; Giá trị tục kết
chạ đối với sự phát triển văn hóa,
con người Hà Nội hiện nay; Phương
hướng và giải pháp phát huy giá trị
tục kết chạ của người Việt ở nông
thôn ngoại thành Hà Nội hiện nay.

Số hồ sơ lưu: HNI-2020-70/ĐK-
TTTT&TK

Phu lục: THỦ TỤC ĐĂNG KÝ KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ KH&CN

1. Tên thủ tục hành chính: Thủ tục đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đặc biệt, nhiệm khoa học và công nghệ cấp quốc gia, cấp bộ, cấp cơ sở sử dụng ngân sách nhà nước thuộc phạm vi quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ và nhiệm vụ khoa học và công nghệ do các quỹ của Nhà nước trong lĩnh vực khoa học và công nghệ cấp Trung ương, cấp bộ tài trợ.

2. Trình tự thực hiện:

- Bước 1:

+ *Đối với kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ không có nhu cầu đăng ký bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp hoặc đã đăng ký bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp trước khi nghiệm thu chính thức*

Trong thời hạn 30 ngày kể từ khi nhiệm vụ khoa học và công nghệ được nghiệm thu chính thức, tổ chức, cá nhân chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ đặc biệt, cấp quốc gia, cấp bộ, nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở sử dụng ngân sách nhà nước thuộc phạm vi quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ và nhiệm vụ khoa học và công nghệ do các quỹ của Nhà nước trong lĩnh vực khoa học và công nghệ cấp Trung ương, cấp bộ tài trợ phải thực hiện đăng ký và giao nộp kết quả thực hiện nhiệm vụ tại Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ.

+ *Đối với kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đăng ký bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp sau khi nghiệm thu chính thức*

Trong thời gian 05 ngày làm việc kể từ khi nộp đơn đăng ký bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp, nhưng không muộn hơn 60 ngày kể từ ngày được nghiệm thu chính thức, tổ chức, cá nhân chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ đặc biệt, cấp quốc gia, cấp bộ, nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở thuộc phạm vi quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước, nhiệm vụ khoa học và công nghệ do các quỹ của Nhà nước trong lĩnh vực khoa học và công nghệ cấp Trung ương, cấp bộ tài trợ phải thực hiện đăng ký và giao nộp kết quả thực hiện nhiệm vụ tại Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ.

- Bước 2:

Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia có trách nhiệm kiểm tra, xác nhận tính đầy đủ và hợp lệ của hồ sơ và ghi vào giấy biên nhận hồ sơ đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ. Trường hợp hồ sơ không đầy đủ, hợp lệ, trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ, Cục

Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia có trách nhiệm thông báo bằng văn bản tới tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ yêu cầu bổ sung. Trong thời hạn 04 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia có trách nhiệm cấp 01 Giấy chứng nhận đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cho tổ chức chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

3. Cách thức thực hiện:

- Đăng ký trực tuyến tại một trong các trang dịch vụ công của Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia: <https://dichvucong.vista.gov.vn>, hoặc trang dịch vụ công của Bộ Khoa học và Công nghệ <https://dichvucong.most.gov.vn>, hoặc trang dịch vụ công quốc gia của Chính phủ <https://dichvucong.gov.vn>.

- Nộp trực tiếp để được hướng dẫn thực hiện thủ tục hành chính tại Bộ phận Một cửa, Phòng Quản lý Thông tin, Thống kê KH&CN, Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia;

- Gửi bảo đảm theo đường bưu chính về Bộ phận Một cửa, Phòng Quản lý Thông tin, Thống kê KH&CN, Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia. Khi nhận được hồ sơ, Bộ phận Một cửa sẽ liên hệ để hướng dẫn tổ chức/cá nhân thực hiện thủ tục hành chính.

4. Thành phần, số lượng hồ sơ: 01 bộ/01 nhiệm vụ

- 01 phiếu đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước.

- 01 quyển báo cáo tổng hợp kết quả thực hiện nhiệm vụ đóng bìa mạ chữ vàng, gáy in tên chủ nhiệm vụ và tổ chức chủ trì nhiệm vụ, trang bìa lót bên trong có chữ ký của chủ nhiệm vụ và dấu xác nhận của tổ chức chủ trì nhiệm vụ về việc đã hoàn thiện kết quả thực hiện nhiệm vụ sau khi nghiệm thu chính thức.

- 01 bản điện tử báo cáo tổng hợp kết quả thực hiện nhiệm vụ; 01 bản điện tử báo cáo tóm tắt kết quả thực hiện nhiệm vụ; 01 bản điện tử phụ lục tổng hợp số liệu điều tra, khảo sát, bản đồ, bản vẽ, ảnh, sách chuyên khảo, bài tạp chí... tài liệu đa phương tiện, phần mềm (nếu có). Bản điện tử phải sử dụng định dạng Portable Document (.pdf) và phải sử dụng phông chữ tiếng Việt Unicode (Time New Roman) theo tiêu chuẩn Việt Nam (TCVN 6909:2001), bản điện tử phải thể hiện đúng với bản giấy, được ghi trên đĩa quang và không được đặt mật khẩu.

- 01 biên bản họp hội đồng nghiệm thu chính thức kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ (bản sao);

- 01 văn bản xác nhận về sự thỏa thuận của các tác giả về việc xếp thứ tự tên trong danh sách tác giả thực hiện nhiệm vụ (nếu có).
- 01 văn bản minh chứng việc đăng ký bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp (nếu có) kèm theo bản chính để đối chiếu khi giao nộp.
- 01 phiếu mô tả công nghệ (theo mẫu) đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ mà sản phẩm bao gồm quy trình công nghệ.

5. Thời hạn giải quyết: 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

6. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

7. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia.

8. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy chứng nhận đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

9. Lệ phí: Không.

10. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Phiếu đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước.
- Phiếu mô tả công nghệ.
- Giấy biên nhận hồ sơ đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

11. Yêu cầu điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không

12. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Luật khoa học và công nghệ ngày 18/6/2013.
- Nghị định số 11/2014/NĐ-CP ngày 18/2/2014 của Chính phủ về hoạt động thông tin khoa học và công nghệ.
- Thông tư số 14/2014/TT-BKHHCN ngày 11/6/2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ Quy định về việc thu thập, đăng ký, lưu giữ và công bố thông tin về nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

13. Thời gian và địa chỉ tiếp nhận hồ sơ:

Thời gian: Các ngày làm việc trong tuần (trừ ngày Lễ, Tết)

Sáng: từ 8h30 đến 11h30

Chiều: từ 13h30 đến 16h30

Địa chỉ: Bộ phận Một cửa - Phòng Quản lý Thông tin, Thống kê khoa học và công nghệ, Cục Thông tin khoa học và công nghệ quốc gia.

Phòng 308 (tầng 3), 24 Lý Thường Kiệt, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại: 024.39349116; Fax: 024.39349127.

Email: quanly@vista.gov.vn

** Mọi ý kiến phản ánh, kiến nghị của tổ chức, cá nhân liên quan đến thủ tục đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ gửi về địa chỉ: Bộ phận Kiểm soát thủ tục hành chính, Phòng 207b, tầng 2, 24 Lý Thường Kiệt, Hoàn Kiếm, Hà Nội, điện thoại: 04.39349119*